

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Văn Thắng

CHÍNH SÁCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG
CỦA ẤN ĐỘ (2014 - 2020)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Văn Thăng

**CHÍNH SÁCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG
CỦA ÁN ĐỘ (2014 - 2020)**

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 9310601.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GS.TS. Hoàng Khắc Nam

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO QUYẾT NGHỊ
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Chủ tịch hội đồng đánh giá
Luận án Tiến sĩ

Người hướng dẫn khoa học

GS.TS. Nguyễn Văn Kim

GS.TS. Hoàng Khắc Nam

Hà Nội - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, luận án Tiến sĩ tiêu đề: **Chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ (2014 - 2020)**, là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi.

Tôi chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin, số liệu và kết quả nghiên cứu khoa học của Luận án.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Tác giả luận án

Nguyễn Văn Thắng

LỜI CẢM ƠN

Tôi bày tỏ lời cảm ơn Ban Giám hiệu, các thầy cô Khoa Quốc tế học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, chia sẻ thông tin tư liệu quý giá, kinh nghiệm, hướng dẫn, đóng góp ý kiến giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, triển khai nghiên cứu, hoàn thiện Luận án theo đúng yêu cầu và thời gian đặt ra của Nhà trường.

Đặc biệt tôi biết ơn sâu sắc, kính trọng Giáo sư TS.Hoàng Khắc Nam, Trưởng Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thầy đã tạo động lực, niềm tin, tận tình hướng dẫn cho tôi lựa chọn Đề tài nghiên cứu, thực hiện các bước tiến trình khoa học trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận án.

Tôi gửi lời cảm ơn tới toàn thể gia đình, tứ thân, phụ mẫu, vợ, con, anh em và họ hàng, những người thân yêu đã luôn hết lòng ủng hộ, chia sẻ và là nguồn động viên lớn giúp tôi có nghị lực, thời gian và quyết tâm thực hiện công trình nghiên cứu này. Cảm ơn cơ quan, đồng nghiệp, bạn bè thân hữu đã động viên, tạo điều kiện giúp đỡ tôi thực hiện Luận án này.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Tác giả luận án

Nguyễn Văn Thắng

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC..... 1

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT 4

DANH MỤC BẢNG VÀ DANH MỤC PHỤ LỤC 7

MỞ ĐẦU 8

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu 8

2. Đối tượng, phạm vi và nội dung nghiên cứu..... 10

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu..... 11

4. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu..... 12

5. Nguồn tài liệu tham khảo 14

6. Đóng góp của luận án..... 15

7. Bố cục của luận án 15

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN..... 17

1.1. Các công trình nghiên cứu chính sách “hướng Đông” trong chính sách
đôi ngoại của Ấn Độ 17

1.2. Các nghiên cứu chủ yếu về các nhân tố khi Ấn Độ chuyển đổi chính sách
từ “hướng Đông” sang Hành động hướng Đông 21

1.3. Các công trình nghiên cứu về nội dung và triển khai chính sách Hành động
hướng Đông 25

1.3.1. Ấn Độ với cộng đồng ASEAN..... 25

1.3.2. Ấn Độ với một số nước ASEAN..... 29

1.3.3. Ấn Độ - Đông Bắc Á 37

1.3.4. Ấn Độ với New Zealand, Australia 42

1.4. Các công trình nghiên cứu tác động, triển vọng và giải pháp của chính sách
Hành động hướng Đông 43

1.4.1. Tác động của chính sách “hướng Đông” 43

1.4.2. Triển vọng và giải pháp 45

1.5. Nhận xét	51
1.5.1. <i>Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án</i>	51
1.5.2. <i>Những vấn đề luận án tiếp thu, kế thừa</i>	52
1.5.3. <i>Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu</i>	53
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHÂN TỐ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH	
HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA AN ĐỘ (2014 - 2020)	54
2.1. Cơ sở lý luận	54
2.1.1. <i>Khái niệm về chính sách đối ngoại</i>	54
2.1.2. <i>Chủ nghĩa lý tưởng trong quan hệ quốc tế</i>	56
2.1.3. <i>Chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế</i>	58
2.1.4. <i>Khung lý thuyết của đề tài</i>	60
2.2. Các nhân tố hoạch định Chính sách Hành động hướng Đông.....	62
2.2.1. <i>Nhân tố ngoại sinh</i>	62
2.2.2. <i>Nhân tố nội sinh</i>	81
2.3. Chính sách “hướng Đông”: Sự khởi đầu, nền tảng quan trọng của chính sách	
“Hành động hướng Đông”	93
2.3.1. <i>Những vấn đề chung</i>	93
2.3.2. <i>Mục tiêu</i>	94
2.3.3. <i>Nội dung và quá trình triển khai</i>	98
2.3.4. <i>Biện pháp và kết quả</i>	99
2.4. Từ chính sách “hướng Đông” chuyển sang chính sách	
“Hành động hướng Đông” của An Độ.....	107
Tiểu kết chương 2	111
Chương 3. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ CỦA	
CHÍNH SÁCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA AN ĐỘ.....	112
3.1. Mục tiêu và nội dung của chính sách Hành động hướng Đông.....	112
3.1.1. <i>Về chính trị - chiến lược</i>	112
3.1.2. <i>Về kinh tế - xã hội</i>	117
3.1.3. <i>Về khuyến trương các giá trị (văn hóa/tôn giáo/dân chủ)</i>	120
3.2. Quá trình triển khai chính sách Hành động hướng Đông	124
3.2.1. <i>Với Đông Nam Á</i>	124

3.2.2. Với Đông Bắc Á.....	131
3.2.3. Với Nam Thái Bình Dương (Australia và New Zealand).....	134
3.2.4. Với Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.....	136
3.3. Kết quả nổi bật của chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ.....	138
3.3.1. Với Đông Nam Á.....	138
3.3.2. Với Đông Bắc Á.....	156
3.3.3. Với Nam Thái Bình Dương (Australia và New Zealand).....	159
3.3.4. Hội tụ chính sách Hành động hướng Đông với chính sách khu vực của các nước lớn ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.....	161
Tiểu kết chương 3	165
Chương 4. TÁC ĐỘNG, TRIỂN VỌNG CHÍNH SÁCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA ẤN ĐỘ VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM.....	167
4.1. Tác động của chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á.....	167
4.1.1. Tác động tích cực.....	167
4.1.2. Tác động tiêu cực.....	178
4.2. Triển vọng chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ thời gian tới.....	180
4.2.1. Các Nhân tố thúc đẩy, cản trở chính sách Hành động hướng Đông.....	181
4.2.2. Dự báo chiều hướng triển khai chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á thời gian tới.....	190
4.3. Khuyến nghị giải pháp cho Việt Nam.....	208
4.3.1. Trong quan hệ song phương Việt Nam - Ấn Độ.....	208
4.3.2. Trong quan hệ đa phương, Việt Nam - Ấn Độ trong ASEAN.....	217
Tiểu kết chương 4	218
KẾT LUẬN.....	220
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ	
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	223
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	224
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	TỪ VIẾT TẮT	TÊN TIẾNG ANH	TÊN TIẾNG VIỆT
1.	ACD	Asia Cooperation Dialogue	Đối thoại Hợp tác Châu Á
2.	ADMM	ASEAN Defence Ministers Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN
3.	ADMM+	ASEAN Defense Ministers Meeting Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng
4.	ADD-TBD		Ấn Độ - Thái Bình dương
5.	AEP	Act East Policy	Chính sách Hành động hướng Đông
6.	AFTA	ASEAN Free Trade Area	Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN
7.	AIPA	ASEAN Inter-Parliamentary Assembly	Hội đồng Liên Nghị viện Hiệp hội các quốc gia ĐNA
8.	AOIP	ASEAN Outlook on the Indo- Pacific	Tầm nhìn ADD-TBD của ASEAN
9.	APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế khu vực CA-TBD
10.	ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn Khu vực ASEAN
11.	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
12.	ASEM	Asia-Europe Meeting	Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu
13.	BCIM	Bangladesh, China, India, Myanmar Economic Corridor Builds Steam	Hành lang kinh tế Bangladesh, Trung Quốc, Ấn Độ, Myanmar
14.	BIMSTEC	Bay of Bengal Initiative for MultiSectoral Technical and Economic Cooperation	Sáng kiến vùng Vịnh Bengal về hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật đa khu vực
15.	3C	Connect, commerce, cultural	Kết nối, thương mại, văn hóa
16.	4C	Connect, commerce, cultural and capacity Building	Kết nối, thương mại, văn hóa và nâng cao năng lực

17.	CECA	Comprehensive Economic Cooperation Agreement	Hiệp định Hợp tác Kinh tế Toàn diện
18.	CEPA	Comprehensive Economic Partnership Agreement	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện
19.	CLMV	Campuchia, Laos, Myanmar, Viet Nam	Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam
20.	COC	Codes of Conduct	Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông
21.	DOC	Declaration on Conduct of the Parties in the South China Sea	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
22.	EAS	East Asia Summit	Hội nghị cấp cao Đông Á
23.	EAMF	Expanded ASEAN Maritime Forum	Diễn đàn Biển ASEAN Mở rộng
24.	EU	European Union	Liên minh châu Âu
25.	FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
26.	FOIP	Free and Open Indo-Pacific	Tầm nhìn “ADD-TBD tự do và rộng mở” của Nhật Bản
27.	IPOI	Indo-Pacific Oceans Initiative	Sáng kiến ADD-TBD của Ấn Độ
28.	FOIP	Free and Open Indo-Pacific	Chiến lược “ADD-TBD tự do và rộng mở” của Mỹ
29.	FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do
30.	GDP	Gross domestic product	Tổng sản phẩm quốc nội
31.	GMS	Greater Mekong Subregion	Hợp tác tiểu vùng sông Mê Công mở rộng
32.	IAFTA	ASEAN - India Free Trade Area	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Ấn Độ
33.	IMTTH	India - Myanmar - Thailand Trilateral Highway	Đường cao tốc ba bên Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan
34.	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
35.	IORA	Indian Ocean Rim Association	Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương

36.	ITEC	Technical & Economic Cooperation Programme	Chương trình hợp tác kinh tế và kỹ thuật
37.	LEP	Look East Policy	Chính sách “hướng Đông”
38.	MGC	Mekong - Ganga Cooperation	Hợp tác Mêkông - sông Hằng
39.	MIEC	Mekong-India economic corridor	Hành lang kinh tế Ấn Độ - Mekong
40.	MoU	Memorandum of Understanding	Bản ghi nhớ
41.	NAM	Non-Aligned ovement	Phong trào không liên kết
42.	NAFTA	North America Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ
43.	NEC	North Eastern Council	Ủy Ban Đông Bắc/ Ấn Độ
44.	NSP	New Southern Policy	Chính sách hướng Nam mới của Hàn Quốc
45.	ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ Phát triển Chính thức
46.	QIP	Quick Impact Projects	Dự án Tác động Nhanh của Ấn Độ
47.	Quad	Quadrilateral Security	Đối thoại an ninh bốn bên
48.	RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện khu vực
49.	SAARC	South Asian Association for Regional Cooperation	Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á
50.	SAFTA	South Asia Free Trade Agreement	Khu vực mậu dịch tự do Nam Á
51.	TAC	Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia	Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á
52.	USD	United states dolla	Đồng Đô la Mỹ
53.	WB	World Bank	Ngân Hàng thế giới
54.	WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC BẢNG VÀ DANH MỤC PHỤ LỤC

Danh mục bảng

Bảng 2.1. Kim ngạch thương mại Ấn Độ - ASEAN từ năm 1999 - 2013	100
Bảng 3.1. Thương mại Ấn Độ - ASEAN giai đoạn 2014 - 2021	145
Bảng 3.2. Thương mại Ấn Độ - với các quốc gia ASEAN giai đoạn 2017 - 2021	149
Bảng 3.3. Thương mại Ấn Độ - Nhật Bản giai đoạn 2014 - 2021	156
Bảng 3.4. Đầu tư trực tiếp (FDI) của Nhật Bản vào Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2021	157

Danh mục phụ lục

Phụ lục 1: Hai giai đoạn của chính sách “Look East Policy”	-1-
Phụ lục 2: Bản đồ chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ	-2-
Phụ lục 3: Bản đồ đề xuất đường cao tốc ba bên Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan được xác định trong chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ	-3-
Phụ lục 4: Phát biểu của Thủ tướng N.Modi tại Hội nghị Cấp cao Đông Á lần thứ 9, Nay Pyi Taw, Myanmar (ngày 13.11.2014)	-4-
Phụ lục 5: Thương mại song phương Ấn Độ - Việt Nam (1991 - 2014).....	-6-
Phụ lục 6: Tuyên bố chung quan hệ “Đối tác Chiến lược Toàn diện” Việt Nam - Ấn Độ (Ngày 03.06.2016)	-7-

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Sau Chiến tranh Lạnh, giống như tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, các nhà lãnh đạo Ấn Độ đã nhìn nhận lại quá trình phát triển của Ấn Độ và xác định hướng đi mới trong bối cảnh cục diện thế giới có nhiều thay đổi. Theo đó, Ấn Độ đã khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì hoà bình và ổn định để phát triển kinh tế, xã hội, khoa học và quân sự, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh với các cường quốc, nhất là Trung Quốc, trong phạm vi Châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD). Ấn Độ đặt mục tiêu đến hết thập niên đầu của thế kỷ XXI sẽ xây dựng đất nước thành quốc gia hoà hợp về dân tộc và tôn giáo, có tiềm lực mạnh về quân sự, kinh tế và có vị thế, vai trò của một cường quốc, nước lớn trong các vấn đề khu vực, quốc tế. Để đạt mục tiêu đó, Ấn Độ đã xây dựng chiến lược đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ với các cường quốc và khu vực, trong đó xác định khu vực Đông Á, trọng điểm là Đông Nam Á là nhân tố quan trọng, có giá trị chiến lược để Ấn Độ tập hợp và thu hút sự hợp tác của các nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, đối ngoại và văn hóa xã hội. Để không bị động trong triển khai chính sách đối ngoại, năm 1992, Ấn Độ đã đưa ra Chính sách hướng Đông (LEP), nhằm đối phó với khủng hoảng, tìm cách đa dạng mối quan hệ, làm tốt nhu cầu phát triển về phía Đông, thúc đẩy chính sách đưa vào hiện thực, cạnh tranh, ứng phó với sự “trỗi dậy” của Trung Quốc, lấn áp không gian địa chiến lược của Ấn Độ, tạo thế cân bằng chiến lược giữa các nước lớn và định hình cấu trúc an ninh ở khu vực.

Trải qua hơn hai thập niên triển khai LEP, Ấn Độ đã có sự gắn kết hơn với khu vực Đông Nam Á, quan hệ giữa Ấn Độ với các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam, không ngừng được mở rộng trên tất cả các mặt, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Ấn Độ cũng như của khu vực. Tuy nhiên, nhiều đánh giá cho rằng những thành tựu của LEP còn chưa tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng của Ấn Độ, do quá trình triển khai thực tế, Ấn Độ còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế trong các kênh hợp tác. Trong khi đó, quan hệ giữa Ấn Độ với Đông Nam Á (Việt Nam là trọng tâm) trong lịch sử và hiện nay rất quan trọng, gần gũi, có sự đồng cảm rất lớn trong đời sống văn hóa đương đại và thời kỳ hiện đại, không có sự xâm lấn lãnh thổ lẫn nhau.

Để tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của khu vực đối với sự phát triển của Ấn Độ và mở rộng mối quan hệ “Đối tác Chiến lược” với những quốc gia có chung chí hướng, Chính phủ của Thủ tướng N.Modi (cầm quyền 05.2014) đã điều chỉnh LEP, vốn được thực hiện nhất quán qua các nhiệm kỳ Thủ tướng từ năm 1992 thành Chính sách Hành động hướng Đông (AEP), nhằm thúc đẩy quan hệ giữa Ấn Độ với các đối tác ở phía Đông đi vào thực chất, đạt hiệu quả và phục vụ tốt hơn các mục tiêu chiến lược của Ấn Độ trong thế kỷ XXI. Chính vì vậy, mô hình Hợp tác trong AEP đã có những bước phát triển mạnh cả về phạm vi, quy mô và tính chất hợp tác với các khu vực, cũng như các nước đối tác, luôn đề cao hành động, lấy hợp tác kinh tế làm ưu tiên, song thiên về chính trị, văn hóa để cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc.

Kể từ khi điều chỉnh chính sách cho đến nay, hợp tác giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Nam TBD được thúc đẩy mạnh mẽ, Ấn Độ đã củng cố, nâng cấp quan hệ, ký kết nhiều thỏa thuận quan trọng với cả Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia. Quan hệ giữa Ấn Độ với khu vực ASEAN ngày càng được kết nối chặt chẽ và đẩy mạnh phát triển ở hầu hết trên các lĩnh vực: Chính trị - ngoại giao, kinh tế thương mại, quốc phòng - an ninh, văn hóa - giáo dục, khoa học công nghệ... tạo ra sự hài hòa, thân thuộc giữa nhân dân Ấn Độ và các nước Đông Nam Á. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã từng bước tham gia một cách tích cực, bước đầu đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại chung của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Với tiềm lực quốc gia được tăng lên và sự chủ động, linh hoạt trong chính sách đối ngoại, việc Ấn Độ ưu tiên theo đuổi AEP hiện nay và trong thời gian tới sẽ mang đến những tác động không nhỏ đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình dương (AOD-TBD) nói chung và Đông Nam Á và Việt Nam nói riêng. Mặc dù AEP của Ấn Độ rất quan trọng, song do thời gian từ lúc Thủ tướng N.Modi nhậm chức đến nay còn tương đối ngắn nên những công trình nghiên cứu chuyên sâu về AEP của Ấn Độ vẫn chưa thực sự đầy đủ, đa dạng, còn nhiều hạn chế, chỉ coi AEP là một bộ phận lồng ghép trong các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, ít nghiên cứu đề cập đến việc các quốc gia đối tác đón nhận, đánh giá AEP của Ấn Độ như thế nào, khiến cho việc nghiên cứu và dự báo gặp khó khăn.

Do vậy, việc kịp thời nghiên cứu quá trình phát triển AEP của Ấn Độ thông qua mục tiêu, nội dung, hướng tiếp cận, các nhân tố tác động cả bên trong, bên ngoài và dự báo triển vọng, cũng là nỗ lực nhằm bổ sung thêm vào khoảng trống để góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và AEP nói riêng, để Việt Nam tận dụng tốt nhất những cơ hội do chính sách này mang lại. Đặc biệt quan hệ đối tác “Chiến lược Toàn diện” Việt Nam - Ấn Độ đang ngày càng phát triển sâu rộng và bền chặt, được Ấn Độ xem là một trụ cột quan trọng trong tiến trình “hướng Đông” và được đánh giá là một trong những mối quan hệ tốt đẹp nhất của Ấn Độ đối với các nước thành viên ASEAN, nên đã tạo xung lực mới cho quan hệ hai nước trong khu vực và thế giới. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: **Chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ (2014 - 2020)**, có tính cấp thiết, giá trị cả về khoa học và thực tiễn, phục vụ tốt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc của Việt Nam.

NCS hiện đang là Nghiên cứu viên, Biên tập viên được giao nhiệm vụ nghiên cứu, biên tập các vấn đề quốc tế, tập trung vào các nước Nam Á và Đông Nam Á. Vì thế, việc nghiên cứu đề tài này cho luận án của mình còn giúp tôi phát triển chuyên môn, đóng góp thiết thực cho công tác nghiên cứu của cơ quan công tác, góp phần phục vụ hiệu quả quá trình hoạch định, triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam nói chung, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ nói riêng.

2. Đối tượng, phạm vi và nội dung nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Luận án tập trung nghiên cứu AEP của Ấn Độ.

- **Phạm vi nghiên cứu:**

+ *Về mặt nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu bối cảnh, quá trình hình thành, phát triển, nội dung cơ bản, kết quả triển khai, hạn chế, cơ hội, thách thức và triển vọng của AEP. Luận án tập trung xem xét tác động của AEP đối với khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam kể từ khi chính sách này được chuyển đổi từ năm 2014 - 2020.

+ *Phạm vi về thời gian:* Trọng tâm nghiên cứu của Luận án là giai đoạn từ năm 2014 - 2020. Thời điểm LEP đã đạt được được nhiều thành tựu quan trọng, cùng với việc Chính phủ mới của Ấn Độ do Thủ tướng N.Modi dẫn dắt (05.2014), muốn tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh triển khai thực chất các mục tiêu trong LEP

theo hướng “Chủ động tích cực”, để can dự vào các vấn đề dài hạn ở khu vực ADD-TBD, nên quyết định chuyển đổi từ LEP sang AEP. Năm 2020 là thời gian sau hơn 05 năm triển khai AEP - thời điểm để có thể tổng kết, đánh giá được toàn diện về những điều chỉnh, quá trình triển khai, kết quả đạt được của AEP. Phạm vi dự báo triển vọng và đề xuất giải pháp đến năm 2030. Tuy nhiên, để nhìn bao quát về toàn bộ tiến trình triển khai AEP, luận án sẽ mở rộng thời gian nghiên cứu từ năm 1992 - thời điểm được xem như dấu mốc ra đời của chính sách này.

+ Phạm vi về không gian: Giới hạn trong phạm vi AEP của Ấn Độ tập trung hướng tới gồm: Đông Nam Á (Tập trung vào các nước ASEAN), Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), Nam TBD (Australia, New Zealand) và việc Ấn Độ từng bước mở rộng, liên kết, hội tụ AEP với tầm nhìn/chính sách của ASEAN, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc ở khu vực ADD-TBD. Tuy nhiên, trong quá trình viết, tác giả sẽ đề cập đến những tác động có liên quan từ bên ngoài phạm vi trên đến AEP của Ấn Độ.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu: Luận án làm rõ AEP của Ấn Độ (mục tiêu, nội dung, phương pháp, kết quả). Trên cơ sở đó, phân tích tác động, dự báo AEP đến năm 2030 và đưa ra hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục tiêu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

(1) Hệ thống lại nguồn tư liệu nghiên cứu về chính sách “hướng Đông” của Ấn Độ;

(2) Làm rõ cơ sở lý luận, hướng tiếp cận, xây dựng khung phân tích AEP giai đoạn 2014 - 2020;

(3) Chỉ ra các nhân tố (bên ngoài và bên trong) tác động đến việc hình thành và vận động của Chính sách hướng Đông;

(4) Phân tích mục tiêu và nội dung (chính trị - chiến lược; kinh tế - xã hội; khuếch trương giá trị) cũng như quá trình triển khai và kết quả AEP của Ấn Độ (2014 - 2020).

(5) Phân tích tác động của AEP, dự báo triển vọng AEP đến năm 2030;

(6) Đưa ra hàm ý chính sách đối với Việt Nam nhằm khai thác các nguồn lực, thế mạnh được AEP của Ấn Độ ưu tiên, để phục vụ an ninh và phát triển đất nước.

4. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận từ cơ sở lý luận tổng quan, luận án sử dụng các cách tiếp cận sau: (1) Sử dụng cách tiếp cận lịch sử - logic (lịch đại, đồng đại và phân kỳ) để xem xét, đánh giá nguồn gốc hình thành, quá trình triển khai, phát triển của AEP theo trục thời gian; (2) Hệ thống - cấu trúc: Đặt AEP trong hệ thống cấu trúc thế giới, khu vực để tìm hiểu các tác động từ cấu trúc tới chính sách này; (3) Liên ngành/đa ngành (Chính trị, kinh tế, quân sự, đối ngoại, văn hóa xã hội) và các lý thuyết kinh tế - chính trị trong quan hệ quốc tế (chủ nghĩa trọng thương) cũng được sử dụng... để nghiên cứu AEP trên nhiều khía cạnh khác nhau.

Luận án vận dụng lý thuyết quan hệ quốc tế, trong đó tập trung vào hai dòng lý thuyết chính, nổi bật (Chủ nghĩa Lý tưởng, Chủ nghĩa Hiện thực) có ảnh hưởng rộng và khá sâu sắc trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ và AEP (Chủ nghĩa Lý tưởng là dòng tư tưởng có từ thời Thủ tướng J.Nehru, đến thời đại Thủ tướng N.Modi có sự bổ sung thêm những quan điểm theo dòng Chủ nghĩa Hiện thực), để luận giải cơ sở lý luận, thực tiễn động cơ hình thành và triển khai chính sách AEP của Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Là đề tài về Quốc tế học nên phương pháp nghiên cứu chủ yếu là các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế được kết hợp sử dụng trong luận án để xem xét sự ra đời, nội dung chính sách AEP dưới góc độ tương tác lợi ích địa chính trị, kinh tế của Ấn Độ đối với các nước lớn.

(1) Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu để đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu cả trong và ngoài nước về AEP của Ấn Độ, từ đó rút ra những điểm kế thừa và những điểm phát triển mới của Luận án.

(2) Sử dụng phương pháp phân tích chính sách đối ngoại (cơ sở lý luận, thực tiễn trong hoạch định chính sách, nội dung, quá trình triển khai) làm cơ sở chính

trong quá trình nghiên cứu đề tài này. Phương pháp này áp dụng xem xét AEP của Ấn Độ từ nhiều góc độ khác nhau như: Tính phù hợp; động lực; tính khả thi; tính hợp lý; thời gian thực hiện của chính sách. Cũng như dự báo chiều hướng, hiệu quả của AEP khi tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực đời sống xã hội (chính trị, kinh tế, quân sự, đối ngoại...).

(3) Sử dụng phương pháp hệ thống - cấu trúc (quan hệ thứ bậc được xây dựng dựa trên quyền lực, những mối quan hệ phổ biến và luật lệ chung) để giải thích chính sách AEP của Ấn Độ (2014 - 2020) một cách khách quan, toàn diện và hiệu quả nhất.

(4) Sử dụng phương pháp dự báo để luận giải về xu hướng phát triển của AEP thời gian tới. Luận án phân tích đánh giá những nhân tố thúc đẩy, cản trở, thời cơ và thách thức và dự báo đến 2030. Trên cơ sở đó, khuyến nghị giải pháp phát huy yếu tố tích cực để nâng cao hiệu quả hợp tác song phương, đa phương với Ấn Độ và ngăn chặn những phương hại tới lợi ích của Việt Nam.

(5) Sử dụng phương pháp thống kê để lập các bảng biểu và hệ thống hóa các hoạt động Hợp tác của Ấn Độ với các đối tác ở khu vực, cũng như sự tham gia của Việt Nam, chủ yếu là trong phần phụ lục để minh họa và chứng minh cho các phân tích, đánh giá và nhận định của Luận án.

(6) Sử dụng phương pháp chuyên gia, thông qua việc thu thập ý kiến của các chuyên gia trong các lĩnh vực (Chính trị - đối ngoại, Quốc phòng - an ninh, Văn hóa - xã hội...), đặc biệt là người có trình độ, kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu sự thay đổi, biến động của AEP theo thời gian, để đánh giá, nhận định khách quan các vấn đề luận án tập trung nghiên cứu.

(7) Sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh, đối chiếu xuyên suốt trong luận án, nhằm làm nổi bật những điều chỉnh của Ấn Độ theo từng vấn đề hoặc từng thời kỳ, nhất là so sánh: Kênh hợp tác giữa Ấn Độ với các đối tác xác định trong AEP và kết quả đạt được giữa giai đoạn trước với giai đoạn sau; đối chiếu giữa thực tế hoạt động với mục tiêu, nội dung đề ra; tầm ảnh hưởng, chiều hướng của AEP với chính sách khu vực của các cường quốc khác... để rút ra nhận định về hiệu quả của chính sách này.

(8) Sử dụng phương pháp diễn Ngôn: Nhằm làm rõ nội dung AEP của Ấn Độ thông qua phân tích các diễn ngôn chính trị, tuyên bố, tranh luận, thông cáo của Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Thủ tướng N.Modi, Ấn Độ, các chính trị gia, học giả...

(9) Sử dụng mô hình phân tích SWOT: Strengths (Điểm mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội), Threats (Thách thức) để xác định mục tiêu chiến lược, hướng đi AEP trong thời gian tới.

5. Nguồn tài liệu tham khảo

Nguồn tài liệu phục vụ cho nghiên cứu của luận án, tác giả chủ yếu sử dụng ba nguồn tư liệu chính, đó là: Tư liệu gốc, tư liệu chuyên khảo và tư liệu tham khảo.

- *Nguồn tài liệu sơ cấp*: (1) Các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo, ngoại giao Ấn Độ, các báo cáo của Thủ tướng N.Modi liên quan đến AEP của Ấn Độ trước Thượng, Hạ viện Ấn Độ và trong các Hội nghị, diễn đàn quốc tế. Cũng như các báo cáo thường niên của Bộ Ngoại giao Ấn Độ trong giai đoạn từ năm 1990 - 2020 do Chính phủ Ấn Độ ban hành hàng năm; (2) Các bài phát biểu của lãnh đạo các quốc gia ASEAN, Đông Bắc Á, Nam TBD... về AEP của Ấn Độ, các văn bản hợp tác giữa Ấn Độ và ASEAN, giữa Ấn Độ và các quốc gia thành viên trong khu vực này kể từ đầu những năm 1992 đến nay. Trong đó tập trung khai thác thông tin tư liệu về AEP từ 2014 - 2020, để làm rõ thực chất nội dung của chính sách này; (3) Các số liệu thống kê quan hệ thương mại giữa Ấn Độ và các đối tác của Phòng Thương mại thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, một số Niên giám thống kê của Ban thư ký ASEAN và Tổng cục Thống kê Việt Nam.

- *Tư liệu thứ cấp*: Luận án chủ yếu sử dụng các công trình, tài liệu nghiên cứu chuyên sâu, bao gồm: Các tài liệu, ấn phẩm, các công trình nghiên cứu khoa học và bài viết của các quan chức, chuyên gia, học giả về AEP của Ấn Độ. Một số công trình nghiên cứu về vấn đề khác, nhưng có một số nội dung liên quan đến AEP của Ấn Độ với các quốc gia Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD, như là: Sách, Luận án Tiến sĩ, bài báo trong các tạp chí chuyên ngành của các học giả, các nhà nghiên cứu tại Việt Nam và nước ngoài, liên quan đến các nội dung nghiên cứu của luận án. Ngoài ra, Luận án khai thác nguồn thông tin tư liệu được công bố trên các trang mạng của các cơ quan, chính phủ, tổ chức, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước làm nguồn tư liệu tham khảo.

6. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Về giá trị khoa học: Luận án là một công trình khoa học nghiêm túc, đã sử dụng các lý thuyết, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu phù hợp để trình bày, phân tích chuyên sâu mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu trọng tâm. Luận giải về sự hình thành, phát triển của AEP của Ấn Độ, làm rõ khái niệm, nội dung về chính sách đối ngoại của chủ thể quốc gia tầm trung trong quan hệ quốc tế, được vận dụng vào quan hệ đối ngoại của Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD, cũng như quan hệ của Ấn Độ đối với các nước đối tác trong khu vực đó và ngược lại. Xác định nguyên nhân, yếu tố để Ấn Độ điều chỉnh, nâng cấp từ LEP thành AEP và đưa ra khung phân tích về AEP. Đây là công trình nghiên cứu cơ bản, luận giải hệ thống, khoa học chi tiết, toàn diện về quá trình Ấn Độ triển khai AEP giai đoạn 2014 - 2020. Qua đó, luận án góp phần làm phong phú thêm phương pháp luận trong nghiên cứu chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung, chính sách AEP của Ấn Độ nói riêng và vai trò, tầm nhìn của Thủ tướng N.Modi trong việc đưa chính sách này vào thực tiễn và mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ.

Về mặt thực tiễn: Luận án là công trình nghiên cứu hệ thống, chuyên sâu về mục tiêu, nội dung và quá trình triển khai AEP giai đoạn 2014 - 2020, đồng thời làm rõ tác động và dự báo triển vọng của AEP trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, phân tích cách tiếp cận, đề xuất khuyến nghị chính sách của Việt Nam nâng cao hiệu quả khi tham gia AEP của Ấn Độ trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác đa phương, thúc đẩy quan hệ đối tác “Chiến lược Toàn diện” Việt - Ấn đi vào thực chất.

Về tư liệu: Trên cơ sở tập hợp, khái quát và xử lý các tài liệu trong và ngoài nước về AEP của Ấn Độ và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, luận án là nguồn tư liệu tham khảo bổ ích cung cấp tư liệu cho các cơ quan quản lý, ngoại giao và giới chuyên môn trong việc nghiên cứu, giảng dạy, tìm hiểu về AEP và chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong quan hệ quốc tế.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 4 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận án. Đánh giá khái quát các công trình nghiên cứu về AEP của Ấn Độ của các học giả trong và ngoài nước đã được công bố, từ đó rút ra những mặt đóng góp, những vấn đề có thể kế thừa, sử dụng để luận giải trong Luận án, xác định rõ những nội dung cần phải tập trung nghiên cứu, phát triển và đề xuất hướng tiếp cận nội dung của Luận án.

Chương 2. Cơ sở lý luận và nhân tố hoạch định AEP của Ấn Độ. Trên cơ sở khảo sát các công trình nghiên cứu của học giả về AEP, xây dựng khung lý thuyết phân tích cơ sở lý luận chi phối sự hình thành phát triển AEP của Ấn Độ. Phân tích làm rõ cơ sở thực tiễn về vai trò, vị trí của Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD đối với Ấn Độ và mục tiêu, nội dung cụ thể, quá trình triển khai và kết quả LEP. Đánh giá nguyên nhân điều chỉnh từ LEP chuyển sang AEP và vị thế của AEP trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ trong giai đoạn hiện nay.

Chương 3. Mục tiêu, nội dung, triển khai và kết quả của AEP của Ấn Độ. Luận án nghiên cứu làm rõ nội hàm nội dung, cách thức, biện pháp và một số kết quả nổi bật khi Ấn Độ triển khai chính sách này.

Chương 4. Tác động, triển vọng của AEP và hàm ý chính sách đối với Việt Nam. Chương này đánh giá những nhân tố thuận lợi, cản trở cũng như những tác động của chính sách này đối với khu vực Đông Nam Á và đưa ra dự báo những nét chính trong việc triển khai AEP với cộng đồng ASEAN và các nước Đông Nam Á đến năm 2030. Luận án tập trung phân tích thuận lợi, khó khăn, thời cơ và thách thức đối với Việt Nam, từ đó khuyến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả khi Việt Nam tham gia AEP của Ấn Độ trong thời gian tới với tư cách là đối tác “Chiến lược Toàn diện”.

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

Khái quát chung: Sau khi tiến hành khảo sát, tác giả nhận thấy rằng, trên thế giới, trong khu vực và tại Việt Nam đã có những công trình nghiên cứu về AEP của Ấn Độ. Các tác giả đã khai thác theo từng lĩnh vực ưu tiên của chính sách này thông qua các giai đoạn, góc độ, lĩnh vực khác nhau, như: Các mối quan hệ chính trị, ngoại giao hay việc cải thiện sự kết nối, thúc đẩy thương mại, mở rộng của chính sách sang các quốc gia khác... để làm đề tài nghiên cứu của mình. Các nghiên cứu được xuất bản dưới nhiều hình thức, chủ yếu là sách chuyên khảo, các bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí có chỉ số khoa học, kỷ yếu hội thảo, luận án tiến sĩ trong và ngoài nước...

Để khảo sát các công trình nghiên cứu, bài viết được hệ thống và khoa học, tác giả tiến hành phân chia theo cấu trúc, thứ tự như sau: (1) Các công trình được chia thành các nhóm vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài; (2) Các công trình được khảo sát theo trật tự thời gian (lịch sử nghiên cứu vấn đề). Để thuận lợi cho việc thực hiện các nội dung chính trong luận án, tác giả tập trung khảo sát các công trình nghiên cứu trên các vấn đề cụ thể sau: (1) Quan hệ Ấn Độ với các nước Đông Nam Á (10 nước ASEAN), Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và Nam TBD (Australia, New Zealand); (2) Các nhân tố khi Ấn Độ chuyển đổi chính sách từ LEP sang AEP; (3) Nội dung và triển khai chính sách; (4) Triển vọng và giải pháp.

1.1. Các công trình nghiên cứu Chính sách hướng Đông trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, kể từ năm 1991 Ấn Độ đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng thúc đẩy tự do hóa, mở cửa và tăng cường hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, qua đó giúp Ấn Độ không ngừng nâng cao vị thế quốc tế [Nguyễn Trần Xuân Sơn, 2021]. LEP được Thủ tướng N. Rao đưa ra năm 1992 trong bối cảnh Ấn Độ bắt đầu tiến hành cuộc cải cách, mở cửa mạnh mẽ, sâu rộng, nên chính sách này đã trở thành đối tượng nghiên cứu được quan tâm ở Ấn Độ và quốc tế. Hầu hết các công trình nghiên cứu đều cho rằng,

Chiến tranh Lạnh kết thúc, Ấn Độ cũng như nhiều quốc gia khác đã phải thay đổi chiến lược phát triển cũng như chính sách đối ngoại để phù hợp với xu hướng mới, nhằm tạo lập môi trường thuận lợi cho việc hội nhập quốc tế, cải cách trong nước, khắc phục khó khăn lớn về kinh tế - xã hội, tiêu biểu là:

Cuốn sách *ASEAN trong Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ* (NXB: KHXH Hà Nội, năm 2013). Võ Xuân Vinh đã nghiên cứu tương đối đầy đủ về LEP của Ấn Độ, tác giả cho rằng: Chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và với Đông Nam Á nói riêng (giai đoạn 1991 - 2012), là phản ánh sự chuyển dịch từ Chủ nghĩa Lý tưởng sang Chủ nghĩa Hiện thực. Nhấn mạnh vị trí của LEP trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ và nhìn nhận của Ấn Độ về tầm quan trọng, vai trò của ASEAN trong chính sách này. Đặc biệt tác giả khẳng định, LEP được triển khai nhằm thực hiện hai nhóm mục tiêu chủ yếu: Chính trị chiến lược và kinh tế - xã hội [Võ Xuân Vinh, 2013, tr.44].

Xác định mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong thập kỷ tới thông qua thúc đẩy hợp tác với các nước láng giềng châu Á. Cuốn sách *Ấn Độ - Sự trỗi dậy của một cường quốc* (NXB Từ điển Bách khoa dịch, xuất bản năm 2013) của Tarun Das, Frank-jurgen Richter và Colette Mathur. Nhóm tác giả đã tập trung làm rõ tiềm năng, bước đi cần thiết để Ấn Độ thúc đẩy các sáng kiến, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài và thực hiện những cam kết đầy mạnh quan hệ hợp tác với các nước láng giềng châu Á, các đối tác trong khu vực, nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% mỗi năm trong thập kỷ tới. Các tác giả đã đánh giá 10 trụ cột phát triển kinh tế bền vững của Ấn Độ (cải cách kinh tế, cải cách tài chính, địa chính trị, sản xuất, thương mại và đầu tư nước ngoài, năng lượng, công nghệ thông tin, nông nghiệp, hạ tầng và các vấn đề xã hội), qua đó phân tích những rào cản, xác định các nhân tố, động lực và cách thức thực hiện để đạt được [Tarun Das, Frank-jurgen Richter và Colette Mathur; 2013, p.27]. Cuốn sách là dữ liệu cơ sở quan trọng, xuất bản trước một năm Thủ tướng N.Modi nhậm chức và quyết định chuyển đổi chính sách LEP sang AEP.

Đề cập đến các giai đoạn phát triển của chính sách hướng Đông, cuốn sách *Hướng về phía Đông, một chiến lược lớn của Ấn Độ* của TS.Nguyễn Trường Sơn, được NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật xuất bản năm 2015. Nội dung cuốn sách tập trung trình bày khái quát các khía cạnh của chiến lược hướng Đông của Ấn Độ. Tác

giả dẫn luận, phân tích và cho rằng, mặc dù LEP ra đời không được nêu cụ thể trong một văn kiện, một chiến lược hay một kế hoạch nào, song LEP là một chính sách đối ngoại có tích mở, linh hoạt điều chỉnh theo từng giai đoạn phát triển. Giai đoạn 1 (1991 - 2003), phạm vi chủ yếu là Đông Nam Á. Giai đoạn 2 (2003 - 2014), mở rộng ra toàn bộ khu vực CA-TBD [Nguyễn Trường Sơn; 2015; tr.86]. Đồng thời khẳng định, sau hai thập niên triển khai có thể nhận thấy, trong số các chủ thể của Đông Á, ASEAN là điểm khởi đầu và luôn đóng vai trò trung tâm trong LEP của Ấn Độ [Nguyễn Trường Sơn; 2015; tr.162].

Đánh giá về mối quan hệ nhiều mặt giữa Ấn Độ - ASEAN, cuốn kỷ yếu “*Realising ASEAN - India Vision for partnership and prosperity*” (Đối thoại Delhi VI: Thực hiện tầm nhìn ASEAN - Ấn Độ về đối tác và thịnh vượng), do Biên tập viên Rumel Dahiya và Udai Bhanu Singh chủ biên (NXB.Pentagon Press, năm 2015). Đồng tác giả đã tổng hợp các bài tham luận nghiên cứu, phân tích, đánh giá của các nhà ngoại giao, doanh nghiệp, học giả... về một loạt các vấn đề liên quan tới mối quan hệ ASEAN - Ấn Độ. Các bài viết đều có chung nhận định, hợp tác Ấn Độ với ASEAN đã bước vào giai đoạn mới, là thời kỳ chuyển đổi quyền lực, khi các xu hướng kinh tế, chiến lược mới liên tục định hình tại khu vực CA-TBD và ADD-TBD. Phạm vi và chiều sâu tầm nhìn của Ấn Độ với ASEAN đã mở rộng từ những ngày đầu Ấn Độ triển khai Chính sách hướng Đông cho tới khi AEP ra đời. Phần 2, cuốn sách nhấn mạnh các yếu tố, vai trò, tầm quan trọng và sự phát triển vùng Đông Bắc là nền tảng để Ấn Độ hướng về phía Đông. Trong đó, bài viết “India’s Look East Policy: View from the North East” (Chính sách hướng Đông của Ấn Độ: Nhìn từ Đông Bắc) của M.P. Bezbaruah. Tác giả cho rằng, Chính sách hướng Đông trên thực tế là cách Ấn Độ định hướng lại mối quan hệ chiến lược với các nước láng giềng, đặc biệt là đảm bảo an ninh vùng Đông Bắc/Ấn Độ [M.P. Bezbaruah, 2015, p.52].

Chỉ ra mối quan hệ nền tảng giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, Luận án tiến sĩ *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Đông Nam Á giai đoạn 1947 đến 1964* (Trường Đại học KHXH và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội, năm 2018), Phùng Thị Thảo đã làm rõ mối liên hệ xuyên suốt, sự nhất quán trong quan điểm, nguyên tắc thực thi chính sách ngoại giao hòa bình của Ấn Độ đối với Đông Nam Á (1947 - 1964) với

tư cách là giai đoạn nền tảng cho mối quan hệ Ấn Độ với khu vực thời kỳ hiện đại (1991 - 2017). Tuy nhiên, Chủ nghĩa Hiện thực ở giai đoạn 1991 - 2017 đã được phản ánh đậm nét thông qua mục tiêu kinh tế (ngoại giao kinh tế) và mục tiêu chiến lược tranh giành ảnh hưởng với Trung Quốc tại Đông Nam Á [Phùng Thị Thảo, 2018, tr.147]. Tác giả khẳng định, từ LEP đến AEP mối quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ với ASEAN ngày càng được phản ánh đậm nét hơn trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với khu vực này [Phùng Thị Thảo, 2018, tr.139].

Bài nghiên cứu “Interpreting India’s ‘Act East’ Policy” (Giải thích AEP của Ấn Độ) của Viện nghiên cứu Nam Á, Đại học quốc gia Singapore (năm 2018). Tác giả Rajeev R.Chaturvedy cho biết, năm 2014 Thủ tướng N.Modi đã tuyên bố nâng cấp LEP thành AEP, song đã có những cách hiểu khác nhau về sự thay đổi này. Tác giả lập luận rằng, khi nghiên cứu lý do, mục tiêu và quá trình triển khai AEP, thì chính sách này đã có sự thay đổi. AEP đã được nâng cấp thành chính sách tương tác linh hoạt, định hướng hành động nhiều hơn, để Ấn Độ sẵn sàng nhận trách nhiệm lớn hơn và trở thành một người chơi hiệu quả trong cấu trúc kinh tế, an ninh mới nổi ở khu vực CA-TBD. Do đó, buộc Ấn Độ phải định vị lại chính mình trong mối quan hệ với các nước ở phía Đông [Rajeev Ranjan Chaturvedy, 2018, p.3].

Cuốn sách *Hợp Tác Khu Vực Châu Á: Nhân Tố ASEAN và Ấn Độ* của TS.Tôn Sinh Thành (NXB.Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, năm 2018). Tác giả đã đi sâu tìm hiểu, phân tích tổng thể, bản chất của quá trình hình thành, vận hành các cơ chế hợp tác khu vực tại châu Á. Nhấn mạnh, sự thay đổi cấu trúc hợp tác của ASEAN, các quốc gia Đông Á và châu Á vì lợi ích chung sẽ khiến hợp tác khu vực châu Á ngày càng đa dạng và hiệu quả hơn. Trong tất cả quá trình này, nổi lên sự hợp tác liên tục của Ấn Độ với khu vực châu Á nói chung và ASEAN nói riêng ngày càng đi vào thực chất, mở rộng trên mọi lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, an ninh, văn hóa - giáo dục... Trong đó có sự tham gia tích cực của Ấn Độ vào các cơ chế hợp tác của khu vực như: ASEAN+, Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+)...

Tựu chung lại, các công trình nghiên cứu trên đều có chung nhận định, khuynh hướng chính sách đối ngoại của Ấn Độ sau Chiến tranh Lạnh đã có bước

nhảy vọt và thay đổi từ chú trọng lĩnh vực chính trị sang chú trọng lĩnh vực kinh tế; từ tư duy lý tưởng (Phong trào Không liên kết) sang tư duy mang tính thực dụng (Chủ nghĩa Đa phương), trong đó có LEP. Vì vậy sự ra đời, phát triển của LEP hoàn toàn phù hợp với chiến lược, mục tiêu, nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

1.2. Các nghiên cứu chủ yếu về các nhân tố thúc đẩy Ấn Độ chuyển đổi chính sách từ “hướng Đông” sang “Hành động hướng Đông”

Tính trung tâm, xuyên suốt của Chính sách hướng Đông trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ qua các đời thủ tướng, nhất là vai trò của Thủ tướng N.Modi đã được trình bày trong bài Phân tích “India’s new Asia-Pacific strategy: Modi acts East” (Chiến lược mới của Ấn Độ ở CA-TBD: N.Modi Hành động hướng Đông) của Viện nghiên cứu chính sách quốc tế Lowy, Australia (năm 2014). Tác giả D.Rajendram đã phác thảo nguồn gốc, sự phát triển của LEP qua các đời thủ tướng và vai trò trung tâm của chính sách này trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Đồng thời, tìm hiểu nguyên nhân Thủ tướng N.Modi sớm chuyển đổi LEP thành AEP, cũng như phân tích các yếu tố thúc đẩy, cản trở ở cả trong và ngoài nước, để xem xét khả năng phát triển AEP dưới thời Chính phủ N.Modi. Tác giả cho rằng, để khẳng định cam kết của Ấn Độ đối với khu vực, Chính phủ N.Modi phải chứng minh được rằng, AEP không chỉ là một “Thương hiệu” hiện có mà Ấn Độ cần nhanh chóng xây dựng một chương trình nghị sự rõ ràng, để tăng cường liên kết kinh tế, thể chế và quốc phòng với khu vực, vượt xa các cam kết với các chính phủ trước đó. Nếu Chính phủ N.Modi đạt được điều này, thì Ấn Độ có khả năng đảm nhận vai trò là người chơi chiến lược hiệu quả trên khắp khu vực AĐD-TBD [Danielle Rajendram, 2014, p.15].

Đề cập đến việc cải thiện kết nối giao thông (phần cứng) kèm theo cải thiện các biện pháp thuận lợi hóa thương mại (phần mềm) để triển khai AEP thành công. Bài nghiên cứu của Viện nghiên cứu chính sách ASAN, Hàn Quốc (năm 2014) “*From Look East to Act East: Transitions in India’s Eastward Engagement*” (Từ LEP đến AEP: Ấn Độ chuyển đổi Chính sách hướng Đông). Tác giả Rahul Mishra cho rằng, để AEP triển khai thành công, Chính phủ Ấn Độ cần thực hiện tốt các giải

pháp sau: Kết nối được đường bộ, đường sắt và đường hàng không với các quốc gia Đông Nam Á thông qua cửa ngõ khu vực Đông Bắc Ấn Độ - Myanmar; phát triển cơ sở hạ tầng là thành tố quan trọng của AEP; thuyết phục các quốc gia thành viên ASEAN thúc đẩy tư cách thành viên APEC và nỗ lực đạt vị trí quan trọng trong Ngân hàng BRICS mới thành lập. Cuối bài viết tác giả nhấn mạnh, AEP không có nghĩa là vướng vào xung đột và đối đầu, mà là tạo ra một môi trường thuận lợi cho hòa bình và thịnh vượng. Đẩy mạnh giao lưu nhân dân, tham gia kinh tế, quân sự mạnh mẽ hơn với khu vực, đây là chìa khóa để Ấn Độ đạt được mục tiêu trong chính sách này.

Cuốn kỷ yếu hội thảo quốc tế *India's Look East - Act East Policy: A Bridge to the Asian Neighbourhood* (Ấn Độ từ LEP sang AEP: Cầu nối với khu vực châu Á), do Amb. Sudhir và T.Devare biên tập (Viện nghiên cứu quốc tế Symbiosis, Ấn Độ tổ chức, phát hành năm 2014). Các tác giả đã tập trung làm rõ điều kiện tiên quyết bước nhảy vọt chuyển đổi từ LEP sang AEP trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Phân tích các đường viền đa diện và phát triển của LEP, với mục tiêu ban đầu là nhằm vực dậy quan hệ chính trị, củng cố an ninh khu vực và tăng cường hội nhập với khu vực Đông Nam Á. Triển vọng thương mại quốc tế của Ấn Độ, là việc triển khai AEP hợp lý, thì nhiều dòng thương mại và sự kết nối sẽ mở ra trong khu vực châu Á [Mathur, 2014, p.19].

Nghiên cứu về việc Thủ tướng N.Modi dành ưu tiên nguồn lực trong việc chuyển đổi chính sách LEP thành AEP. Cuốn kỷ yếu *Đối thoại Delhi VII: ASEAN - Ấn Độ: Định hình chương trình nghị sự sau năm 2015* (Delhi Dialogue VII: ASEAN - India Shaping the Post-2015 Agenda), do Rumel Dahiya và Udai Bhanu Singh chủ biên (NXB.Pentagon Press, xuất bản năm 2015). Đồng tác giả đã tổng hợp các bài tham luận của đại biểu 10 quốc gia ASEAN và Ấn Độ về chủ đề “Xây dựng kết nối giữa Ấn Độ và ASEAN” và “Khuyh hướng tương lai về đối tác chiến lược Ấn Độ - ASEAN”. Cuốn kỷ yếu đề cập đến việc, Chính phủ Liên minh dân chủ quốc gia (NDA) do Thủ tướng N.Modi lãnh đạo (từ 05.2014) đã giành ưu tiên lớn cho việc chuyển đổi LEP thành AEP. Trong bài “Act East Policy and ASEAN - India Connectivity” (Chính sách AEP và sự kết nối ASEAN - Ấn Độ), tác giả Prabir

De cho rằng, từ giữa thập kỷ trước, kết nối khu vực của Ấn Độ với Đông Nam Á đi theo hai đường lối chính: Kết nối mềm (như Hiệp định vận tải ba bên) và kết nối cứng, như: IMTTH, Hành lang kinh tế Ấn Độ - Mekong (MIEC)... nhưng việc chuyển đổi hành lang kết nối thành hành lang kinh tế là điều rất quan trọng và thách thức chính đối với Ấn Độ. AEP ra đời đã vạch ra một kế hoạch đầy tham vọng để xây dựng các hành lang kinh tế, kết nối Ấn Độ với Đông Nam Á (kể cả Trung Quốc) [Prabir De, 2015, p.158].

Đánh giá về tầm quan trọng của việc Ấn Độ chuyển đổi LEP sang AEP, cuốn sách *Cách tiếp cận chiến lược của Ấn Độ với châu Á* (India's Strategic Approach to Asia), do Biên tập viên Namrata Goswami chủ biên (NXB.Pentagon Press, năm 2016). Các tác giả đã nêu ra những khó khăn, thách thức, quan điểm, kịch bản chiến lược, đề xuất giải pháp để Ấn Độ thực hiện AEP được tốt hơn. Bài viết “Looking East: Security through Greater Cross Border Connectivity” (Hướng Đông: Đảm bảo An ninh để kết nối xuyên biên giới). Tác giả Rajat M.Nag đánh giá, ban đầu Ấn Độ triển khai LEP khá do dự, nhưng sau đó tốc độ ngày càng tăng, khi Chính phủ mới nhậm chức (5.2014) đã tái khẳng định tính ưu việt của LEP mà còn chuyển đổi thành AEP, nhằm nhấn mạnh vào hành động và mở rộng của chính sách này. Mục tiêu quan trọng của Ấn Độ là tăng cường thương mại hàng hóa và dịch vụ với các quốc gia láng giềng ở hướng Đông. Mục tiêu địa chiến lược lâu dài là mở rộng giao lưu nhân dân để tăng cường ảnh hưởng văn hóa của Ấn Độ. Do đó, trọng tâm chính của AEP là xem xét các phương tiện, đánh giá những thách thức về hậu cần và tài chính để đạt được kết nối [Rajat M. Nag, 2016, p.145]. Đặc biệt, đảm bảo an ninh cho việc tăng cường kết nối, đầu tư, khi di chuyển hàng hóa, dịch vụ và con người trong và ngoài khu vực này [Rajat M. Nag, 2016, p.163].

Đề cập đến việc chuyển trọng tâm LEP sang AEP, Ấn Độ chú trọng hướng vào các mục tiêu lợi ích (kinh tế, chính trị, an ninh), để khẳng định vị thế cường quốc và tạo lập thế cân bằng trong cấu trúc an ninh khu vực CA-TBD của Ấn Độ. Cuốn sách *Ấn Độ với Đông Nam Á trong bối cảnh quốc tế mới*, do PGS,TS Trần Nam Tiến chủ biên (NXB.Văn hóa - Văn nghệ, TP.HCM, năm 2016). Nhóm tác giả đã nghiên cứu, phân tích sự trỗi dậy của Ấn Độ trong bối cảnh “Kỷ nguyên châu Á”

(Age of Asian), đánh giá những thách thức và triển vọng chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thế kỷ XXI; sự gia tăng cam kết và can dự của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á và vấn đề Biển Đông... Đồng thời, khẳng định LEP đến AEP là đã cụ thể hóa sự tương tác mạnh mẽ và đi vào thực chất của Ấn Độ với châu Á. Nếu trong giai đoạn triển khai LEP, Ấn Độ chỉ tiếp cận với ASEAN là chủ yếu thì với tầm nhìn của AEP, Ấn Độ chú trọng nhiều hơn đến các quốc gia Đông Bắc Á và Australia ở Nam TBD [Trần Nam Tiến, 2016, tr.15]. Trong khi đó, bài viết “Chính sách hướng Đông của Ấn Độ: Nguyên nhân, quá trình triển khai và những ảnh hưởng đối với Trung Quốc”, đăng trên Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á (Số 10, 2014, tr.6-16), Nguyên Tăng Nghị kết luận: Quá trình triển khai chính sách “hướng Đông” của Ấn Độ có thể chia thành hai giai đoạn: “hướng Đông” và “tiến Đông”, nếu giai đoạn “hướng Đông” chỉ mang tính chủ trương thì giai đoạn “tiến Đông” lại mang tính cam kết và hợp tác cụ thể từ quân sự, kinh tế, quốc phòng... giữa Ấn Độ với các nước ASEAN [Nguyên Tăng Nghị, 2014, tr.16].

Với việc coi vùng Đông Bắc Ấn Độ - Myanmar là cửa ngõ để Ấn Độ triển khai AEP tới Đông Nam Á, Đông Á, cuốn *Northeast India and India's Act East Policy: Identifying the Priorities* (Đông Bắc Ấn Độ trong chính sách AEP: Xác định những ưu tiên), do GS.M.Amarjeet Singh biên soạn (NXB.Taylor & Francis Ltd, năm 2019). Cuốn sách đánh giá tầm quan trọng, tính liên tục, sự khác biệt giữa LEP và AEP. Đánh giá tác động (xã hội, chính trị và văn hóa), những thách thức, kỳ vọng của các nước Đông Nam Á (đặc biệt là Myanmar) và các tiểu Bang vùng Đông Bắc, trong bối cảnh Ấn Độ triển khai AEP. Đồng thời, xác định nhu cầu và ưu tiên; tính khả thi, tiềm năng hợp tác giữa Đông Nam Á và Đông Á với vùng Đông Bắc Ấn Độ. Đưa ra mục tiêu ngắn hạn, dài hạn; các biện pháp cần thiết để liên kết, tích hợp vùng Đông Bắc Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á và Đông Á vào AEP. Trong đó, chương 1: “Act East Policy: Northeast as a Bridgehead to ASEAN” (AEP: Đông Bắc là cầu nối tới ASEAN), tác giả Shristi Pukhrem đã đánh giá tầm quan trọng chiến lược của khu vực Đông Bắc Ấn Độ trong AEP và ý nghĩa phát triển của vấn đề này trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN. Tác giả cho rằng, việc cần thiết là phải mở rộng xây dựng năng lực và sự tham gia của người dân Đông Bắc

Ấn Độ, để khai thác các hiệp lực kinh tế Ấn Độ - ASEAN. Vì vậy, tính trung tâm của các vấn đề và lợi ích của vùng này là điều rất quan trọng trong việc thực hiện AEP [Shristi Pukhrem, 2019, p.19].

Như vậy có thể thấy, các tài liệu trên đã gợi mở cách tiếp cận tổng thể về cơ sở lý thuyết về chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ tư duy Lý tưởng (Phong trào không liên kết) sang tư duy mang tính thực dụng (mục tiêu: kinh tế và cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc), từ nội hàm LEP, AEP đến vai trò, đặc điểm, yếu tố, các hoạt kết nối, nhân tố chuyển đổi chính sách này. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu đầy đủ, bài bản đánh giá về quá trình Ấn Độ chuyển đổi từ LEP sang AEP. Mặc dù vậy, những tài liệu và công trình nghiên cứu của các học giả nêu trên đã tạo cơ sở, nền tảng cho Luận án tiếp cận, hình thành khung lý thuyết phân tích AEP của Ấn Độ.

1.3. Các công trình nghiên cứu về nội dung và triển khai chính sách Hành động hướng Đông

1.3.1. Ấn Độ với cộng đồng ASEAN

Đánh giá sự thành công của LEP trong việc thúc đẩy kinh tế với các nước láng giềng ở châu Á, cuốn sách *Look East to Act East Policy: Implications for India's Northeast* (Từ LEP đến AEP: Hàm ý cho vùng Đông Bắc Ấn Độ) do Gurudas Das và C.Joshua Thomas Biên tập (NXB.Routledge, năm 2016), đã phân tích sự chuyển hướng trọng tâm từ phương Tây sang phương Đông của Ấn Độ, làm thay đổi cơ bản về bản chất nền kinh tế phụ thuộc của nước này. Đồng thời, làm rõ vai trò công cụ của LEP trong việc kiến tạo thương mại, đẩy mạnh hợp tác kinh tế với các quốc gia châu Á, tạo nên nền tảng, nhân tố quan trọng để Ấn Độ từng bước hòa nhập vào cấu trúc an ninh khu vực này. Tuy nhiên trong bài “Look East Policy and the continental route: A reality check” (LEP và tuyến đường lục địa: Kiểm tra thực tế), tác giả Falguni Rajkumar cho rằng, mặc dù LEP được dự báo về sự thay đổi và thịnh vượng đối với vùng Đông Bắc, song vẫn chưa đạt được mục tiêu đã xác định, thuộc ba nhóm vấn đề chính sau: (1) Các vấn đề về giao thông và kết nối còn kém; (2) các yếu tố địa chính trị bên ngoài; (3) nền kinh tế vùng Đông Bắc chưa hội nhập được với các quốc gia Đông Nam Á [Falguni Rajkumar, 2016, p.143].

Bài nghiên cứu “*India-ASEAN economic relations: Examining future possibilities*” (Quan hệ kinh tế Ấn Độ - ASEAN: Xem xét các khả năng trong tương lai), của Bhogal, đăng trên Observer Research Foundation - ORF/Ấn Độ (năm 2018). Tác giả chỉ rõ, việc định hình mối quan hệ kinh tế và thương mại giữa Ấn Độ với Đông Nam Á đã tạo ra động lực để Ấn Độ triển khai LEP đến AEP. Chìa khóa cho nhiệm vụ tăng cường quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á là việc thúc đẩy ba loại kết nối: Cơ sở hạ tầng, thể chế và con người với con người. Tuy nhiên, tác giả cũng đã chỉ ra rào cản để hội nhập, đó là sự chậm trễ trong việc hoàn thành các dự án cơ sở hạ tầng (đường bộ, đường sắt, cảng biển và đường cao tốc), do những hạn chế chính trị, tài chính đã cản trở tiến trình hợp tác kinh tế. Cùng với rào cản hàng rào phi thuế quan, cần được giải quyết để tăng cường quan hệ đối tác Ấn Độ - ASEAN.

Đề cập đến việc tham gia liên tục ở cấp độ song phương, khu vực và đa phương trong AEP, bài nghiên cứu “*India’s Act East Policy: The North-East States of India with 3 C’s Formula*” (AEP của Ấn Độ: Ấn Độ triển khai công thức 3C qua khu vực Đông Bắc) của Giáo sư Ashok Brahma, đăng trên tạp chí IJRSET, Ấn Độ (tập 7/số 9, năm 2019). Bài viết nghiên cứu về việc Chính phủ N.Modi áp dụng công thức 3C (Connect: Kết nối; Commerce: Thương mại và Cultural: Văn hóa) để phát triển quan hệ tốt hơn với các quốc gia ASEAN thông qua cửa ngõ vùng Đông Bắc/Ấn Độ. Đi sâu nghiên cứu quá trình phát triển từ LEP đến AEP, thông qua các kế hoạch, chương trình và các mục tiêu xác định. Tác giả cho rằng, khu vực Đông Bắc Ấn Độ đã cung cấp nền tảng để Ấn Độ mở rộng hành lang phát triển, liên kết khu vực với các nước láng giềng ở Đông Nam Á. AEP cùng với các sáng kiến sáng kiến cải cách như “Sản xuất tại Ấn Độ” (Make in India), “Kỹ năng Ấn Độ” (Skill India), “Ấn Độ số” (Digital India), “Làm sạch Ấn Độ” (Clean India), “Các thành phố thông minh” (Smart Cities)... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng, xây dựng thành phố minh, đảm bảo an ninh năng lượng. Đây được coi là kế hoạch chiến lược, tạo ra sự linh hoạt và không gian chính trị rộng lớn để Ấn Độ xây dựng niềm tin, gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực [Ashok Brahma, 2019, p.10027].

Bàn về liên kết văn hóa Ấn Độ - ASEAN trong AEP, cuốn kỷ yếu *Act East: ASEAN - India Shared Cultural Heritage* (AEP: ASEAN - Ấn Độ chia sẻ di sản văn hóa), do GS.TS.Mitchir De biên soạn (Trung tâm ASEAN - Ấn Độ - AIC/RIS, Ấn Độ xuất bản năm 2019). Cuốn kỷ yếu đề cập đến việc từ khi triển khai LEP đến AEP, Ấn Độ đã củng cố và tạo được nền tảng vững chắc mối liên kết văn hóa xã hội với ASEAN. Cho rằng, mối liên kết này sử dụng hiệu quả, Ấn Độ sẽ mở rộng được hợp tác khu vực, vượt ra ngoài lĩnh vực kinh tế, chính trị, đi vào các lĩnh vực giáo dục, du lịch và giao lưu nhân dân [Prabir De, 2019, p.06]. Tuy nhiên, cuốn sách cũng đề cập đến những thách thức mới về sự kết nối con người với con người và quan hệ văn hóa trong quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Ấn Độ. Xác định một số chính sách khả thi để Ấn Độ vượt qua những thách thức, làm sâu sắc thêm mối quan hệ văn hóa, liên kết văn minh giữa ASEAN và Ấn Độ.

Khẳng định ASEAN luôn là trọng tâm, khi Ấn Độ tiếp tục đẩy mạnh AEP, hướng tới mở rộng phát triển ra AĐD-TBD. Bài nghiên cứu của TS.Sampa Kundu “*Act East and Indo-Pacific: Assessing the responses from ASEAN*” (2019) (Hành động hướng Đông và Ấn Độ - TBD: Đánh giá phản hồi từ ASEAN), đăng trên Diễn đàn Dân chủ Nam Á - SADF (số 44, năm 2019), cho rằng Ấn Độ luôn coi ASEAN là cốt lõi trong AEP và thúc đẩy quan hệ song phương với các quốc gia ASEAN, để hướng tới tầm nhìn về một AĐD-TBD, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển cho tất cả các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, hầu hết các nước Đông Nam Á cũng lo ngại Quad 2.0 “*Bộ Tứ*” (Mỹ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ) được coi là một nhóm loại trừ Trung Quốc. Do đó, New Delhi cần phải xây dựng khả năng duy trì cách tiếp cận ổn định và cân bằng trong khu vực: Tiếp tục thực hiện mối quan hệ với Trung Quốc; Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác Quad khác, để bảo vệ vị trí độc nhất ở AĐD-TBD; tập trung đẩy mạnh quan hệ với các thành viên ASEAN đảm bảo hợp tác và phát triển, không e ngại sự trỗi dậy và quyết đoán của Trung Quốc trong khu vực.

Công trình nghiên cứu của Viện Brookings Ấn Độ (năm 2019) *Acting East: India in the Indo-pacific* (AEP: Trong AĐD-TBD của Ấn Độ). Tác giả Jaishankar đã làm rõ các yếu tố thúc đẩy AEP của Ấn Độ, bao gồm: (1) Bảo đảm an ninh khu vực AĐD, trước sự cạnh tranh của các nước lớn, thông qua (nâng cao nhận thức,

năng lực về hàng hải; thường xuyên đảm bảo sự hiện diện của hải quân; tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng và năng lực lãnh đạo thể chế ở khu vực); (2) Đẩy mạnh hội nhập ngoại giao, kinh tế và quân sự với Đông Nam Á, để cân bằng quyền lực, ổn định trong khu vực; (3) Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với các cường quốc (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Pháp, Nga và các quốc gia khác) có chung mối quan tâm về cách thức trỗi dậy của Trung Quốc; (4) Giảm thiểu sự khác biệt và tìm kiếm con đường để hợp tác với Trung Quốc [Jaishankar, 2019, p.5-6].

Trong bài 12 “Act East Policy from Perspectives of Soft Power Engagements and Connectivity between Northeast India and ASEAN” (Quan điểm của AEP về sự tham gia và kết nối của quyền lực mềm giữa Đông Bắc Ấn Độ với ASEAN), cuốn Kỷ yếu hội thảo quốc tế *Border and Connectivity: North-East India and South-East Asia* (Biên giới và kết nối: Đông Bắc Ấn Độ và Đông Nam Á), do K.Vidya Sagar Reddy và C.Joshua Thomas Biên soạn (NXB.Pentagon Press LLP, New Delhi, năm 2019), tác giả Suwalal Jangu đã đề cập đến sự kết nối giữa Ấn Độ và ASEAN, cho rằng sức mạnh mềm và kết nối mềm là hai cơ chế quan trọng trong AEP của Ấn Độ. Những cam kết mềm là điều kiện tiên quyết để thiết lập sức mạnh cứng và kết nối với các quốc gia láng giềng. Các cơ chế này được sử dụng để giải quyết các lỗ hổng về giao lưu nhân dân và kết nối thể chế ở khu vực biên giới Ấn Độ với Myanmar. Những mối liên kết này có thể được sử dụng như một phần mềm để kết nối quyền lực mềm giữa Ấn Độ và ASEAN [Suwalal Jangu, 2019, p.140]. Tác giả đã chỉ ra một số thách thức lớn trong việc kết nối quyền lực mềm giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, đó là: (1) Xây dựng các tổ chức, để phối hợp giải quyết các khoảng cách; (2) Hợp tác để lập kế hoạch và cải thiện quy trình thực hiện; (3) Đặc thù địa chính trị và xã hội - dân tộc đa dạng ở khu vực Đông Bắc và ASEAN; (4) Hệ thống chính trị, xã hội và pháp lý ở hai nước. Ngoài ra, còn thiếu các sáng kiến khả thi giữa các địa phương hai bên để thúc đẩy các cam kết và kết nối quyền lực mềm giữa Đông Bắc Ấn Độ với Myanmar [Suwalal Jangu, 2019, p.152]. Vì vậy để AEP trở thành hiện thực, Ấn Độ cần tập trung phát triển cơ sở hạ tầng toàn diện ở khu vực Đông Bắc. Cả Ấn Độ và ASEAN phải huy động thực hiện các cam kết quyền lực mềm, xem xét các cải cách dân chủ ở Myanmar và triển vọng kinh tế của Đông Bắc.

Tương lai của Ấn Độ là ở phương Đông và bắt đầu từ Đông Bắc. Đông Bắc và Myanmar đang ở thời điểm giao thoa quyền lực mềm giữa Ấn Độ và các nước Đông Nam Á [Suwalal Jangu, 2019, p.154].

Luận án của Tiến sỹ Namita Kaur (năm 2019) tại Trường Đại học Lovely Professional University (LPU)/Ấn Độ, *Trade performance and competitiveness: A study of India-ASEAN trade relations in context of Look East Policy* (Hiệu xuất thương mại và cạnh tranh: Nghiên cứu liên quan đến thương mại Ấn Độ - ASEAN trong AEP), nêu bật bối cảnh Ấn Độ đẩy mạnh triển khai AEP, cạnh tranh địa chính trị, kinh tế với Trung Quốc. Phân tích hoạt động thương mại giữa Ấn Độ và các nước ASEAN, qua đó đánh giá những khó khăn, thách thức và tiềm năng để Ấn Độ duy trì thương mại, hiệu suất và khả năng cạnh tranh với các nước ASEAN trong thời gian tới. Tác giả khẳng định, Chính sách hướng Đông của Ấn Độ đã chứng tỏ một bước đi đúng đắn và đúng hướng khi dòng chảy thương mại đang chuyển từ các nước phương Tây sang châu Á và đặc biệt là Đông Nam Á [Namita Kaur, 2019, p.16]. Nhận định, thị trường ASEAN sẽ mở ra những cơ hội mới cho các sản phẩm của Ấn Độ, nếu Ấn Độ tiếp cận thận trọng, chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả kinh tế thương mại. Điều thú vị là chỉ số tăng trưởng thương mại ASEAN của Ấn Độ luôn duy trì ở mức cao hơn mức đặt ra [Namita Kaur, 2019, p.186].

1.3.2. Ấn Độ với một số nước ASEAN

- Ấn Độ với Việt Nam:

Khám phá triển vọng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong LEP, công trình nghiên cứu *Vietnam - India Relations in The Light of India's Look East Policy* (Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ dưới ánh sáng của LEP) của tác giả Võ Xuân Vinh, được Hội đồng các vấn đề thế giới Ấn Độ xuất bản năm 2013. Tác giả đã xem xét, làm nổi bật quan điểm của LEP trong quan hệ giữa Ấn Độ với Việt Nam dưới các khía cạnh chiến lược, chính trị, kinh tế, quốc phòng và phát triển nguồn nhân lực. Tác giả cho rằng, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ là truyền thống, được thử nghiệm theo thời gian, dựa trên sự tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau. Việt Nam đã được Ấn Độ công nhận là một yếu tố quan trọng trong LEP, điều đó đã đóng góp vào kết quả đạt được của hai nước trong hai thập kỷ qua. Có rất nhiều lĩnh vực hai nước có thể hợp tác ở cả cấp độ song phương và đa phương [Võ Xuân Vinh, 2013, p.48].

Bàn về việc Ấn Độ coi Việt Nam là trụ cột trong AEP, Việt Nam xác định quan hệ đối tác chiến lược với Ấn Độ là ưu tiên trong chính sách đối ngoại. Bài nghiên cứu “*Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới*” của PGS,TS Trương Thị Thông, Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (năm 2016), tác giả khẳng định: Hai nước Việt Nam - Ấn Độ có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời, Ấn Độ là người bạn lớn và tin cậy của Việt Nam, trong khi Việt Nam được Ấn Độ xác định là một trụ cột trong AEP. Hai nền kinh tế năng động, đang vươn lên mạnh mẽ ở châu Á, nên tăng cường hợp tác kinh tế là một mục tiêu chiến lược trong quan hệ song phương. Việt - Ấn đang nỗ lực hướng đến một tầm nhìn mới trong bối cảnh khu vực và thế giới mới có nhiều biến động hàm chứa nhiều cơ hội cũng như nhiều thách thức đặt ra.

Trong khi đó, bài nghiên cứu của GS.Harsh V.Pant, “India and VietNam: A strategic partnership in the making” (Ấn Độ và Việt Nam: Trong quá trình thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược), được trường Nghiên cứu Quốc tế S.Rajaratnam RSI)/Singapore đăng tải năm 2018. Tác giả lập luận, quan hệ Ấn Độ - Việt Nam được thúc đẩy bởi những thay đổi cấu trúc cơ bản, những cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo chính trị hai nước, qua đó dự báo khả năng xu hướng quan hệ hai nước phát triển mạnh mẽ hơn trong những năm tới. Cho rằng, Việt Nam đang nổi lên như một quốc gia quan trọng trong AEP của Ấn Độ. Sự tin tưởng lẫn nhau, cùng chung các mối đe dọa xuất hiện từ sự “*trỗi dậy*” của Trung Quốc và sự hội tụ lợi ích chiến lược đã góp phần làm sâu sắc thêm mối quan hệ đối tác “Chiến lược Toàn diện” của họ. Cùng với các mối quan hệ quốc phòng và chiến lược, Ấn Độ đã cố gắng thúc đẩy quan hệ kinh tế với Việt Nam. Việt Nam cũng đã tích cực hỗ trợ AEP của Ấn Độ, tạo điều kiện cho Ấn Độ đóng vai trò to lớn hơn trong khu vực.

Đánh giá về những tiến bộ, ưu tiên và những thách thức khi Việt Nam là trụ cột trong AEP, bài nghiên cứu của TS.Võ Xuân Vinh “India - VietNam Relations under Modi 2.0: Prospects and Challenges” (Quan hệ Ấn Độ - Việt Nam theo Modi 2.0: Triển vọng và thách thức) được Viện nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS)/Singapore đăng tải (năm 2019). Bài viết cung cấp tổng quan về những tiến bộ đạt được trong quan hệ Ấn Độ - Việt Nam nhiệm kỳ đầu của Thủ tướng N.Modi

(Modi 1.0). Xem xét triển vọng quan hệ Ấn Độ - Việt Nam trong nhiệm kỳ 2 của Thủ tướng N.Modi (Modi 2.0), thông qua việc Ấn Độ tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực hợp tác quan trọng về quốc phòng, hàng hải, năng lượng và an ninh mạng. Tác giả nhận định, bằng cách theo đuổi chính sách đối ngoại phù hợp với một cường quốc, Modi 2.0 sẽ tiếp tục coi Việt Nam là trụ cột quan trọng trong AEP và chiến lược ADD-TBD. Tuy nhiên, yếu tố Trung Quốc sẽ là thách thức chính đối với quan hệ Việt - Ấn, đặc biệt là trong các lĩnh vực hợp tác quân sự, hàng hải và dầu khí ngoài khơi [Võ Xuân Vinh, 2019, p.7].

- Ấn Độ với Myanmar:

Đề cập đến quan hệ Ấn Độ với Myanmar trong bối cảnh Myanmar chuyển đổi nền dân chủ từ quân sự sang dân sự, Cuốn sách *India - Myanmar Relations: Changing Contours* (Quan hệ Ấn Độ Myanmar: Thay đổi đường viền) của Rajiv Bhatia (NXB.Routledge/ISEAS - Yusof Ishak Institute, năm 2015), đã đánh giá toàn diện mối quan hệ nhiều mặt giữa Ấn Độ với Myanmar. Dựa trên nghiên cứu cụ thể, tác giả đã làm rõ quỹ đạo các hiệp định giữa Ấn Độ - Myanmar từ trước cho đến nay và đánh giá về bối cảnh địa chính trị của khu vực. Cho rằng, trong khi nhìn vào khu vực rộng lớn hơn, Ấn Độ và Myanmar đã tiếp tục nỗ lực kết nối và hợp tác mạnh mẽ trong các khuôn khổ tiểu vùng khác nhau [Rajiv Bhatia, 2015, p.5]. Tác giả đã chỉ ra ba lý do Ấn Độ cần đánh giá lại chính sách với Myanmar, để thúc đẩy quan hệ hai nước: (1) Ấn Độ là nền dân chủ lớn nhất thế giới bên cạnh Myanmar, nên kỳ vọng sẽ đóng góp tích cực vào việc củng cố các lực lượng dân chủ ở Myanmar; (2) Cải cách các biện pháp kinh tế tiến bộ, để tạo ra không gian mới cho Ấn Độ thâm nhập thị trường Myanmar; (3) Quá trình Myanmar chuyển đổi nền dân chủ, đã báo trước những thay đổi trong quan hệ đối ngoại của Myanmar, nên Ấn Độ cần phải sửa đổi cách tiếp cận chính sách với Myanmar [Rajiv Bhatia, 2015, p.11].

Đi sâu nghiên cứu về những điều chỉnh linh hoạt trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Myanmar giai đoạn chuyển đổi từ LEP sang AEP, bài nghiên cứu đăng trên số 6B, tập 127 (năm 2018), Tạp chí KHXH & NV Đại học Huế “Political and diplomatic relations between India and Myanmar (1992 - 2014): A view from the impacts of Look East Policy” (Quan hệ chính trị và ngoại giao giữa Ấn Độ và

Myanmar (1992 - 2014): Quan điểm từ các tác động của LEP). Tác giả Nguyễn Tuấn Bình đã tập trung làm rõ giai đoạn chuyển đổi chính sách từ LEP sang AEP, đi kèm là quan hệ Myanmar - Ấn Độ. Chính sách của Ấn Độ đối với Myanmar đã có những điều chỉnh cơ bản, linh hoạt, khi Myanmar được Ấn Độ coi là trung tâm của LEP và là cầu nối, mắt xích để Ấn Độ củng cố các mối quan hệ chiến lược và mở rộng quan hệ kinh tế với các nước Đông Nam Á - khu vực giữ vai trò chính trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy quan hệ ASEAN Ấn Độ nói chung và Ấn Độ - Myanmar nói riêng được củng cố và phát triển [Nguyễn Tuấn Bình, 2018, p.64]. Thông qua việc tăng cường quan hệ với Myanmar, Ấn Độ đã góp phần ổn định tình hình chính trị ở Nam Á, qua đó đến các nước Đông Nam Á, giành được vị trí của Ấn Độ, dọn đường đến CA-TBD. Có thể nói rằng, chính sách hướng Đông của Ấn Độ được coi là yếu tố cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ giữa Ấn Độ và Myanmar [Nguyễn Tuấn Bình, 2018, p.65].

Nhận định về những hướng đi mới, cách tiếp cận AEP và giải pháp để Ấn Độ thúc đẩy quan hệ với Myanmar, bài nghiên cứu “The India - Myanmar Relationship: New Directions after a Change of Governments?” (Mối quan hệ Ấn Độ - Myanmar: Những hướng đi mới sau khi thay đổi chính phủ?) của Pierre Gottschlich, đăng trên tạp chí nghiên cứu châu Á - IQAS/Đức (năm 2018). Tâm điểm của bài viết, tập trung phân tích những hướng đi mới trong quan hệ song phương kể từ cuộc bầu cử chính phủ mới ở Ấn Độ năm 2014 và Myanmar năm 2015. Mặc dù đã có những dấu hiệu về cách tiếp cận AEP, song vẫn còn phải xem liệu chính phủ của Đảng Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ (NLD) Myanmar sẽ thay đổi gì ở cấp độ quốc tế [Pierre Gottschlich, 2018, p.171]. Tác giả đã đề xuất 5 biện pháp đối với Ấn Độ: (1) Cần mở rộng viện trợ phát triển và các dòng tín dụng bổ sung cho Myanmar; (2) Hỗ trợ phát triển kỹ thuật và nhân lực trong lĩnh vực CNTT; (3) Nới lỏng các quy tắc cấp thị thực cho công dân Myanmar, để thúc đẩy giao lưu nhân dân và có các chương trình trao học bổng cho sinh viên đến từ Myanmar; (4) Có chính sách ưu tiên trong lĩnh vực thương mại đối với Myanmar với tư cách là đối tác lớn và uy tín trong quan hệ hai nước; (5) Cho phép doanh nghiệp tư nhân tham gia mạnh mẽ vào phân khúc cơ sở hạ tầng, để hoàn thành các dự án song phương tại Myanmar [Pierre Gottschlich, 2018, p.196].

Đánh giá về cơ sở, nền tảng thúc đẩy triển vọng quan hệ Ấn Độ - Myanmar và vai trò cầu nối của Myanmar tới Đông Nam Á được xác định trong AEP, bài tổng quan “Bước phát triển mới quan hệ Ấn Độ - Myanmar trong hai thập niên sau Chiến tranh Lạnh - Cơ sở và thành tựu” (năm 2019), đăng trên Tạp chí Phát triển KHCCN - KHXH và NV, 3 (1): tr.10-17. Nguyễn Tuấn Bình đã dựa trên việc nghiên cứu quan hệ Ấn Độ - Myanmar trong những năm gần đây, tác giả khẳng định: Mặc dù còn tồn tại những khó khăn và trở ngại, quan hệ giữa Ấn Độ với Myanmar vẫn phát triển trên cơ sở nền tảng vững chắc (về đường biên giới liền kề, nhu cầu hợp tác của hai nước, bối cảnh quốc tế, khu vực và chính sách đối ngoại đa phương đa dạng), ngày càng đóng góp cho lợi ích, nâng cao vị thế hai nước, thúc đẩy mối quan hệ song phương phát triển trong tương lai [Nguyễn Tuấn Bình, 2019, tr.15]. Tác giả khẳng định, AEP là sự tiếp nối, cụ thể hóa chính sách “hướng Đông” và là bước tiến mới của Ấn Độ trong việc kết nối với các nước ASEAN thông qua Myanmar [Nguyễn Tuấn Bình, 2019, tr.13].

Trong “Tuyên bố chung Myanmar - Ấn Độ nhân dịp chuyến thăm cấp nhà nước của Tổng thống Cộng hòa Liên bang Myanmar U Win Myint tới Cộng hòa Ấn Độ (02.2020)”, được Bộ Ngoại giao Myanmar đăng tải, trong đó nhấn mạnh: Các tương tác cấp cao thường xuyên đã tạo thêm động lực cho các mối quan hệ song phương. Hoan nghênh sự phối hợp giữa chính sách đối ngoại độc lập, tích cực và không liên kết của Myanmar với chính sách “Neighborhood first” (Láng giềng trước tiên) và AEP của Ấn Độ. Tái khẳng định các cam kết nhằm tăng cường quan hệ đối tác, khám phá các con đường hợp tác mới nhằm mở rộng quan hệ song phương vì lợi ích chung của nhân dân hai nước.

- Ấn Độ với Indonesia: Phân tích về những ưu tiên của Indonesia đối với AEP của Ấn Độ, bài nghiên cứu “India’s Trade and Investment Cooperation with Indonesia - Where to Invest in the Next Decade?” (Ấn Độ Hợp tác thương mại và đầu tư với Indonesia - Nơi đầu tư vào thập kỷ tiếp theo?), đăng trên ResearchGate (năm 2016) của PGS.TS.Arup Barman cho biết, trong quan hệ “Đối tác Chiến lược” hai nước, Indonesia ủng hộ AEP của Ấn Độ, đây là cơ hội duy nhất để tăng cường hợp tác lâu dài trong một số lĩnh vực Indonesia ưu tiên. Đồng thời nhấn mạnh việc

Ấn Độ phải đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng, truyền thông, dịch vụ hàng không và các nguồn năng lượng (Dầu, khí đốt, than đá) và năng lượng tái tạo của Indonesia. PGS.TS.Arup Barman kết luận: Hãy để Ấn Độ tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho các nước láng giềng một cách tử tế trong tương lai.

Đề cập đến sự hội tụ của Ấn Độ và Indonesia ở khu vực AĐD-TBD và đẩy mạnh AEP, bài viết của Defbry Margiansyah “Modi-fying Ties with Indonesia, Reinforcing India’s Strategic Role in the Indo-Pacific” (N.Modi đẩy mạnh quan hệ với Indonesia, củng cố vai trò chiến lược của Ấn Độ ở AĐD-TBD), được trung tâm Nghiên cứu Chính trị - Viện Khoa học Indonesia (P2P-LIPI) đăng tải năm 2018. Tác giả chỉ rõ việc Thủ tướng N.Modi thúc đẩy hợp tác với Indonesia, nhằm mục đích đẩy mạnh AEP, nâng cao vai trò địa chính trị chiến lược của Ấn Độ ở AĐD-TBD. Tác giả cho rằng, lợi ích chiến lược của Ấn Độ ở AĐD-TBD, làm nền tảng cho mối quan hệ đối tác “Chiến lược Toàn diện” mới giữa Ấn Độ và Indonesia. Sự hội tụ tầm nhìn của hai nước thông qua: (1) Sáng kiến Trục biển toàn cầu (Global Maritime Fulcrum - GMF) của Tổng thống Indonesia Jokowi hội tụ với sự quan tâm của Ấn Độ trong khu vực; (2) Khái niệm hợp tác AĐD-TBD của Indonesia đã chia sẻ những điểm tương đồng với tầm nhìn tích cực của Thủ tướng N.Modi, trong việc nhấn mạnh vào một khu vực AĐD-TBD cởi mở, ổn định, an toàn và thịnh vượng; (3) Vai trò ảnh hưởng hàng đầu của Indonesia trong ASEAN là điều cơ bản, có lợi cho việc Ấn Độ thúc đẩy mục tiêu đối ngoại và tiếp cận toàn diện khu vực AĐD-TBD trong sử dụng các không gian chung dựa trên luật pháp quốc tế.

Trong khi đó, bài viết của tác giả Priya Chacko “India and Indonesia Standing in the Way of the Indo-Pacific” (Ấn Độ và Indonesia đi trên đường AĐD-TBD), được Viện toàn cầu Châu Á - AGI, Đại học Hồng Công đăng tải năm 2018. Tác giả lập luận, Ấn Độ và Indonesia xem xét để thiết lập trật tự khu vực dựa trên quy tắc và luật pháp quốc tế, cho các nền kinh tế của các quốc gia đang phát triển và vị trí địa chính trị của các cường quốc dân chủ ở AĐD-TBD. Tuy nhiên, phân tích các liên kết kinh tế của Ấn Độ với khu vực TBD và các liên kết của Indonesia với khu vực AĐD cho thấy đóng góp của họ cho hội nhập AĐD-TBD còn hạn chế. Trong khi sự xuất hiện, tích hợp của Ấn Độ và Indonesia với tư cách là động lực chính của một hệ thống chiến lược ở AĐD-TBD vẫn chưa trở thành hiện thực.

Cùng quan điểm đánh giá về sự hội tụ lợi ích chiến lược của hai nước ở khu vực ADD-TBD, bài nghiên cứu “*India - Indonesia: A natural partnership for Indo-Pacific*” (Ấn Độ - Indonesia: Quan hệ đối tác tự nhiên hướng tới ADD-TBD) của Viện Nghiên cứu Hòa bình và Xung đột - IPCS, Ấn Độ (năm 2019). Tác giả Ashutosh Nagda đã làm sáng tỏ sự hội tụ về tầm nhìn của Thủ tướng N.Modi trong khái niệm “*ADD-TBD tự do và cởi mở*” và “*Sự cân bằng động Dynamic*” (mà Jokowi đã tiến hành) là bổ sung, củng cố độ tin cậy lẫn nhau. Điều này được tác giả chứng minh trong quan hệ đối tác “Chiến lược Toàn diện” giữa hai nước, nhất là việc hai bên đã đạt được tầm nhìn chung liên quan đến cảng Sabang của Indonesia. Tuy nhiên tác giả cho rằng, trong lĩnh vực hợp tác kinh tế, tốc độ còn chậm, đầu tư thương mại của Ấn Độ vào Indonesia còn khiêm tốn. Do vậy, điều cần thiết là cả hai nước tối ưu hóa các chiến lược và thời gian thực hiện các kế hoạch phù hợp vì một ADD-TBD tự do, dựa trên quy tắc và công bằng.

- Ấn Độ với Thái Lan:

Đề cập đến phạm vi hội nhập chính sách khu vực của Ấn Độ và Thái Lan, bài nghiên cứu “*Act East Policy, India’s North- East and Thailand: Issues in Economic Integration*” (AEP, Đông Bắc Ấn Độ và Thái Lan: Các vấn đề trong hội nhập kinh tế) trong tập 3 cuốn kỷ yếu *13th International conference on thai studies* (Hội thảo quốc tế lần thứ 13, nghiên cứu Thái Lan), được Đại học Chiang Mai, Thái Lan xuất bản năm 2017. Tác giả Bhagirathi cho rằng, sự xuất hiện của cộng đồng châu Á và chủ nghĩa khu vực hiệu quả không chỉ là một yêu cầu đối với châu Á mà còn là nhu cầu trên toàn thế giới. Chính trong bối cảnh này, AEP của Ấn Độ và Chính sách “Hành động hướng Tây” (AWP) của Thái Lan được ban hành đã tạo thuận lợi cho quá trình này. Trọng tâm bài viết, tác giả đã phân tích hội nhập kinh tế vùng Đông Bắc Ấn Độ với Thái Lan thông qua tham chiếu SWOT (Sức mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức) trong khuôn khổ AEP, tìm cách mở rộng thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, du lịch và lao động để phát triển NER [Bhagirathi, 2017, p.1194]. Tác giả khẳng định, để có đủ phạm vi cho hội nhập kinh tế giữa NER và Thái Lan trong khuôn khổ AEP của Ấn Độ và AWP của Thái Lan, phải dựa trên cơ sở kinh tế và văn hóa dân tộc của cả hai bên [Bhagirathi, 2017, p.1202].

- Ấn Độ với Singapore: Khám phá đường biển để đưa AEP vào Đông Nam Á thông qua cửa ngõ chiến lược Singapore. Bài nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Công - CPPR, Ấn Độ (năm 2018) “India - Singapore Relations: Exploring Potential Partnership” (Quan hệ Ấn Độ - Singapore: Khám phá mối quan hệ đối tác tiềm năng). Tác giả Sivaranjini cho rằng, AEP của Ấn Độ có nhiệm vụ tăng cường mối quan hệ với các nước Đông Nam Á thông qua hai con đường: (1) Đường biển, qua cửa ngõ chiến lược Singapore tới Brunei, Việt Nam, Philippines...; (2) Đường bộ đến Thái Lan, Myanmar và Campuchia, bằng đường cao tốc kết nối ba bên. Đối với thương mại quy mô lớn, các quốc gia phải phụ thuộc vào các tuyến đường biển, Singapore và Ấn Độ cũng không ngoại lệ, đòi hỏi hai bên phải xây dựng được mối quan hệ bền vững hơn. Tuy nhiên, “Hiệp định hợp tác kinh tế Toàn diện” (CECA) giữa hai nước vẫn đang “hợp tác” và chưa trở thành “đối tác”, còn nhiều rào cản chưa được tháo gỡ, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin và ngân hàng.

- Ấn Độ với Brunei: Đánh giá về những hạn chế khi Ấn Độ triển khai AEP, chưa chú trọng tới vai trò của Brunei, bài phân tích của Viện nghiên cứu Nam Á/ISAS, Đại học Quốc gia Singapore/NUS (năm 2020) “Envisioning the Potential in India-Brunei Relations” (Hình dung về tiềm năng quan hệ Ấn Độ - Brunei). TS.Mustafa Izzuddin nhìn nhận, trong nhiệm kỳ đầu Thủ tướng N.Modi (2014 - 2019), Ấn Độ đã không coi trọng Brunei trong AEP. Vì vậy, Ấn Độ nên khắc phục và làm sâu sắc quan hệ với Brunei để mở ra tiềm năng quan hệ song phương trên nhiều lĩnh vực, như: Hợp tác quốc phòng, ngoại giao kinh tế, liên kết giữa người dân và thúc đẩy sự hội tụ chiến lược. Trong nhiệm kỳ thứ hai, Thủ tướng N.Modi nên mở đường cho việc hồi sinh quan hệ Ấn Độ - Brunei như một “tấm ván” không thể thiếu trong AEP của chính phủ Ấn Độ, nhằm mở rộng dấu ấn địa chiến lược của Ấn Độ ở Đông Nam Á trong thập kỷ này [Mustafa Izzuddin, 2020, p.1].

Bên cạnh đó, còn có hàng loạt công trình nghiên cứu, bài viết đề cập đến quá trình triển khai AEP tới các quốc gia Đông Nam Á. Điển hình là bài nghiên cứu “Chính sách hướng Đông” của Ấn Độ trong quan hệ hợp tác với ASEAN” (2016) của Nguyễn Ngọc Hà và Nguyễn Thị Mai đăng trên trang Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện CTQG HCM; bài viết “*Hành động hướng Đông trong chủ trương*

tiếp cận ASEAN của Ấn Độ” (2016) của Thủy Nguyên được “Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam đăng tải; bài nghiên cứu của GS.Pankaj Jha đăng trên tạp chí modern diplomacy “India's Act East policy and SVIMM strategy” (2019) (AEP của Ấn Độ và chiến lược SVIMM (Singapore, Việt Nam, Malaysia và Myanmar); bài viết “Ấn Độ: Chiến lược SVIMM trong AEP” (2019) của Huy Lê đăng trên TTXVN...

1.3.3. Ấn Độ - Đông Bắc Á

- Với Nhật Bản: Đánh giá về vị trí của Nhật Bản trong AEP, Tạp chí Triển vọng toàn cầu, Đại học New York Tirana, năm 2016 đăng bài nghiên cứu “Quads and triangles: Locating Japan in India’s Act East Policy” (Quads và Tam giác: Định vị Nhật Bản trong AEP của Ấn Độ) của tác giả Swaran Singh và Lilian Yamamoto. Bài viết đánh giá vai trò của Nhật Bản trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, khi Ấn Độ thay đổi mô hình từ LEP đến AEP, từ đối tác ASEAN đến Đông Á (xác định Nhật Bản là trụ cột mạnh nhất, trong quan hệ song phương và đa phương). Tác giả cho rằng, Trung Quốc trỗi dậy đã kích hoạt Ấn Độ chuyển đổi chính sách này và tăng cường mối quan hệ gần gũi với Mỹ, Nhật Bản để Ấn Độ mở rộng, gia tăng ảnh hưởng, gắn kết với các nước Đông Á [Swaran Singh và Lilian Yamamoto, 2016, p.115]. Tác giả chỉ ra, sự hỗ trợ của Mỹ đối với AEP của Ấn Độ còn thể hiện ở tiềm năng cho phép Nhật Bản - Ấn Độ thúc đẩy hợp tác, tìm cách tham gia vào khu vực rộng lớn hơn, thậm chí vượt ra ngoài ASEAN [Swaran Singh và Lilian Yamamoto, 2016, p.121].

Sự phát triển mạnh mẽ của AEP ở Đông Á và vai trò tương tác của Mỹ trong quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản đã được đề cập trong cuốn chuyên khảo *India-Japan Strategic Cooperation and Implications for U.S. Strategy in the Indo-Asia-Pacific Region* (Hợp tác và ý nghĩa chiến lược Ấn Độ - Nhật Bản đối với chiến lược của Hoa Kỳ tại khu vực ADD, CA - TBD) của tác giả by Thomas F.Lynch III và James J.Przystup (NXB.Đại học Quốc phòng Washington DC, năm 2017). Đồng tác giả khẳng định, AEP đã nhanh chóng tăng tốc tương tác trên các lĩnh vực kinh tế, ngoại giao và chiến lược với các đối tác ở Đông Á, trong đó có Nhật Bản. Ấn Độ mong muốn Nhật Bản đầu tư vào cơ sở hạ tầng của Ấn Độ và các sáng kiến trên bờ biển

phía Đông Ấn Độ. Giai đoạn này, Mỹ đóng vai trò là nhân tố tích cực, tương tác cho việc mở rộng mối quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản trong tất cả các lĩnh vực cũng như Hoa Kỳ - Ấn Độ [Thomas F.Lynch III and James J.Przystup, 2017, p.9-10].

Đi sâu vào tiềm năng và xem xét ảnh hưởng của AEP đối với sự hiện diện của các doanh nghiệp Nhật Bản ở Ấn Độ hiện nay. Bài phân tích của GS.Arup Barman và học giả Chandibai Potsangbam “Act East Policy and the Presence of Japanese Businesses in India” (AEP và sự hiện diện của Doanh nghiệp Nhật Bản ở Ấn Độ) được trình bày tại hội thảo *North East Management Association*, tổ chức tại Đại học Khoa học và Công nghệ, Meghalaya, Ấn Độ (10.2017). Bài viết đã tập trung vào các biện pháp thúc đẩy AEP để thu hút các dòng chảy kinh doanh và thương mại của Nhật Bản vào Ấn Độ. Tác giả khẳng định, kết quả đạt được trong sự phát triển của AEP, là việc Nhật - Ấn tăng cường quan hệ chính trị nói chung và sự hiện diện của doanh nghiệp Nhật Bản ở Ấn Độ cũng như trong sự phát triển của vùng Đông Bắc Ấn Độ nói riêng [Arup Barman and Chandibai Potsangbam, 2017, p.6].

Đề cập đến sự phối hợp giữa AEP và tầm nhìn “ADD-TBD tự do và cởi mở” (FOIP) của Nhật Bản, công trình nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu châu Á - Ifri, Pháp (năm 2018), *The Japan-India Economic Partnership A Politically Driven Process* (Quan hệ đối tác kinh tế Nhật Bản - Ấn Độ một quá trình thúc đẩy chính trị) của tác giả Céline Pajon. Trong phần “*The political setting: building synergies between Act East and Free and Open Indo-Pacific Strategy*” (Bối cảnh chính trị: xây dựng sự phối hợp giữa AEP và FOIP). Tác giả cho rằng, chương trình nghị sự của Nhật Bản và Ấn Độ liên quan đến việc thúc đẩy xây dựng CSHT để tăng cường kết nối cả ở Ấn Độ và trong khu vực ADD-TBD được hội tụ, thông qua ba trụ cột: (1) Tăng cường sự phối hợp giữa tầm nhìn rộng lớn của Ấn Độ và Nhật Bản cho khu vực; (2) Thúc đẩy đầu tư của Nhật Bản vào các quốc gia Ấn Độ nâng tầm ảnh hưởng chiến lược; (3) Nỗ lực thúc đẩy đầu tư chung ở các nước thứ ba [Céline Pajon, 2018, p.26]. Điều này đã hỗ trợ mục tiêu chiến lược giúp Ấn Độ tái hòa nhập Đông Á, cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc trong khu vực. Đồng thời tác giả nhấn mạnh, cả hai quốc gia Nhật Bản và Ấn Độ có thể tăng cường hỗ trợ cho các công ty của hai nước muốn cùng đầu tư vào châu Phi để đạt được tầm nhìn địa chính trị, sự hợp lực giữa AEP và FOIP [Céline Pajon, 2018, p.32].

Cùng hướng phân tích về sự mở rộng hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản ở khu vực ADD-TBD, cuốn sách *Scaling India-Japan Cooperation in Indo-Pacific and Beyond 2025: Corridors, Connectivity and Contours* (Mở rộng hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản ở ADD-TBD sau năm 2025: Hành lang, kết nối và đường viền), do TS.Jagannath P.Panda Biên tập (NXB KW, năm 2019). Đánh giá tiềm năng hợp tác cơ sở hạ tầng và hành lang hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản tại ADD-TBD, tác giả K.V. Kesavan cho rằng: Một trong những mục tiêu AEP là tăng cường sự phối hợp giữa Ấn Độ với các quốc gia ở ADD-TBD. Nhật Bản không những tham gia ngày càng sâu sắc vào việc kết nối vùng Đông Bắc Ấn Độ với khu vực lân cận mà còn hợp tác với Ấn Độ trong nhiều lĩnh vực, như: Năng lượng, cấp nước, y tế, nông nghiệp, môi trường... Đây là một phần hội tụ chiến lược ADD-TBD mà cả hai nước đều muốn mở rộng hợp tác [K.V. Kesavan, 2019, p.90].

- Với Hàn Quốc: Cuốn sách *New Delhi's 'Act East' and the India-ASEAN Engagement: What They Mean for IndiaKorea Relations in the Indo-Pacific* (New Delhi hành Động Hướng Đông và sự tham gia của Ấn Độ - ASEAN: Ý nghĩa của chúng đối với mối quan hệ Ấn Độ - Hàn Quốc ở ADD-TBD) của TS.Jagannath P.Panda (Viện Chính sách kinh tế quốc tế Hàn Quốc/KIEP, năm 2019). Tác giả đã tập trung nghiên cứu, xem xét sự tham gia ngày càng tăng của Ấn Độ với ASEAN và các yếu tố để Ấn Độ - Hàn Quốc có thể hợp tác trong và ngoài khuôn khổ ASEAN. Phân tích sự hội tụ giữa AEP và NSP của Hàn Quốc trong lĩnh vực hợp tác song phương và đa phương. Qua đó tìm kiếm sự tương thích chiến lược với Hàn Quốc - một trong các chủ thể kinh tế có ảnh hưởng trong khu vực (cũng như hầu hết các đối tác đối thoại ASEAN), để định vị các lợi ích chiến lược chặt chẽ hơn. Tác giả khẳng định, ASEAN là trung tâm của cả AEP và NSP, nên Ấn Độ - Hàn Quốc có thể hợp tác trong và ngoài nhu cầu cấu trúc ASEAN được khám phá [P.Panda, 2019, p.86].

Cùng quan điểm, hướng tiếp cận trên, bài nghiên cứu đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Khu vực Hàn Quốc năm 2019 “*ASEAN Factor and the Converging South Korea's 'New Southern Policy' with India's AEP*” (Yếu tố ASEAN và sự hội tụ NSP với AEP của Ấn Độ). Đồng tác giả Yun Jiwon và Nguyễn Trần Tiến cho

rằng, ASEAN - Ấn Độ - Hàn Quốc đã trở thành đối tác quan trọng đa chiều và toàn diện. Mục tiêu NSP của Hàn Quốc là thúc đẩy ASEAN trở thành đối tác quan trọng như các đối tác lớn khác trong khu vực và bổ sung cho AEP của Ấn Độ [Yun Jiwon và Nguyễn Trần Tiến, 2019, p.333]. Xác định ASEAN là động lực, sự tương thích và khả năng hội tụ của hai chính sách này để thúc đẩy triển vọng quan hệ Hàn - Ấn.

Nghiên cứu việc Ấn Độ mở rộng AEP ra bán đảo Triều Tiên như một cam kết, ưu tiên cho việc đối thoại để ổn định khu vực, phần III, mục 13 “Korea in India’s Look and Act East Policy” (Hàn Quốc trong LEP và AEP của Ấn Độ) trong cuốn sách *Major Powers and the Korean Peninsula: Politics, Policies and Perspectives* (Các cường quốc và bán đảo Triều Tiên: Chính trị, chính sách và quan điểm), do TS.Titli Basu biên tập (NXB.KW, New Delhi, năm 2019). Tác giả P.Kumar Singh đã phân tích việc mở rộng AEP ra Bán đảo Triều Tiên. Nhấn mạnh sự hội tụ và phân kỳ giữa Ấn Độ - Hàn Quốc và Ấn Độ với Triều Tiên. Tác giả cho rằng, nhìn vào tổng thể AEP của Ấn Độ là ưu tiên hàng đầu cho việc đối thoại bán chính thức và không chính thức giữa Ấn Độ và hai miền Triều Tiên, nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, để phi hạt nhân hóa, cũng như các vấn đề phát triển cho mỗi Quốc gia. Quan điểm tích hợp này là sự mong muốn vì một bán đảo Triều Tiên ổn định thì Ấn Độ cũng có lợi ích lớn hơn. AEP của Ấn Độ như một cam kết và có trách nhiệm đối với các bên liên quan trong khu vực [P.Kumar Singh, 2019, p.307].

Bài nghiên cứu “India - South Korea strategic relations: Shared imperatives, common goals” (Quan hệ chiến lược Ấn Độ - Hàn Quốc: Các mệnh lệnh chung, mục tiêu chung), của Abhijit Singh đăng trên ORF/Ấn Độ (năm 2020). Tác giả khẳng định, Ấn Độ coi Hàn Quốc là đối tác không thể thiếu trong AEP, về việc đóng góp cho hòa bình, ổn định và an ninh ở khu vực CA-TBD. Các yếu tố chiến lược và kinh tế đã thúc đẩy hai bên hợp tác chặt chẽ để đạt được các mục tiêu chung. Hai bên đang tìm cách mở rộng sự tham gia chiến lược của họ, nhất là việc cam kết đưa mối quan hệ hàng hải, quân sự lên một tầm cao mới...

- Với Trung Quốc: Với tư cách là đối tác tương tác, cạnh tranh ảnh hưởng của AEP với chiến lược “Chuỗi ngọc trai”, Sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI) của Trung Quốc ở khu vực đã được nhiều nghiên cứu đề cập. Bài nghiên cứu của tác giả

Waheeda Rana đăng trên Tạp chí quốc tế về kinh doanh và KHXH -IJBSS, của CPI, Mỹ (năm 2015) “India and China: Regional Competitors towards a Cooperative Relationship” (Ấn Độ và Trung Quốc: Đối thủ cạnh tranh trong khu vực, hướng tới quan hệ hợp tác). Tác giả cho rằng, Ấn Độ và Trung Quốc đã có những phát triển tích cực trong hai thập kỷ qua, thông qua hợp tác trong một số lĩnh vực, như: Thương mại, an ninh, chống khủng bố, năng lượng... nhưng hai bên vẫn nghi ngờ, cảnh giác, không tin tưởng lẫn nhau với những động thái, sự phát triển trong các lĩnh vực quân sự và quốc phòng của đối phương. Trong cuộc cạnh tranh giành ảnh hưởng, cả hai quốc gia đều nỗ lực thiết lập ảnh hưởng và kiểm soát ADD, nhiều khả năng không bên nào để cho bên kia dẫn đầu. Ấn Độ đã áp dụng AEP và nỗ lực phát triển mối quan hệ với các nền kinh tế sôi động của các nước Đông Á và Đông Nam Á. Để đối phó với mối liên kết chính trị, kinh tế, quân sự với các quốc gia Nam Á trong chiến lược “*Chuỗi ngọc trai*” của Trung Quốc [Waheeda Rana, 2015, p.216]. Vì vậy, thúc đẩy sự hội tụ lợi ích trong các lĩnh vực quan trọng, hai nước cần phải tránh xung đột trực tiếp và nên cởi mở, lấy quan hệ hợp tác làm trọng [Waheeda Rana, 2015, p.219].

Bài nghiên cứu của Vaishnavi Mulay “India’s Act East Policy: What About China?” (AEP của Ấn Độ: Trung Quốc thì sao?), được Viện Nghiên cứu Châu Á, Đại học Nottingham/Anh (năm 2017) đăng tải. Bài viết nghiên cứu sự thay đổi từ LEP sang AEP và tập trung vào ý nghĩa của chính sách ở hai khu vực chính: Đông Bắc Ấn Độ và Trung Quốc. Tác giả cho rằng, AEP có hai mục tiêu chính: Thúc đẩy Ấn Độ trở thành cường quốc khu vực và đóng vai trò đối trọng với ảnh hưởng chiến lược ngày càng tăng của Trung Quốc. Mặc dù sức mạnh quân sự của Ấn Độ không thể so sánh được với Trung Quốc, nhưng Ấn Độ có thể sử dụng sức mạnh mềm để khẳng định vị thế của mình thông qua các sự kiện, diễn đàn khu vực. Khẳng định, AEP cùng với một số sáng kiến do chính phủ Ấn Độ đưa ra nhằm phát triển kinh tế nhanh chóng, được coi là một kế hoạch chiến lược để tạo ra không gian chính trị rộng lớn, đối phó với sự quyết đoán ngày càng tăng và cách tiếp cận đơn phương của Trung Quốc trong khu vực. Tác giả dự đoán, về lâu dài Ấn Độ triển khai AEP, quan hệ Ấn - Trung sẽ không tích cực, song sẽ giúp Ấn Độ đạt được tính hợp pháp quốc tế cho bất kỳ hành động nào, khi Ấn Độ quyết định thúc đẩy AEP tiến xa hơn.

Cuốn sách *India and China in Asia: Between Equilibrium and Equations* (Ấn Độ và Trung Quốc ở châu Á: Giữa trạng thái cân bằng và phương trình) của TS.Jagannath P.Panda (NXB.Taylor & Francis Ltd/Anh, năm 2019). Cuốn sách xem xét thực trạng, tìm hiểu quan điểm của cả hai cường quốc Ấn Độ, Trung Quốc trong quan hệ hợp tác ở cấp độ song phương và cạnh tranh, ảnh hưởng lẫn nhau, khi hai bên muốn định vị địa chiến lược ở Châu Á. Trong nhận thức của Ấn Độ, sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI), giúp Trung Quốc phát huy ảnh hưởng chính trị đối với các nước yếu về kinh tế ở châu Á thông qua các khoản vay. Để đối mặt với BRI, Ấn Độ đã đưa ra sáng kiến về An ninh và tăng trưởng cho tất cả mọi người trong khu vực - SAGAR, nhằm nhân mạnh sự phát triển toàn diện và phổ quát trong khu vực ADD. Mục tiêu là làm sống lại các mối liên kết thương mại của cả ba bờ biển phía Đông, Nam và Tây của Ấn Độ, để liên kết cấu trúc và chiến lược với ADD [Jagannath P.Panda, 2019, p.11].

1.3.4. Ấn Độ với New Zealand, Australia

Đánh giá về vai trò của AEP trong việc thúc đẩy quan hệ chiến lược Ấn Độ - New Zealand, bài nghiên cứu “India and New Zealand: Reeling Strategic Relationship Across 1.3000 km” (Ấn Độ và New Zealand: Mối quan hệ chiến lược sôi động vượt qua 1.3000 km) của tác giả Malay Mishra đăng trên Vol. CXLV, số 599 (năm 2015), Tạp chí Viện dịch vụ Thống nhất Ấn Độ - USI/India. Tác giả cho rằng, “Chiến lược Mở cửa cho Ấn Độ - New Zealand” của Thủ tướng John Key là nền tảng của mối quan hệ song phương phát triển. Chiến lược này đã vạch ra tầm nhìn của New Zealand để Ấn Độ trở thành đối tác thương mại, kinh tế và chính trị cốt lõi của New Zealand vào năm 2015. Khẳng định, mặc dù còn nhiều thách thức, sự khác biệt trong nhận thức về các vấn đề toàn cầu, song New Zealand là đối tác đã cung cấp cho Ấn Độ một cách hiệu quả, để Ấn Độ tiếp tục mở rộng lợi ích chiến lược, điều này cũng trùng khớp với chiến lược của New Zealand về việc gia tăng sự hiện diện ở khu vực ADD-TBD. AEP của Ấn Độ đã nhân mạnh sự thay đổi lớn trong quan điểm của Ấn Độ đối với khu vực và gánh vác các cam kết chung ở TBD.

Phân tích các ưu tiên trong phát triển kinh tế với Australia, cũng như một phần được xác định trong AEP. Bài nghiên cứu của R.Raghuramapatruni và D.Srinivasa Chary “Trends and Prospects of Bilateral Trading Relations between

India and Australia” (Xu hướng và triển vọng quan hệ thương mại song phương giữa Ấn Độ và Australia), đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế Quốc tế, Ấn Độ (năm 2017). Bài viết tập trung phân tích kim ngạch thương mại song phương Ấn Độ - Australia, xác định các lĩnh vực tiềm năng và khám phá sâu những cơ hội, đưa ra triển vọng thương mại 2 nước trong thời gian tới. Tác giả khẳng định, thị trường Australia có tầm quan trọng chiến lược đối với Ấn Độ, giúp Ấn Độ đứng vững và mở rộng tại các thị trường Đông Á mới nổi. Điều này đã trở thành một phần quan trọng trong các ưu tiên chiến lược phát triển kinh tế của Ấn Độ, cũng như một phần được xác định trong AEP. Trong khi đó, tương lai của Australia nằm ở khu vực AĐD-TBD, quan hệ Australia - Ấn Độ là yếu tố then chốt để Australia đẩy mạnh hợp tác với khu vực này [R.Raghuramapatruni và D.Srinivasa Chary, 2017, p.601]. Tuy nhiên, sự hợp tác và bổ sung trong các lĩnh vực khác, chưa được hình thành để mang lại cơ hội, hỗ trợ cho mối quan hệ kinh tế Australia - Ấn Độ phát triển [R.Raghuramapatruni and D.Srinivasa Chary, 2017, p.599].

1.4. Các công trình nghiên cứu tác động, triển vọng và giải pháp của AEP

1.4.1. Tác động của chính sách “hướng Đông”

Luận án tiến sĩ của Võ Xuân Vinh tại Học viện Khoa học Xã hội, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (năm 2011), *ASEAN trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ từ 1992 đến 2008*, là nghiên cứu quan trọng về vai trò, vị thế của ASEAN trong LEP của Ấn Độ giai đoạn 1992 - 2010, dựa trên các mục tiêu chủ yếu về chính trị - chiến lược, kinh tế và phát triển vùng. Trong đó, chương 3 của luận án, đánh giá về những tác động của LEP đối với Ấn Độ, ASEAN và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ (bao gồm cả mặt tích cực và hạn chế). Tác giả khẳng định, LEP mặc dù có những tác động không mong muốn đối với Ấn Độ nhưng nhìn chung, những tác động tích cực vẫn nổi bật hơn cả. Đó là lý do tại sao nhiều nhà lãnh đạo Ấn Độ đánh giá rằng, LEP là một trong những chính sách đối ngoại thành công nhất của Ấn Độ giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh [Võ Xuân Vinh; 2011; tr.205].

Phân tích về rào cản từ Trung Quốc, khi Ấn Độ triển khai LEP, sách chuyên khảo *China's Perception of India's 'Look East Policy' and Its Implications* (Nhận thức của Trung Quốc về chính sách “hướng Đông” của Ấn Độ và ảnh hưởng) của GS.Baladas Ghoshal (NXB.Institute for Defence Studies and Analyses, năm 2013).

Chuyên khảo đi sâu tìm hiểu, khám phá nhận thức của Trung Quốc về LEP của Ấn Độ, cũng như những tác động ảnh hưởng của chính sách này đối với: Đông Nam Á, Đông Á và trực tiếp hoặc gián tiếp về quan hệ Ấn Độ với Trung Quốc. Tác giả đã tập trung phân tích làm rõ bối cảnh, nội dung, quá trình triển khai LEP và các phản ứng từ Trung Quốc. GS.Baladas Ghoshal cho rằng, Trung Quốc vừa là nhân tố quan trọng định hình LEP/Ấn Độ, vừa là rào cản khi không ủng hộ sự hiện diện và ảnh hưởng mạnh mẽ của Ấn Độ ở Đông Nam Á. LEP là một nỗ lực để Ấn Độ thúc đẩy lợi ích chính trị, kinh tế và chiến lược ở Đông Nam Á và Đông Á; hoàn toàn không hướng tới “Ngăn chặn” Trung Quốc, như Bắc Kinh tuyên bố, nhưng cũng sẵn sàng chống lại bất kỳ hành động nào của Trung Quốc gây tổn hại đến lợi ích sống còn của Ấn Độ trong khu vực. Do đó, Ấn Độ phải tăng cường và củng cố vị thế trong khu vực thông qua “Sức mạnh mềm” về giáo dục, văn hóa và dân chủ. Tận dụng các lợi thế so sánh để xây dựng sự phụ thuộc lẫn nhau, góp phần xây dựng lợi ích chung vào hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á và Đông Á. Để khẳng định quan điểm đúng đắn và sự phát triển của chính sách này, điều cần thiết là phải mô tả nền tảng của chính sách, sự phát triển, mục tiêu, trọng tâm, nội dung và việc tham gia nhiều mặt của LEP với ASEAN và Đông Á [Baladas Ghoshal, 2013, p.20].

Đề cập đến các thách thức khi Ấn Độ trỗi dậy và triển khai LEP tới các quốc gia Đông Nam Á, sách chuyên khảo “*Trung Quốc và Ấn Độ trỗi dậy, tác động và đối sách của các nước Đông Nam Á*” của PGS.TS.Phạm Thái Quốc chủ biên, (NXB.KHXH Hà Nội, 2013). Cuốn sách này, Nhóm tác giả đã nghiên cứu về sự phát triển, cạnh tranh ảnh hưởng giữa Ấn Độ và Trung Quốc trên các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa... và xác định những vấn đề đặt ra trong quan hệ giữa Việt Nam với Ấn Độ. Tác giả cho rằng, LEP của Ấn Độ đã đem lại nhiều thành công trong thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN. Trước năm 1990 Ấn Độ là khu vực kinh tế gần như độc lập với ASEAN thì đến nay ASEAN đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của Ấn Độ (sau EU, Mỹ và Trung Quốc). Ngược lại, Ấn Độ cũng trở thành đối tác thương mại quan trọng của ASEAN, thương mại hai chiều đã đi vào chiều sâu [Phạm Thái Quốc, 2013, tr.239]. Tuy nhiên, đi cùng với các lợi ích, sự trỗi dậy của Ấn Độ cũng mang lại nhiều thách thức đối với các quốc gia ASEAN, đó là gia tăng cạnh

tranh thương mại, cạnh tranh đầu tư... buộc các quốc gia ASEAN phải có những đối sách ứng phó với sự trỗi dậy đó [Phạm Thái Quốc, 2013, tr.289].

Bài nghiên cứu “Dampak implementasi kebijakan Look East dan Act east India terhadap hubungan India dan Asean” (Tác động của việc thực hiện LEP/AEP của Ấn Độ đối với quan hệ Ấn Độ và ASEAN) của tác giả Luluk Fadilah đăng trên tạp chí Jurnal Polinter Prodi Ilmu Politik FISIP UTA’45 Jakarta, Volume 6 No.1 (Februari -Agustus 2020), p.46-59]. Tác giả cho rằng, LEP/AEP có tác động đến các mối quan hệ của Ấn Độ và ASEAN trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại. Chính sách này có ảnh hưởng đến quan hệ ASEAN - Ấn Độ dưới hình thức tích hợp lợi ích giữa các bên. Đối với ASEAN, cách tiếp cận của Ấn Độ thông qua LEP/AEP là cơ hội để thu hút Ấn Độ trở thành một đối tác chiến lược quan trọng của khu vực. Các quốc gia ASEAN có thể thu hút Ấn Độ hợp tác thực hiện dự án ở phạm vi song phương và đa phương [Luluk Fadilah, 2020, p.59].

1.4.2. Triển vọng và giải pháp

Trong bài phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN năm 2019, Thủ tướng N.Modi cho biết:

AEP của Ấn Độ là một phần quan trọng trong tầm nhìn ADD-TBD của Ấn Độ. ASEAN đang và sẽ luôn là trung tâm của AEP. ASEAN hội nhập, có tổ chức và phát triển kinh tế là lợi ích cơ bản của Ấn Độ. Chúng tôi cam kết tạo môi trường thuận lợi để tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác với ASEAN thông qua kết nối bằng đường bộ, hàng không và hàng hải [Shri Narendra Modi, 2019a].

Đề cập đến trọng tâm và triển vọng AEP, cuốn sách *Ấn Độ Với Đông Nam Á trong bối cảnh quốc tế mới*, do PGS.TS.Trần Nam Tiến chủ biên (NXB.Văn Hóa Văn Nghệ TP.HCM, 2016) đánh giá, việc Ấn Độ chuyển trọng tâm từ LEP sang AEP một cách mạnh mẽ là bước ngoặt mới trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ hiện nay và trong tương lai. Tác giả cho rằng, chính sách này không chỉ nhằm vào lợi ích kinh tế đơn thuần mà còn hướng đến lợi ích chính trị, an ninh để khẳng định vị thế cường quốc của Ấn Độ ở CA-TBD. Qua đó, giá trị của Ấn Độ ở khu vực ADD, Đông Nam Á không những không ngừng được nâng lên mà còn tạo lập được thế cân bằng trong cấu trúc an ninh ở khu vực Châu Á. Tác giả khẳng

định, dựa trên nền tảng thuận lợi và những ý nghĩa mang tính thông điệp trong mối quan hệ đặc biệt Ấn Độ - Việt Nam, thì Việt Nam càng đóng vai trò quan trọng trong ưu tiên chiến lược của Ấn Độ kết nối với Đông Nam Á.

Phân tích các nhân tố, triển vọng AEP, bài viết “AEP của Ấn Độ: Nhân tố tác động và triển vọng 5 năm tới” của PGS.TS.Nguyễn Vũ Tùng và TS.Đặng Cẩm Tú, đăng trên Tạp chí Cộng sản (Số 887, năm 2016), đã làm rõ quyết tâm của Thủ tướng N.Modi, hướng Ấn Độ đóng vai trò chiến lược lớn hơn thông qua phát triển các mối quan hệ đối ngoại. Trong đó, xác định đẩy mạnh quan hệ với CA-TBD, đặc biệt là Đông Á và Đông Nam Á, thông qua AEP. Đồng tác giả cho rằng, nhân tố để thúc đẩy AEP là: (1) Ấn Độ có sức nặng địa chiến lược/địa kinh tế “Tự thân”; (2) Mỹ ngày càng coi trọng vai trò của Ấn Độ trong quá trình hoạch định và triển khai Chiến lược Tái cân bằng ở CA-TBD; (3) Các nước khác ngày càng coi trọng hơn vai trò của Ấn Độ về an ninh; (4) Trung Quốc cũng coi trọng yếu tố Ấn Độ trong chiến lược của mình. Tuy nhiên, có một số nhân tố làm cản trở Ấn độ đầu tư sự chú ý và nguồn lực đối ngoại vào khu vực CA-TBD, bao gồm: (1) Tình trạng bất ổn định của khu vực Nam Á; (2) Ấn Độ vẫn chưa ổn định được quan hệ với Pakistan; (3) Sự cạnh tranh ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực Nam Á. Tổng hợp các yếu tố thúc đẩy và cản trở đối với AEP, tác giả khẳng định, chính sách này nhiều khả năng sẽ được Ấn Độ tiếp tục triển khai để nâng giá trị địa chiến lược của Ấn Độ trong khu vực thời gian tới.

Công trình nghiên cứu của Viện Đông Á- EAI/Hàn Quốc năm 2016, *From look East to act East: India as a Security Actor and Security Provider* (Ấn Độ từ LEP đến AEP: Với tư cách là thành viên, nhà cung cấp an ninh). TS.P.Panda đã chỉ ra, từ LEP đến AEP bao gồm một loạt các cam kết về thể chế, kinh tế, chính trị và an ninh với khu vực. Mục đích chính việc thúc đẩy AEP là để bảo vệ lợi ích quốc gia của Ấn Độ và cải thiện sự tham gia của Ấn Độ ở Đông Á với tư cách là một cường quốc. Phân tích triển vọng về quan hệ đối tác chiến lược của Ấn Độ trong khu vực, thông qua hợp tác quốc phòng - an ninh, thương mại và xem xét những hạn chế của Ấn Độ với tư cách là nhà cung cấp an ninh ở Đông Á. Để làm phong phú AEP ở CA-TBD tiến tới mở rộng ra AĐD-TBD và trở thành nhà lãnh đạo trung lập tại khu vực, Ấn Độ cần phải: (1) Nâng cấp quan hệ an ninh và quốc phòng song

phương với ASEAN cũng như các cường quốc khác; (2) Theo đuổi lập trường chủ động về hầu hết các vấn đề xung đột, bao gồm cả các vấn đề về hàng hải; (3) Nâng cấp và tối đa hóa các liên hệ và sự hiện diện đa phương, trong đó xây dựng mối quan hệ nước lớn tin cậy với Nhật Bản, Hàn Quốc [P.Panda, 2016, p.23].

Đề cập đến việc thúc đẩy, mở rộng AEP ra khu vực AĐD-TBD, bài nghiên cứu “*Acting East through India's Subregions*” (Hành động Đông qua các tiểu vùng của Ấn Độ) của TS.K.Yhome đăng trên ORF/Ấn Độ (năm 2017). Tác giả cho rằng, các tiểu vùng phía đông của Ấn Độ (vịnh Bengal, sông Mê Công và dãy Himalayan) đã tạo thành chuỗi địa chiến lược quan trọng tại khu vực AĐD-TBD để New Delhi thúc đẩy chính sách AEP. Bài viết lập luận rằng, trong bối cảnh địa chiến lược đang thay đổi, AEP của Ấn Độ phát triển, sẽ mở ra những cơ hội, thách thức mới, nên Ấn Độ cần tập trung mọi nguồn lực vào các tiểu vùng chiến lược này một cách hiệu quả, để liên kết các sáng kiến với nhau, hình thành chuỗi địa chiến lược tại khu vực AĐD-TBD.

Bài nghiên cứu “The Nautical Dimension of India’s “*Act East*” Policy” (Ấn Độ mở rộng phạm vi hàng hải trong AEP) của Trường nghiên cứu quốc tế S.Rajaratnam (RSIS)/Singapore (năm 2018). Tác giả A.Singh khẳng định: Để tìm kiếm sự tương tác chính trị chặt chẽ hơn với các đối tác phía Đông, AEP luôn định hướng hành động tới các nước láng giềng châu Á, thông qua thúc đẩy ngoại giao, mở rộng phạm vi kinh tế, an ninh và kết nối vòng cung rộng ở các nơi trong khu vực TBD. Tác giả cho rằng, một thành phần quan trọng của AEP là sự tham gia hàng hải của Ấn Độ ở CA-TBD. Các nhánh tăng trưởng của Hải quân Ấn Độ ở Đông Nam Á được thúc đẩy bởi ba yếu tố cần thiết: (1) Liên kết kinh tế và thương mại của Ấn Độ ở TBD; (2) Xem an ninh chiến lược ở Đông Nam Á như trường hợp thử nghiệm cho luật hàng hải quốc tế mà New Delhi rất muốn bảo vệ mạnh mẽ; (3) Tầm quan trọng của trạng thái cân bằng chiến lược ở châu Á. Về bản chất, mọi yếu tố của Ấn Độ tham gia hàng hải với ASEAN và các quốc gia Nam TBD để củng cố Hải quân Ấn Độ. Khi Ấn Độ đóng vai trò quan trọng ở CA-TBD, thì AEP mới đạt được sự tín nhiệm thực sự [Abhijit Singh, 2018, p.17].

Nghiên cứu sự phối hợp của AEP với nhóm Quad (Mỹ, Ấn Độ, Nhật, Australia) để phục vụ chiến lược của Ấn Độ ở AĐD-TBD, PGS.TS.Roger Liu “Act

East in the Indo-Pacific: India and Quad 2.0” (Hành Động ở ADD-TBD: Ấn Độ và Quad 2.0) đăng trên Prospect Journal No.19, Đài Loan (năm 2018). Tác giả lập luận, nếu New Delhi xác định AEP là cơ sở để Ấn Độ tham gia vào khu vực ADD-TBD, Quad 2.0 sẽ là nền tảng mở, có tiềm năng lớn để trở thành một khung an ninh linh hoạt. AEP có thể phối hợp tốt với Quad 2.0 để giải quyết nhu cầu phát triển của Ấn Độ và cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc ở khu vực ADD [Roger Liu, 2018, p.56]. Quad 2.0 không chỉ đơn thuần là một thỏa thuận an ninh có điều kiện, mà còn có tiềm năng to lớn để phát triển thành một cấu trúc linh hoạt hơn và phù hợp với lợi ích của thành viên, các quốc gia để trở thành nền tảng an ninh đa chức năng. Nếu “Bộ tứ” phối hợp với nhau trong các dự án cơ sở hạ tầng được thiết lập trong khung Quad 2.0, sẽ giúp tiếp tục thể chế hóa nền tảng này. Chiến lược ADD-TBD càng linh hoạt, càng có nhiều khả năng hợp tác tốt với AEP của Ấn Độ [Roger Liu, 2018, p.67].

Trong khi đó, để chứng minh sự cần thiết Ấn Độ phải tham gia vào các sáng kiến của các tổ chức khu vực nhằm mở rộng AEP sang ADD-TBD. Sách chuyên khảo *Act East to Act Indo-Pacific: India's Expanding Neighbourhood* (Từ AEP đến ADD-TBD: Ấn Độ mở rộng Vùng lân cận) của GS.Prabir De (NXB KW, năm 2020). Mở đầu cuốn sách tác giả cho rằng, Ấn Độ là quốc gia duy nhất ở châu Á có sức mạnh đối trọng với Trung Quốc, nên được nhiều nước ở CA-TBD hoan nghênh. Đứng trước sự suy giảm lớn về thương mại giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, Đông Á (giai đoạn 2014 - 2015), Chính phủ Ấn Độ đã đẩy mạnh sâu rộng AEP, nhằm mục đích hội nhập kinh tế lớn hơn với các quốc gia CA-TBD. Tác giả đã trình bày các khía cạnh quan trọng của quan hệ kinh tế Ấn Độ và những thách thức mà Ấn Độ phải đối mặt trong quá trình triển khai AEP. Mười chủ đề được đề cập trong cuốn sách này gồm: BBIN, BIMSTEC, SAARC, ASEAN, MGC, Act East, THER North East, BCIM, BRI, Act Far East và Indo-Pacific. Trong đó, đi sâu phân tích sự cần thiết phải tăng cường chuỗi giá trị khu vực giữa ASEAN và Ấn Độ; xác định đường viền mới nổi của ASEAN; hợp tác hàng hải của Ấn Độ; đảm bảo năng lượng bền vững giữa Ấn Độ và ASEAN... Để Ấn Độ mở rộng AEP, hướng đến một thị trường rộng lớn và vai trò quan trọng ở ADD-TBD.

Cùng quan điểm, bài nghiên cứu “India’s Act East Policy and ASEAN: Building a Regional Order Through Partnership in the Indo-Pacific” (AEP của Ấn Độ

với ASEAN: Xây dựng trật tự khu vực thông qua quan hệ đối tác ở ADD-TBD), của tác giả N.Tonsing và A.Pande đăng trên tạp chí International Studies, Jawaharlal Nehru University Ấn Độ (tập 57/số 1, năm 2020). Phân tích bối cảnh, bài viết cho rằng AEP đã trở thành cầu nối giữa khu vực ADD-TBD và ASEAN. Ấn Độ và ASEAN đang đứng ở vị trí trung tâm quan trọng hàng đầu và giữ vai trò cân bằng giữa các cường quốc ở ADD-TBD. Do đó, New Delhi đang tìm cách tạo ra nền tảng để cùng nhau hợp tác, phát triển ở ADD-TBD, phối hợp với các quốc gia trong khu vực này, tìm kiếm trật tự dựa trên các quy tắc nhằm thúc đẩy sự minh bạch, tôn trọng chủ quyền và luật pháp quốc tế, ổn định, tự do và công bằng thương mại. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với Ấn Độ là xây dựng một chiến lược toàn diện, bao gồm: Hợp tác kinh tế, tham gia chính trị và lợi ích chiến lược với tư cách là một cường quốc hàng hải ở khu vực ADD-TBD. Vì vậy, nhiệm vụ chính trị quan trọng của Chính phủ Ấn Độ hiện nay là xây dựng một chiến lược hiệu quả để thực hiện các mục tiêu này [Ngaibiakching Tonsing và Amba Pande, 2020, p.75].

Đánh giá về mục tiêu của khu vực Đông Bắc và AEP của Ấn Độ với nhóm 10 nền kinh tế ASEAN. Bài nghiên cứu của TS.Basanta Kalita đăng trên Tạp chí kinh tế và kinh doanh quốc tế - EPRA/Ấn Độ (năm 2020) “*India-asean trade opportunities under act east policy and India’s North East*” (Cơ hội thương mại của India-ASEAN theo AEP và vùng Đông Bắc Ấn Độ). Tác giả đã chỉ ra việc Ấn Độ cần phải sử dụng Đông Bắc làm cầu nối bằng đường bộ với Đông Nam Á để chấm dứt sự cô lập của khu vực này và thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế Ấn Độ. Khẳng định, sự tham gia của Ấn Độ với ASEAN đã mang lại lợi ích chiến lược cho Ấn Độ về mặt kinh tế lớn hơn sự tích hợp trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, để cải thiện và tạo thuận lợi cho việc kết nối kinh doanh với doanh nghiệp và công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn cũng như loại bỏ các hàng rào phi thuế quan là rất quan trọng, nhằm hiện thực hóa đầy đủ tiềm năng thương mại và hội nhập sản phẩm giữa Ấn Độ và ASEAN [Basanta kalita, 2020, p.53].

Bên cạnh đó, đề cập tới việc Ấn Độ mở rộng AEP thông qua quan hệ tương tác với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, bài nghiên cứu “India’s Extended “Act East” Outreach to Northeast Asia: Its Economic and Security Interactions with China, Japan, and South Korea” (Ấn Độ mở rộng AEP tiếp cận Đông Bắc Á: Tương

tác kinh tế, an ninh với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) của GS.Rajiv Kumar và PGS.Wooyeal Paik đăng trên Tạp chí nghiên cứu quốc tế Dbpia, Hàn Quốc (Số 17, năm 2019). Bài viết làm rõ bối cảnh trong nước, quốc tế và cách tiếp cận chiến lược tổng thể của Ấn Độ đối Đông Bắc Á thông qua AEP. Phân tích các mối quan hệ an ninh, kinh tế giữa Ấn Độ với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, cũng như tương tác của ba nước này đối với Ấn Độ. Tác giả cho rằng, mối quan hệ song phương Ấn Độ - Nhật Bản tượng trưng cho tính mở rộng và chiều sâu, đến mức mà Ấn Độ đã chia sẻ AEP với Nhật Bản. Nhật Bản và Ấn Độ gọi nhau là một “Đồng minh tự nhiên”, nghĩa là phần lớn lợi ích kinh tế và an ninh của họ hội tụ tại thời điểm đặc biệt này trên thế giới [Rajiv Kumar and Wooyeal Paik, 2019, p.14]. Trong AEP, Ấn Độ muốn Hàn Quốc là một phần của liên kết ADD-TBD. Đồng thời, coi năng lực kinh tế của Hàn Quốc là đối tác, nhà đầu tư, chuyên gia công nghệ, nhà tài trợ và công nghiệp chiến lược của Ấn Độ. So với Nhật Bản, mối quan hệ kinh tế của Hàn Quốc với Ấn Độ được định hướng nhiều hơn về khu vực tư nhân [Rajiv Kumar and Wooyeal Paik, 2019, p.18]. Khác với Nhật Bản và Hàn Quốc, Trung Quốc chiếm vị trí quan trọng trong ba nước Đông Bắc Á với tư cách là đối thủ cạnh tranh và hợp tác kinh tế. Cho đến nay, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại hàng đầu và giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển, tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ. Tuy nhiên Ấn Độ cho rằng, Trung Quốc không thể tham gia vào các lĩnh vực ảnh hưởng đến an ninh quốc gia của mình, bởi Trung Quốc đã trở thành mối đe dọa ngày càng nghiêm trọng, một đối thủ chính trong khu vực của Ấn Độ [Rajiv Kumar and Wooyeal Paik, 2019, p.11].

Cũng đề cập đến sự kết nối AEP của Ấn Độ với chính sách của các quốc gia khác, bài nghiên cứu “India’s “Act East” policy and regional cooperation” (Chính sách AEP của Ấn Độ và hợp tác khu vực) đăng trên ORF/Ấn Độ (02.2020). GS.Kv.Kesavan cho rằng, AEP của Ấn Độ là một sáng kiến ngoại giao nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, chiến lược và văn hóa với khu vực CA-TBD. AEP của Ấn Độ ra đời khi nền kinh tế của Ấn Độ đã phát triển mạnh mẽ so với các thập kỷ trước Ấn Độ triển khai LEP. Thủ tướng N.Modi đã tạo ra động lực mới để tăng cường quan hệ kinh tế, chiến lược và ngoại giao với các nước có chung mối lo ngại với Ấn Độ về ảnh hưởng sức mạnh kinh tế và quân sự ngày càng gia tăng của Trung Quốc.

Chính sách AEP của Ấn Độ hỗ trợ các chương trình kết nối để thúc đẩy hợp tác và hội nhập khu vực. Đặc biệt, chính sách này đã có sự kết nối mạnh mẽ với FOIP của Nhật Bản và “Chính sách hướng Nam mới” (NSP) của Hàn Quốc. Các chính sách này đều xác định ASEAN là trung tâm về lợi ích kinh tế và chiến lược, đây là cơ hội thúc đẩy hợp tác lẫn nhau.

Ngoài ra, còn có rất nhiều bài viết đề cập đến AEP của Ấn Độ, như: Bài viết “AEP của Ấn Độ” (2014) của Vũ Cận đăng trên web <http://dangcongsan.vn>; Bài nghiên cứu “India’s ‘Act East’ Policy: A Perspective” (AEP của Ấn Độ: Một viễn cảnh) của tác giả Vinod Anand & Dr.Rahul Mishra đăng trên Quỹ quốc tế Vivekananda (năm 2014); Bài viết “ASEAN trong AEP của Ấn Độ” của An Nhiên (năm 2016) đăng trên <http://www.tapchi-congsan.org.vn>; Cuốn *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI* của tác giả Nguyễn Thị Quế và Đặng Đình Tiên (NXB Lý luận chính trị, năm 2017)...

1.5. Nhận xét

1.5.1. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Về tổng thể, các công trình nghiên cứu về AEP của Ấn Độ được rất nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài quan tâm, tìm hiểu và đạt được kết quả đáng kể, thể hiện sự phong phú, đa dạng về nội dung và cách thức trình bày. Điều đó chứng tỏ AEP được dư luận Ấn Độ và khu vực rất kỳ vọng, vì không chỉ mang lại lợi ích quốc gia của Ấn Độ mà còn ảnh hưởng tích cực tới khu vực và quốc tế, được các nước đối tác tin tưởng, hưởng ứng và đón nhận. Tại Việt Nam nguồn tài liệu nghiên cứu về Ấn Độ tương đối nhiều, nhất là khi hai nước thiết lập quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện”, các tác giả đã dành sự quan tâm nhiều đến chính sách đối ngoại, tiềm lực quốc gia, vai trò của Thủ tướng N.Modi... ít nhiều trong số các công trình này cũng đã đề cập đến AEP. Không thể phủ nhận rằng, các công trình nghiên cứu kể trên đã giúp tác giả có một nền tảng kiến thức cơ bản, phong phú khi nghiên cứu về AEP của Ấn Độ.

Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu riêng cụ thể, hệ thống, cũng như sự tham gia của Việt Nam về AEP còn khá khiêm tốn, chưa đặt chúng trong tổng thể chính sách phát triển quốc gia, chính sách đối ngoại, cũng như sự biến đổi bên trong, bên ngoài Ấn Độ. Mặc dù vậy, đây là cơ sở quan trọng để Luận án so sánh,

đối chiếu và đưa ra những đánh giá về cơ sở thực tiễn của hình thức hợp tác, cũng như những thành công, hạn chế, thách thức và dự báo xu hướng phát triển của AEP trong 10 năm tới.

1.5.2. Những vấn đề luận án tiếp thu, kế thừa

Thông qua các công trình đó, luận án đã tiếp thu, kế thừa phát triển và bổ sung vào những vấn đề chính như sau:

Thứ nhất, những công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước thường có bố cục chặt chẽ, khoa học, sơ lược nét cơ bản nhất về cơ sở lý luận (theo hướng tiếp cận của chủ nghĩa lý tưởng hoặc của chủ nghĩa hiện thực) và thực tiễn quá trình hình thành, phát triển của AEP. Điều này rất hữu ích giúp tác giả xây dựng bố cục, triển khai các nội dung của luận án dựa trên khung lý thuyết của chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa hiện thực về AEP của Ấn Độ.

Thứ hai, thông qua các số liệu tin cậy của các công trình nghiên cứu trực tiếp về AEP của Ấn Độ qua từng năm đã mang tới nhiều cách tiếp cận, góc nhìn, so sánh, giúp cho tác giả có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đánh giá được thực chất nội dung chính sách này của Ấn Độ.

Thứ ba, trong các công trình nghiên cứu về quá trình triển khai AEP tới Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD, mối quan hệ giữa Ấn Độ với quốc gia Đông Nam Á là trường hợp nghiên cứu điển hình, nền tảng cơ bản để Ấn Độ mở rộng chính sách này tới Đông Bắc Á, Nam TBD, từng bước phối hợp với chính sách “*Láng giềng trên hết*”, hướng tới giành quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ ở ADD-TBD cạnh tranh ảnh hưởng chiến lược với Trung Quốc. Một số nghiên cứu đã phân tích vai trò, cầu nối của Myanmar giúp Ấn Độ triển khai AEP tới ASEAN, cạnh tranh ảnh hưởng với chiến lược “*Chuỗi ngọc trai*”, sáng kiến “*Vành đai, Con đường*” (BRI) của Trung Quốc. Ở phương diện này, đóng góp của các công trình trước giúp cho luận án tổng hợp, hệ thống hóa các thành quả nghiên cứu để giải quyết những câu hỏi nghiên cứu quan trọng mà luận án đã đề ra.

Ngoài ra, còn có rất nhiều công trình nghiên cứu, bài viết của các học giả, nhà nghiên cứu, nhà báo trong và ngoài nước đăng tải trên các tạp chí khoa học (Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Kiến thức Quốc

phòng hiện đại...), đề cập đến một khía cạnh, góc nhìn, nội dung về chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và AEP nói riêng.

1.5.3. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Trên cơ sở tiếp thu chọn lọc các nguồn tài liệu, tác giả cũng nhận thấy các công trình nghiên cứu của các tác giả về AEP còn khá phân tán, nên việc đưa ra những kết quả nghiên cứu mới một cách khách quan, hệ thống đa tầng, đa diện là điều rất cần thiết cả về khoa học và thực tiễn để lấp đầy “khoảng trống” nghiên cứu về AEP của Ấn Độ, do đó luận án sẽ tập trung, chú trọng vào việc:

(1) Phân tích, làm rõ cơ sở hình thành, quá trình vận động, phát triển AEP trong tổng thể chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Mặc dù các công trình nghiên cứu đi trước đều đề cập đến sự ra đời LEP, quá trình triển khai, chuyển đổi từ LEP sang AEP, song chỉ được xem xét một cách riêng biệt, chưa đặt trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ. Do đó, luận án đưa ra các kết quả nghiên cứu mới trên cơ sở phân tích các nhân tố nội sinh (cấp độ cá nhân, quốc gia) và ngoại sinh (cấp độ khu vực và quốc tế) làm cơ sở, điều kiện hình thành nên chính sách AEP.

(2) Chỉ ra sự kế thừa, tiếp nối, việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, biện pháp triển khai AEP dưới thời Thủ tướng N.Modi so với các chính phủ tiền nhiệm thực hiện LEP. Chú trọng làm rõ chính sách của các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD đón nhận AEP của Ấn Độ để đánh giá sự tương tác, hiệu quả của chính sách này mang lại. Các công trình nghiên cứu trước đó chủ yếu dựa trên những đánh giá phân kỳ và vì mục đích nghiên cứu riêng, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về chính sách, sự phản hồi, tiếp nhận của các quốc gia đối tác về AEP, thậm chí còn có sự khác biệt nhất định trong cách đánh giá của từng nước về tiến trình hợp tác và vai trò của AEP trong cấu trúc khu vực. Đặc biệt, nghiên cứu sẽ chỉ ra các mắt xích liên kết, hội tụ giữa AEP với chính sách khu vực của các đối tác (NSP của Hàn Quốc, FOIP của Nhật Bản, AWP của Thái Lan, AOIP của ASEAN...) khi Ấn Độ chủ trương kết nối sâu rộng chính sách này.

(3) Trên cơ sở những phân tích về AEP, luận án sẽ tập trung đánh giá tác động, nhận định, dự báo triển vọng của chính sách này tới năm 2030, qua đó khuyến nghị giải pháp của Việt Nam, nhằm tận dụng cơ hội, hóa giải các khó khăn, thách thức khi tham gia tiến trình Đông của Ấn Độ.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHÂN TỐ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA AN ĐỘ (2014 - 2020)

Trong chương 2, chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020 sẽ được giải thích trên hai phương diện lý luận và thực tiễn. Trên phương diện lý luận AEP của Ấn Độ, tác giả xem xét thông qua: Khái niệm về chính sách đối ngoại, sử dụng 02 hướng tiếp cận (Chủ nghĩa Lý tưởng và Chủ nghĩa Hiện thực) trong quan hệ quốc tế và khung lý thuyết của đề tài (mô hình, cấp độ) phân tích sự điều chỉnh chính sách đối ngoại để làm rõ cơ sở lý luận Ấn Độ đưa ra AEP. Trên cơ sở thực tiễn, tác giả sẽ phân tích, đánh giá nhân tố ngoại sinh (quốc tế, khu vực), nhân tố nội sinh (về tình hình chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh) của Ấn Độ cũng như nền tảng quan trọng để AEP ra đời.

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm về chính sách đối ngoại

Quan điểm về khái niệm chính sách đối ngoại trên thế giới rất đa dạng, phong phú, song đều có điểm chung bao quát, hướng tới những vấn đề về chiến lược, mục tiêu và hành động mà quốc gia đó quan hệ với các quốc gia khác, cũng như các tổ chức quốc tế. Trong cuốn Từ điển Bách khoa toàn thư cho rằng “Chính sách đối ngoại là những mục tiêu chung hướng dẫn các hoạt động và các mối quan hệ của một quốc gia trong sự tương tác với các quốc gia khác” [Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, 2011, tr.256]. Đề cập logic, xuyên chuỗi hơn các bước thực hiện chính sách đối ngoại, cuốn từ điển Thuật ngữ Ngoại giao Việt - Anh - Pháp nêu ra “Chính sách đối ngoại là chủ trương, chiến lược, kế hoạch và các biện pháp thực hiện cụ thể do một quốc gia đề ra liên quan đến các mối quan hệ quốc tế mà quốc gia đó thiết lập với các quốc gia và các chủ thể khác, nhằm tăng cường và bảo vệ lợi ích quốc gia của mình” [Dương Văn Quảng, Dương Huân Vũ, 2002].

Nhấn mạnh sự tương tác chiến lược thông qua các lĩnh vực hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, để đạt được các mục tiêu lợi ích của quốc gia. Cuốn sổ tay Thuật ngữ Quan hệ quốc tế đã chỉ ra: Chính sách đối ngoại của một quốc gia là tổng hợp các chiến lược, chính sách mà quốc gia đó sử dụng trong quá trình tương

tác với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, kinh tế, văn hóa và xã hội nhằm đạt được những mục tiêu phù hợp với lợi ích của quốc gia [Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp, 2013, tr.53]. Luận án Tiến sỹ Phùng Thị Thảo khẳng định “Chính sách đối ngoại của một quốc gia là tập hợp các chiến lược được quốc gia đó vận dụng trong quá trình tương tác với các quốc gia khác, các tổ chức quốc tế trên mọi lĩnh vực nhằm đạt được những mục tiêu phù hợp với lợi ích quốc gia thông qua các biện pháp hợp tác, cạnh tranh, xung đột thậm chí là chiến tranh” [Phùng Thị Thảo, 2018, tr.36]. Ngoài ra, còn một vài khái niệm khác như: Chính sách đối ngoại là sự phản ứng của một quốc gia trước những thay đổi của tình hình thế giới bên ngoài; chính sách đối ngoại là nghệ thuật chỉ đạo quan hệ của một quốc gia với các quốc gia khác; chính sách đối ngoại là chuỗi các hành động nhằm tối đa hóa lợi ích của một thực thể chính trị đơn nhất hoặc quốc gia...

Chủ thể của chính sách đối ngoại còn được định nghĩa biện chứng, mở hơn, liên quan đến cả chính sách đối nội “Chính sách đối ngoại là sự mở rộng hay nội dãi của chính sách đối nội, trong đó ngoại giao là công cụ của chính sách đối ngoại” [Nguyễn Thị Quế, Đặng Đình Tiến, 2017, tr.12]. Cả hai chính sách này dù ở mức độ nào thì cũng được gắn kết với nhau nhằm mục đích duy nhất là tối đa hóa lợi ích quốc gia - dân tộc mình trên trường quốc tế. Bởi các nhân tố bên trong quyết định khả năng hành động ở bên ngoài, ngược lại, các sự kiện quốc tế và các diễn biến mới trong quan hệ quốc tế tác động trở lại, buộc mỗi quốc gia đề ra chính sách và biện pháp nhằm tận dụng, phát huy thời cơ và hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực. Do đó, chính sách đối ngoại phải xuất phát từ những mục tiêu và nhu cầu phát triển của đất nước, không thể có chính sách đối ngoại chung chung, xa rời hoàn cảnh thực tế của đất nước và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Như vậy, chủ thể của chính sách đối ngoại được đề cập trong những khái niệm này đều là quốc gia. Mỗi quốc gia, thể chế chính trị khác nhau lại có cách cấu tạo bộ máy hoạch định chính sách đối ngoại khác nhau. Vai trò của chính sách đối ngoại ngày càng trở nên quan trọng, đặc biệt trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, sự giao lưu, hợp tác ngày càng được chú trọng, nên không quốc gia nào có thể tồn tại biệt lập bên ngoài. Đặc biệt chính sách đối ngoại của các nước lớn luôn được các

quốc gia khác quan tâm nghiên cứu, bởi chính sách của các nước này không chỉ liên quan đến lợi ích của mình mà còn có tác động đến hòa bình, ổn định và phát triển của cả khu vực và toàn thế giới. Chẳng hạn như chính sách đối ngoại của Ấn Độ luôn ảnh hưởng tới tình hình chính trị ở khu vực Nam Á, Đông Nam Á hay cả khu vực AĐD-TBD. Trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng phát triển nhanh và sâu rộng, ngoài các quốc gia, chủ thể của chính sách đối ngoại còn có thể là các Nhà nước siêu quốc gia, các tập đoàn đa quốc gia hay một tổ chức khu vực.

Tổng hợp các cách nhìn trên, tác giả cho rằng: Chính sách đối ngoại là một bộ phận của chính sách quốc gia để tương tác với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế trên mọi lĩnh vực nhằm bảo vệ, phát triển lợi ích quốc gia dân tộc trong môi trường quốc tế. Do đó, chính sách đối ngoại của bất kỳ một quốc gia nào dù lớn hay nhỏ bao giờ cũng nhằm phục vụ ba mục tiêu cơ bản là: An ninh, phát triển và ảnh hưởng” [Vũ Khoan, 1993, tr.3]. Với quan niệm này, vai trò chính sách đối ngoại đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện, gắn kết các mục tiêu an ninh, phát triển và vị thế, để nâng cao địa vị quốc gia trong môi trường khu vực và thế giới. Chính sách “hướng Đông” của Ấn Độ cũng không ngoại lệ, là một sáng kiến ngoại giao, bước cụ thể hóa các mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ sau chiến tranh Lạnh cho đến nay nhằm gia tăng ảnh hưởng, tạo dựng môi trường thuận lợi phát triển kinh tế và bảo vệ lợi ích an ninh, chiến lược từ xa của Ấn Độ.

2.1.2. Chủ nghĩa lý tưởng trong quan hệ quốc tế

Hướng tiếp cận của Chủ nghĩa Lý tưởng bắt nguồn từ chính sách đối ngoại của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919 - 1939). Sau khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Tổng thống Mỹ Wilson đã đưa ra tuyên bố “14 điểm” (Fourteen Points) trước Quốc hội Mỹ năm 1918 về việc thực hiện các mục tiêu: Quyền tự quyết của các quốc gia, thương mại tự do, giải trừ quân bị... nhằm thực hiện an ninh tập thể cho một nền hòa bình, công bằng và lâu dài trên thế giới, ông nhấn mạnh:

Một nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ chương trình mà tôi đã vạch ra, đó là nguyên tắc công bằng cho tất cả các quốc gia, dân tộc và quyền của họ được sống bình đẳng, tự do và an toàn với nhau, cho dù họ mạnh hay yếu [Woodrow Wilson, 1918].

Bài phát biểu này đã trở thành cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ và đã được áp dụng vào Hội Quốc Liên cũng như LHQ.

Những nhà tư tưởng ủng hộ Chủ nghĩa Lý tưởng trong quan hệ quốc tế tiêu biểu là: Mahatma Gandhi, Bertrand Russell, Aldous Huxley, William Ladd, Richard Cobden, Margret Mead... họ ủng hộ hướng tiếp cận hợp tác và chuẩn mực đạo đức cao hơn việc theo đuổi quyền lực và tuân theo mệnh lệnh sức mạnh chính trị. Nhân mạnh ảnh hưởng của tư tưởng tới hành vi, khuyến khích hợp tác toàn cầu thông qua các thể chế quốc tế, đề cao việc tuân thủ luật pháp quốc tế, giải giáp vũ trang và giải quyết các xung đột quốc tế bằng các biện pháp hòa bình thông qua đàm phán ngoại giao [Phùng Thị Thảo, 2018, tr.38]. Đặc biệt, các nhà lý tưởng mừng tượng một mẫu người mang tính hợp tác, từ đó xây dựng nên một trật tự thế giới hòa bình, nơi các quốc gia có thể sống chung hòa bình, thân thiện với nhau. Nhiệm vụ đảm bảo trật tự chung sẽ là trách nhiệm của cộng đồng quốc tế thông qua những tổ chức và định chế [Trương Minh Huy Vũ, 2015].

Bên cạnh đó, Chủ nghĩa Lý tưởng phản đối quan điểm hiện thực trong chính trị quốc tế là việc sử dụng sức mạnh để khẳng định quyền lực và lợi ích quốc gia, cho rằng đây không phải là bản chất quan hệ quốc tế. Họ kêu gọi quốc tế phải loại trừ các thể chế dễ gây ra chiến tranh, các nhà nước phải cải tổ lại hệ thống chính trị để thành lập các thể chế dân chủ từ bên trong mới có thể giúp làm dịu mối quan hệ giữa các nhà nước với nhau, như quan điểm của Tổng thống Wood Wilson cho rằng: Dân chủ sẽ khiến thế giới được an toàn và tránh khỏi chiến tranh vì các nền dân chủ sẽ khó xảy ra chiến tranh với nhau [Ngô Phương Nghị, Nguyễn Thanh Tùng, Đào Ngọc Tuấn, 2015, tr.54-63]. Họ lập luận rằng, chiến tranh và tình trạng vô chính phủ trong quan hệ quốc tế là vấn đề mang tính toàn cầu, song không phải là không tránh được, tần suất các cuộc chiến tranh có thể được giảm thiểu nhờ việc củng cố, cải tổ các thể chế quốc tế và đòi hỏi phải có sự tập trung nỗ lực hợp tác từ nhiều phía, một chủ thể không thể đơn phương giải quyết được.

Ngày nay Chủ nghĩa Lý tưởng đã có sự gắn kết nhiều hơn giữa môi trường trong nước và môi trường quốc tế, giữa chính sách đối nội và chính sách đối ngoại, giữa yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài, giữa chính trị và kinh tế. Chủ nghĩa Lý

tưởng còn đưa ra nhiều biện pháp thúc đẩy hợp tác, đóng góp cho an ninh, đảm bảo hòa bình, do chủ nghĩa lý tưởng đề cao vai trò của chủ thể quốc tế, nên khi tham gia vào chủ thể quốc tế, thể chế đã điều chỉnh quan hệ với các thành viên đã góp phần thúc đẩy sự hợp tác được đặt ra.

Vì vậy với những luận điểm chính của Chủ nghĩa Lý tưởng trong việc: Đề cao vai trò dân chủ tự do, như phương cách quan trọng thúc đẩy hợp tác, đảm bảo an ninh và duy trì hòa bình trong QHQT; nhấn mạnh tự do thương mại; ủng hộ và đề cao vai trò của các chủ thể và luật pháp quốc tế. Đồng thời sử dụng lý trí, đạo đức, giáo dục và khoa học để đảm bảo cải cách trong quan hệ và để loại bỏ chiến tranh và các tệ nạn khác khỏi quan hệ quốc tế... điều đó đã đóng góp rất nhiều vào nghiên cứu quan hệ quốc tế, vào vấn đề an ninh, hòa bình và hợp tác, ngăn chặn xung đột và chiến tranh mang lại niềm tin và sự thay đổi thế giới theo hướng tích cực, tạo môi trường ổn định, hội nhập, hợp tác, hòa bình, hữu nghị trong quan hệ quốc tế. Chẳng hạn như khi Ấn Độ đẩy mạnh AEP với các quốc gia Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Nam TBD, Ấn Độ phải tôn trọng chủ quyền, an ninh, coi trọng hợp tác hòa bình và tránh xen vào công việc nội bộ của các đối tác trong đó. Tác giả sẽ vận dụng hướng tiếp cận của Chủ nghĩa Lý tưởng để lý giải các nhân tố chi phối cũng như nội dung bên trong AEP của Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020.

2.1.3. Chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế

Thuyết hiện thực là lý luận nổi trội trong giai đoạn chiến tranh Lạnh, mô tả quan hệ quốc tế như một cuộc đấu tranh giành giật quyền lực, gia tăng ảnh hưởng để theo đuổi lợi ích quốc gia. Họ đưa ra những lời giải thích có sức thuyết phục về chiến tranh, liên minh, Chủ nghĩa Đế quốc; sự phục tùng của các quốc gia đối với những chủ thể mạnh hơn và phủ nhận việc triệt tiêu xung đột và chiến tranh, nên đã trở ngại đối với hợp tác và các hiện tượng khác trong QHQT [Học Viện Quan hệ Quốc tế, 2007, tr.7]. Trong đó cho rằng, liên minh có thể tăng cường khả năng tự bảo vệ của nhà nước, nhưng không nên tin và giao phó trách nhiệm bảo vệ bản thân cho các tổ chức an ninh quốc tế hoặc luật pháp quốc tế, hòa bình chỉ có thể đạt được bằng sức mạnh, nên không có nguyên tắc nào quan trọng hơn nguyên tắc “tự cứu mình” [Paul R. Viotti, Mark V. Kauppi, 2003, p.80], nhà nước phải luôn tìm cách

có đủ sức mạnh kinh tế, quân sự để bảo vệ, ngăn chặn sự tấn công của những kẻ thù tiềm năng. Theo GS.Hoàng Khắc Nam (2017), luận điểm cơ bản trong quan hệ quốc tế của Chủ nghĩa Hiện thực là:

Môi trường quốc tế vô chính phủ, nên các chính phủ phải cạnh tranh với nhau và mọi quốc gia đều tìm cách tối đa hóa quyền lực, nên sự cạnh tranh quyền lực rất dễ dẫn đến xung đột và chiến tranh. Chủ nghĩa Hiện thực xem xung đột là tuyệt đối còn hợp tác trong quan hệ quốc tế chỉ là tương đối [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.37- 44].

Các đại diện của Chủ nghĩa Hiện thực gắn liền với những tên tuổi như Max Weber, E.H.Carr, Frederich Schuraan, Nicholas Spykman, Reinhold Niebuhr, Arnold Wolfers, Kenneth Thompson, George F.Kennan, Hans J.Morgenthau, Henry Kissinger, Kenneth Waltz, Robert jervis, Gerge Quester... Trong đó, Hans J.Morgenthau đặc biệt nhấn mạnh đến tầm quan trọng của lợi ích quốc gia, cho rằng:

Tiêu chí chính để giúp Chủ nghĩa Hiện thực tìm được hướng đi trong chính trị quốc tế là “lợi ích được định nghĩa bằng quyền lực”, đây là chuẩn mực khách quan có ý nghĩa bất biến và đúng ở mọi nơi. Các nguyên tắc đạo lý phổ quát không thể áp dụng cho hành vi của các quốc gia trong những điều kiện phổ quát mà phải qua những hoàn cảnh thời gian và không gian cụ thể [Hans j. Morgenthau, 1978, p.4-15].

Cách tiếp cận Chủ nghĩa Hiện thực là sự đối lập và cạnh tranh nhau, coi chính trị quốc tế là cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các quốc gia và biện minh về việc các quốc gia sử dụng sức mạnh của mình để bảo vệ mục tiêu lợi ích quốc gia là điều hoàn toàn đương nhiên [Robert W.Tucker, 1952, p.214]. Đồng thời, kịch liệt phản đối hướng tiếp cận của Chủ nghĩa Lý tưởng, là hướng tiếp cận không tưởng trong Quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng, quyền lực là thứ quốc gia nào cũng mong muốn [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.39]. Do đó, lãnh đạo các nhà nước tự do phải làm bất kỳ điều gì để đảm bảo sự sống còn và thúc đẩy các lợi ích của đất nước. Các chủ thể chính trị phải tuân theo những quy định của sức mạnh, nên theo đuổi những chính sách để tối đa hóa sức mạnh của quốc gia mình, không nên đưa ra các chính sách vượt quá giới hạn quyền lực của mình nếu không sẽ phải

gánh chịu thảm họa. Do đó, chính sách đối ngoại của một quốc gia được định hình phần lớn bởi vị trí của quốc gia ấy trong hệ thống quốc tế và sự phân bố quyền lực trong hệ thống đó.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, xuất hiện những phức tạp mới đan xen trong khu vực, nhất là từ lợi ích quốc gia - dân tộc đã buộc Ấn Độ phải xem xét đổi mới tư duy và cải tổ chính sách đối ngoại của mình. Trên cơ sở Chủ nghĩa Hiện thực, Ấn Độ đã chuyển đổi mô hình từ chính sách đối ngoại “không liên kết” thành “đa liên kết” và sự điều chỉnh LEP sang AEP để thu hẹp khoảng cách với các nước đối tác, hỗ trợ đặc lực cho phát triển kinh tế và gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực. Điều đó khẳng định Chính sách “hướng Đông” là sự thay đổi căn bản trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, Ấn Độ đã chuyển dịch dần từ Chủ nghĩa Lý tưởng sang Chủ nghĩa Hiện thực [Võ Văn Chi, 2015].

2.1.4. Khung lý thuyết của đề tài

2.1.4.1. Mô hình phân tích sự điều chỉnh chính sách đối ngoại

Chính sách đối ngoại luôn có xu hướng điều chỉnh theo các chu kỳ và khoảng dừng để đạt mục tiêu. Đây là quá trình tương tác giữa yếu tố “cản trở” của chính sách cũ và yếu tố “đổi mới” do bối cảnh quốc tế, điều kiện trong nước mà các nhà lãnh đạo nhận thấy chính sách đối ngoại cũ đã không còn hiệu quả trong tình hình mới, nên họ đã điều chỉnh tư duy, xây dựng mô hình nhận thức mới, xác định lại vấn đề cần giải quyết, thay thế các mục tiêu, chính sách hoặc kế hoạch giải quyết vấn đề. Trong các phân tích về sự điều chỉnh chính sách đối ngoại, Charles F.Hermann cho rằng:

Có bốn mức thay đổi theo thứ tự từ thấp đến cao, bao gồm: (1) Điều chỉnh để đạt các mục tiêu cao hơn (hoặc thấp hơn), song biện pháp và mục tiêu đối ngoại không thay đổi; (2) Sử dụng các biện pháp, công cụ mới, trong khi mục tiêu không thay đổi; (3) Thay đổi các vấn đề hoặc mục tiêu cần giải quyết; (4) Thay đổi định hướng quan hệ quốc tế là hình thức thay đổi chính sách đối ngoại mạnh mẽ nhất, bao gồm sự điều chỉnh cơ bản toàn bộ định hướng, vai trò quốc gia và các hoạt động quốc tế [Hermann, Charles F, 1990, pp.3-21].

Đây là mô hình phân tích có ứng dụng thực tiễn cao về sự điều chỉnh hoặc thay đổi trong chính sách, lý giải cách thức các quốc gia cố gắng thay đổi hoặc điều chỉnh hành vi của các quốc gia khác [Modelski, George, 1962, p.7]. Mô hình này được vận dụng làm cơ sở để xây dựng cấu trúc phân tích quá trình chuyển đổi, phát triển từ LEP thành AEP của Ấn Độ.

2.1.4.2. Cấp độ phân tích chính sách đối ngoại

Một trong những phương pháp phân tích chính sách đối ngoại được sử dụng phổ biến hiện nay là phân tích theo các cấp độ. David Singer (năm 1961) đưa ra 03 cấp độ phân tích chính sách đối ngoại: (1) Cá nhân; (2) Quốc gia và xã hội (3) Hệ thống quốc tế [David Singer, 1961], trong đó:

- Phân tích hệ thống quốc tế là cấp độ phân tích tổng hợp nhất, bao gồm toàn bộ các tương tác xảy ra trong hệ thống. Cách tiếp cận ở cấp độ này thường đi từ trên xuống, do các quốc gia và các chủ thể quan hệ quốc tế khác vận hành trong hệ thống kinh tế chính trị xã hội toàn cầu mà ở đó các đặc điểm cụ thể của hệ thống góp phần quyết định mô thức tương tác giữa các chủ thể. Các nhà phân tích dựa trên cấp độ hệ thống cho rằng, bất cứ hệ thống nào cũng vận hành theo những cách thức có thể dự đoán được ở một mức độ nhất định, với những xu hướng hành vi mà các chủ thể thường tuân theo [Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp, 2013, tr.27].

- Ở cấp độ quốc gia, nhà nước và quy trình chính trị nội bộ đóng vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế. Các nhà nghiên cứu nhấn mạnh thực tế rằng, các nhà nước và các quy trình chính trị nội bộ của họ đóng vai trò quan trọng trong tiến trình quan hệ quốc tế. Cách tiếp cận này phân tích sự tương tác giữa các chủ thể chính trị trong nước như các cơ quan hành pháp, lập pháp, các đảng phái, các nhóm lợi ích, các giới và giai cấp... đối với chính sách đối ngoại của một quốc gia.

- Đối với cấp độ phân tích cá nhân tập trung vào vai trò của các chủ thể cá nhân có ảnh hưởng rộng chính sách đối ngoại. Vai trò của cá nhân đối với chính trị thế giới thể hiện ở ba phương diện: Bản chất con người, hành vi tổ chức và đặc điểm cá nhân, tác động tới các chính sách đối ngoại mà cá nhân đó đưa ra.

Việc ưu tiên cấp độ phân tích nào trong việc lý giải chính trị quốc tế tùy thuộc vào vấn đề và cách tiếp cận của nhà phân tích. Mặc dù trong vũ đài chính trị

quốc tế bị chi phối bởi các chủ thể chủ chốt là các quốc gia - dân tộc, nhưng không có nghĩa rằng cấp độ phân tích quốc tế là phù hợp, duy nhất giúp chúng ta hiểu rõ nền chính trị thế giới. Ngược lại, hành vi của các quốc gia trong quan hệ quốc tế cũng có thể được giải thích bởi tác động của các quy trình chính trị trong nước với sự tương tác giữa các nhóm hoặc thể chế trong nội bộ một nhà nước (cấp độ quốc gia), hay bởi hành vi của các cá nhân cụ thể trong những nhóm hoặc thể chế đó (cấp độ cá nhân).

Do đó, vai trò hữu ích của từng cấp độ phân tích tổng hợp lại, giúp chúng ta định hướng các câu hỏi nghiên cứu và gợi ý những dạng chứng cứ phù hợp để tìm hiểu xem xét một vấn đề được khách quan, toàn diện và sâu sắc hơn, hạn chế các nhận định mang tính chất cảm tính, phiến diện khi xem xét các vấn đề quan hệ quốc tế. AEP được phân tích theo ba cấp độ chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy: Vai trò ảnh hưởng Thủ tướng N.Modi trong điều chỉnh, hoạch định chính sách AEP, từ tiềm lực quốc gia và dưới góc độ quốc tế, Ấn Độ có thể trở thành một thế lực đem lại sự cân bằng ở khu vực CA-TBD. Ngoài ra, việc phân tích các yếu tố tác động ở ba cấp độ này sẽ cho thấy quá trình hình thành và điều chỉnh AEP để bảo đảm lợi ích, an ninh, vị thế phát triển của quốc gia trong tương quan với môi trường quốc tế và trong nước của Ấn Độ tại mỗi giai đoạn xác định.

2.2. Các nhân tố hoạch định Chính sách Hành động hướng Đông

Bên cạnh cơ sở lý luận kể trên, AEP của Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020 được hình thành dựa trên cơ sở thực tiễn. Cơ sở thực tiễn được chia thành hai cấp độ, bao gồm: Nhân tố ngoại sinh (thuộc cấp độ quốc tế và khu vực) và nhân tố nội sinh (thuộc cấp độ quốc gia và vai trò cá nhân lãnh đạo).

2.2.1. Nhân tố ngoại sinh

Các nhân tố thuộc cấp độ trật tự quốc tế có tác động, chi phối sâu sắc đối với quá trình hình thành chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và chính sách “hướng Đông” của Ấn Độ nói riêng, bao gồm: Nhân tố quốc tế (Xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế; xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác khu vực; cạnh tranh giữa các cường quốc đặc biệt Trung - Mỹ) và Nhân tố khu vực (Tình hình khu vực CA-TBD; nhân tố Trung Quốc, ASEAN, Đông Á, Nam Á).

2.2.1.1. Nhân tố quốc tế

- Hoà bình và phát triển trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế:

Sau chiến tranh Lạnh, nguy cơ chiến tranh thế giới được đẩy lùi, hoà bình thế giới được củng cố. Cách tiếp cận quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự không còn phù hợp, thay vào đó là phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính. Những cân nhắc về địa - kinh tế đã có phần vượt qua tính toán về địa - chính trị, kinh tế đã trở thành trọng điểm trong quan hệ quốc tế và là nhân tố hàng đầu, cơ sở quan trọng để xây dựng sức mạnh thật sự của mỗi quốc gia. Hoà bình và phát triển trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Phương cách giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp thương lượng hoà bình và ưu tiên cho phát triển kinh tế được đặt lên hàng đầu. Do đó, xu thế tập trung phát triển kinh tế, hoà bình, hợp tác trở thành xu thế chủ đạo trong chính sách đối ngoại của các quốc gia. Ấn Độ cũng không ngoại lệ, tuy là một quốc gia lớn nhưng là nước đang phát triển, Ấn Độ cũng đã nhanh chóng điều chỉnh chính sách, thực hiện triệt để cải cách kinh tế toàn diện, chuyển đổi mô hình từ tự cung tự cấp sang chính sách tự do hóa, coi trọng kinh tế đối ngoại.

- Xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác khu vực trở thành mặt nổi trội trong quan hệ quốc tế:

Cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, làn sóng toàn cầu hóa phát triển, khu vực hóa trở dậy và mang màu sắc hiện thực, trở thành xu thế phát triển tất yếu của thời đại, thu hút sự tham gia của nhiều quốc gia, dân tộc trên thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa ở nhiều nước chậm phát triển và đang phát triển. Sự tiếp cận cởi mở và dựa trên thị trường đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thương mại là một trong các trụ cột của toàn cầu hóa hiện đại. Thương mại thế giới phát triển mạnh mẽ đã đóng vai trò quan trọng cho nền kinh tế các nước có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau. Dựa trên những thành tựu cuộc cách mạng KH-CN, các công ty xuyên quốc gia được phát triển thành một hệ thống toàn cầu, tạo nền tảng cho xu thế toàn cầu hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới, hợp lý hóa phân công lao động trên phạm vi toàn cầu. Hầu hết các nước trước đây theo nền

kinh tế tập trung bao cấp đều chuyển sang nền kinh tế thị trường và trở thành thành viên mới của các tổ chức, tài chính thương mại thế giới như WB, IMF, WTO... Các thể chế này giúp tăng cường sự ổn định về chính trị, kinh tế và quân sự, tạo điều kiện thực hiện đa phương hóa việc quản lý và giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia, mỗi khu vực và toàn cầu (nhất là các vấn đề tài chính, tiền tệ, công nghệ, môi sinh, phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm...) [Phạm Quốc Thái, 2013, tr.27]. Chính điều này đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới các quốc gia, làm thay đổi về cơ bản bộ mặt kinh tế và chính trị của thế giới đương đại. Sự ưu tiên cho hợp tác và liên kết để phát triển kinh tế, phụ thuộc lẫn nhau gia tăng, cũng ảnh hưởng mạnh đến quan hệ quốc tế. Điều đó đã chấm dứt thời mà mỗi nước đóng cửa để tự giải quyết những vấn đề phát triển của mình, dù đó là vấn đề nhỏ nhất và nước đó là mạnh nhất thế giới.

Cùng với toàn cầu hóa, hợp tác khu vực diễn ra mạnh mẽ và ngày càng được mở rộng và liên kết chặt chẽ hơn, các tổ chức liên khu vực với quy mô lớn, nhỏ xuất hiện khắp nơi. Mục đích là phát huy những lợi thế so sánh, những nét tương đồng của các quốc gia trong mỗi nhóm khu vực, nâng cao trình độ hợp tác khu vực. Nội dung chủ yếu là hình thành các khu vực kinh tế, tăng cường sức mạnh và quyền tự chủ cho các khu vực. Trong đó, nổi bật là sự ra đời EU (1992), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế CA-TBD (APEC - 1989), Thị trường tự do thương mại Bắc Mỹ - NAFTA (1994), sự nổi lên của các diễn đàn do ASEAN làm hạt nhân (AFTA, EAS, ARF...). Quá trình tự do hóa thương mại và mở cửa thị trường, các hiệp định mậu dịch tự do (FTA) song phương và đa phương được ký kết, đã tạo điều kiện liên kết, hợp tác giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới. Tự do hóa thương mại đã đưa CA-TBD trở thành một trong ba trung tâm kinh tế thế giới và giữ vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề quốc tế. Như vậy, đứng trước xu thế chủ đạo và hai xu hướng trên, đã tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi thúc đẩy các quốc gia, Ấn Độ cũng không ngoại lệ, đã điều chỉnh chính sách theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, tăng cường sự gắn kết với khu vực cũng như thế giới để cùng phát triển, các nhân tố đó góp phần tác động, hình thành AEP của Ấn Độ.

- Cạnh tranh giữa các cường quốc đặc biệt Trung - Mỹ là tâm điểm của các mối quan hệ quốc tế sau chiến tranh Lạnh

Đứng trước xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác khu vực, các nước lớn đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng chú trọng hơn đến các thể chế đa phương trên phạm vi khu vực và toàn cầu, hạn chế sử dụng sức mạnh quân sự và tăng cường sử dụng sức mạnh mềm hay sức mạnh thông minh để giải quyết các vấn đề và điểm nóng quốc tế. Đặc biệt với sức mạnh toàn diện, áp đảo trên mọi lĩnh vực, đã tạo lợi thế cho Mỹ vượt lên trên tất cả các cường quốc và giữ vai trò chủ đạo đối với nhiều tổ chức chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính, thương mại thế giới, trở thành siêu cường duy nhất giữ vai trò lãnh đạo thế giới. Để theo đuổi xây dựng mô hình trật tự đơn cực “nhất siêu, đa cường”, bảo vệ mục tiêu chiến lược trong hệ thống kinh tế, chính trị toàn cầu, Mỹ đã liên tiếp điều chỉnh chiến lược đối ngoại từ “Ngăn chặn” chuyển sang “Vượt trên ngăn chặn” và sau đó chuyển thành “Chiến lược an ninh quốc gia: Cam kết và mở rộng”¹... Đồng thời thúc đẩy việc hình thành một loạt các khu vực mậu dịch tự do trên khắp thế giới và gia tăng mở rộng NATO, bố trí các căn cứ quân sự hiện diện dày đặc ở khắp các châu lục và nhiều quốc gia trên thế giới, sẵn sàng sử dụng vũ lực để ngăn chặn bất kỳ một hay một nhóm quốc gia nào toan tính cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ [Lê Thế Mẫn, Nguyễn Anh, 2017].

Trong khi đó sau chiến tranh Lạnh, Trung Quốc nổi lên như một cường quốc khu vực toàn diện, một trong những trung tâm quyền lực chính của thế giới. Trung Quốc xác định “hòa bình và phát triển là chủ đề của thời đại”² và chủ động, kiên trì chính sách cải cách, mở cửa, tập trung phát triển kinh tế, nên sau 20 năm đã vượt Nhật để trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới sau Mỹ (2010). Với sức mạnh tổng lực ngày càng tăng lên, Trung Quốc đã xây dựng mạng lưới đối tác toàn cầu, bắt đầu tham gia và có ảnh hưởng nhiều hơn đến các công việc quốc tế, cũng như đối với nhiều vấn đề của thế giới đương đại. Trung Quốc đã chủ trương chuyển đổi phương châm đối ngoại từ “giấu mình chờ thời” sang “trỗi dậy hòa bình”, “hành

¹ Các điều chỉnh chiến lược đối ngoại qua 4 đời Tổng thống Mỹ: (1) G.Bush Cha (1989-1992): Điều chỉnh chiến lược “Ngăn chặn” (Containment Strategy) sang “Vượt trên ngăn chặn”(Beyond Containment); (2): B.Clinton (1993-2000): Chiến lược “Vượt trên ngăn chặn” sang “Chiến lược an ninh quốc gia Cam kết và mở rộng” (A National Security Strategy of Engagement and Enlargement); (3) G.W. Bush Con (2001-2008): Chiến lược an ninh quốc gia “đánh đòn phủ đầu” và “Chiến lược an ninh quốc gia 2006”; (4) B.Obama (từ 2009 đến nay) là tiếp tục củng cố và mở rộng vai trò của Mỹ ở nhiều khu vực khác nhau, đặc biệt là ở CA-TBD.

² Đại hội 13 Đảng Cộng sản Trung Quốc (1987) xác định “hòa bình và phát triển là chủ đề của thời đại”.

động nước lớn” và đưa ra mục tiêu chiến lược trở thành cường quốc khu vực và thế giới, xây dựng một trật tự thế giới đa cực, đa trung tâm, trong đó Trung Quốc là một cực của trật tự đó.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc không chỉ là thách thức về lợi ích và vị thế quốc tế đối với Mỹ mà còn đe dọa đối với ổn định chế độ cùng các giá trị do Mỹ tạo dựng. Mỹ nhận định, việc Trung Quốc điều chỉnh từ chính sách đối ngoại “Dấu mình chờ thời” sang “Trỗi dậy hòa bình” trong quan hệ quốc tế cùng với sự phát triển về thực lực kinh tế, quốc phòng đã tạo nên những thách thức tiềm tàng đối với Mỹ. Do đó, Mỹ đã thực thi chính sách can dự “vừa hợp tác, vừa kiềm chế”, lôi kéo Trung Quốc tham gia vào hệ thống quốc tế hiện hành, theo luật chơi do Mỹ sắp đặt. Đồng thời phổ biến tới các nước đồng minh của Mỹ, tập hợp lực lượng, hình thành mặt trận kiềm chế Trung Quốc “trỗi dậy”. Tuy nhiên thực tế cho thấy, Trung Quốc đã không đi theo quỹ đạo của Mỹ, mà lựa chọn cách lợi dụng trật tự dựa trên các quy tắc mở và tự do để cố gắng định hình lại hệ thống quốc tế theo hướng có lợi cho mình [The White House published, 2020].

Do vậy sự cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc Mỹ - Trung trong cùng một hệ thống quốc tế không chỉ cạnh tranh về ngôi vị, thứ bậc mà còn ở hệ giá trị và mô hình dẫn dắt và điều phối các nguồn lực trên phạm vi toàn cầu phát triển. Cặp quan hệ này luôn vận động, biến đổi và không dễ đoán định, không sớm chấm dứt, cả hai đều dựa trên bản chất: Vì lợi ích quốc gia; không muốn cuộc chiến kéo dài; địa bàn cạnh tranh và đối đầu không còn giới hạn trên không, trên biển hay mặt đất mà mở rộng ra cả không gian thực lẫn không gian ảo, không muốn quan hệ hai nước đi đến đổ vỡ [Thái Văn Long, 2020]. Hơn nữa cả hai đều chịu tác động của nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài, ý thức tuân theo nguyên tắc là cố gắng kiềm chế trong “giới hạn đỏ” không thể lãng tránh trong vai trò cường quốc hàng đầu thế giới trong xử lý những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, ngăn chặn các cuộc khủng hoảng lan rộng, leo thang. Nên sự đối đầu này trên thực tế không thể tránh khỏi, nhưng là trực chính chi phối bàn cờ chính trị quốc tế. Đây cũng chính là yếu tố quan trọng để Ấn Độ có những thay đổi về đối ngoại để xác lập cho mình vị trí quốc tế xứng đáng trong một trật tự thế giới mới. Bằng việc thúc đẩy AEP, Ấn Độ sẽ duy trì cân bằng

quyền lực thuận lợi đảm bảo giữ vai trò cân bằng, kiềm chế sự “trỗi dậy” của Trung Quốc, thúc đẩy sự phát triển đất nước trở thành một cường quốc, giúp định hình trật tự khu vực theo hướng có lợi cho Ấn Độ. Đồng thời, hợp tác chặt chẽ với Mỹ và sự thừa nhận của Mỹ cũng như các quốc gia cùng chí hướng đối với vai trò và vị thế của Ấn Độ ở khu vực và toàn cầu chính là nhân tố để Ấn Độ triển khai AEP quyết đoán, tự tin trong thực tế.

2.2.1.2. Nhân tố khu vực

- Châu Á - Thái Bình Dương phát triển năng động và giữ vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị quốc tế

Cùng với vị trí lãnh đạo và siêu cường số một của Mỹ, kinh tế Nhật Bản phát triển ổn định, Trung Quốc “trỗi dậy” mạnh mẽ, Ấn Độ, Hàn Quốc phát triển nhanh chóng và nhất là sự phát triển lớn mạnh của các thể chế đa phương trong khu vực... CA-TBD không chỉ trở thành một trong ba trung tâm kinh tế thế giới, mà còn trở thành khu vực có vai trò ngày càng quan trọng trong giải quyết các vấn đề quốc tế. Đây là khu vực chiếm khoảng 1/2 dân số thế giới, có GDP chiếm 54% tổng GDP toàn cầu và 44% tổng thương mại quốc tế, có bảy trên mười cường quốc quân sự hàng đầu thế giới [Thạch Vũ, 2013]. Do vậy các cường quốc: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga... đẩy mạnh can dự vào các vấn đề khu vực để gia tăng ảnh hưởng, tăng cường tối đa lợi ích của mình. Mặc dù Mỹ vẫn duy trì trọng tâm chiến lược ở châu Âu, song ngày càng chú trọng hơn đến CA-TBD, thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, tăng cường sự hiện diện quân sự, can thiệp sâu, rộng hơn vào khu vực nhằm kiềm chế, ngăn chặn Trung Quốc. Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã từng tuyên bố: Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ TBD của Mỹ, bởi khu vực CA-TBD ngày càng phát triển năng động và đan xen những lợi ích cốt lõi của các nước lớn, Mỹ sẽ tiến hành một cuộc chuyển đổi từ Trung Đông sang các vấn đề dài hạn và có ảnh hưởng sâu sắc ở châu Á [Leon Hadar, 2011]. Để giữ “sân nhà”, Trung Quốc đã điều chỉnh mạnh chính sách đối ngoại theo hướng: Thiết lập quan hệ hữu nghị ổn định lâu dài với các nước xung quanh và các nước CA-TBD; tích cực tham gia vào các diễn đàn, các tổ chức do ASEAN làm hạt nhân, thúc đẩy xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN; thúc đẩy hình thành Cộng

đồng Đông Á; Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Diễn đàn Bắc Ngao... nhằm cạnh tranh với các tổ chức khác của phương Tây. Trong khi đó, Nhật Bản, Hàn Quốc một mặt tăng cường quan hệ hợp tác với Mỹ, mặt khác chủ động đẩy mạnh phát triển quan hệ toàn diện với các nước và tích cực chủ động tham gia giải quyết các công việc trong khu vực. ASEAN đã tích cực hơn trong quan hệ với các nước lớn, đã thiết lập chặt chẽ với ba trung tâm kinh tế (Mỹ, Nhật Bản và EU) và phát triển hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc...

Ấn Độ từ lâu đã có chiến lược đối với khu vực này và đã có những chuyển biến đáng kể dưới tác động từ sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ, Nga và Trung Quốc. Ấn Độ ủng hộ chương trình phòng thủ tên lửa quốc gia và “cuộc chiến chống khủng bố” của Mỹ, đồng thời thông qua quan hệ với Mỹ, Ấn Độ có thể tạo ra thế đối trọng đối với Trung Quốc trong khi vẫn coi trọng quan hệ với Trung Quốc và Nga [Lê Minh Quang, 2011]. Điều này đòi hỏi Ấn Độ phải tranh thủ mọi cơ hội, tập trung nguồn lực nhiều hơn để phát triển mối quan hệ chiến lược với ASEAN và coi khu vực này như là cửa ngõ cho việc hội nhập sâu vào khu vực CA-TBD, chính sách “hướng Đông” mới phát huy được tác dụng và đi vào hiệu quả.

Tuy nhiên, CA-TBD vẫn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột. Các mâu thuẫn về vấn đề dân tộc, sắc tộc, tôn giáo và biên giới ở nhiều khu vực lại trở nên nghiêm trọng và phức tạp hơn, nhất là vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, eo biển Đài Loan, khủng hoảng chính trị ở Myanmar, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông và biển Hoa Đông... Ấn Độ cũng không ngoại lệ, là đất nước có nhiều chủng tộc, tôn giáo và tồn tại tranh chấp biên giới với một số nước xung quanh. Đặc biệt là hoạt động khủng bố ở khu vực biên giới với Pakistan, Bangladesh của các phần tử Hồi giáo cực đoan đòi ly khai tại bang Jammu và Kashmir của Ấn Độ. Theo nhận định của các nhà phân tích quốc tế, nét nổi bật trong chiến lược của các nước lớn đối với khu vực CA-TBD là “vừa hợp tác vừa cạnh tranh” trên các lĩnh vực, trước hết là về kinh tế; thông qua chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ để lợi dụng và kiềm chế lẫn nhau, tăng cường ảnh hưởng, quyền chi phối đối với khu vực. Đặc điểm đó đã tác động không nhỏ đến an ninh, ổn định của khu vực này [Đức Thắng, 2011].

- *Sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc ngày càng tăng, trở thành nền kinh tế thứ 2 thế giới, tạo ra lực hút lớn đối với các nước trong khu vực*

Sau những năm cải cách mở cửa ở thập niên 80, 90 thế kỷ XX, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, đối ngoại và quân sự, đang vươn lên trở thành cường quốc khu vực và thế giới. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc chuyển hướng từ kỷ nguyên “giấu mình chờ thời” sang “chủ động, tích cực” để theo đuổi chiến lược toàn cầu trong quan hệ quốc tế. Trung Quốc sử dụng “sức mạnh mềm” về kinh tế (tài chính, đầu tư, ngân hàng và thương mại...) để làm đòn bẩy lôi kéo các nước trong khu vực tham gia vào các chương trình hành động chiến lược như: Chiến lược “Chuỗi ngọc Trai”, sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI); Sáng kiến “Cộng đồng chung vận mệnh giữa ASEAN và Trung Quốc”, Chiến lược “Hướng Nam”... Trung Quốc chủ trương hợp tác với các nước trong khu vực theo hướng “đôi bên cùng thắng” mà không gắn với chế độ chính trị, sẵn sàng “chia tay” đầu tư, hỗ trợ các nước trong khu vực CA-TBD, khi các nước có nhu cầu hợp tác kinh tế. Giới phân tích quốc tế và khu vực cho rằng, các “sáng kiến” này không chỉ thiết lập các định chế tài chính mới và thúc đẩy tiến trình liên kết khu vực do Trung Quốc “lãnh đạo” mà còn có sức hút rất lớn đối với các nước ASEAN. Trong khi đó, chính sách hỗ trợ của Mỹ dành cho đồng minh, đối tác trong khu vực này cũng chỉ đáp ứng một phần nhất định, chủ yếu là tập trung phục vụ lợi ích chiến lược của Mỹ. Không những thế, Mỹ còn sử dụng “Tiêu chuẩn kép”, gán viện trợ, hỗ trợ đồng minh với vấn đề “Dân chủ, nhân quyền” theo quan điểm của Mỹ. Ngoài ra, Trung Quốc đẩy mạnh các hoạt động tăng cường tiềm lực quân sự, đầu tư ngân sách quốc phòng (từ 22,5 tỷ USD năm 2000 tăng lên 89,9 tỷ USD năm 2011) [David J. Berteau, Guy Ben-Ari, 2012, tr.9]. Tuy nhiên, những thách thức về khả năng tài chính và bất ổn chính trị ở các nước tiếp nhận đầu tư từ Trung Quốc đã nhiều lần gây ra sự chậm trễ, thậm chí là hủy bỏ các khoản đầu tư. Các khoản vay từ các ngân hàng nhà nước Trung Quốc cuối cùng có thể khiến các nước trở nên phụ thuộc hơn khi họ buộc phải bàn giao các cảng, đường sắt, đường bộ và các mạng lưới thông tin liên lạc thiết yếu để thoát khỏi những khoản nợ khổng lồ từ ngân hàng cho vay và các công ty Trung Quốc [Nguyễn Thu Hà, 2019]...

Đây là nhân tố thách thức tầm ảnh hưởng và khuyến khích Ấn Độ đẩy mạnh thực hiện các chính sách, điều chỉnh LEP thành AEP, để Ấn Độ chủ động hơn nữa trong việc triển khai chính sách này tới các quốc gia Đông Nam Á và mở rộng chính sách này để cạnh tranh, tương tác chiến lược với Trung Quốc. Do đó, thông qua hợp tác với ASEAN, Ấn Độ sẽ: (1) Từng bước can dự sâu rộng vào các lĩnh vực tại khu vực này; (2) Tìm cách nâng cao vai trò, vị thế của Ấn Độ đối với ASEAN, làm suy giảm ảnh hưởng của Trung Quốc; (3) Tăng cường hợp tác QPAN với một số quốc gia trong khu vực ASEAN để cân bằng chiến lược với Trung Quốc [Nguyễn Tăng Nghị, 2014, tr.6-16]. Vì vậy, việc Ấn Độ điều chỉnh chính sách này để thiết lập quan hệ với các quốc gia tiềm năng (ASEAN, Nhật Bản, Mỹ) và chủ trương xây kế hoạch cho một số dự án kết nối khu vực Đông Nam Á, Nam Á nhằm tăng cường sự hiện diện và cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc.

- *Đông Nam Á ngày càng có vai trò quan trọng đối với các nước lớn và Ấn Độ*
+ Đông Nam Á được đánh giá là địa bàn có vị trí địa chiến lược, chính trị và kinh tế quan trọng ở CA-TBD và thế giới. Đông Nam Á có vùng biển rộng lớn, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, là giao điểm của hai trong số những tuyến đường hàng hải quan trọng nhất thế giới kết nối lục địa châu Á với châu Đại Dương theo hướng Bắc - Nam và AĐD với TBD theo hướng Đông - Tây, với nhiều hoạt động vận tải lớn hàng đầu thế giới. Đặc biệt, eo biển Malacca là tuyến hàng hải quan trọng nhất thế giới, hằng năm có hơn 50 nghìn lượt tàu thuyền qua lại, chuyên chở hơn 30% lượng dầu, 50% hàng hóa buôn bán trên thế giới [Hà Thanh Giang, 2005]. Trong đó, mỗi ngày có khoảng 10 triệu thùng dầu được chuyển từ Vịnh Persian qua tuyến đường biển này tới Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (Khoảng 90% lượng dầu tiêu thụ của Nhật Bản và 80% lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc đi qua eo biển chiến lược này). Trong năm 1993, mỗi ngày có khoảng 7 triệu thùng dầu và sản phẩm dầu mỏ (chiếm 20% khối lượng dầu mỏ được vận chuyển trên thế giới) đi qua eo biển Malacca. Đến năm 2011, con số này đã tăng lên 15 triệu thùng/ngày (chiếm 33%) [Lê Chân, 2013]. Không những thế, Đông Nam Á là một thị trường lao động đầy tiềm năng, giá nhân công rẻ, đội ngũ nghiên cứu khoa học, công nhân kỹ thuật trình độ chuyên môn hoá cao, ở một số nước đạt chuẩn quốc tế, tạo ra sức thu hút hấp

dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, Đông Nam Á được xem là cửa ngõ để các cường quốc châu Á vươn mình ra thế giới. Đối với các cường quốc bên ngoài, Đông Nam Á còn là vùng đệm quan trọng để thiết lập ảnh hưởng và triển khai các chiến lược lớn tại khu vực. Dưới góc độ kinh tế, đây là một thị trường tiềm năng với tốc độ phát triển nhanh, ổn định; tài nguyên thiên nhiên phong phú; dân số đông và trẻ [Đỗ Lê Chi, 2020]. Có thể nói, Đông Nam Á tác động trực tiếp tới sự thành bại trong đối sách chiến lược của mỗi nước, nước nào nắm được Đông Nam Á, nước đó sẽ có lợi thế hơn các nước khác trong cạnh tranh quyền lực và mở rộng ảnh hưởng.

+ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thành công trong việc thực thi đa dạng hóa nền kinh tế, trở thành “trục chiến lược” liên kết kinh tế mạnh mẽ quan trọng trong bản đồ kinh tế quốc tế, thu hút sự quan tâm hàng đầu của các cường quốc cũng như những trung tâm chính trị - kinh tế lớn trên thế giới. Nếu khu vực CA-TBD như lời phát biểu của Thủ tướng N.Rao tại Viện nghiên cứu Đông Nam Á/Singapore là “Tám ván bập để chúng tôi tiến vào thị trường toàn cầu” thì Đông Nam Á có thể coi là điểm đầu tiên mà Ấn Độ cần đặt chân tới [Trần Thị Lý, 2002, tr.234]. Đóng góp GDP của ASEAN vào GDP toàn cầu tăng từ 3,18% (năm 2013) lên mức 3,3% (năm 2014) [Trang Nguyễn, 2015].

Ở chiều ngược lại, không chỉ Ấn Độ có ấn tượng đặc biệt đối với những nền kinh tế đang nổi lên ở Đông Nam Á, mà bản thân các nước ASEAN cũng giành sự quan tâm to lớn đến nước láng giềng khổng lồ Nam Á. Tăng trưởng GDP của Ấn Độ năm 2014 đạt 2.060 tỷ USD (tăng 7,4%), vượt Trung Quốc trở thành nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới [Sharad Raghavan, 2015]. Thành công trên đã góp phần bổ sung và mở rộng hơn nữa phạm vi hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ giữa Ấn Độ và các nền kinh tế của ASEAN. Cùng với những kinh nghiệm từ việc thắt chặt mối quan hệ với các nền kinh tế phát triển trong ASEAN sẽ đưa Ấn Độ trở thành địa chỉ ngày càng hấp dẫn hơn đối với các công ty đa quốc gia, đồng thời giúp Ấn Độ tăng cường khả năng cạnh tranh, xuất khẩu ra khu vực toàn cầu [P.V.Rao, 1999, p.45].

+ Tầm quan trọng của Đông Nam Á với các nước lớn: Do nằm trên tuyến đường biển nối liền các khu vực có tiềm lực kinh tế, chính trị và quân sự quan trọng

như: Đông Bắc Á, Ấn Độ, Trung Đông, Australia và nhiều nước thuộc khu vực TBD, nên Đông Nam Á chiếm giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - chính trị quốc tế và chiến lược phát triển của hầu hết các nước lớn, trong đó:

(1) Trung Quốc xác định Đông Nam Á và Biển Đông là “vùng đệm” có ý nghĩa sống còn đối với an ninh ở phía Nam và là khu vực triển khai học thuyết “Biên giới mềm” (hàng hóa tiêu dùng và văn hóa tinh thần), “Chiến lược hướng Nam”, nhằm tìm kiếm nguồn lực phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và gia tăng ảnh hưởng, phá thế bao vây, đẩy lùi vai trò của Mỹ sang phía bên kia bờ TBD. Các học giả Trung Quốc cho rằng, Biển Đông là “Trục hai Đại dương, là hòn đá tảng về sức mạnh biển, là đồng tiền sinh mệnh của Trung Quốc” [Trần Khánh, 2014, tr.124]. Do đó, Đông Nam Á có 3 ý nghĩa chiến lược trọng yếu đối với Trung Quốc: (i) Đông Nam Á là cửa ngõ, đòn bẩy cho các doanh nghiệp Trung Quốc vươn ra thị trường thế giới và là nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh của Trung Quốc; (ii) Là khu vực tạo lợi thế để Trung Quốc kiềm chế Nhật Bản, Mỹ; (iii) Chỉ khi Trung Quốc có chỗ đứng vững chắc tại Đông Nam Á mới có thể tăng cường ảnh hưởng ra khu vực và thế giới [Luu Việt Hà, 2015, tr.105-108].

(2) Với Mỹ, Đông Nam Á là địa bàn có vai trò địa chính trị quan trọng trong chiến lược “Tái cân bằng CA-TBD” của Mỹ. Sau chiến tranh Lạnh, lần lượt qua 4 nhiệm kỳ Tổng thống Mỹ, vị trí địa chính trị quan trọng của khu vực Đông Nam Á luôn được đặt trọng tâm trên 3 phương diện chính là: Quan hệ an ninh - quốc phòng; quan hệ thương mại và địa bàn lan tỏa “Sức mạnh mềm” của Mỹ [Ngô Thị Bích Loan, 2018, tr.209-215]. Tổng thống Mỹ Obama khẳng định “Mỹ cam kết thực hiện chính sách tăng cường can dự với Đông Nam Á thông qua các đồng minh và đối tác mới”³, để từng bước hiện thực hóa chính sách “Can dự toàn diện”, lấy lại vị thế chủ đạo, duy trì “Lợi ích” của Mỹ ở địa bàn chiến lược này để kiềm chế, ngăn chặn sự “Trỗi dậy” của Trung Quốc. Đặc biệt, Mỹ coi lợi ích ở Biển Đông bao gồm cả lợi ích trước mắt (kinh tế, thương mại) và lâu dài (an ninh chiến lược), nên khi tranh chấp chủ quyền ở biển Đông giữa các quốc gia Đông

³ Phát biểu của Tổng thống Mỹ Obama tại Hội nghị Thượng đỉnh APEC và Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - ASEAN tại Singapore (11.2009).

Nam Á và Trung Quốc ngày càng trở nên phức tạp, Mỹ đã nhận thấy sự cần thiết phải duy trì các tuyến giao thông nối liền Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Đại Tây Dương để bảo vệ lợi ích của Mỹ và chống lại bất cứ tuyên bố hải phận nào vượt quá quy định của UNCLOS” [US Department of Defense, 1995, pp.1297-1313]; tìm cách tăng cường thâm nhập vào các căn cứ quân sự ở Đông Nam Á để chuẩn bị cho các chiến dịch quân sự tiến hành trong tương lai [Ngô Xuân Bình, 2008, tr.13]; coi trọng vai trò then chốt của ASEAN và tích cực tham gia các diễn đàn, cơ chế an ninh do ASEAN dẫn dắt như: ARF, EAS, ADMM+, EAMF... mức độ hợp tác giữa hai bên ngày càng sâu rộng, chặt chẽ trên nhiều mặt, cả ở góc độ song phương và đa phương.

(3) Với Nhật Bản: Sau chiến tranh Lạnh, chính sách của Nhật Bản đối với Đông Nam Á theo nhiều tầng bậc, nấc thang và thời điểm khác nhau, từ chú trọng kinh tế là chủ yếu sang quan tâm cả kinh tế và chính trị, tăng cường ảnh hưởng và lôi kéo sự ủng hộ của khu vực đối với Nhật Bản trong các vấn đề quốc tế. Nhật Bản đã đặt ưu tiên hàng đầu đối với khu vực Đông Nam Á trong việc sử dụng “Ngoại giao ODA” kết hợp với “Ngoại giao văn hóa” và chú trọng mở rộng hợp tác QPAN (nhấn mạnh hợp tác an ninh Biển), để gia tăng ảnh hưởng, giúp Nhật Bản liên kết với khu vực, hỗ trợ kinh tế Đông Nam Á phát triển mạnh mẽ, giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc. Trong đó xác định, Biển Đông có vai trò đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc gia, là nhân tố cốt lõi trong chính sách an ninh và đối ngoại của Nhật Bản [Press Release, 2013], ủng hộ các thành viên ASEAN, trong công tác bảo đảm an ninh trên biển và trên không, đồng thời giữ vững tự do hàng hải và vùng trời” [Đỗ Quyên, 2014].

(4) Với vị trí địa lý và những mối quan hệ truyền thống, Nga có lợi ích chiến lược đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á. Sau chiến tranh Lạnh, Nga đặt trọng tâm chính sách vào lĩnh vực chính trị, Quốc phòng - An ninh trên nền tảng hợp tác năng lượng và kỹ thuật quân sự với Đông Nam Á. Năm 2010 Tổng thống Nga Putin đã tuyên bố thực hiện chính sách “hướng Đông” và xác định ASEAN là một đối tác tin cậy. Trong đó, chú trọng mở rộng hợp tác trong lĩnh vực quân sự, giúp một số nước ASEAN đào tạo sỹ quan, hợp tác nghiên cứu, sử dụng khoảng không vũ trụ và năng lượng hạt nhân vì mục đích hoà bình [Phan Anh, 2016]...

Do đó có thể khẳng định, các nước lớn đều đang thực hiện các chính sách hướng về Đông Nam Á với quy mô và cường độ mới, phù hợp những biến động nhanh chóng của tình hình quốc tế và khu vực, trong đó: Giành ưu tiên cao củng cố và thúc đẩy quan hệ với ASEAN, ủng hộ ASEAN xây dựng Cộng đồng cũng như vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực và tiếp tục đẩy mạnh hợp tác nhằm ứng phó các thách thức đang đặt ra [Thạch Vũ, 2013]. LEP của Ấn Độ cũng không nằm ngoài xu hướng chung của các nước lớn trên thế giới như: Chiến lược “tái cân bằng” sang CA-TBD của Mỹ (nay là AĐD-TBD); chính sách “hướng Đông” của Nga, Nhật Bản, chiến lược “hướng Nam” của Trung Quốc, cũng đều nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác ở khu vực này.

+ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là một thực thể chính trị - kinh tế quan trọng, đóng vai trò “trung tâm” trong các cơ chế hợp tác ở khu vực CA-TBD. ASEAN đã xây dựng các cơ chế đặc trưng riêng, không chỉ gắn kết trong nội bộ ASEAN mà còn để các nước lớn trong khu vực và trên thế giới cùng tham gia, trong đó:

(1) Về Chính trị: ASEAN được thành lập ngày 08.08.1967 tại Bangkok/Thái Lan, với sự tham gia của 5 quốc gia thành viên ban đầu (Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia và Philippines), sau những năm tồn tại, phát triển, ASEAN đã kết nạp thêm 5 nước thành viên (Brunei, Việt Nam, Lào, Myanmar và Campuchia) trở thành một tổ chức hợp tác khu vực liên Chính phủ bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á. ASEAN đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng như: Tầm nhìn ASEAN 2020 (12.1997); ký phê chuẩn Hiến chương ASEAN (11.2007); tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN - AC (12.2015)... đã mở ra giai đoạn phát triển mới của ASEAN sau 48 năm xây dựng, phát triển, phù hợp với xu hướng hội nhập và liên kết quốc tế. Tuy nhiên, sự can dự và cạnh tranh giữa các nước lớn vào khu vực ngày càng gay gắt, có nguy cơ gây chia rẽ, đối đầu, phá vỡ các cơ chế, diễn đàn mà ASEAN đã tạo dựng và dẫn dắt, thách thức vai trò trung tâm của ASEAN [Trần Việt Thái, 2020].

(2) Về kinh tế, ASEAN từ một tổ chức bao gồm các nước có nền kinh tế nghèo và lạc hậu đã trở thành một Cộng đồng kinh tế phát triển năng động nhất trong khu vực CA-TBD. Thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA), ASEAN

đã tạo ra sức hấp dẫn đối với tất cả các nước đối tác kinh tế của ASEAN. Tại buổi ký Tuyên bố chung thành lập cộng đồng ASEAN 2015, Thủ tướng Malaysia, Najib Razak khẳng định: Tiềm năng của ASEAN rất lớn, với nguồn lao động đứng thứ ba trên thế giới và hơn 600 triệu dân số trẻ, tài năng, có tay nghề ngày càng cao. GDP tổng hợp đạt 2,5 nghìn tỷ USD (2015), dự kiến năm 2050 ASEAN sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 trên thế giới [Datuk Seri Najib Razak, 2015].

(3) Về Đối ngoại, quan hệ đối ngoại và mục tiêu thu hẹp khoảng cách phát triển của ASEAN không chỉ tạo nên nền tảng quan trọng cho sự phát triển của các quốc gia thành viên mà còn trở thành “Hạt nhân”, đóng vai trò “Trung tâm” trong các cơ chế hợp tác và cấu trúc khu vực ở CA-TBD. ASEAN đã sáng tạo, xây dựng ra các quy chế đối thoại ở nhiều mức độ khác nhau, như: Đối tác đối thoại chính thức (dialogue partner), đối tác đối thoại ngành (sectoral partner), đối tác phát triển (development partner), quan sát viên đặc biệt (special observer) và quy chế khách mời (guest status)... ASEAN đã xây dựng các quy chế đối tác chiến lược và đối tác toàn diện để nâng cấp mối quan hệ của ASEAN với các nước lớn. Do đó sau Diễn đàn khu vực ASEAN năm 1994, hầu hết các nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Australia) đều tham gia vào các cơ chế do ASEAN dẫn dắt, như: ARF, ADMM+, ASEAN+, EAS... và coi các cơ chế này là “Bộ khung” để tham vấn, xây dựng cấu trúc an ninh khu vực CA-TBD.

Tóm lại, trong bối cảnh địa kinh tế, chiến lược của Đông Nam Á, ASEAN đã chuyển hóa dần từ một Hiệp hội khá lỏng lẻo thành một thực thể chính trị - kinh tế gắn kết, “Thống nhất trong đa dạng” và một tổ chức hợp tác liên Chính phủ có mức độ ràng buộc pháp lý và liên kết ngày càng đi vào chiều sâu và rộng. ASEAN tiếp tục là một tổ chức hợp tác khu vực mở và trở thành nhân tố trung tâm trong các cơ chế hợp tác ở CA-TBD. Tuy nhiên, mức độ liên kết sẽ không đồng đều trong các lĩnh vực, do khoảng cách phát triển, thể chế chính trị - xã hội cũng như những tính toán chiến lược về lợi ích quốc gia của mỗi nước thành viên.

+ Vai trò của khu vực Đông Nam Á đối với Ấn Độ

(1) Về phương diện chính trị - ngoại giao, Ấn Độ xác định Đông Nam Á là trụ cột chính, là nền tảng quan trọng trong LEP, để Ấn Độ hợp tác và liên kết ở khu vực châu Á. Đồng thời, Đông Nam Á còn nằm trong toan tính chiến lược lâu dài

của Ấn Độ là vươn ra khu vực ADD-TBD. Bởi vì, gần 50% lượng hàng hóa thương mại của Ấn Độ đi qua Biển Đông đến các địa điểm khác ở CA-TBD và qua TBD đến Bắc và Nam Mỹ. Từ năm 1991, các đời Thủ tướng Ấn Độ hầu như đều một hoặc nhiều lần đến thăm các nước Đông Nam Á, nhằm thúc đẩy lợi ích chính trị, kinh tế và an ninh của Ấn Độ tại khu vực này. Trong con mắt của các nhà lãnh đạo Ấn Độ, vị thế của ASEAN trong khu vực CA-TBD không chỉ đơn thuần bởi ASEAN là một tổ chức hợp tác ở khu vực CA-TBD mà quan trọng hơn là vai trò trung tâm của ASEAN trong chính các cơ chế hợp tác chủ yếu ở khu vực này [Võ Xuân Vinh, 2011, tr.88]. Phát biểu tại Singapore năm 1994, Thủ tướng Ấn Độ N.Rao nhấn mạnh “Ngày nay ASEAN có thể cất tiếng nói từ vị thế sức mạnh ngang hàng với Mỹ, Nga, Trung Quốc và Nhật Bản” [Narasimha Rao, P.V, 1994, p.10]. BTNG Ấn Độ Mukherjee cho rằng:

Tầm quan trọng về kinh tế, chính trị và chiến lược của ASEAN ở khu vực CA-TBD và tiềm năng tổ chức này trở thành đối tác lớn của Ấn Độ trên lĩnh vực thương mại và đầu tư là những nhân tố quan trọng trong cách tiếp cận của chúng tôi về khu vực [Shri Pranab Mukherjee, 2007].

Đây là cơ sở, chủ trương để Ấn Độ thúc đẩy quan hệ song phương với các nước Đông Nam Á và nâng cấp quan hệ với ASEAN lên thành “*Đối tác Chiến lược*” (12.2012).

(2) Về phương diện kinh tế, sau chiến tranh Lạnh, Ấn Độ xác định Đông Nam Á là thị trường rộng lớn và nguồn cung cấp vốn, nguyên liệu thô, năng lượng, KHCN tiên tiến phục vụ cho Ấn Độ phát triển kinh tế và tăng cường vị thế quốc gia. Trong khi, các nước Đông Nam Á đang có bước phát triển vượt bậc về kinh tế với chính sách kích thích đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao, viễn thông, CNTT, công nghiệp phần mềm... là lĩnh vực thuộc về ưu thế của Ấn Độ. Ấn Độ hy vọng mối quan hệ kinh tế chặt chẽ với ASEAN sẽ làm cầu nối giúp nước này hòa nhập vào một cộng đồng kinh tế lớn hơn bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc [Ngô Phương Anh, 2017]. Ấn Độ ký kết với ASEAN Hiệp định khuôn khổ về hợp tác kinh tế toàn diện (2003), ký kết Hiệp định thương mại hàng hóa (TIG - 2009). Hai bên nhấn mạnh tiềm năng hợp tác giữa ASEAN - Ấn Độ, mở

rộng và gia tăng hợp tác trong các lĩnh vực mà Ấn Độ có lợi thế. Các nền kinh tế mạnh trong ASEAN đều là những nhà đầu tư lớn ở Ấn Độ. Thương mại giữa hai bên giai đoạn 1993 - 2008 đã tăng 16 lần, từ mức 2,9 tỷ USD năm 1993 lên 47,5 tỷ USD năm 2008, năm 2012 đạt 70 tỷ USD. Dòng vốn FDI từ Ấn Độ đến các nước ASEAN cũng chiếm 2,5% tổng vốn FDI trong khu vực với giá trị lên tới 97 tỷ USD (năm 2009) [Hoàng Thị Minh Hoa, 2012, tr.49-59]. Tuy nhiên, quan hệ thương mại hai bên vẫn còn nhiều hạn chế do Ấn Độ thực hiện chính sách bảo hộ thông qua các hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

(3) Về góc độ an ninh: Ấn Độ xác định, Đông Nam Á bất ổn an ninh sẽ ảnh hưởng đến thương mại và nền kinh tế của Ấn Độ. Việc Trung Quốc thể hiện tham vọng “*độc chiếm*” Biển Đông đã xâm phạm lợi ích của tất cả các nước ở khu vực, trong đó có Ấn Độ. Điều này thúc đẩy Ấn Độ tìm kiếm sự liên kết với các nước có tranh chấp với Trung Quốc trong khu vực để tạo thế đối trọng, ngăn chặn tham vọng của Trung Quốc. Trong khi đó, các nước có tranh chấp lãnh thổ trên biển với Trung Quốc như Nhật Bản, Philippines, Malaysia... cũng mong muốn Ấn Độ thể hiện vai trò đối trọng chiến lược với Trung Quốc trong khu vực. Đặc biệt Ấn Độ có chung hàng trăm km đường biên giới trên đất liền và trên biển với các thành viên ASEAN nhưng không hề có bất kì tranh chấp nào tồn tại giữa hai bên. Cả hai đều nhất trí duy trì sự ổn định ở khu vực vùng biên để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hai nước phát triển kinh tế, nên phát triển quan hệ hợp tác quốc phòng - an ninh giữa Ấn Độ và ASEAN trở thành tất yếu. Trên thực tế, trong bối cảnh các quốc gia châu Á có xu hướng xích lại gần nhau, các cường quốc lớn trong và ngoài khu vực đang tìm mọi cách gia tăng ảnh hưởng tại Đông Nam Á, sẽ là bất lợi nếu Ấn Độ đứng ngoài tiến trình này. Ngoài ra, chú trọng quan hệ hợp tác với các quốc gia Đông Nam Á sẽ giúp Ấn Độ bảo vệ các hoạt động thương mại trên biển, chống lại nạn cướp biển, buôn lậu ma túy... Hai bên đã ký Tuyên bố về hợp tác chống khủng bố (năm 2003), Ấn Độ cũng là nước cung cấp nhiều trang thiết bị quân sự quan trọng, hỗ trợ đào tạo chuyên gia quân sự cho một số nước Đông Nam Á. Các cuộc tập trận chung giữa Ấn Độ với các thành viên ASEAN thường xuyên được tổ chức đã trở thành lĩnh vực hợp tác then chốt trong quan hệ giữa hai phía.

(4) Trong lĩnh vực văn hóa: Nhân tố văn hóa là một trong những yếu tố căn bản trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á. Các quốc gia trong khu vực này chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan niệm, tư tưởng chính trị, tôn giáo, nghệ thuật và ngôn ngữ của Ấn Độ. Sự phổ biến, lan tỏa ảnh hưởng của nền văn hóa sông Hằng không những làm phong phú nền văn hóa của các nước ASEAN mà ở chiều ngược lại còn là niềm tự hào, bổ sung và làm phong phú thêm văn hóa của quốc gia Nam Á này. Thủ tướng Ấn Độ N.Rao khẳng định “Khi nhìn nhận CA-TBD một cách khách quan, chúng tôi không thể bỏ qua một thực tế rằng, những nền văn minh của chúng ta có liên hệ hữu cơ với nhau, điều mà chúng ta có thể tìm thấy ở nhiều quốc gia ở Đông và Đông Nam Á [Narasimha Rao, P.V, 1994, p.9]. Ấn Độ và ASEAN có mối liên hệ mật thiết về văn hóa với sự hiện diện đông đảo cộng đồng người gốc Ấn ở các quốc gia Đông Nam Á (khoảng 9% dân số Singapore, Malaysia và 4% dân số Myanmar, Indonesia...) [Niranjan Chandrashekhar Oak, 2017]. Ấn Độ xác định “Một trong những nguyên tắc quan trọng của ngoại giao văn hóa của Ấn Độ là tăng cường mối quan hệ giữa Ấn kiều và nước sở tại. Ấn kiều đã và đang là một nhân tố quan trọng đối với quan hệ giữa Ấn Độ với các nước này” [Prakash Nanda, 2003, pp.628-629].

Như vậy, sau chiến tranh Lạnh các đời Thủ tướng Ấn Độ đều nhìn nhận ASEAN là nhân tố quan trọng, không thể thiếu trong chính sách đối ngoại của nước này đối với khu vực. Việc Ấn Độ thông qua hợp tác với các quốc gia Đông Nam Á, tăng cường tầm ảnh hưởng ở các nước này là đường lối thực tế để Ấn Độ xây dựng môi trường địa - chính trị thuận lợi, tham gia quản trị khu vực, xây dựng hình ảnh nước lớn có trách nhiệm và hiện thực hóa mục tiêu trở thành cường quốc toàn cầu. Trong đó, Ấn Độ đã thiết lập quan hệ với Đông Nam Á thông qua LEP, do có những lợi ích chung về kinh tế, chính trị và an ninh nên cả ASEAN và Ấn Độ đều đặt ưu tiên cho phát triển và tăng cường hợp tác.

- Các nhân tố ở Nam Á

Chiến tranh Lạnh kết thúc, Nam Á trở thành địa bàn chiến lược kết nối quan trọng trong hệ thống kết nối quốc tế, giúp châu Á trỗi dậy mạnh mẽ. Sau hơn hai thập kỷ mở cửa thương mại và đầu tư, tốc độ tăng trưởng ở các nền kinh

tế Nam Á đã diễn ra trên diện rộng, đạt trung bình 6%/năm trong 20 năm cải cách kinh tế. Tăng trưởng bình quân ở các quốc gia Nam Á đạt khoảng 4,2% (năm 2012) tăng lên 4,6% (năm 2013) [Peiris, 2014]. Cùng với nền kinh tế đang phát triển và sức mua ngày càng tăng, Nam Á trở thành một thị trường lớn cho thương mại và là điểm đến đầu tư phát triển kinh tế, trở thành chuỗi cung ứng thị trường ở châu Á. Tuy nhiên, Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á (SAARC) tồn tại còn nhiều hạn chế vì các quốc gia thành viên ở Nam Á là những nước đang phát triển ở trình độ thấp, cần nhiều vốn và kỹ thuật. Ấn Độ là nước có trình độ phát triển cao nhất, phải cung ứng cho các nước trong khu vực nên cũng gặp nhiều khó khăn [Võ Xuân Vinh, 2013, tr.26].

Bên cạnh đó, khu vực này vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức cả về an ninh phi truyền thống và truyền thống như: Vấn đề tranh chấp lãnh thổ, chống khủng bố, mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, an ninh lương thực, an ninh y tế... liên tục xảy ra, chưa được giải quyết triệt để, ảnh hưởng trực tiếp tới các quốc gia Nam Á. Nhất là phong trào sắc tộc ở các nước như: Bhutan, Nepal, Bangladesh, Sri Lanka và Pakistan nổi lên, tác động tiêu cực đến tiến trình hợp tác kinh tế khu vực [A.Sundaram, 2013, p.174]. Ngoài ra, các cường quốc bên ngoài như: Trung Quốc, Mỹ, Nga, Nhật Bản, tìm cách can dự vào các nước Nam Á liên quan đến các vấn đề kinh tế, an ninh và năng lượng để gia tăng ảnh hưởng ở khu vực này [Bawa Singh and Mohamad Arif Mir, 2015, pp. 7-16].

Ấn Độ với tư cách là quốc gia ổn định hơn trong khu vực, có diện tích, quy mô dân số và nền kinh tế lớn nhất (Ấn Độ chiếm 80% tổng kinh tế khu vực, Pakistan 10%, Bangladesh 7%...) [Munim Kumar Barai, 2015, pp.01-21]. Ấn Độ đã trở thành trung tâm quyền lực lớn của khu vực, đóng vai trò trách nhiệm thúc đẩy mối quan hệ hợp tác, liên kết, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của các nước thành viên và duy trì hòa bình, ổn định ở Nam Á. Với mức độ tăng trưởng kinh tế và thương mại giai đoạn 1990 - 2016 của Ấn Độ, đã có tác động lan tỏa đáng kể trong ngắn hạn và dài hạn đối với tăng trưởng kinh tế của các quốc gia Bangladesh, Sri Lanka, Nepal và Bhutan. Ấn Độ đã đóng vai trò, động cơ tăng trưởng, mở cửa thương mại lớn để phát triển kinh tế cân bằng trong khu vực

[Rakesh Kumar, 2020, pp.69-88]. Tuy nhiên, việc tăng cường sự hiện diện kinh tế, chính trị của Trung Quốc ở Nam Á ngày càng gia tăng, đã làm cho mối quan hệ của Ấn Độ với các quốc gia trong khu vực này gặp nhiều khó khăn. Theo thống kê, thương mại của Ấn Độ với các nước láng giềng Nam Á chỉ tăng từ 2 tỷ USD (năm 1998) lên 5,1 tỷ USD (năm 2004). Trong khi cùng thời điểm, thương mại của Trung Quốc với SAARC năm 1998 đã đạt 3,9 tỷ USD [Zhao Hong, 2006]. Chỉ tính riêng thương mại song phương Ấn - Trung giai đoạn 1990 - 2002 đã tăng từ 200 triệu USD lên 4,5 tỷ USD [Shri Yashwant Sinha, 2003], đã gây cản trở lớn đến nỗ lực cải thiện quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ với các quốc gia láng giềng. Ngoài ra, Trung Quốc không ngừng mở rộng phạm vi ảnh hưởng ở Nam Á: Tăng cường quan hệ nhiều mặt và đẩy mạnh hợp tác chương trình hạt nhân với Pakistan, cải thiện quan hệ với Nepal, Butan, Sri Lanka; đẩy mạnh “Can dự” sâu rộng vào thể chế chính trị, kinh tế và an ninh khu vực Đông Nam Á, từng bước gia tăng hiện diện thâm tóm AĐD, nơi được coi là khu vực lợi ích truyền thống của Ấn Độ nhằm khẳng định vai trò, vị thế cường quốc và hạn chế tầm ảnh hưởng của Ấn Độ tại khu vực.

Điều này buộc Ấn Độ phải sử dụng các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác kinh tế trong khu vực như: Thúc đẩy hoạt động của Khu vực Mậu dịch tự do Nam Á (SAFTA), thực hiện các giải pháp thuận lợi hóa thương mại, nâng cấp hệ thống viễn thông, khuyến khích đầu tư nội khối SAARC.

Ngay sau khi nhậm chức, Thủ tướng N.Modi đã theo đuổi chính sách ngoại giao “Láng giềng trước tiên” và xây dựng mối liên kết chính trị thông qua đối thoại, cho rằng: Chính sách đối ngoại của một quốc gia được bắt đầu từ biên giới của quốc gia đó; các cuộc tiếp xúc với các nước láng giềng cần được thực hiện thường xuyên thay vì những dịp đặc biệt, sẵn sàng thăm tất cả các nước láng giềng và ra lệnh cho các thành viên trong nội các làm điều tương tự [C. R. Mohan, 2014]. Ông đã đề xuất thiết lập một Quỹ mục đích đặc biệt ở Ấn Độ để tài trợ các dự án cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường thương mại và kết nối khu vực. Đồng thời, đề xuất sáng kiến cấp cho các doanh nhân thuộc các nước SAARC một loại thẻ kinh doanh có thể giúp họ có được thị thực doanh nghiệp từ 3 - 5 năm và miễn thuế hàng không tại Ấn Độ...

Đây chính là nền tảng nỗ lực tái định hình khu vực láng giềng trực tiếp, vừa tạo bầu không khí hòa hoãn vừa quyết đoán, cứng rắn với cả Trung Quốc và Pakistan, khẳng định vị thế ở những khu vực lân cận như: Châu Phi, vùng vịnh Persian, Trung Á, Đông Nam Á, Tây Á, Ấn Độ Dương và ngày càng trở thành đối tác ưu tiên của các nước lớn như: Mỹ, Nga [Trần Hoàng Long, 2020]... Điều này làm cho nhu cầu hướng Đông của Ấn Độ càng mạnh lên. Ấn Độ tìm cách thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn, mở ra con đường phát triển khu vực Đông Bắc thông qua AEP để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhằm chống lại sức ảnh hưởng ngày càng tăng của Bắc Kinh ở Nam Á [Vaibhav Dewan, 2021].

Với những nỗ lực này, Ấn Độ hy vọng sẽ củng cố sức mạnh kinh tế của khối, gắn kết kinh tế chặt chẽ hơn giữa các quốc gia trong khu vực, để tạo ràng buộc nhất định, hỗ trợ cải thiện quan hệ an ninh - chính trị, tiếp tục củng cố quan hệ, hướng tới một khu vực Nam Á hòa bình và thịnh vượng. Nhiều nguồn cho rằng, để xây dựng một cộng đồng các nước láng giềng hòa bình, ổn định và tương tác về kinh tế, Ấn Độ cần chủ động tăng cường các mối quan hệ hợp tác và đề xuất một chính sách liên kết cụ thể nhằm mang lại lợi ích cho toàn khu vực [Thi Hương, 2017].

2.2.2. Nhân tố nội sinh

2.2.2.1. Về chính trị nội bộ

Sau chiến tranh Lạnh, các Chính phủ kế tiếp của Ấn Độ thực hiện nhất quán đường lối cải cách đất nước phát triển theo hướng mở cửa để xác lập vị thế trong trật tự thế giới mới. Trong bối cảnh, trật tự thế giới hai cực Yalta (do Mỹ và Liên Xô thiết lập) tan rã, đã làm suy giảm vai trò quốc tế của Ấn Độ với tư cách là trụ cột Phong trào không liên kết. Mất đi nguồn viện trợ và thị trường tiêu thụ rộng lớn từ Liên Xô, Ấn Độ buộc phải “Tự lực, tự cường”, dựa vào sức mạnh của chính mình để đối phó với tình hình quốc tế thay đổi. Thêm vào đó là sự bất cập của nền kinh tế tự cung, tự cấp và đóng cửa, cùng với xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, xu thế lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm trong các mối quan hệ quốc tế... đã tác động sâu rộng đến tình hình chính trị, kinh tế và an ninh của Ấn Độ. Đây chính là những yếu tố quan trọng, buộc Ấn Độ phải có những thay đổi để giải quyết những thách thức trên và xác lập một chỗ đứng trong trật tự thế giới mới.

Trong nước, tháng 6.1991 Đảng Quốc Đại (INC) dưới sự lãnh đạo của N.Rao đã thắng cử. Chính phủ mới của Thủ tướng N.Rao đã bước đầu thực hiện một số cải cách kinh tế theo cơ chế thị trường và tự do hoá kinh tế, tham gia toàn cầu hóa theo cách riêng của Ấn Độ. Mặc dù còn nhiều khó khăn, Chính phủ Ấn Độ đã từng bước đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng và phát triển với tốc độ cao trong nhiều năm liền. Năm 1996 Đảng Quốc Đại I đã mất quyền điều hành đất nước, Liên minh Dân chủ Nhân dân do Đảng Nhân dân Ấn Độ (BJP) làm nòng cốt, nắm quyền lãnh đạo và bầu ông B.Vajpayee làm Thủ tướng Ấn Độ. Sau ngày bầu cử Quốc hội (04.2004), Thủ tướng đương nhiệm từ chức, ông M.Singh thuộc đảng INC lên thay (05.2004) và giữ cương vị Thủ tướng liên tục trong 2 nhiệm kỳ. Chính phủ do Thủ tướng M.Singh lãnh đạo, đã thể hiện khả năng điều hành tốt, phân chia quyền lực tương đối công bằng giữa các đảng phái trong liên minh, mềm dẻo nhưng vẫn cương quyết trong thỏa hiệp với các đảng cánh tả về một số chính sách đối nội và đối ngoại, giữ vững được ổn định chính trị nội bộ. Thủ tướng M.Singh cho rằng:

Ấn Độ phải nỗ lực phát triển sức mạnh tổng hợp quốc gia để giải quyết các thách thức do sự thay đổi trọng tâm chiến lược toàn cầu ở khu vực CA-TBD, được thể hiện ở sự cạnh tranh gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc [Rajat Pandit, 2013].

Năm 2014, Đảng BJP giành được đa số phiếu tại Quốc hội (282/543 ghế) và bầu ông N.Modi giữ chức Thủ tướng Ấn Độ. Sau khi đắc cử, Thủ tướng N.Modi đã tập trung quyền lực tái cơ cấu lại Chính phủ, tinh giản bộ máy để xây dựng một chính phủ trong sạch, minh bạch, hoạt động hiệu quả hơn và đưa ra những chính sách lâu dài trong nhiệm kỳ đảm nhận. Đồng thời, coi trọng phát triển những lĩnh vực chủ chốt để khôi phục nền kinh tế, tăng trưởng toàn diện và “Đưa Ấn Độ vào vị trí hàng đầu chứ không phải chỉ là một lực lượng cân bằng toàn cầu” [Indian Press Information Bureau, Prime Minister’s Office, 2015]. Để thúc đẩy phát triển toàn diện, tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh và công bằng, Chính phủ do Thủ tướng N.Modi lãnh đạo đã công bố và triển khai hàng loạt các sáng kiến, chương trình cải cách mới, trải rộng trên nhiều ngành, lĩnh vực như: “Thương hiệu Ấn Độ”,

“Sản xuất tại Ấn Độ”, “Số hóa Ấn Độ”, “Kỹ năng Ấn Độ”, “Làm sạch Ấn Độ”... Đặc biệt để thúc đẩy triển khai sáng kiến “Thương hiệu Ấn Độ” (Brand India) và phục hồi nền kinh tế, Thủ tướng N.Modi đã công bố “Kế hoạch 5T”, bao gồm: Nhân tài, thương mại, công nghệ, du lịch và truyền thống là những mặt trận chủ chốt mà Chính phủ của ông sẽ đẩy mạnh thực hiện những cải cách sâu rộng [Phan Thị Thu Dung, 2017, tr.99-104]. Ngoài ra, tăng cường các chuyến công du nước ngoài nhằm thu hút đầu tư vào ngành sản xuất chế tạo, phát triển kỹ năng, tạo thêm nhiều việc làm mới, cải thiện cơ sở hạ tầng của Ấn Độ.

Như vậy, từ cuối thập niên của thế kỷ XX đến nay, Ấn Độ có 02 đảng thay nhau nắm quyền lãnh đạo đất nước là INC và BJP. Việc thay đổi đảng cầm quyền, lãnh đạo và chính sách tại Ấn Độ diễn ra tương đối êm thấm, không gây xáo trộn lớn như ở nhiều quốc gia đa đảng khác. Điều này tạo nên một nền chính trị tương đối ổn định, đây là nền tảng cho sự phát triển trên các lĩnh vực khác của Ấn Độ. Đặc biệt chương trình cải cách đất nước của Ấn Độ từ năm 1991, được các chính phủ kế thừa và phát triển theo hướng mở cửa. Càng về sau các nhà lãnh đạo Ấn Độ càng ý thức được những tiềm năng to lớn của đất nước, từ đó tin tưởng rằng Ấn Độ nhất định phải đóng vai trò là một cường quốc lớn, thậm chí trở thành một cực trong cục diện thế giới đa cực đang hình thành [Trần Xuân Hiệp, 2016, tr.5]. Tuy nhiên, Ấn Độ luôn phải đối mặt với tình hình an ninh, chính trị bất ổn trong nước, tiêu biểu nhất là: Vụ ám sát Thủ tướng Rajiv Gandhi (1991), cuộc bạo động giữa cộng đồng tín đồ theo đạo Hindu và đạo Hồi (1992), hay các vụ đánh bom khủng bố ở Mumbai (2008, 2011). Ngoài ra, hàng trăm cuộc va chạm quân sự nhỏ, tranh chấp biên giới giữa Ấn Độ với Trung Quốc, Pakistan vẫn thường xuyên xảy ra. Những điều chỉnh trong các chính sách kinh tế, chính trị, đối ngoại đã được áp dụng nhưng chưa đủ hiệu quả để giải quyết những vấn đề nội bộ của Ấn Độ... Do đó, việc Ấn Độ đẩy mạnh chính sách “hướng Đông” chuyển biến theo hướng tích cực, là cơ sở, điều kiện để cải thiện vị trí địa kinh tế và địa chiến lược trong cấu trúc và trật tự đang định hình tại CA-TBD, đưa đất nước phát triển trở thành một cường quốc để bảo đảm các lợi ích chiến lược của mình cũng như duy trì sự hoà bình, ổn định trong khu vực.

2.2.2.2. Về kinh tế

Ấn Độ chủ trương cải cách, mở cửa phát triển tiềm lực kinh tế theo hướng chủ động và quyết đoán, là nhân tố tác động đến sự điều chỉnh chính sách “hướng Đông”. Sau cuộc cải cách toàn diện năm 1991, nền kinh tế Ấn Độ đã có bước chuyển mình đáng kể, từ một nước đói nghèo, hướng nội là chủ yếu đã trở thành một quốc gia có nền kinh tế hướng ngoại với tốc độ tăng trưởng nhanh, quy mô lớn, tạo dựng được niềm tin của các nhà đầu tư quốc tế, trở thành đối tác kinh tế lớn và điểm thu hút nguồn vốn toàn cầu. Ấn Độ đã có bước tiến vượt trội về phát triển kinh tế hơn hai thập niên trước, đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng và trì trệ. Trong đợt cải cách kinh tế đợt I từ năm 1991 - 2000, tốc độ tăng GDP đã được đẩy nhanh từ 1,1% (1991) lên bình quân 5,5% trong giai đoạn 1991 - 2001 [Nguyễn Văn, 2016]. Trong cải cách kinh tế đợt 2, Ấn Độ thực hiện Kế hoạch 10 năm (2000 - 2010) “Chương trình vì một Ấn Độ kiêu hãnh và phồn vinh”, tăng trưởng GDP trong giai đoạn này đạt 7,6% [Duy Quang, 2017], giúp Ấn Độ vươn lên thành điểm sáng tăng trưởng kinh tế và trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 Châu Á. Trong hai thập niên từ 1994 - 2014, tổng sản phẩm nội địa của Ấn Độ tăng thêm khoảng 1.000 tỷ USD, đến năm 2034 GDP của Ấn Độ dự kiến sẽ tăng lên khoảng 10.000 tỷ USD nhờ có được nhịp độ tăng trưởng trung bình 9%/năm [Thanh Hà, 2016]. Ấn Độ đưa ra mục tiêu phấn đấu để trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 trên thế giới vào năm 2050, trên Nhật Bản và xếp ngay sau Trung Quốc và Mỹ. Ngoài ra, Chính phủ Ấn Độ cũng áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ, kích thích sản xuất, nghiên cứu, sáng tạo cũng như có chính sách khai thác hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao.

Những cải cách có hệ thống này đã góp phần cải thiện đáng kể hiệu quả kinh tế của Ấn Độ, giúp Ấn Độ vượt qua giai đoạn khủng hoảng, cải thiện tình hình kinh tế trong nước cũng như củng cố nội lực cho các mục tiêu chính trị - đối ngoại của mình. Tuy nhiên, giai đoạn 2011 - 2014 GDP của Ấn Độ có xu hướng giảm xuống: Năm 2011 (đạt 6,3%), năm 2012 (đạt 4,7%), năm 2013 (đạt 4,4%), năm 2014 (đạt 5,4%) [Viện Chiến lược Ngân hàng Việt Nam, 2015]. Ấn Độ vẫn cần hội nhập sâu hơn với nền kinh tế toàn cầu và cải cách hơn nữa trên các thị trường lao động, đất đai, đường sắt quốc gia và hệ thống ngân hàng để duy trì tăng trưởng cao [Ngân Hàng phát triển Châu Á, 2021, tr.112]. Vì vậy, chính sách “hướng Đông” ra đời và

chuyển đổi, đều nhằm kết nối Ấn Độ vào chuỗi sản xuất khu vực và chuỗi giá trị toàn cầu để duy trì mức tăng trưởng ổn định nền kinh tế Ấn Độ.

2.2.2.3. Về quốc phòng - an ninh

Tiềm lực quân sự của Ấn Độ đã gia tăng đáng kể trong những năm qua, Ấn Độ được đánh giá là cường quốc về quân sự, là một trong những quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân và có lực lượng quân đội mạnh hàng đầu thế giới [Nguyễn Xuân Trung, 2021]. Với sức mạnh quân sự của Ấn Độ không ngừng được gia tăng nhờ việc bổ sung ngân sách quốc phòng để phát triển tiềm lực quân sự. Theo thống kê trong vòng 10 năm ngân sách quốc phòng của Ấn Độ tăng lên gần chục tỷ USD (Năm 2001 chi ngân sách quốc phòng của Ấn Độ là 28 tỷ USD, năm 2011 đã tăng lên 36,9 tỷ USD” [Phạm Quốc Thái, 2013, tr.79]. Trong đó, Ấn Độ đã giành 40% ngân sách quốc phòng cho việc mua sắm, chế tạo, nâng cấp vũ khí trang bị, số còn lại phân bổ cho lực lượng Hải, Lục, Không quân và lực lượng bảo đảm khác để duy trì hoạt động. Theo thống kê lượng vũ khí nhập khẩu của Ấn Độ trong giai đoạn 2009 - 2013 đã tăng 111% so với giai đoạn 2004 - 2008, đưa thị phần nhập khẩu vũ khí trên thị trường toàn cầu của Ấn Độ tăng từ 7 - 14% [Hùng Cường, 2014]. Đối tác truyền thống của Ấn Độ là Nga, sau đó tiếp tục là Mỹ, Israel, Anh, Pháp.

Ấn Độ là một trong 7 quốc gia (Ấn Độ, Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc và Israel) có khả năng chế tạo các loại tên lửa hiện đại; tự đóng mới các loại tàu hộ vệ lớn nhỏ, tàu khu trục trên 5 nghìn tấn, tàu sân bay hạng trung, tàu ngầm thông thường [Nguyễn Văn Dương, 2021] và cũng là một trong 9 quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân, giúp Ấn Độ có vai trò răn đe chiến lược ở khu vực CA-TBD và trên phạm vi toàn cầu. Ấn Độ đã thử nghiệm thành công bộ ba răn đe hạt nhân (đường bộ, đường biển và đường không), cho phép New Delhi nâng cấp tư thế chiến lược từ “răn đe” thành “răn đe đáng tin cậy” [Rajesh Rajagopalan, 2016]. Liên tiếp trong 3 năm (từ 2010 - 2013), Ấn Độ đã thử nghiệm thành công tên lửa đạn đạo: Agni II có tầm bắn 2000km (05.2010); Agni III có tầm bắn 2.500km (02.2010); Agni IV tầm bắn 3.500km (11.2011); Agni V có tầm bắn 5.000km (02.2012) [Monika Chansoria, 2012]... Thủ tướng B.Vajpayee khẳng định: Việc thử nghiệm Tên lửa Agni là bằng chứng về quyết tâm của Ấn Độ trong việc củng cố an ninh quốc gia để tự vệ. Mục

đích duy nhất là làm cho Ấn Độ trở nên mạnh mẽ và tự tin phát triển toàn diện đất nước. Ấn Độ cam kết răn đe tối thiểu, không sử dụng lần đầu vũ khí hạt nhân và không bao giờ sử dụng chúng để chống lại các quốc gia không sử dụng vũ khí hạt nhân [Shri Atal Bihari Vajpayee, 1999]. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã thử nghiệm thành công và đưa vào sử dụng nhiều loại tên lửa khác như: Tên lửa đất đối không tầm ngắn (SAM); tên lửa đất đối không tầm trung (Akash); tên lửa chống tăng (Nag); tên lửa đạn đạo (Prithvi); tên lửa tấn công trên đất liền, trên biển và trên không (BrahMos, Nirbhay)... Trong giai đoạn này, Ấn Độ đã có một kho dự trữ hạt nhân chứa khoảng 70 đầu đạn có thể dễ dàng bổ xung, đề phòng nguy cơ từ hai nước láng giềng hạt nhân là Trung Quốc và Pakistan [Vũ Hiền, 2011]. Đồng thời, là nước duy nhất trong khu vực ADD có khả năng tự chế tạo tàu sân bay và tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân [Gurmeet Kanwal, 2012]. Đây là những dấu mốc quan trọng đưa Ấn Độ đứng trong hàng ngũ các cường quốc hạt nhân trên thế giới. Ngoài ra, Ấn Độ đã trở thành thành viên của một loạt các cơ chế an ninh khu vực như: ARF (1995), Hiệp định hợp tác khu vực về chống cướp biển và cướp có vũ trang các tàu thuyền ở Châu Á - ReCAAP (2006), ADMM + (2010)... Thường xuyên phối hợp với Oman, Iran, Mỹ, Nhật Bản tổ chức các cuộc diễn tập đa phương và song phương tại các khu vực, như: Vùng Vịnh, Ấn Độ Dương, Biển Đông, Đông Bắc Á và thực hiện nhiều chuyến thăm của tàu hải quân đến các nước khu vực CA-TBD...

Mặc dù Ấn Độ tăng cường sức mạnh quân sự, chính thức thông qua Học thuyết Hạt nhân (01.2003), nhưng về bản chất sự tăng cường và điều chỉnh này là nhằm tự lực bảo vệ chủ quyền và nâng cao khả năng phòng thủ quốc gia, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia trước sự đe dọa xâm lược của các thế lực thù địch, không xâm lược nước khác và cam kết thực hiện chính sách không tấn công vũ khí hạt nhân trước và chỉ sử dụng chúng để trả đũa nếu bị tấn công. Chính vì vậy, tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quân sự của Ấn Độ dễ dàng được các nước ASEAN đón nhận. Tuy nhiên, những mâu thuẫn biên giới, lãnh thổ, các mối đe dọa khủng bố, đặc biệt sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc và quan hệ ngày một gắn kết giữa Trung Quốc và các nước Nam Á như Pakistan, Banglades, Nepal cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa an ninh đối với Ấn Độ.

Do đó để theo đuổi các mục tiêu trong AEP, Ấn Độ đã nỗ lực tăng cường tiềm lực quốc phòng để trở thành một trong những cường quốc quân sự ở châu Á thông qua kết nối với sức mạnh và vị thế tăng lên của các quốc gia mới nổi ở Đông Nam Á. Bên cạnh đó, tham vọng của Ấn Độ muốn cân bằng với sức mạnh và ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc ở châu Á sẽ khiến Ấn Độ tiếp tục theo đuổi chính sách này [Chí Thành, 2021].

2.2.2.4. Về chính sách đối ngoại

Sau khi tuyên bố giành độc lập từ Anh năm 1950, chính sách đối ngoại của Ấn Độ luôn giữ vai trò quan trọng trong nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu Ấn Độ đặt ra ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Mục tiêu xuyên suốt quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi giành độc lập đến nay là: (1) Bảo vệ sự toàn vẹn về lãnh thổ và sự độc lập về chính sách đối ngoại của Ấn Độ; (2) Bảo vệ nền hòa bình và an ninh quốc tế; (3) Thúc đẩy sự phát triển kinh tế Ấn Độ. Trong suốt giai đoạn từ 1947 đến 1991, Ấn Độ luôn thực hiện nhất quán nguyên tắc đối ngoại “độc lập, trung lập, hòa bình và hữu nghị với các dân tộc” (Hiến pháp Ấn Độ năm 1950). Ấn Độ là nước đầu tiên trên thế giới đưa ra chính sách không liên kết và giữ vai trò lãnh đạo Phong trào này. Chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết, bao hàm những nội dung sau: (1) Đấu tranh cho độc lập, chủ quyền của Ấn Độ; (2) Đoàn kết, ủng hộ các lực lượng độc lập dân tộc và hòa bình; chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc; (3) Thực hiện đường lối độc lập, không tham gia các liên minh quân sự - chính trị, đứng ngoài các nhóm liên kết chống đối nhau; (4) Chủ trương cùng tồn tại hòa bình và hợp tác với tất cả các nước. Đây là con đường mà Thủ tướng J.Nehru cho là tốt nhất để thực hiện các mục tiêu dân tộc của Ấn Độ [Nguyễn Trường Sơn, 2015, tr.74-75].

Trong bối cảnh quốc tế và tình hình kinh tế, chính trị, an ninh, xã hội trong nước sau chiến tranh Lạnh, đã buộc giới lãnh đạo Ấn Độ phải thay đổi toàn bộ tư duy về chính sách đối ngoại và phát huy sức mạnh của kinh tế đối ngoại đối với phát triển kinh tế trong nước để phù hợp với bối cảnh mới. Ấn Độ đã có những chuyển hướng trong chính sách đối ngoại của mình, thực hiện chính sách ngoại giao toàn diện “liên kết với phương Tây, hướng về phương Đông” [Trần Xuân Hiệp,

Trần Như Bắc, 2016, tr.01]. Trong đó coi trọng quan hệ với các nước đang phát triển, các nước lớn, lấy “ngoại giao kinh tế” làm trọng tâm để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế đất nước. Ngoài hai mục tiêu chính sách đối ngoại vẫn giữ nguyên như thời kỳ chiến tranh Lạnh: (1) Bảo vệ độc lập, chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ; (2) Tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế, thì ngoại giao Ấn Độ từ những năm đầu thập niên 1990, Ấn Độ bổ sung thêm 3 mục tiêu cơ bản: (1) Mở rộng quan hệ với tất cả các nước, trong đó chú trọng quan hệ với các nước lớn và các trung tâm kinh tế thế giới; (2) Đẩy mạnh quá trình hội nhập khu vực và quốc tế; (3) Nâng cao vai trò và vị thế của Ấn Độ ở khu vực và trên thế giới, đưa Ấn Độ trở thành cường quốc ở Châu Á và trên thế giới vào những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI [Trần Thị Lý, 2002, tr.114]. So với thời kỳ trước chiến tranh Lạnh, mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ thời kỳ này thiên về nội dung kinh tế và mang tính thực tiễn hơn. Bước vào thế kỷ 21, với những nền tảng đã có, Ấn Độ tiếp tục những nỗ lực xác lập vị thế lớn hơn trên trường quốc tế. Coi trọng quan hệ với các nước lớn, nhất là Mỹ, Nga, EU, Nhật Bản, cải thiện quan hệ với Trung Quốc, tăng cường củng cố và cải thiện quan hệ với các nước láng giềng nhằm ngăn chặn khủng bố và chiến tranh, tiếp tục thực hiện LEP và đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương nhằm đảm bảo lợi ích của Ấn Độ, tạo lập môi trường ổn định, hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước.

Để có một chính sách đối ngoại thành công, ngoài việc xác định phương thức triển khai, thì việc xác định thứ tự ưu tiên trong chính sách là rất quan trọng. Ấn Độ không chỉ chú trọng vào vấn đề an ninh mà còn tập trung phát triển để trở thành một thực thể mạnh về kinh tế, quân sự và ngoại giao ở khu vực AĐD-TBD và thế giới. Ấn Độ đã mở rộng tầm nhìn chiến lược và điều chỉnh chính sách đối ngoại để đối phó với những thách thức trong thế kỷ XXI. Đề cập đến chính sách đối ngoại, Thủ tướng N.Modi khẳng định, chính phủ nỗ lực thực hiện 03 mục tiêu: (1) Thúc đẩy sự phát triển kinh tế; (2) Trở thành quốc gia lãnh đạo ở khu vực; (3) Nâng cao tầm ảnh hưởng trên toàn cầu [The times of India, 2017]. Ba mục tiêu này vừa kế thừa, vừa khác biệt so với chính phủ tiền nhiệm và trở thành yếu tố quyết định nội dung điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ

tướng N.Modi. Điểm khác so với giai đoạn trước, là việc xác định trình tự ưu tiên về đối ngoại là: Đặt mục tiêu kinh tế lên hàng đầu, quan tâm đặc biệt đến khu vực trọng điểm AĐD-TBD, các nước láng giềng và hướng đến khát vọng trở thành nước lãnh đạo trên thế giới. Từ những điều chỉnh trên, có thể thấy Ấn Độ đã chuyển dần từ chủ nghĩa ngoại giao lý tưởng thời Nehru (khẳng định vị thế quốc tế bằng đường lối không liên kết) sang thời kỳ ngoại giao toàn diện, thực dụng (đặt ưu tiên lợi ích kinh tế, mục tiêu quốc gia dân tộc) lên hàng đầu. Mục đích của Ấn Độ là hướng tới một chiến lược xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia, nỗ lực trở thành cường quốc thế giới, được công nhận như một “chủ thể” trong các quan hệ quốc tế chứ không phải là một “đối tượng” của các quan hệ quốc tế [Trần Hoàng Long, 2020].

2.2.2.5. Về vai trò Thủ tướng N.Modi

Thủ tướng N.Modi là người chi phối quan trọng nhất trong AEP của Ấn Độ. Sự thay đổi ở cấp độ cá nhân, lãnh đạo thường dẫn đến sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia. Thủ tướng N.Modi không xuất thân trong một trong gia đình “trâm anh thế phiệt” như nhiều nhà lãnh đạo tiền nhiệm, ông lớn lên trong một gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, địa vị xã hội thấp kém, nhưng với ý chí kiên cường, ngoài giờ phụ giúp gia đình mưu sinh kiếm sống, ông đã vượt qua hoàn cảnh, tích cực phấn đấu học tập và tốt nghiệp Cử nhân, Thạc sĩ ngành Khoa học chính trị tại trường Đại học Delhi và Gujarat. Sau đó ông đã đi đến hàng nghìn ngôi làng Ấn Độ cùng ăn, cùng ở với những người dân để thực hiện các chương trình tình nguyện của Rashtriya Swayamsevak Sangh (RSS) - một tổ chức tình nguyện lớn nhất thế giới lúc bấy giờ thuộc chủ nghĩa dân tộc Hindu... Điều đó đã hình thành lên một con người có ý chí mạnh mẽ, tinh thần vượt khó, gần dân và thấu hiểu sâu sắc cuộc sống của người lao động.

Nhờ RSS, ông đã tham gia các hoạt động của đảng BJP và thiết lập nên một cơ cấu tổ chức mạnh mẽ, đưa BJP lên nắm quyền và trở thành Thủ hiến bang Gujarat (từ năm 2001 - 2014), suốt quãng thời gian này, ông tập trung thực thi các biện pháp cải tổ kinh tế, đưa bang Gujarat phát triển với tốc độ chóng mặt, khẳng định vị thế của ông với tư cách một nhà lãnh đạo [An Nhiên, 2014]. Nhờ những

thành tích “vượt trội”, Thủ tướng N.Modi đã được BJP lựa chọn thành người đứng đầu đảng (06.2013) tham gia chiến dịch tranh cử Thủ tướng Ấn Độ. Trong cuộc tổng tuyển cử của Ấn Độ (05.2014), ông đã giành thắng lợi vang dội với 282/543 ghế tại Hạ viện, đưa ông trở thành Thủ tướng thứ 14 của Ấn Độ. Thủ tướng N.Modi được đánh giá có sự khác biệt với các Thủ tướng tiền nhiệm của Ấn Độ ở 4 điểm sau: (1) Xuất thân bình dân, thấu hiểu tình cảm của các tầng lớp trong xã hội; (2) Cuộc sống trong sạch; (3) Nhìn rõ thời cuộc, đánh giá đúng thách thức của Ấn Độ, từ đó xác định các mối quan hệ quốc tế cần xây đắp; (4) Phong cách riêng biệt, quyết đoán [Nguyễn Thị Oanh, 2022, tr.88]. Điều đó ảnh hưởng rất lớn tới chiến lược phát triển đất nước nói chung và chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói riêng.

Ngay từ những ngày đầu được bầu làm người đứng đầu Chính phủ Ấn Độ, Thủ tướng N.Modi đã định vị lại chiến lược đối ngoại của Ấn Độ với vai trò là một nước lớn, một lực lượng lãnh đạo, không còn đi theo chính sách cân bằng “thận trọng, dè dặt” trong quan hệ quốc tế [Lâm Dân Vượng, 2020]. Ông đã yêu cầu giới ngoại giao “Phải đưa Ấn Độ giữ vị trí lãnh đạo hơn là một lực lượng chỉ mang tính cân bằng trên toàn cầu” [Shri Narendra Modi, 2015a]. Đồng thời chủ trương hình thành “liên kết đa phương” (Multiple Alignment) với các nước lớn theo các vấn đề quan tâm và đã đưa ra một loạt các chính sách ngoại giao như: “Láng giềng trước tiên”, AEP, “Liên minh phía Tây”... để đảm bảo vị thế “Lãnh đạo Nam Á” nói riêng và ADD-TBD nói chung.

AEP đã được Đảng Bharatiya Janata (BJP) và Thủ tướng N.Modi ưu tiên hàng đầu ngay từ khi lên nắm quyền (06.2014). Tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á/Myanmar (11.2014), Thủ tướng N.Modi đã đưa ra AEP, được xem là sự kế thừa, nâng cấp của LEP từ thập niên 90, chuyển sang thời kỳ mới, không chỉ đơn thuần hướng “nhìn” về phía Đông mà phải “hành Động” thiết thực hơn để Ấn Độ trở thành cường quốc khu vực và thế giới. Bằng cách đổi tên LEP sang AEP, Thủ tướng N.Modi đã thể hiện rằng, ông sẽ chủ động và hành động có mục đích hơn những người tiền nhiệm [Nguyễn Thị Minh Thảo, 2015, tr.112]. Việc thay đổi thuật ngữ từ LEP đến AEP là sự hàm ý Chính quyền của ông N.Modi mong muốn hướng tới sự thay đổi về chất thông qua việc thực thi nhanh và có hiệu quả nhiều khía cạnh

kế thừa từ LEP. Điều làm nên sự khác biệt ở Chính quyền N.Modi so với những chính quyền trước đó là việc, Chính quyền của ông đã đưa ra những tuyên bố rõ ràng về mục tiêu, nội dung và cách thức thực hiện những chính sách cụ thể, thay vì để mọi thứ có phần mơ hồ không rõ ràng [Ngô Xuân Bình, 2017, tr.229]. Quyết định nâng cấp LEP của Thủ tướng N.Modi đã phản ánh sự hình thành “Chủ nghĩa thực tế” trong tư duy chính trị của ông về những lợi ích kinh tế và chiến lược lâu dài, chặt chẽ hơn với CA-TBD. Theo xu hướng này, Chính phủ N.Modi sẽ tập trung ưu tiên vào việc tăng cường quan hệ với các đối tác quan trọng ở Đông và Đông Nam Á, đặc biệt chú trọng đến Nhật Bản, Việt Nam, Australia và ASEAN [Danielle Rajendram, 2014, p.4]. Hơn nữa, Chính phủ N.Modi còn nhấn mạnh tới những “quyền lực mềm” trong tôn giáo (phật giáo), du lịch, ngôn ngữ và các mối quan hệ văn hóa với các khu vực cũng phải được khai thác. Điều đó chứng tỏ tầm nhìn chiến lược, sự ứng phó linh hoạt và đa dạng trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N.Modi, luôn lấy Ấn Độ làm trung tâm trước biến đổi tình hình quốc tế [Nguyễn Đức Toàn, 2016, tr.14].

Nói tóm lại, những năm đầu thế kỷ XXI Ấn Độ đã trỗi dậy mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực Chính trị - đối ngoại, quốc phòng - an ninh, thương mại - đầu tư... mang lại vị thế cường quốc cho Ấn Độ tại khu vực. Đây vừa là nhân tố quan trọng, vừa là cơ sở, động lực để Ấn Độ đẩy mạnh quyết tâm vươn ra khỏi phạm vi khu vực Nam Á và AĐĐ, tìm kiếm vị thế và vai trò to lớn hơn ở CA-TBD và trên thế giới” [Đặng Cẩm Tú, 2018, tr.112]. Vì thế Ấn Độ muốn nhanh chóng xây dựng một chiến lược phát triển toàn diện cả về kinh tế, quốc phòng, đối ngoại để có thể thích ứng với tình hình mới, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước cũng như nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Ấn Độ đã có một thực lực lớn hơn để có thể bảo vệ được lợi ích quốc gia trước những mối đe dọa đã và đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, trong đó “hướng Đông” là khu vực hiện hữu, gắn bó với lợi ích quốc gia của Ấn Độ [Nguyễn Văn Lan, 2017].

Sự chuyển biến AEP và LEP được xác định trên các nội dung sau: Nếu như LEP được cựu Thủ tướng Ấn Độ N.Rao đưa ra vào năm 1992, nhằm thúc quan hệ chiến lược của Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á, trong đó tập trung vào: ASEAN,

hội nhập kinh tế khu vực, tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực như: EAS, ARF... Kết quả đạt được là việc: Ấn Độ trở thành đối tác đối thoại của ASEAN (năm 1996); đối tác cấp cao (năm 2002); đối tác Chiến lược (năm 2012); kim ngạch thương mại tăng mạnh sau khi Ấn Độ - ASEAN ký FTA (năm 2010)... Thì AEP được Thủ tướng N.Modi khởi xướng (năm 2014), đã tập trung vào: Các nước ASEAN; hội nhập kinh tế; các nước Đông Á và hợp tác an ninh (được xác định là khía cạnh quan trọng). Đồng thời ông nêu bật công thức 4C: Connect (kết nối), commerce (thương mại), cultural (văn hóa) và capacity Building (nâng cao năng lực) trong AEP. Thủ tướng N.Modi đã tiến hành các bước triển khai AEP như sau: (1) Đẩy mạnh sản xuất cạnh tranh thông qua cải cách kinh tế toàn diện và tìm kiếm sự kết hợp nền kinh tế Ấn Độ với các chuỗi cung ứng toàn cầu tập trung ở Đông Nam Á và Đông Á để cân bằng cán cân thương mại, là cơ sở để AEP triển khai thành công; (2) Giải quyết vấn đề Trung Quốc, khi nước này quyết đoán ở AĐD, thì buộc Ấn Độ phải tăng cường can dự ở Biển Đông và tham gia với Quad và các nước ASEAN là một bước đi đúng hướng; (3) Phát triển vùng Đông Bắc Bộ; (4) Tận dụng sức mạnh mềm [Drishti, 2019]... Điều đó cho thấy LEP/AEP là một chiến lược tổng thể của Ấn Độ đối với khu vực phía Đông của Ấn Độ. AEP ra đời đánh dấu sự chuyển đổi trong cách Ấn Độ giải quyết những hạn chế của LEP và những thách thức về địa chính trị của thế kỷ 21, đặc biệt là liên quan đến Trung Quốc” [CatchNews, 2020], nhằm thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế, chiến lược và văn hóa với khu vực AĐD-TBD ở cả cấp độ song phương và đa phương.

Do đó, di sản mà ông N.Modi được thừa hưởng là điều kiện thuận lợi để ông phát huy năng lực của mình, phát triển từ LEP thành AEP, từ đường lối “không liên kết”, ông đã thúc đẩy thành “đa liên kết” và nhấn mạnh việc theo đuổi định hướng 4C. Tuy nhiên, quá trình nâng tầm chính sách từ LEP lên thành AEP, một bộ phận lớn công chúng và giới nghiên cứu trong nước cho rằng: (1) Tình hình an ninh chính trị ở khu vực Nam Á, vốn được coi là vành đai an ninh trực tiếp và vùng ảnh hưởng/sâu sau của Ấn Độ đang đứng trên bờ vực của xung đột và bất ổn, đặc biệt là vấn đề biên giới Ấn Độ với Pakistan vẫn là mối đe dọa lớn nhất đối với an ninh quốc gia của Ấn Độ; (2) Khoảng cách phát triển giữa các bang, giữa các tầng lớp

trong xã hội vẫn tồn tại. Vì vậy, Ấn Độ cần nỗ lực tập trung giải quyết với Pakistan và đầu tư thu hẹp khoảng cách trong nước hơn là tăng cường can dự, ảnh hưởng ở khu vực khác.

2.3. Chính sách “hướng Đông”: Sự khởi đầu, nền tảng quan trọng của Chính sách Hành động hướng Đông

2.3.1. Những vấn đề chung:

Chính sách “hướng Đông” là bước điều chỉnh, sáng kiến nổi bật trong chính sách đối ngoại mới của Chính phủ Ấn Độ do Thủ tướng N.Rao đưa ra vào năm 1992, gắn liền với cuộc cải cách toàn diện đất nước Ấn Độ sau chiến tranh Lạnh. Thuật ngữ Chính sách “hướng Đông” (Look East Policy) được chính thức đưa vào sử dụng lần đầu tiên trong báo cáo Thường niên của Bộ Ngoại giao Ấn Độ 1995 - 1996 đã khẳng định “Củng cố mối quan hệ tốt đẹp vốn có giữa Ấn Độ với các quốc gia CA-TBD và Đông Nam Á là một phần nỗ lực trong LEP của Ấn Độ [Ministry of External Affairs, 1996, tr.17]. Tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN ở Jakarta/Indonesia (07.1996), BTNG Ấn Độ I.K.Gujral cho biết “Ý nghĩa cơ bản của LEP là Ấn Độ hướng ngoại, là tập hợp tất cả các động lực nội tại vào khu vực, tập trung hướng tới sự đồng thuận với láng giềng châu Á, phía Đông Ấn Độ đang ngày càng trở nên vững chắc và tiến bộ” [Shri I.K. Gulraj, 1996]. Cựu BTQP Ấn Độ P.Mukherjee khẳng định: LEP còn hơn cả một mệnh lệnh kinh tế, là sự chuyển hướng quan trọng của Ấn Độ về thế giới và vị trí của Ấn Độ trong bối cảnh toàn cầu thời kỳ hậu chiến tranh Lạnh [Shri Pranab Mukherjee, 2006].

Phát biểu tại cuộc đối thoại đặc biệt của Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (12.2005) ở Jakarta/Indonesia, Thủ tướng Ấn Độ M.Singh khẳng định:

Năm 1992 Chính phủ Ấn Độ đã đưa ra LEP. Đây không chỉ đơn thuần là chính sách kinh tế đối ngoại mà còn là bước chuyển chiến lược trong tầm nhìn của Ấn Độ về thế giới và vị trí của Ấn Độ trong nền kinh tế toàn cầu đang phát triển [Manmohan Singh, 2005].

Đặc biệt báo cáo Thường niên 2006 - 2007, Bộ Ngoại giao Ấn Độ mới khẳng định chính thức rằng, LEP được khởi xướng từ năm 1992 [Ministry of External Affairs, 2007, p.122], gắn với sự kiện Ấn Độ trở thành đối tác đối thoại từng phần

của ASEAN năm 1992. Chính sách này đã nhận được sự ủng hộ của cả hai chính đảng lớn (INC và BJP) thay nhau nắm quyền ở Ấn Độ và được thực hiện nhất quán, dù cho các nhiệm kỳ của Chính phủ có sự thay đổi. Từ thời Thủ tướng N.Rao (1992), AB.Vajpayee (1998), M.Singh (2004) và N.Modi (2014), Ấn Độ đã triển khai chính sách “hướng Đông” một cách toàn diện và được bổ sung những yếu tố mới, để phù hợp với sự thay đổi tình hình khu vực và quốc tế.

Như vậy khái niệm, sự ra đời LEP không được nêu ra cụ thể bằng văn bản, kế hoạch hay chiến lược nào của Chính phủ Ấn Độ, song thông qua báo cáo thường niên của Bộ Ngoại giao Ấn Độ, các phát biểu chính thức của các nhà lãnh đạo và quan chức cao cấp Ấn Độ khẳng định LEP đã ra đời năm 1992. Thời gian đầu LEP mới chỉ là những bước đi dè dặt, mang tính thăm dò về đối ngoại của Ấn Độ, chưa thật sự rõ nét và thu hút được sự chú ý của các học giả trong nước và quốc tế, song chính sách này ngày càng được bổ sung, hoàn chỉnh và có lộ trình thực hiện rõ nét, cụ thể [Nguyễn Thị Minh Thảo, 2015, tr.108].

2.3.2. Mục tiêu

2.3.2.1. Về chính trị - đối ngoại

Ấn Độ muốn tạo dựng niềm tin, tìm kiếm sự ủng hộ của các nước ASEAN đối vai trò của Ấn Độ trên các diễn đàn và tổ chức khu vực, quốc tế. Thông qua việc triển khai LEP, Ấn Độ mong muốn hướng tới xây dựng và mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á, từng bước mở rộng vai trò, ảnh hưởng của Ấn Độ ra khu vực CA-TBD. Thủ tướng M.Singh cho biết: LEP không đơn thuần là một chính sách kinh tế đối ngoại, mà còn là một bước chuyển hướng chiến lược của Ấn Độ về thế giới và vị trí của Ấn Độ trong nền kinh tế toàn cầu đang phát triển [Manmohan Sing, 2005a]. Những nỗ lực của Ấn Độ trong việc tham gia vào các cơ chế hợp tác quan trọng ở khu vực như đối tác Đối thoại đầy đủ của ASEAN, ARF, ASEAN+1, EAS, ASEM, ADMM+... đã chứng minh cho nhóm các mục tiêu chính trị, đối ngoại của LEP. Vì vậy, hướng sang các quốc gia phương Đông và đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á là một hướng đi phù hợp. Sự hợp lý này còn thể hiện ở chỗ Đông Nam Á chính là ngã 4 đường, là cửa ngõ quốc tế thuận lợi nhất giúp Ấn Độ tiếp cận với các quốc gia khác ở CA-TBD [Hoàng Thị Minh Hoa, Lê Thị Quý Đức, 2015, tr.20].

2.3.2.2. Về kinh tế

Mục tiêu lớn nhất của LEP là góp phần đưa Ấn Độ trở thành một cường quốc kinh tế không chỉ ở khu vực châu Á mà còn trên phạm vi toàn thế giới. Mục tiêu này nhấn mạnh đến việc xây dựng FTA, CECA, CEPA giữa Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á, nhằm tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư với ASEAN để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho Ấn Độ gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực rộng lớn hơn như APEC, ASEM và hội nhập nền kinh tế toàn cầu. Thủ tướng M.Singh đã nhấn mạnh: Các Chính phủ kế tiếp nhau của Ấn Độ đã tự cam kết hạ mức thuế theo các mức thuế của ASEAN và chúng tôi sẽ từng bước hoàn thành điều này [Võ Xuân Vinh, 2010].

Thực hiện LEP, Ấn Độ còn hướng tới mục tiêu xây dựng Cộng đồng kinh tế châu Á, một hình thức liên kết kinh tế nhằm đối trọng với khối EU và khu vực NAFTA và khẳng định vị thế cường quốc của mình ở châu Á. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ hai (năm 2003), Thủ tướng Ấn Độ B.Vajpayee đã đưa ra sáng kiến xây dựng Cộng đồng kinh tế Châu Á, bao gồm các nước ASEAN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) +1 (Ấn Độ). Thủ tướng M.Singh đã mở rộng phạm vi sáng kiến Cộng đồng kinh tế châu Á, ông nói:

Xây dựng một Cộng đồng Đông Á gồm ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và New Zealand là điều đương nhiên. Cũng giống như NAFTA và EU mở rộng, một FTA Liên Á (Pan-Asia) sẽ là một hiệp hội các quốc gia năng động, mở và đặc thù ở khu vực [Manmohan Sing, 2005b].

Đặc biệt, triển khai thực hiện LEP còn nhằm kết nối vùng Đông Bắc Ấn Độ với Đông Nam Á để phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế của Ấn Độ. Tại cuộc họp lần thứ 52 (02.2006), Ủy Ban vùng Đông Bắc Ấn Độ (NEC) đã nhấn mạnh đến việc tăng cường trao đổi mậu biên, coi đây là một phần của LEP, nên khu vực phải được hỗ trợ để có được lợi ích đầy đủ từ thương mại với các nước Đông Nam Á [Kanwal Sibal, 2003]. Năm 2008, Hội đồng khu vực Đông Bắc/Ấn Độ đã thông qua tài liệu tuyên bố “Tầm nhìn 2020 khu vực Đông Bắc”, trong đó khẳng định: LEP có tiềm năng phá vỡ sự cô lập và mang thịnh vượng đến cho khu vực [North Eastern Council (2008, p.272] và nhấn mạnh mô hình, vai trò tiên phong, chìa khóa của khu

vực này để Ấn Độ triển khai LEP tới các đối tác. Để xây dựng Vùng Đông Bắc thành một điểm tựa vững chắc thúc đẩy LEP, Thủ tướng Ấn Độ M.Singh cho rằng, đã đến lúc khu vực này phải vượt ra khỏi những giới hạn để hướng tới một tương lai bao trùm, hiện đại, mang tính toàn cầu, “cam kết coi sự phát triển toàn diện của khu vực Đông Bắc là ưu tiên hàng đầu của quốc gia, các Bộ sẽ dành 10% ngân sách phân bổ bắt buộc cho khu vực Đông Bắc, nơi có khoảng 4% dân số của Ấn Độ” [Manmohan Singh, 2008].

2.3.2.3. Về Quốc phòng - An ninh

Ấn Độ coi đây mạnh hợp tác quốc phòng toàn diện với ASEAN trở thành một nhân tố quan trọng trong LEP. Ấn Độ xác định, mở rộng ảnh hưởng tại Đông Nam Á, từng bước vươn ra khu vực CA-TBD, nhằm cân bằng quyền lực, hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc ở ADD và ngăn chặn sự độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc là một mục tiêu quan trọng của LEP. Thủ tướng M.Singh đã cảnh báo: Trung Quốc đang nỗ lực mở rộng ảnh hưởng ở Nam Á, gây bất lợi cho Ấn Độ, chúng ta phải thích ứng với thực tế này và cần phải cảnh giác [Alistair Scrutton, 2010]. Khi được hỏi về nhân tố Trung Quốc trong LEP, BTNG Ấn Độ Yashwant Singha đã nói “Không đây là vấn đề thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN, nhưng thậm chí khi chúng tôi không cần nhắc tới nhân tố Trung Quốc thì các nước ASEAN cũng sẽ làm như vậy” [Nguyễn Văn Lịch, 2007]. Để thực hiện mục tiêu trên, Ấn Độ đã chủ trương: Tăng cường năng lực và gia tăng sự hiện diện quân sự ở khu vực thông qua các diễn đàn khu vực và các cuộc diễn tập song phương, đa phương; đẩy mạnh can dự, hợp tác với Đông Nam Á trong chống khủng bố, cứu trợ nhân đạo, chống cướp biển, hàng hải, an ninh năng lượng... Đồng thời, Ấn Độ xác định hợp tác quốc phòng với Đông Nam Á ở cả hai cấp độ: Cấp độ giữa các nước thành viên của ASEAN với Ấn Độ và hợp tác giữa Ấn Độ với ASEAN, với tư cách là một khối thống nhất [Bilveer Singh, 2011, p.19].

2.3.2.4. Về vấn đề Biển Đông

Ấn Độ muốn gia tăng sự hiện diện, đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia ở khu vực Biển Đông. Ấn Độ xác định, Biển Đông là yếu tố quan trọng để Ấn Độ thiết lập mối quan hệ chính trị, an ninh, kinh tế với các quốc gia Đông Nam Á, là “vùng đệm” để ngăn chặn nước lớn bên ngoài tấn công và là bàn đạp để Ấn Độ

mở rộng ảnh hưởng chiến lược ra ngoài khu vực. Đồng thời, Biển Đông cũng là nơi Ấn Độ thể hiện rõ chính sách “hướng Đông”, Ấn Độ đã kết hợp với những bước đi ngoại giao trong LEP, vừa tiến hành những hoạt động thắt chặt quan hệ kinh tế với khu vực, vừa từng bước nêu rõ quan điểm của mình về vấn đề an ninh hàng hải ở Biển Đông. Đặc biệt Ấn Độ xác định, an ninh Biển Đông được đảm bảo sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại trên Biển với các quốc gia Đông Nam Á, BTNG Ấn Độ S.Krishna tuyên bố “Ấn Độ cho rằng, Biển Đông là tài sản của toàn thế giới, tuyến hàng hải ở đây nhất định không để quốc gia nào quá nhiều” [David Scott, 2013, p.55]. Trong khi đó, Trung Quốc thể hiện tham vọng “độc chiếm” Biển Đông đã xâm phạm lợi ích của tất cả các nước ở khu vực, trong đó có Ấn Độ (có gần 50% lượng hàng hóa thương mại của Ấn Độ đi qua Biển Đông đến các địa điểm ở CA-TBD).

Điều này thúc đẩy Ấn Độ tìm kiếm sự liên kết với các nước có tranh chấp với Trung Quốc trong khu vực để tạo thế đối trọng, ngăn chặn tham vọng của Trung Quốc. Trong khi đó, các nước ASEAN có tranh chấp lãnh thổ trên biển với Trung Quốc như Nhật Bản, Philippines... cũng mong muốn Ấn Độ thể hiện quan điểm, vai trò lớn hơn để đối trọng chiến lược với Trung Quốc trong khu vực. Việc liên kết với Ấn Độ, “Người khổng lồ” thứ hai của châu Á và là người láng giềng phía Tây đang cùng chia sẻ với ASEAN những đường biên giới biển và đất liền là hết sức cần thiết [Hoàng Thị Minh Hoa, Lê Thị Quý Đức, 2015, tr.22]. Ấn Độ được ghi nhận như một trong những cường quốc tích cực nhất đang duy trì sự hiện diện của mình như một nhân tố không thể thiếu trong vấn đề đảm bảo an ninh hàng hải và cân bằng quyền lực ở Biển Đông [Trần Nam Tiến, 2016, tr.264]. Nên việc duy trì được xu thế hòa bình tại Biển Đông cùng với các nước xung quanh sẽ mang lại cho Ấn Độ nhiều cơ hội, phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh từ xa [Đỗ Minh Cao, 2015, tr.24]. Trong khi đó, Mỹ cho rằng Ấn Độ là một cường quốc đang lên trên toàn cầu, nên khuyến khích Ấn Độ đóng vai trò trụ cột ổn định cục diện an ninh CA-TBD [Condoleezza Rice, 2006].

Vì vậy, xuất phát từ lợi ích quốc gia, dân tộc, Biển Đông tiếp tục là nhân tố quan trọng mà Ấn Độ phải tính đến trong chính sách đối ngoại của mình. Dựa trên

nền tảng quan hệ lâu đời với các quốc gia trong khu vực Biển Đông, đã góp phần quan trọng trong việc định hình nên tư duy “hướng Đông” của cường quốc này, từ đó thúc đẩy những nỗ lực nhằm tăng cường ảnh hưởng của Ấn Độ tại vùng biển này thời kỳ hiện đại. Với ý nghĩa đó, tính chất của quan hệ Ấn Độ - ASEAN sẽ phụ thuộc rất nhiều vào vấn đề Biển Đông [Huỳnh Tâm Sáng, 2016, tr.16].

2.3.3. Nội dung và quá trình triển khai

- Nội dung: LEP của Ấn Độ bao gồm 3 nội dung chính: (1) Đẩy mạnh quan hệ chính trị - ngoại giao với các nước đối tác ASEAN; (2) Tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế; (3) Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực quân sự.

- Quá trình triển khai LEP của Ấn Độ được chia làm 2 giai đoạn:

(1) Giai đoạn 1 (1991 - 2002), chính sách nhấn mạnh vào các mối quan hệ chính trị, ngoại giao và tiếp xúc với nhân dân, cải thiện sự kết nối và thúc đẩy thương mại với Đông Nam Á. Thủ tướng N.Rao đã chú trọng việc phục hưng những mối liên hệ về lịch sử và văn hóa giữa Ấn Độ và Đông Nam Á. Ấn Độ chủ động mở chiến lược ngoại giao với khu vực Đông Nam Á và CA-TBD, tham gia các tổ chức an ninh, kinh tế và chính trị đa phương tại khu vực này như: APEC, WTO, ARF..., lấy chính sách ngoại giao kinh tế làm trụ cột.

(2) Giai đoạn 2 (2003 - 2014), giai đoạn này Ấn Độ mở rộng hơn về phạm vi địa lý, từ trọng điểm ban đầu là Đông Nam Á, tiếp đến mở rộng phạm vi quan hệ sang các quốc gia ở phía Đông. BTNG Ấn Độ Sinha, khẳng định: “Với việc tổ chức Hội nghị cấp cao Ấn Độ - ASEAN lần thứ nhất tại Phnôm Pênh/Campuchia vào tháng 11.2002, chúng tôi đã thực sự bước vào giai đoạn hai của LEP” [Shri Yashwant Sinha, 2003a]. Giai đoạn này được đánh dấu bởi khái niệm “hướng Đông” mở rộng, trải dài từ Australia sang Đông Á, lấy ASEAN làm cốt lõi [Shri Yashwant Sinha, 2003b], để tiến hành các chương trình nghị sự rộng lớn, trong đó chú trọng hợp tác về an ninh, giao lưu quốc phòng và phát triển chính sách đối ngoại. BTNG Ấn Độ từng khẳng định “Ở khu vực này chúng ta có thể tìm được gần như những tồn tại vốn có của các nước lớn trên thế giới như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật, ASEAN và Ấn Độ” [TTXVN, 2007, tr.63], Ấn Độ xác định là một trong sáu lực lượng lớn ở khu vực CA-TBD.

Do vậy, so với giai đoạn 1, giai đoạn 2 của LEP đã có sự thay đổi lớn trên 2 phương diện là: (1) Mở rộng phạm vi “hướng Đông” từ khu vực Đông Nam Á sang khu vực Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc) và Nam TBD (Australia, New Zealand); (2) Mở rộng lĩnh vực hợp tác từ thương mại sang chính trị, an ninh.

2.3.4. Biện pháp và kết quả

2.3.4.1. Với Hiệp hội ASEAN

(1) Chọn ASEAN làm điểm đột phá để mở rộng ảnh hưởng chính trị: Từ đầu những năm 90, thế kỷ XX Ấn Độ đã chủ động mở chiến dịch ngoại giao, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác do ASEAN thiết lập, nhằm tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các quốc gia Đông Nam Á, để thực hiện bước đột phá tiến vào CA-TBD. Năm 1992, Ấn Độ trở thành thành viên đối thoại một phần của ASEAN. Tại hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 5 (12.1995), hai bên đã nhất trí nâng cấp quan hệ Ấn Độ - ASEAN lên thành quan hệ “Đối tác Đối thoại đầy đủ”. Từ năm 2002, Ấn Độ và ASEAN đã tổ chức nhiều cuộc họp Hội nghị Cấp cao: Lần thứ nhất (11.2002); lần thứ 2 (10.2003); lần thứ 3 (11.2004); lần thứ 8 (10.2010)... Hai bên đã ra Tuyên bố chung về hợp tác ASEAN - Ấn Độ trong thế kỷ XXI và công nhận Ấn Độ là một bên đối thoại trong cơ chế hợp tác ASEAN+1 (11.2002); thông qua Tuyên bố “Đối tác vì Hòa bình, Tiến bộ và Thịnh vượng” (11.2004)... Thủ tướng M.Singh khẳng định “Coi trọng quan hệ với ASEAN, tổ chức đóng vai trò là nhân tố trung tâm trong LEP của Ấn Độ” [Manmohan Singh, 2005].

Quan hệ hợp tác hai bên ngày càng được đẩy mạnh, khi Ấn Độ trở thành đối tác quan trọng của ASEAN. Tháng 12.2012, hai bên nhất trí nâng tầm quan hệ lên “Đối tác Chiến lược” và thông qua Tuyên bố “Tầm nhìn Ấn Độ - ASEAN”, đã đánh dấu một lộ trình phát triển quan trọng, hướng tới mối quan hệ đối tác bền vững vì hòa bình và thịnh vượng [Nguyễn Ngọc Hà và Nguyễn Thị Mai, 2016]. Ấn Độ tích cực tham gia các diễn đàn do ASEAN thiết lập như: EAS, ARF, AIPA... Hiện ASEAN và Ấn Độ có 26 cơ chế đối thoại thường xuyên trên nhiều lĩnh vực. Trong ba năm (2011 - 2014), ASEAN và Ấn Độ đã tổ chức hơn 60 cuộc họp, các sự kiện cũng như thực hiện một số sáng kiến theo Kế hoạch hành động ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2010 - 2015 [Phương Hoa, 2014]. Với mỗi thành viên ASEAN, Ấn Độ có mối quan hệ ngoại giao, kinh tế và an ninh ngày càng phát triển. Ngoài ra, Ấn Độ đã

chủ động đề xuất thành lập Tổ chức MGC (2000), nhằm kết nối vùng Đông Bắc Ấn Độ với các nước Đông Nam Á, cạnh tranh ảnh hưởng với Chương trình hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) của Trung Quốc. Đồng thời, thông qua sáng kiến ngoại giao tích cực với Nhật Bản và Hàn Quốc, đề can dự và mở rộng không gian chiến lược ở khu vực này.

(2) Tăng cường xúc tiến thương mại và đầu tư: Ấn Độ xác định quan hệ kinh tế, thương mại song phương với ASEAN là mũi nhọn, điều kiện tiên quyết để Ấn Độ thúc đẩy hợp tác với ASEAN trên các lĩnh vực khác. Hai bên ký Hiệp định khung FTA (năm 2003) và ký Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ IAFTA (08.2009), mở ra cơ hội để tăng cường tương tác kinh tế, tự do buôn bán hàng hóa trong khu vực CA-TBD. Theo FTA, Ấn Độ và ASEAN đã đồng ý từng bước loại bỏ 80% dòng thuế quan (chiếm 75% kim ngạch thương mại). Ấn Độ đã loại bỏ 489 dòng thuế (cấp độ HS-06) khỏi danh sách ưu đãi thuế quan và 590 dòng thuế khỏi danh sách xóa bỏ thuế quan trong lĩnh vực: Nông nghiệp, dệt may, ô tô, hóa chất, hóa dầu, dầu cọ thô và tinh chế, cà phê, trà, hạt tiêu [Yashoda Kapur, 2021]... Ấn Độ đã thành lập Trung tâm phát triển doanh nghiệp tại Campuchia, Việt Nam, Lào và mở đường bay thẳng tới một số nước Đông Nam Á theo khuôn khổ Khung hợp tác hàng không (2008). Năm 2009 ASEAN đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 4 của Ấn Độ, sau EU, Mỹ và Trung Quốc.

Bảng 2.1: Kim ngạch thương mại Ấn Độ - ASEAN từ năm 1999 - 2013

Đơn vị tính: Tỷ USD

Năm	Tổng kim ngạch	Năm	Tổng kim ngạch	Năm	Tổng kim ngạch
1999	6,866	2004	17,54	2009	43,911
2000	7,06	2005	21,29	2010	56,236
2001	7,844	2006	28,715	2011	78,932
2002	9,768	2007	39,087	2012	75,866
2003	13,25	2008	45,343	2013	74,897

Nguồn: <http://commerce.nic.in/eidb/default.asp>

Tính đến năm 2014, Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 6 của ASEAN, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Ấn Độ đến Singapore, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam đạt mức kỷ lục 128 tỷ USD, cao hơn so với đầu tư của Ấn Độ

vào Trung Quốc (trị giá 119,56 tỷ USD). Trong khi đó, khoảng 12,5% tổng số vốn đầu tư nước ngoài của Ấn Độ lại đến từ các nước ASEAN [Thủy Nguyên, 2016]. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ năm 2009, Thủ tướng M.Singh Khăng định: Khu vực ASEAN đồng nghĩa với tăng trưởng kinh tế năng động. Sự tham gia của Ấn Độ vào khu vực này là trọng tâm của LEP [Manmohan Singh, 2009].

(3) **Đẩy mạnh hợp tác Quốc phòng - An ninh:** Khai thác lợi thế không có quá khứ xâm lược, tranh chấp biên giới với các nước Đông Nam Á, từ đầu những năm 1990 Ấn Độ đã tích cực thúc đẩy quan hệ hợp tác QPAN cùng có lợi với khu vực Đông Nam Á nhằm tăng cường hiện diện quân sự, gia tăng ảnh hưởng tại khu vực. Ấn Độ là một trong những nước đầu tiên ngoài Đông Nam Á tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á (TAC), đồng thời tích cực tham gia và có những đóng góp quan trọng tại các khuôn khổ hợp tác khu vực của ASEAN như: ARF, EAS, ADMM+, EAMF... Từ năm 1995 đến nay, Ấn Độ thường xuyên cử các tàu hải quân tới thăm, diễn tập, tuần tra với các nước Đông Nam Á. Đồng thời tham gia tích cực và đóng góp xây dựng vào các chuẩn mực và giải quyết các thách thức an ninh khu vực như: An ninh, an toàn, tự do hàng hải, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, cướp biển, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng.

(4) **Coi trọng quan hệ hợp tác giáo dục, văn hóa - xã hội, KHCN...** làm đòn bẩy phát triển quan hệ toàn diện: Ấn Độ tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch hành động sáng kiến hội nhập ASEAN thông qua việc thành lập Trung tâm phát triển doanh nghiệp, Trung tâm đào tạo tiếng Anh ở khu vực. Năm 2007 Ấn Độ đã đóng góp 01 triệu USD vào Quỹ phát triển ASEAN; hai bên thành lập Quỹ xanh Ấn Độ - ASEAN trị giá 05 triệu USD, nhằm hỗ trợ cho các hoạt động liên quan tới biến đổi khí hậu; Quỹ phát triển KHCN trị giá 01 triệu USD, nhằm khuyến khích hoạt động nghiên cứu phát triển... Ngoài ra, Ấn Độ và ASEAN đã ký kết nhiều thoả thuận về công nghệ (vũ trụ, thông tin, sinh học); các viện giáo dục của Ấn Độ đã thành lập chi nhánh tại Malaysia, Singapore; các doanh nghiệp Ấn Độ mở các trung tâm đào tạo phần mềm tại Việt Nam, Malaysia, Campuchia, Indonesia...

2.3.4.2. Với các quốc gia Đông Nam Á

Ấn Độ Tích cực thúc đẩy quan hệ song phương trên nhiều lĩnh vực với các quốc gia Đông Nam Á, trong đó:

(1) Với Việt Nam:

- Về Chính trị, đối ngoại: Ấn Độ đẩy mạnh phát triển quan hệ toàn diện với Việt Nam, coi Việt Nam là đối tác quan trọng trong LEP. Ấn Độ cho rằng, một Việt Nam lớn mạnh, đóng vai trò quan trọng ở Đông Nam Á, cân bằng lực lượng lãnh mạnh ở khu vực là có lợi cho Ấn Độ [Phạm Minh Sơn, 2007, tr.223]. Hai bên đã ký “Tuyên bố chung về khuôn khổ hợp tác toàn diện Việt Nam - Ấn Độ bước sang thế kỷ XXI” (05.2003); “Đối tác Chiến lược” (07.2007), dựa trên các trụ cột hợp tác: Chính trị, kinh tế - thương mại, QPAN, KHCN, văn hóa - xã hội và các vấn đề khu vực, quốc tế cùng quan tâm. Ngoài ra, hai bên tích cực hỗ trợ, hợp tác, ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, như: LHQ, WTO, ASEM, APEC, ARF, EAS... Ấn Độ khẳng định ủng hộ lập trường của Việt Nam và ASEAN trong giải quyết vấn đề Biển Đông, tiếp tục tăng cường hợp tác với Việt Nam trong thăm dò, khai thác dầu khí tại các vùng biển của Việt Nam.

- Về kinh tế: Từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX, hợp tác kinh tế Ấn Độ - Việt Nam bắt đầu có nhiều tín hiệu tích cực, Ấn Độ là một trong những nước sớm đầu tư vào Việt Nam. Hai bên đã ký nhiều thoả thuận hợp tác kinh tế, như: Hiệp định thương mại (03.2003); Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư... Tính đến năm 2014, Ấn Độ trở thành một trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Trong đó xuất khẩu đứng thứ 11 (sau Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Mỹ, Malaysia, Indonesia), nhập khẩu đứng thứ 21 (Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, Đức, Australia, Anh, Thái Lan...) [Võ Minh Tập, 2015, tr.7]. Đặc biệt kim ngạch thương mại hai bên không ngừng tăng kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ “Đối tác Chiến lược”, cụ thể: Năm 2007 đạt: 1,5 tỷ USD; năm 2008 đạt: 2,4 tỷ USD; năm 2010 đạt: 2,75 tỷ USD; năm 2014 đạt: 5,6 tỷ USD (Xem phụ lục 5). Trong giai đoạn 1998 - 2009, Ấn Độ đã có 44 dự án đầu tư FDI vào Việt Nam với tổng số vốn 199,3 triệu USD đứng thứ 34 trong số các nền kinh tế đầu tư vào Việt Nam [Võ Xuân Vinh, 2013, tr.255]. Giai đoạn 1996 - 2001, Ấn Độ cho Việt Nam khoản vay tín dụng khoảng 15 triệu USD để nhập trang thiết bị cho các dự án nông nghiệp, chế biến nông sản, phát triển công nghiệp luyện kim, sản xuất Toa xe lửa và phụ tùng [Ngô Xuân Bình, Lê Thị Hằng Nga, 2011, tr.7]... Tuy nhiên, mức độ hợp

tác kinh tế vẫn chưa tương xứng với quan hệ chính trị, do hai bên chưa trao đổi hiểu biết về nhu cầu của nhau, chưa đánh giá đúng và khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của nhau, nên kim ngạch thương mại hai chiều chiếm tỷ trọng thấp trong tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của mỗi nước.

- Về Quốc phòng - An ninh: Ấn Độ xác định hợp tác quốc phòng với Việt Nam là trụ cột quan trọng trong LEP cả trên bình diện song phương và đa phương [Luu truyền, 2013]. Hai bên đã ký Nghị định thư về Hợp tác Quốc phòng (năm 1994); ký thỏa thuận Hợp tác Quốc phòng song phương (11.2009); ký bản ghi nhớ hợp tác về Hải quân (06.2011); ký Nghị định thư mới về hợp tác quốc phòng (03.2000)... Đây là cơ sở, nền tảng pháp lý để Ấn Độ tăng cường hợp tác quốc phòng trên nhiều lĩnh vực với Việt Nam, trong đó: Ấn Độ đã cho Việt Nam vay gói tín dụng ưu đãi 100 triệu USD để đóng tàu tuần tra cao tốc cho lực lượng biên phòng; cung cấp nhiều suất học bổng cho sĩ quan Việt Nam sang học ngoại ngữ và chuyên ngành quân sự tại Ấn Độ; nâng cấp và xây dựng đội tàu chiến và máy bay tuần tra cũng như các nhân viên kỹ thuật trong lực lượng hải quân, cảnh sát biển, không quân và các chuyên gia kỹ thuật trong quân đội [Lê Thị Hằng Nga, 2022]; thúc đẩy hợp tác trên các diễn đàn đa phương trong khu vực ASEAN như: ARF, ADMM+... Mức độ hợp tác quân sự song phương sâu rộng giữa Ấn Độ và Việt Nam được cho là đã “vượt mức quan hệ thông thường giữa các quốc gia” [Bành Hải Văn, 2011]. Bên cạnh đó, hai bên tích cực trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nâng cao năng lực và hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm khủng bố, buôn bán ma túy, rửa tiền, các hoạt động tội phạm công nghệ cao đã góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội của mỗi nước.

(2) Với Singapore: Trong LEP, Ấn Độ xác định Singapore là trung tâm kết nối, mở rộng quan hệ an ninh, kinh tế, chính trị giữa Ấn Độ với toàn khu vực Đông Nam Á. Hai bên đã ký kết: Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần (DTAA) và MoU về Tham vấn Văn phòng Ngoại giao (1994), Hiệp định hỗ trợ pháp lý (2005); Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện - CECA (06.2005); Hiệp định hợp tác quốc phòng (2003); Hiệp định toàn diện và Hiệp định Hậu cần chi tiết (10.2007... Singapore là một trong những đối tác thương mại và đầu tư lớn nhất của Ấn Độ trong ASEAN, kim ngạch thương mại hai chiều tăng nhanh từ mức 6,7 tỷ USD năm 2005 tăng lên

25,2 tỷ USD năm 2012 [High Commission of India Singapore, 2020a]. Ấn Độ trở thành một trong những “Công xưởng sản xuất” quan trọng trong hệ thống dây chuyền của các nhà đầu tư Singapore. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Ấn Độ luôn đạt thặng dư trong quan hệ thương mại với Singapore [Tôn Nữ Hải Yến, Cao Thị Nga, 2017, tr.81]. Bên cạnh đó, hợp tác quốc phòng hai nước được cải thiện và phát triển mạnh mẽ, từ năm 2003 đến nay, hai bên đã gắn kết chặt chẽ, tin tưởng lẫn nhau thông qua việc thể chế hóa đối thoại chính sách quốc phòng và mở rộng các cuộc diễn tập, huấn luyện của Không quân, Lục quân [Bilveer Singh, 2020, p.53]. Singapore hiện là quốc gia Đông Nam Á duy nhất Ấn Độ ký Thỏa thuận hợp tác Quốc phòng - DCA (10.2003), cho phép LLVT Cộng hòa Singapore (RSAP) tiếp cận sử dụng một số căn cứ Không quân và Lục quân của Ấn Độ để lưu giữ vũ khí và tổ chức diễn tập quân sự, đây là bước phát triển đáng kể trong thực tiễn quan hệ hai nước.

(3) Với Indonesia: Indonesia là một trong những đối tác có giá trị nhất của Ấn Độ trong LEP, quan hệ song phương có nhiều tiềm năng và đang phát triển nhanh chóng. Hai bên hội tụ nhiều lợi ích và trách nhiệm trong các diễn đàn song phương, khu vực và toàn cầu [Ministry of Foreign Affairs, 2013a]. Ấn Độ - Indonesia đã thiết lập quan hệ “Đối tác Chiến lược” (11.2005); ký Hiệp định Hợp tác Quốc phòng (năm 2001); MoU về Hợp tác chống khủng bố quốc tế (2004); Hiệp định khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư (1999); Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (DTAA - năm 2012)... Indonesia đã nổi lên trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Ấn Độ trong khu vực ASEAN, kim ngạch thương mại song phương Ấn - Indonesia luôn tục tăng: Từ 1,12 tỷ USD (1995 - 1996) lên 2,5 tỷ USD (2003 - 2004); 4,3 tỷ USD (2005 - 2006); 6,2 tỷ USD (2006 - 2007); 6,98 tỷ USD (2007 - 2008); 9,2 (2008 - 2009) và đạt 11,7 tỷ USD (2009 - 2010) [Gonda Yumitra, 2014, p.56]. Ngoài ra hai bên đã thành lập Nhóm làm việc chung về chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, bảo đảm an ninh trên biển... để giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống mà khu vực phải đối mặt.

(4) Với Malaysia: Trong quá trình triển khai thực hiện LEP, Malaysia mong muốn được tham gia vào quy trình LEP của Ấn Độ, vì LEP mở ra các cơ hội kinh tế ở cấp độ song phương và khu vực, phù hợp với chính sách đối ngoại của Malaysia,

nên đã cam kết hợp tác mang tính xây dựng với Ấn Độ [Suseela Devi, Chandran, 2014, pp.1-16]. Hai bên đã Ký bản ghi nhớ về hợp tác Quốc phòng (1993); Hiệp định Thương mại (2000); ra tuyên bố chung về “Khung quan hệ đối tác chiến lược” (10.2010); Hiệp ước dẫn độ song phương (2010); RCEP, CECA và FTA (2011); Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (2012)... đã tạo cơ hội mới cho hợp tác kinh tế hai nước phát triển mạnh mẽ, thương mại song phương hai nước tăng 17 lần, từ 0,6 tỷ USD (1992) lên 10,3 tỷ USD (2008), đạt 12,5 tỷ USD (2011), 13,3 tỷ USD (2012) [Ministry of Foreign Affairs, 2013b]... Trên nền tảng khuôn khổ bản ghi nhớ về hợp tác Quốc phòng (1993), Indonesia và Ấn Độ đã tích cực tham vấn các vấn đề về QPAN, nghiên cứu chiến lược; đẩy mạnh diễn tập song phương, hợp tác chống khủng bố, an ninh hàng hải, quản lý thiên tai và các hoạt động gìn giữ hòa bình, nhằm đạt mục tiêu chung là thúc đẩy an ninh khu vực và toàn cầu.

(5) Với Thái Lan: Thủ tướng Ấn Độ M.Singh khẳng định:

Phát triển quan hệ chặt chẽ với Thái Lan là một phần quan trọng trong LEP của Ấn Độ. Quan hệ hai nước phát triển mạnh mẽ góp phần vào hòa bình, thịnh vượng và ổn định trong khu vực [Manmohan Singh, 2012].

Sự hội tụ lợi ích chiến lược của LEP và chính sách “hướng Tây” (1996) của Thái Lan đã thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển mạnh trên mọi phương diện từ song phương đến đa phương. Hai bên đã nâng cấp quan hệ lên thành “Đối tác Chiến lược” (01.2012); Ký Hiệp định khung Khu vực Thương mại Tự do - FTA (10.2003); Hiệp định Ấn Độ - ASEAN về Thương mại hàng hóa (01.2010)... đã đưa hai nước phát triển lên tầm cao mới trên mọi lĩnh vực, nhất là về hợp tác kinh tế và QPAN. Kim ngạch thương mại song phương hai nước đã tăng gấp 4 lần trong 10 năm: Từ 2,05 tỷ USD (2004) lên 8,65 tỷ USD (2014), đưa Ấn Độ trở thành đối tác xuất khẩu thứ 10 và đối tác thương mại thứ 16 của Thái Lan [Royal Thai Embassy, 2014]. Trong lĩnh vực QPAN, hai bên đã ký MoU về hợp tác quốc phòng (2012); thành lập Nhóm công tác chung hợp tác an ninh (2003), tạo nền tảng để quân đội hai nước thường xuyên tổ chức diễn tập quân sự chung; trao đào tạo sỹ quan; giao lưu hải quân tại các diễn đàn đa phương; phối hợp tuần tra, chống tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố và cướp biển.

(6) Với Philippines: LEP ra đời đã tạo nền tảng để Ấn Độ xác định các lĩnh vực hợp tác song phương và ký kết hàng loạt các hiệp định thỏa thuận hợp tác với Philippines, trong đó hai bên đã ký: Hiệp định về Hợp tác Kinh tế - Công nghệ và Công ước về tránh đánh thuế hai lần (năm 1990); Hiệp định hợp tác sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình (4.1991); Hiệp ước dẫn độ (năm 2004); MoU về Dịch vụ Hàng không (07.2005); Thỏa thuận về “Khuôn khổ hợp tác song phương” và “tuyên bố chung về hợp tác chống khủng bố” (2009)... Đặc biệt, hai bên đã Ký Hiệp định hợp tác QPAN (2006); thành lập 02 Ủy ban năm 2010 về hợp tác song phương và Quốc phòng; tham vấn chính sách đối ngoại mới và đối thoại an ninh, Nhóm công tác chung về chống khủng bố... tạo khuôn khổ pháp lý, để quân đội hai nước: Trao đổi thông tin chuyên môn, huấn luyện quân sự; thăm viếng các máy bay quân sự và tàu hải quân; diễn tập hải quân chung và các lĩnh vực hợp tác quốc phòng khác. Tuy nhiên, kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng còn chậm so với tiềm năng và thế mạnh của hai nước: Năm 1992 chỉ đạt 96,2 triệu USD; năm 1995 đạt 111,3 triệu USD; năm 2000 đạt 199,78 triệu USD; năm 2005 đạt 599,62 triệu USD; năm 2010 đạt 1,061 tỷ USD [Joefer B. Santarita, 2011, p.164].

(7) Với Brunei: Brunei luôn tích cực ủng hộ LEP, cũng như việc Ấn Độ mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với ASEAN. Hai bên đã thành lập Ủy ban Hỗn hợp Tham vấn Văn phòng Đối ngoại (FOC/02.1995); ký Hiệp định dịch vụ hàng không (11.1995) và MoU về hợp tác dịch vụ hàng không (01.1995)... Đặc biệt tháng 05.2008, Brunei và Ấn Độ đã ký: (i) Thỏa thuận về Thúc đẩy đối ứng và Bảo hộ Đầu tư; (ii) MoU về hợp tác Công nghệ Thông tin và Truyền thông; (iii) MoU về Hợp tác trong lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật và Thể thao; (iv) MoU về việc thành lập Ủy ban thương mại hỗn hợp; (v) Gia hạn MoU nhớ về Hợp tác Vận hành Trạm Chỉ huy và Theo dõi Từ xa (TTC) cho Vệ tinh và Hợp tác trong lĩnh vực Khoa học, Ứng dụng Nghiên cứu Vũ trụ [Ajaneesh Kumar, 2020]. Tổng kim ngạch thương mại song phương hai nước năm 2012 đạt 1,48 tỷ B\$; năm 2013 đạt 1,12 tỷ B\$; năm 2014 đạt 1,27 tỷ B\$ [Ministry of Foreign Affairs, 2016].

(8) Với các nước khác: Ấn Độ tích cực thúc đẩy hợp tác song phương với Myanmar, Lào, Campuchia, làm cơ sở triển khai toàn diện LEP tới các nước Đông Nam Á, trong đó: (i) *Với Myanmar*: Ấn Độ xác định Myanmar là cửa ngõ quan trọng

để Ấn Độ triển khai LEP xích lại gần Đông Nam Á. Hai bên ký Hiệp định Thương mại qua biên giới (1994); thành lập Ủy ban thương mại hỗn hợp JTC (2003); FTA Ấn Độ - Myanmar có hiệu lực (06.2010); MoU về việc Ấn Độ hỗ trợ Myanmar thực hiện các dự án phát triển quy mô nhỏ (07.2010)... Kim ngạch thương mại song phương liên tục tăng: Năm 1992 đạt 100 triệu USD; năm 1995 đạt 196 triệu USD; năm 2000 đạt 205,88 triệu USD; năm 2005 đạt 519,11 triệu USD; năm 2010 đạt 1,497 tỷ USD [Nguyễn Tuấn Bình, 2017, tr.82-83]; *(ii) Với Campuchia*: Ấn Độ ký Hiệp định hợp tác chống khủng bố, tội phạm có tổ chức và buôn bán Ma túy với Campuchia (12.2005). Kim ngạch trao đổi hai nước lần lượt như sau: Năm 2004 đạt 17 triệu USD; năm 2008 đạt 58,1 triệu USD; năm 2010 đạt 53,4 triệu USD và năm 2013 đạt 149,6 triệu USD [David Sinate, V.Fanai and D.Chakrabarti, 2014, p.40]; *(iii) Với Lào*: Ấn Độ và Lào đã ký: Hiệp định Văn hóa Ấn Độ - Lào (8.1994); Hiệp định thương mại (11.2000); Thỏa thuận Hợp tác Quốc phòng (11.2002), Thỏa thuận Hợp tác KHCN (6.2003)... Thương mại Ấn Độ với Lào tăng lên đáng kể: Năm 2004 đạt 01 triệu USD; năm 2006 đạt 2,7 triệu USD; năm 2008 đạt 5,1 triệu USD và năm 2010 đạt 28,3 triệu USD; năm 2013 đạt 172,6 triệu USD [David Sinate, V.Fanai and D.Chakrabarti, 2014, p.41];

2.4. Từ chính sách “hướng Đông” chuyển sang “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ

- *Ấn Độ là nước lớn ở Nam Á, có dân số lớn, hệ thống chính trị ổn định, nền tảng kinh tế, quân sự vững chắc phát triển thành cường quốc ở khu vực ADD-TBD. Tư tưởng “nước lớn” đã trở thành mục tiêu chiến lược được giới lãnh đạo Ấn Độ nuôi dưỡng, kế thừa xuyên suốt từ nhiều thập kỷ nay. Cùng với các cuộc cách mạng (xanh, trắng, vàng) trong nông nghiệp, cách mạng chất xám về công nghệ thông tin và những tiến bộ trong năng lượng nguyên tử cũng như một loạt biện pháp cải cách kinh tế toàn diện và triệt để vào năm 1991 đã đưa đất nước Ấn Độ phát triển thành một cường quốc mới vào những năm đầu thế kỷ 21 [Hồ Ngọc Diễm Thanh, Phạm Quang Minh, 2019, tr.19]. Đặc biệt, sau khi nhậm chức (05.2014), Thủ tướng N.Modi đã nêu quyết tâm phát triển kinh tế, ổn định chính trị nội bộ, chấn hưng và cách tân đất nước, tăng cường năng lực quốc phòng, đổi mới chính sách đối ngoại, lấy ngoại giao kinh tế và việc mở rộng các mối quan hệ đối tác chiến lược là hai trọng tâm ưu tiên.*

- Sau hai thập kỷ triển khai LEP, quan hệ giữa Ấn Độ với khu vực CA-TBD nói chung và Đông Nam Á nói riêng đã được cải thiện, song vẫn chưa đạt hiệu quả thiết thực. LEP đã được triển khai đúng hướng, góp phần thúc đẩy quan hệ hai bên ngày càng bền vững và đi vào hiệu quả. Bên cạnh quan hệ kinh tế là điểm sáng, Ấn Độ đã chú trọng hơn đến việc tăng cường toàn diện quan hệ với ASEAN trong các lĩnh vực khác như: QPAN, văn hóa giáo dục, KHCN. Ấn Độ đã hoàn thành được các mục tiêu đặt ra là xây dựng được hình ảnh về một Ấn Độ thân thiện, sẵn sàng chia sẻ các mối quan tâm và lợi ích chung, từ đó tạo được mối quan hệ gắn kết hơn với khu vực [Võ Xuân Vinh, 2011, tr.101]. Ấn Độ đã từng bước xây dựng được niềm tin chiến lược với các đối tác tại khu vực Đông Nam Á thông qua việc mở rộng, thiết lập mối quan hệ trên mọi lĩnh vực. Đây là tiền đề cơ bản để Ấn Độ tiếp tục theo đuổi lợi ích và gia tăng ảnh hưởng của LEP. Với dấu ấn chiến lược tại khu vực, cũng như tiềm năng để cân bằng với Trung Quốc, ASEAN đã bắt đầu coi Ấn Độ là một đối tác tự nhiên, một nước láng giềng không còn xa lạ [Rahul Mishra, 2014].

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi được thực hiện phải là kết quả của những thay đổi tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định. Việc xây dựng hình ảnh của một cường quốc có trách nhiệm, công tâm và hiệu quả đối với khu vực liên quan đến sự tham gia chủ động, có hệ thống và toàn diện ở mọi cấp độ, so với các cường quốc Trung Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ, Ấn Độ đã tụt hậu hơn rất nhiều “Từ việc tạo ra một môi trường kinh doanh thân thiện hơn đến việc triển khai nhanh hơn các dự án xuyên biên giới; từ tự do hóa thị thực sang mở rộng hợp tác quốc phòng” [Raja Mohan, 2014]... Quan hệ giữa Ấn Độ với các quốc gia này vẫn còn khiêm tốn, chưa đáp ứng được hiệu quả thiết thực, do sự thiếu chủ động trong thúc đẩy triển khai và lộ trình thực hiện chưa rõ nét và cụ thể. Quan hệ Ấn Độ - ASEAN mới chỉ thiên về bề nổi, LEP vẫn trong tình trạng “nói nhiều, làm ít”, Ấn Độ dường như vẫn chỉ là “người quan sát” trong các vấn đề khu vực [Nguyễn Văn Lan, 2017]. Mặc dù các quốc gia ASEAN luôn được xem là những đối tác quan trọng, Ấn Độ đã ký kết một số hiệp định, cả FTA Ấn Độ - ASEAN về hàng hóa, dịch vụ và RCEP nhưng trải qua hai thập niên thực hiện LEP tổng khối lượng thương mại song phương vẫn còn thấp (được nêu trong bảng 2.1), chưa đem lại hiệu quả và lợi ích thiết thực đối với khu vực. Do đó Ấn Độ đã gặp không ít thử thách, khó khăn và trở

ngại khi phát triển sức mạnh của chính sách này. Vì vậy ngay sau khi lên nắm quyền, Thủ tướng N.Modi đã quyết định điều chỉnh LEP thành AEP, nhằm nhấn mạnh một vai trò tích cực hơn để thúc đẩy liên kết chính trị, kinh tế, QPAN và đối ngoại với các nước trong khu vực CA-TBD, nhất là Đông Nam Á đi vào thực chất.

- *Các nước lớn, đặc biệt là Mỹ ủng hộ quá trình chuyển đổi LEP sang AEP của Ấn Độ.* Mỹ muốn Ấn Độ không chỉ “Nhìn về hướng Đông” mà muốn Ấn Độ “Tham gia Đông”, để cùng Mỹ tăng cường an ninh và thịnh vượng cho tất cả các quốc gia [Obama, 2010]. Cụm từ “Act East” được đề cập trong bài phát biểu “Đánh giá quan hệ Ấn Độ và Hoa Kỳ: Tầm nhìn cho thế kỷ 21” trong chuyến thăm Ấn Độ của BTNG Mỹ Hillary Clinton (năm 2011), bà cho rằng: Với vai trò định hình tích cực tương lai CA-TBD, Ấn Độ không chỉ Hướng về phía Đông mà còn nên Hành động về phía Đông “Act East” và gắn kết với phía Đông [Hillary Clinton, 2011]. Mỹ cho rằng, một Ấn Độ mạnh, hợp tác với các nước cùng chí hướng (Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc...), sẽ đóng vai trò đối trọng với Trung Quốc. Điều này sẽ giúp Ấn Độ tăng cường hợp tác kinh tế với khu vực và hướng đến nhân tố tiềm năng cân bằng địa chính trị ở khu vực Đông Nam Á.

- *AEP trở thành thông điệp, thể hiện nhu cầu kết nối mạnh mẽ và quyết tâm của Ấn Độ đối với khu vực trong Kỷ nguyên mới.* Thuật ngữ Chính sách Hành động hướng Đông (Action East Policy) được Đảng Bharatiya Janata (BJP) và Thủ tướng N.Modi quan tâm ngay từ khi lên nắm quyền (06.2014). Trong hai Hội nghị tổ chức tại Myanmar (11.2014) Thủ tướng N.Modi đều sử dụng cụm từ AEP làm điểm nhấn, thông điệp quan trọng của chính sách này tới các đối tác rằng, Chính phủ mới do ông lãnh đạo sẽ dành ưu tiên cao để biến LEP thành AEP, nghiêm túc trong việc tăng cường quan hệ với khu vực, cụ thể: (1) Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Ấn Độ lần thứ 12, Thủ tướng N.Modi nhấn mạnh “Một kỷ nguyên mới phát triển kinh tế, công nghiệp hóa và thương mại đã bắt đầu ở Ấn Độ. Ở bên ngoài, LEP của Ấn Độ đã trở thành AEP” [Narendra Modi, 2014a]; (2) Phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh Đông Á lần thứ 9, ông N.Modi khẳng định:

Kể từ khi vào văn phòng sáu tháng trước, Chính phủ của tôi đã ý thức việc ưu tiên chuyển đổi nhanh LEP thành AEP. Hội nghị thượng đỉnh Đông Á là một trụ cột quan trọng của chính sách này [Narendra Modi, 2014b].

Thuật ngữ này được nhắc đến lần đầu tiên trong phiên họp giữa BTNG Ấn Độ Sushma Swaraj với 15 Trưởng Phái bộ Ấn Độ ở Đông Nam Á (08.2014) tại Hà Nội, Bà Swaraj tuyên bố “Nhìn về hướng Đông chưa đủ, giờ chúng ta cần phải Hành động về hướng Đông” [The Economic Times, 2014], nhằm nhấn mạnh về nhu cầu kết nối mạnh mẽ với ASEAN, thông qua thiết lập lộ trình cho việc triển khai AEP nói riêng và chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung. Phát biểu trước Đại hội đồng LHQ (10.2015), Bà Swaraj khẳng định “AEP đã thay thế cho LEP trước đó, Ấn Độ sẽ tham gia mạnh mẽ và chủ động hơn với một khu vực kinh tế sôi động” [Sushma Swaraj, 2015a]... Trên thực tế, AEP là sự thể hiện quyết tâm của Ấn Độ cho việc tăng cường tham gia và tương tác trong khu vực CA-TBD. Kể từ khi khởi đầu đến nay, thuật ngữ AEP trở thành một phần trong chương trình nghị sự về chính sách đối ngoại của Ấn Độ và được các nhà nghiên cứu tìm hiểu, đánh giá. Đặc biệt để cụ thể hóa AEP, Ủy ban Công vụ Liên minh (UPSC)/Ấn Độ đưa chính sách này vào bộ câu hỏi cho Kỳ thi IAS (Kỳ thi tuyển Công chức) của Chính phủ Ấn Độ, những người hoàn thành kỳ thi này sẽ được vào các cơ quan dân sự uy tín của Ấn Độ và trở thành công chức trong Cơ quan: Hành chính (IAS), Cảnh sát (IPS), Ngoại giao (IFS) và một loạt các lĩnh vực công khác của Ấn Độ.

Như vậy, cụm từ LEP sử dụng năm 1992 được thay thế bằng cụm từ AEP năm 2014, được xem là sự điều chỉnh để nâng cấp chính sách này. AEP không phải là một học thuyết thành văn trong các văn bản chính thức của Ấn Độ mà được diễn giải, thể hiện thông qua các bài phát biểu của các quan chức cấp cao nước này, nhất là qua các phát biểu của Thủ tướng N.Modi [Bùi Hải Đăng, Trần Tuấn Khang, 2021, tr.116]. Về cơ bản Thủ tướng N.Modi khẳng định AEP là sự tiếp nối, bước phát triển cao hơn LEP của các chính phủ tiền nhiệm. Bằng việc thay đổi tên gọi trong chính sách, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N.Modi muốn nhấn mạnh sự cần thiết của một chính sách định hướng chủ động hành động nhiều hơn và có mục đích hơn, thể hiện trách nhiệm của một nước lớn. Ấn Độ không chỉ đơn thuần hướng “Nhìn” về phía Đông mà chủ động “Hành động” thiết thực hơn để bảo vệ lợi ích của Ấn Độ, đồng thời thể hiện vai trò vị thế của một cường quốc ở khu vực và thế giới trong tư thế hình thái chiến lược mới của Ấn Độ.

Tiểu kết chương 2

Như vậy, AEP của Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020 được hình thành trên cơ sở lý luận và thực tiễn. Trên phương diện lý luận, ảnh hưởng của sự chuyển đổi từ Chủ nghĩa Lý tưởng sang Chủ nghĩa Thực dụng rất rõ nét trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và AEP nói riêng. Chính sách đối ngoại dưới thời N.Modi thể hiện sự hòa hợp khu vực và quốc tế, đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ việc chuyển từ “Chủ nghĩa Lý tưởng” sang “Chủ nghĩa Hiện thực” [Nguyễn Văn Dương, 2018, tr.84]. Các khuynh hướng chính sách đối ngoại của Ấn Độ giai đoạn này đã có bước chuyển đổi tư duy về mô hình chính sách đối ngoại từ “Không liên kết” sang “Đa liên kết”, từ chú trọng lĩnh vực chính trị sang chú trọng lĩnh vực kinh tế. Đặc biệt, việc điều chỉnh LEP thành AEP, nhằm thu hẹp khoảng cách với các nước đối tác (Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD), hỗ trợ đặc lực cho phát triển kinh tế và gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ tại khu vực.

Trên phương diện thực tiễn, từ những phân tích kể trên có thể kết luận rằng, AEP trong giai đoạn trên chịu sự chi phối của các nhân tố thuộc 3 cấp độ (hệ thống, quốc gia và cá nhân), là những nhân tố có tính điều kiện, nguyên nhân đối với sự hình thành, phát triển chính sách AEP của Ấn Độ. Điều đó cho thấy, Ấn Độ đã nhận thức rất rõ về bối cảnh chính trị trong nước, đặc điểm trật tự quốc tế, tầm nhìn chiến lược và vai trò “Quốc gia tầm trung”, sự ứng phó linh hoạt và đa dạng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, luôn lấy Ấn Độ làm trung tâm trước biến đổi tình hình quốc tế, khu vực và trong nước, cũng như sau hơn hai thập niên Ấn Độ triển khai LEP... để chọn thời điểm quyết định chuyển đổi LEP thành AEP đi vào thực chất, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với những mục tiêu chính của Ấn Độ. Đây là tiền đề quan trọng để Ấn Độ theo đuổi chính sách “Cân bằng động” trong quan hệ với các nước lớn một cách hiệu quả để đảm bảo lợi ích kinh tế, chiến lược lâu dài và chặt chẽ hơn với khu vực AĐD-TBD. Tất cả những điều này được thể hiện rõ nét trong nội dung, biện pháp và kết quả triển khai AEP của Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020. Đây cũng chính là những nội dung sẽ được tập trung làm rõ trong Chương 3.

Chương 3. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ CHÍNH SÁCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA AN ĐỘ

Chương này làm rõ nội hàm mục tiêu, nội dung, biện pháp và kết quả nổi bật khi An Độ triển khai AEP. Chú trọng nêu những điểm kế thừa và điểm khác biệt của AEP so với LEP, trong thực hiện hiệu quả ba nhóm mục tiêu chủ yếu của AEP đã xác định (Chính trị - chiến lược; kinh tế - xã hội và khuếch trương các giá trị) tại Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD và việc An Độ mở rộng phạm vi AEP sang khu vực ADD-TBD.

3.1. Mục tiêu và nội dung của chính sách Hành động hướng Đông

An Độ chủ trương hướng đến chiến lược mở rộng toàn diện phát triển mối liên hệ về chính trị, kinh tế, an ninh và văn hóa với các nước liên quan trong khu vực ADD-TBD, bảo vệ và mở rộng lợi ích, không gian chiến lược của An Độ. Hầu hết các chính khách An Độ và các nhà nghiên cứu đều khẳng định mục tiêu chủ yếu của chính sách “hướng Đông” là làm sâu sắc quan hệ của An Độ với khu vực ADD-TBD nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của An Độ, qua đó đối trọng với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc ở ADD và tăng cường vai trò của An Độ trên toàn cầu. Kế thừa LEP, AEP đã nhấn mạnh vai trò chủ động, tích cực và mở rộng hơn trong thực hiện hiệu quả ba nhóm mục tiêu chủ yếu An Độ đã xác định về: Chính trị - chiến lược; kinh tế - xã hội và khuếch trương các giá trị (văn hóa/tôn giáo/dân chủ), thông qua sự tham gia liên tục ở cấp độ song phương, khu vực và đa phương. Trên cơ sở đó, kết nối vật chất, thể chế và tinh thần, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa An Độ với ASEAN, làm nền tảng vững chắc triển khai AEP ra khu vực Đông Bắc Á, Nam TBD, hướng tới mở rộng ra toàn bộ khu vực ADD-TBD.

3.1.1. Về chính trị - chiến lược

Mục tiêu bao trùm là củng cố vững chắc vị trí chiến lược của An Độ tại ADD-TBD thông qua can dự liên tục ở cấp độ song phương, khu vực và đa phương. An Độ đã thể hiện rõ việc sẵn sàng muốn đóng một vai trò chiến lược lớn hơn trong khu vực, thông qua việc làm sâu sắc quan hệ với các đối tác như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và ASEAN, trong đó có Việt Nam, nhằm tăng giá trị chiến lược của An Độ trong trật tự đang định hình ở châu Á, cũng như nâng cao vị trí của

Ấn Độ trong các cơ chế an ninh khu vực, trong chiến lược của các nước lớn và ASEAN, đồng thời cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc ở Nam Á và ADD, cụ thể như sau:

Một là, gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ tại khu vực ADD-TBD thông qua các trụ cột ưu tiên. Chiến lược ADD-TBD là sự cấu thành và nền tảng logic quan trọng phục vụ “Chiến lược cường quốc” của Ấn Độ. Trong khung khuôn khổ chiến lược ADD-TBD, AEP với tư cách là phương tiện để gia tăng thực hiện các nội hàm mới trên các bình diện: Chính trị, kinh tế, an ninh, văn hóa... cho chiến lược này. Ấn Độ đã xây dựng lộ trình, từng bước mở rộng không gian chiến lược từ Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD tiếp đến sẽ hướng tới toàn bộ khu vực CA-TBD (khu vực có vị trí địa chính trị gắn kết với ADD, vùng biển có vai trò thiết yếu và lợi ích sống còn của Ấn Độ). Thông qua hợp tác với các quốc gia Đông Nam Á, Ấn Độ tạo dựng môi trường địa - chính trị thuận lợi, để tham gia quản trị khu vực, xây dựng hình ảnh nước lớn “Có trách nhiệm” và hiện thực hóa mục tiêu trở thành “cường quốc toàn cầu” [Chí thành, 2021]. Để thực hiện chủ trương này, Ấn Độ nỗ lực tham gia các cơ chế đối thoại đa phương quan trọng ở ADD-TBD như: ARF, ASEAN+1, EAS, ASEM, ADMM+, Diễn đàn các quốc đảo TBD (PIF), Hội nghị Thượng đỉnh về phối hợp hành động và củng cố lòng tin ở châu Á (CICA), “Tứ giác An ninh” (Quad); hay các cơ chế đối thoại “Tiểu đa phương” ba bên như: Đối thoại Chiến lược ba bên: Mỹ - Nhật - Ấn, Ấn - Nhật - Hàn; Hội nghị Cấp thứ trưởng Nhật - Australia - Ấn... nhằm phát huy vai trò mang tính xây dựng và ảnh hưởng đối với trật tự khu vực, cũng phần nào minh chứng cho các mục tiêu chính trị - chiến lược của AEP. Ấn Độ đã thể hiện khá rõ tham vọng, thông qua việc đề xuất các sáng kiến lớn liên quan đến khu vực này như: Xây dựng FTA Đông Á, hệ thống tiền tệ châu Á, thiết lập diễn đàn năng lượng châu Á, tăng cường hợp tác KHCN trong khu vực... Do đó, sự khác biệt chủ yếu giữa AEP và LEP không phải là mục đích và nội dung mà là nhịp điệu khẩn trương hơn [Sara Itagaki, 2016]. Nói cách khác, nếu LEP được triển khai một cách chậm chạp thì AEP đã được chính phủ Ấn Độ gia tăng cường độ, tốc độ hợp tác, tiến những bước dài táo bạo, mạnh mẽ, điển hình là trong hợp tác đa phương và song phương với các nước ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Việc mở rộng quan hệ hợp tác với các nước CA-TBD có thể giúp Ấn Độ đẩy mạnh tiến trình tự do hóa, trở thành một trung tâm mới trong mạng lưới sản xuất của khu vực. Mặt khác, Ấn Độ cũng góp phần vào việc cân bằng cơ cấu phát triển khu vực, với 4 nền kinh tế lớn là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Mỹ cùng các thành viên của G20 như: Australia, Canada, Hàn Quốc, Nga... Vì thế Ấn Độ phát triển mối quan hệ với các quốc gia CA-TBD, nhất là với các nước lớn một cách có lựa chọn, trọng điểm và có sự phân biệt, Ấn Độ đã đưa ra khái niệm “Quốc gia trụ cột” trong AEP, nhưng cùng với sự sâu sắc hóa và phát triển của chiến lược CA-TBD, Ấn Độ phân chia các quốc gia khu vực này thành các “Trụ cột” ở tầm quan trọng khác nhau. Trong khuôn khổ của AEP, Ấn Độ xác định: Việt Nam là trụ cột có ý nghĩa to lớn (Significant Pillar), Singapore là trụ cột then chốt (Key Pillar), khu vực Đông Á, Hàn Quốc và Thái Lan là trụ cột quan trọng (Important Pillar) [Wu Zhaoli, 2018].

Hai là, tăng cường sức mạnh, tạo thế cân bằng với Trung Quốc tại khu vực ADD. Động lực chính đằng sau AEP là mục tiêu Ấn Độ muốn cân bằng quyền lực với Trung Quốc [Hồng Phúc, 2020]. Điều này, xuất phát từ sự gia tăng hiện diện của Trung Quốc ở các quốc gia láng giềng Nam Á và gia tăng các hoạt động hải quân tại khu vực ADD, buộc Ấn Độ phải tích cực đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, đối ngoại và hợp tác quân sự với các quốc gia Đông Nam Á, nhằm kiềm chế Trung Quốc từ xa tại khu vực chiến lược “Truyền thống” của Ấn Độ [Trần Nam Tiến, 2016, tr.185]. Trong chuyến thăm ba nước Đông Nam Á (Thái Lan, Indonesia và Singapore (01.2018), Bà Swaraj, BTNG Ấn Độ khẳng định: ADD-TBD đang ngày càng được xem là một tuyến hàng hải kết nối quan trọng, vì vậy phải đảm bảo không bị ngăn chặn bởi các mối đe dọa truyền thống và phi truyền thống [Cẩm Bình, 2018]. Những hành động đó cho thấy, Ấn Độ đều mong muốn tăng cường hợp tác song phương với các nước ASEAN để thúc đẩy sự cân bằng, hòa bình và ổn định trong khu vực. Từ khi Ấn Độ trở thành đối tác đối thoại của ASEAN, các quan hệ hợp tác giữa Ấn Độ và ASEAN ngày càng sâu rộng, từ chính trị đến kinh tế, QPAN, văn hóa giáo dục, KHCCN... Đặc biệt là về QPAN, Ấn Độ có khả năng sản xuất phụ tùng thay thế cho các loại máy bay phản lực chiến đấu MIG do Nga chế tạo và khả năng đào tạo sỹ quan, phi công, kỹ thuật viên tàu ngầm... Nên hợp tác về

quốc phòng cũng là một trong những điểm mấu chốt để Ấn Độ gia tăng ảnh hưởng tại khu vực. Ngoài ra, Ấn Độ thực hiện đa dạng hóa trong lựa chọn đối tác mua sắm vũ khí, trang bị: Bên cạnh đối tác truyền thống là Nga, Ấn Độ đã mở rộng sang các đối tác khác như Mỹ, Pháp, Israel... để hiện thực hóa chính sách AEP. Phía học giả Trung Quốc cho rằng, AEP đã trở thành chiến lược ứng phó với Trung Quốc của Ấn Độ. Thông qua việc tăng cường liên kết chính trị, kinh tế và an ninh ở khu vực CA-TBD, Ấn Độ muốn bảo vệ lợi ích cốt lõi và cạnh tranh tầm ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á với Trung Quốc, từ đó tác động đến “Hành vi” của TQ ở khu vực ADD [Wu Zhaoli, 2018]. Mặt khác, Ấn Độ phát huy vai trò chủ đạo trong khối Liên minh Hợp tác khu vực Nam Á (SAARC), tăng cường ảnh hưởng truyền thống với những quốc gia này để thúc đẩy quan hệ hợp tác chiến lược, tạo môi trường thuận lợi, gia tăng ảnh hưởng tại khu vực ADD.

Ba là, Mở rộng phạm vi, lĩnh vực hợp tác AEP sang khu vực ADD-TBD

AEP của Ấn Độ tập trung vào khu vực lân cận, mở rộng sang khu vực ADD-TBD. Để mở rộng vai trò, ảnh hưởng của Ấn Độ trên trường quốc tế, xác lập vị thế “*cường quốc*” khu vực và từng bước vươn lên thành “*Cường quốc toàn cầu*”. Từ chính sách LEP thành AEP là một trong những thành tố xác định lại vị thế địa - chiến lược, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của chính sách này tại khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD. Với chính sách này, Ấn Độ chủ trương mở rộng phát triển quan hệ với ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand nhằm đứng vững ở Đông Nam Á, đặt chân lên Đông Bắc Á và hướng về khu vực Nam TBD [Chu Đức Tinh, Bạch Tuấn, 2015], từng bước mở rộng, bao trùm toàn bộ ADD-TBD để thúc đẩy AEP phát triển sâu rộng và đi vào thực chất. Nội dung AEP của Ấn Độ bao hàm các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, trong đó chú trọng: (1) Khôi phục các mối quan hệ chính trị với các nước đối tác ASEAN, Đông Bắc Á; (2) Tăng cường các quan hệ hợp tác kinh tế với khu vực CA-TBD; (3) Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực quân sự với các đối tác nhằm tăng cường sự hiểu biết các lợi ích chính trị và chiến lược. Điểm không thay đổi của AEP so với LEP là Ấn Độ vẫn kiên định nhấn mạnh vai trò hạt nhân, trung tâm của ASEAN, cũng như sự đoàn kết của tổ chức này trong cấu trúc an ninh khu vực. Hơn nữa, Ấn Độ cũng tích cực

tham gia vào các diễn đàn khu vực như: BIMSTEC, Đối thoại Hợp tác Châu Á (ACD), MGC, và IORA để hỗ trợ, mở rộng phạm vi hợp tác AEP. Ngoài ra, AEP còn mở rộng về lĩnh vực hợp tác như QPAN nhất là về an ninh biển. Chính phủ Ấn Độ hiện nay đã coi an ninh biển là vấn đề trung tâm và đóng một vai trò tích cực trong việc tăng cường các thể chế khu vực thông qua xây dựng lòng tin và đề cao luật pháp quốc tế, trong đó có công ước Luật Biển 1982. Trong bài phát biểu tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 12, Thủ tướng N.Modi khẳng định quan điểm của Ấn Độ về tự do hàng hải, giải quyết tranh chấp ở Biển Đông, trách nhiệm của các bên trong bảo vệ an ninh hàng hải, hàng không phải phù hợp với luật pháp quốc tế [Narendra Modi, 2014c]. Đồng thời, dưới góc độ chiến lược của AEP, Ấn Độ đã xây dựng cơ chế hợp tác an ninh với các nước Việt Nam, Singapore và Malaysia và xác định mở rộng hợp tác an ninh trong khuôn khổ Quad để theo đuổi các lợi ích chung ở khu vực ADD-TBD.

Bốn là, kết nối, hội tụ AEP với chính sách khu vực của Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc hướng tới mở rộng chính sách này sang khu vực ADD-TBD

Ấn Độ nhận thấy, khu vực ADD-TBD đang trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn, nên các quốc gia “Cùng chí hướng” có xu thế hội tụ chính sách khu vực để liên kết, đảm bảo lợi ích chiến lược của mình. AEP của Ấn Độ với “Chính sách hướng Nam mới” (NSP) của Hàn Quốc, Tầm nhìn “ADD-TBD tự do và rộng mở” (FOIP) của Nhật Bản, chiến lược “ADD-TBD tự do và mở rộng” (FOIP) của Mỹ có nhiều điểm tương thích và bổ sung cho nhau, cùng xác định ASEAN là trọng tâm, động lực trong khu vực. Mức độ hội tụ của AEP với lợi ích chiến lược của các nước Mỹ, Nhật, Hàn Quốc ngày càng tăng lên, trở thành những đối tác quan trọng, đa chiều và toàn diện, đóng góp vào việc duy trì an ninh khu vực, toàn cầu và đảm bảo vai trò trung tâm của các nước này trong cân bằng địa chính trị tại khu vực và trên thế giới [Nguyễn Văn Thăng, 2020a, tr.9]. Đặc biệt, Mỹ không muốn tách biệt mà gắn kết FOIP với các đối tác, như gắn kết chặt chẽ với FOIP của Nhật Bản, với AEP của Ấn Độ, Kế hoạch ADD-TBD của Australia, NSP của Hàn Quốc và “Chính sách gắn kết với phương Nam” của vùng lãnh thổ Đài Loan (TQ) [Phạm Thanh Bình, Vũ Nhật Quang, 2020].

3.1.2. Về kinh tế - xã hội

Mục tiêu nhất quán của AEP là đưa trụ cột kinh tế lên vị trí ưu tiên số một trong mối quan hệ của Ấn Độ với các quốc gia khu vực Đông Nam Á, Đông Á, Nam TBD, từng bước mở rộng hợp tác kinh tế bao trùm toàn bộ khu vực ADD-TBD. Thông qua đó, Ấn Độ muốn nhấn mạnh vai trò tích cực, chủ động trong hợp tác kinh tế - xã hội và tìm kiếm sự kết hợp chặt chẽ nền kinh tế của Ấn Độ với các chuỗi cung ứng toàn cầu, các mục tiêu cụ thể bao gồm:

Một là, tăng cường liên kết kinh tế thương mại với khu vực. Mục tiêu quan trọng của AEP là thiết lập cơ chế thương mại để kết nối với khu vực CA-TBD, hỗ trợ Ấn Độ đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và ổn định. Ấn Độ cho rằng, CA-TBD là khu vực có các mô hình liên kết kinh tế năng động mà Ấn Độ có lợi thế cạnh tranh (về thị trường, lao động, vị trí địa lý, tài chính, công nghệ thông tin) và các đầu tàu kinh tế (Nhật Bản, Trung Quốc, phần nào là Mỹ và ASEAN) [Nguyễn Vũ Tùng và Đặng Cẩm Tú, 2016, Tr.106-111], trong khi các đối tác này có tiềm năng lớn để tạo ra các chuỗi giá trị cho khu vực. Đặc biệt sau khi Trung Quốc kêu gọi các nước tham gia dự án “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI” ẩn chứa nhiều tham vọng [Đỗ Minh Cao, 2015, tr.13], Ấn Độ chủ trương thúc đẩy việc xây dựng cơ chế hóa hợp tác kinh tế thương mại song phương và đa phương với các thể chế kinh tế quan trọng trong khu vực này, trong đó ASEAN được xác định là tâm điểm, nền tảng của AEP. Nên việc Ấn Độ tập trung phát triển thương mại, dịch vụ với ASEAN sẽ giúp nước này có cơ hội sử dụng sức mạnh cạnh tranh trở thành một trung tâm dịch vụ xuất khẩu cho ASEAN. Do đó, để mở rộng thị trường và đa dạng hóa các mối quan hệ kinh tế, Ấn Độ và ASEAN đã thỏa thuận thành lập các cơ chế để tiến hành đàm phán về hợp tác kinh tế, thương mại gồm: Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh Ấn Độ - ASEAN; các cuộc họp của Bộ trưởng Kinh tế Ấn Độ - ASEAN; Hội đồng kinh doanh Ấn Độ - ASEAN; Ủy ban đàm phán thương mại Ấn Độ - ASEAN; Nhóm công tác về Đầu tư và Thương mại Ấn Độ - ASEAN; FTA Ấn Độ - ASEAN; AIFTA (Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Ấn Độ)... AEP đã nhấn mạnh vào hợp tác Ấn Độ - ASEAN về cơ sở hạ tầng, sản xuất, thương mại, kỹ năng, đổi mới đô thị, thành phố thông minh, sản xuất tại Ấn Độ và các sáng kiến

khác. Các dự án kết nối, hợp tác trong không gian, KHCN và giao lưu nhân dân trở thành bàn đạp cho sự hội nhập và thịnh vượng của khu vực.

Quan hệ chặt chẽ với ASEAN thông qua FTA sẽ tạo điều kiện giúp Ấn Độ tiến hành các cải cách kinh tế sâu rộng và khẳng định vị thế cường quốc ở châu Á. Tại Hội nghị EAS/Myanmar (11.2014), Thủ tướng N.Modi cho rằng, thành công của ASEAN là nguồn cảm hứng cho Ấn Độ hội nhập sâu rộng hơn vào khu vực CA-TBD. Ấn Độ tin tưởng vào vai trò trung tâm của châu Á và vai trò lãnh đạo trong việc theo đuổi mục tiêu đó [Narendra Modi, 2014d]. Phát biểu tại Hội nghị Thượng đỉnh kinh doanh ASEAN - Ấn Độ năm 2021, BTNG Ấn Độ S.Jaishankar khẳng định:

Thành công của AEP được phản ánh trong việc thu hút Ấn Độ tham gia toàn diện hơn vào ADD-TBD. ASEAN là một trung tâm chính để Ấn Độ phát triển kinh tế toàn cầu, Ấn Độ mong muốn trở thành động cơ tăng trưởng hiệu quả hơn và là một phần của chuỗi cung ứng đáng tin cậy và linh hoạt [S.Jaishankar, 2021b].

Mặc dù Ấn Độ là một đối tác FTA của ASEAN, song đã không tham gia Hiệp định RCEP (11.2019), với lý do: Các cuộc đàm phán đã không giải quyết được “các vấn đề và mối quan ngại còn tồn tại” của Ấn Độ. Hình thức của RCEP không phản ánh đầy đủ tinh thần cơ bản và các nguyên tắc chỉ đạo đã được thống nhất của RCEP [Manash Pratim Bhuyan, 2019]. Tuy nhiên, sự tái bố trí thương mại khu vực trong RCEP sẽ là đối tác kinh tế toàn diện khu vực với phạm vi lớn nhất thế giới, tương lai sẽ bao trùm lĩnh vực dịch vụ, điều này mang lại sức thu hút lớn của Ấn Độ, nước này sẽ chuyển từ vai trò người tham gia bị động sang người xây dựng chủ động, điều này có lợi cho công cuộc cải cách thương mại trong nước ở Ấn Độ, nhằm giảm giá thành thương mại mậu dịch quốc tế [Wu Zhaoli, 2018].

Hai là, phát triển tự do hóa kinh tế. Đây là mục tiêu xuyên suốt được Ấn Độ đưa ra ngay từ khi LEP ra đời, nhằm hỗ trợ cho cuộc cải cách toàn diện nền kinh tế Ấn Độ. Kế thừa và phát triển mục tiêu này, Thủ tướng N.Modi đã chú trọng nhiều hơn đến vấn đề triển khai và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Ấn Độ. Đặc biệt nhấn mạnh tới trọng tâm cải cách trong lĩnh vực kinh tế là việc hợp lý hóa

chính sách về thuế, lao động và đất đai, ngăn chặn tình trạng tham nhũng, tự do hóa nền kinh tế, cải thiện cơ sở hạ tầng... Đồng thời đưa ra các biện pháp cụ thể thúc đẩy quan hệ kinh tế ASEAN - Ấn Độ, trong đó: Đề nghị thiết lập một cơ chế đặc biệt để cấp tài chính cho các dự án phát triển, xây dựng các đại lộ thông tin và mời các nước ASEAN tham gia tiến trình chuyển đổi kinh tế đang diễn ra tại Ấn Độ; xây dựng một loạt các dự án xuyên quốc gia, để kết nối giữa Ấn Độ và các nước ASEAN bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy; cam kết mở rộng lĩnh vực thu hút đầu tư và đơn giản hóa các quy định về đầu tư nước ngoài... Qua đó, các hiệp định tự do thương mại về dịch vụ và đầu tư được Ấn Độ và ASEAN ký kết, tạo cơ hội lớn để các bên khai thác tiềm năng hợp tác kinh tế của nhau. Cũng chính điều này tạo điều kiện, lợi thế tốt cho Chính phủ do Thủ tướng N.Modi lãnh đạo, thực hiện chính sách kinh tế Modinomics (cải cách toàn diện về kinh tế và những cải cách sâu rộng về quản trị), triển khai các sáng kiến kết nối hợp tác kinh tế với các nước Đông Nam Á, để tìm kiếm thị trường trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác đầu tư, thu hẹp khoảng cách cung - cầu giữa hai bên... phục vụ AEP phát triển.

Ba là, phát triển kinh tế và ổn định an ninh vùng Đông Bắc (NER - Northeast India). Thúc đẩy phát triển kinh tế và ổn định xã hội ở tám bang NER Ấn Độ để trở thành trụ cột trung tâm, cầu nối AEP tới khu vực Đông Nam Á. Ấn Độ xác định các bang NER có tầm quan trọng về kinh tế, đầu tư, chủ yếu trên hai mặt: (1) Vị trí chiến lược của khu vực kết nối thị trường sản phẩm giữa Ấn Độ với Đông Nam Á; (2) Đây là thị trường đầu vào giàu tiềm năng với các chất xúc tác xã hội (đa dạng, phong phú văn hóa), vật chất (trung tâm cung cấp năng lượng tiềm năng), con người (lao động rẻ, có tay nghề cao) và tự nhiên (khoáng sản, rừng) là thủ phủ trong khu vực [Pratnashree Basu, Soumya Bhowmick, 2021]. BTNG Ấn Độ S.Jaishankar khẳng định:

Một chính sách đối ngoại đúng đắn có thể đóng góp trực tiếp vào sự tiến bộ của một quốc gia và một khu vực. AEP phải bắt đầu bằng việc New Delhi chú trọng và giành các nguồn lực cần thiết cho NER và các Quốc gia ở phía Đông Ấn Độ [Subrahmanyam Jaishankar, 2021a].

Mặc dù NER là những bang kém phát triển về KTXH, bất ổn về an ninh, nhưng lại gần kề với thị trường các nước Đông Nam Á hơn so với các trung

tâm kinh tế Delhi, Mumbai và Chennai. Thực hiện AEP sẽ giúp NER khai thác khí đốt tự nhiên, than, dầu, đá vôi và các tài nguyên khoáng sản khác xuất khẩu cho các quốc gia Đông Nam Á thuận lợi và hiệu quả hơn việc cung cấp cho các vùng khác của đất nước do chi phí thấp và khoảng cách ngắn hơn. Thứ trưởng Ngoại giao (phụ trách độc lập về phát triển vùng NER), Jitendra Singh nhấn mạnh:

Một trong những lợi thế của khu vực NER là nằm ở vị trí hợp lưu tăng trưởng kinh tế lớn của các khu vực Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á. Đây là cửa ngõ phía Đông của Ấn Độ nối liền với ASEAN [Jitendra Singh, 2014].

Trên cơ sở đó, Ấn Độ đã đặt ưu tiên hàng đầu giải quyết một loạt các vấn đề về: KTXH, văn hóa và chính trị ở tại khu vực này, nhất là việc đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng hành lang kinh tế, khu trung tâm thương mại... trước khi kết nối đất nước với các quốc gia Đông Nam Á. Nhận thấy tầm quan trọng của việc phát triển hạ tầng cho vùng Đông Bắc, ngay sau khi nhậm chức năm 2014, Chính phủ do Thủ tướng N.Modi lãnh đạo đã thành lập Tổng công ty phát triển hạ tầng và cao tốc có chức năng quản lý gần 300 dự án với tổng chiều dài 13.630 km đường cao tốc trị giá khoảng 29 tỷ USD [Hồng Phúc, 2020]. Đồng thời, thúc đẩy một loạt các dự án xuyên quốc gia nhằm kết nối cơ sở hạ tầng tạo một hệ thống liên kết đường bộ, đường sắt và đường thủy để kết nối, tương tác NER Ấn Độ với các quốc gia Đông Nam Á, thúc đẩy quan hệ hợp tác thương mại, du lịch và giao lưu nhân dân [Vũ Cân, 2014]. Đặc biệt, tại bang Assam/NER đã mở phòng AEP để tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư và công nghiệp hóa thúc đẩy chính sách này phát triển.

3.1.3. Về khuếch trương các giá trị (văn hóa/tôn giáo/dân chủ)

Ấn Độ luôn nhấn mạnh nền tảng dân chủ mà Ấn Độ là một đại diện tiêu biểu trong AEP. Ấn Độ cho rằng, một nền dân chủ kết hợp với một nền văn hóa phong phú và một nguyên tắc trong tương tác quốc tế, sẽ mang lại nhân tố cần thiết để gắn kết Ấn Độ với thế giới [Dhruva Jaishankar, 2018]. Điều này đã thể hiện rõ khi Chính phủ mới do ông N.Modi lãnh đạo sử dụng kênh ngoại giao để cải thiện hình ảnh Ấn Độ và thuyết phục các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh tế với Ấn Độ. Theo đó sau hai năm nhậm chức, Thủ tướng N.Modi đã thực hiện nhiều chuyến công du đi nước ngoài, trong đó tới thăm hầu hết các quốc gia khu vực ASEAN. Tới

các nơi, Thủ tướng N.Modi đều truyền tải thông điệp tích cực về AEP, nhấn mạnh đến cơ hội hợp tác thương mại và cam kết sẽ cung cấp các gói tín dụng hỗ trợ cho nhiều nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Phát biểu trước các lãnh đạo doanh nghiệp hàng đầu trong nước và quốc tế, Ông cho rằng:

Ấn Độ là quốc gia hội tụ đủ các điều kiện mà các nhà đầu tư nước ngoài mong muốn “Cả thế giới muốn đến một nơi nào tại châu Á hội tụ đủ cả 3 yếu tố: Nền dân chủ, dân số đông và nhu cầu lớn. Nếu có một nước nào như thế, đó chính là Ấn Độ. Tôi muốn các công ty Ấn Độ sẽ trở thành các công ty đa quốc gia [Shri Narendra Modi, 2014a].

Dân chủ trở thành tài sản quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ với CA-TBD nói chung và AEP nói riêng. Trong Tuyên bố chung Ấn - Australia (04.2017), hai bên cam kết chia sẻ các giá trị dân chủ, pháp quyền, hòa bình và an ninh quốc tế, cùng sự thịnh vượng chung [Media Center, 2017]. Tại cuộc gặp Tổng thống Mỹ Obama (06.2016), Thủ tướng N.Modi khẳng định: Ấn Độ và Mỹ là hai trong số các nền dân chủ lớn nhất thế giới. Hai nước cần mở rộng phạm vi hợp tác và tìm ra những lĩnh vực hợp tác mới để hỗ trợ, tìm kiếm các giải pháp cho thế giới cũng như cho các quốc gia đang phát triển [Press Secretary's Office, 2016]. Trong khi đó, nhiều quốc gia trên thế giới nhìn nhận vai trò của Ấn Độ phần lớn là tích cực, một nền dân chủ bất bạo động, khoan dung và đứng trung lập trong các vấn đề quốc tế. Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe cũng nói về “khối kim cương an ninh dân chủ của châu Á” với bốn đỉnh là Nhật, Australia, Ấn Độ và bang Hawaii của Mỹ để bảo đảm các lợi ích biển trải dài từ AFD sang Tây TBD [Shinzo Abe, 2012].

Sử dụng “Quyền lực mềm” làm phương thức quan trọng để kết nối AEP với các đối tác. Quyền lực mềm đã trở thành một động lực không thể thiếu để nâng cao vị thế và ảnh hưởng của các quốc gia trên thế giới. Chính phủ Ấn Độ từ lâu đã lưu tâm đến việc tận dụng các lợi thế về văn hóa truyền thống của mình để nâng cao quyền lực mềm. Chính sách về quyền lực mềm của Ấn Độ đã thay đổi đáng kể từ khi Thủ tướng N.Modi lãnh đạo. Sự khác biệt cơ bản so với các chính quyền tiền nhiệm được thể hiện ở chỗ: Chính quyền N.Modi đã đặt quyền lực mềm dưới sự chi phối và phát triển của chính phủ, thay vì để cho quyền lực này lan tỏa một cách tự

do dưới sự hỗ trợ của những cá nhân và tổ chức phi chính phủ như trước đây. Để làm hồi sinh hình ảnh của Ấn Độ trên trường quốc tế, Chính phủ do Thủ tướng N.Modi lãnh đạo đã: Sử dụng ngoại giao văn hóa để đạt những mục đích ngoại giao kinh tế và chính trị; kết nối tiềm năng quyền lực mềm với chính sách đối ngoại để đạt mục tiêu chiến lược; sử dụng một cách có hệ thống các nguồn tài nguyên con người và văn hóa. Hơn nữa, các chính phủ tiền nhiệm tiếp cận “Quyền lực mềm” chủ yếu đi theo hướng phòng thủ và dè dặt trong việc “Chuyển tiềm năng thành khả năng” để gia tăng tầm ảnh hưởng quốc tế, Ấn Độ coi quyền lực mềm chỉ là “Một mũi tên trong ống tên an ninh của đất nước”. Quyền lực mềm trong AEP, được Chính phủ N.Modi tập trung vào 3 phương diện chính:

(1) Chủ động gánh vác trách nhiệm khu vực và toàn cầu bằng cách cung cấp các khoản viện trợ cho các nước có nhu cầu, cũng như trở thành nước đi đầu trong ứng phó với các cuộc khủng hoảng trong và ngoài khu vực. Trước đây khi triển khai LEP, Ấn Độ tìm cách củng cố truyền thống bất bạo động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, khiến cho Ấn Độ được biết đến như một biểu tượng của lòng “Nhân ái, khoan dung và thân thiện”. Khi triển khai AEP, bên cạnh truyền thống bất bạo động, Ấn Độ nhấn mạnh nhiều hơn đến việc chủ động gánh vác các trách nhiệm toàn cầu, tôn trọng tiếng nói của những nước yếu thế, sẵn sàng cứu trợ và ủng hộ các nước khác khi cần thiết. Vì vậy, Ấn Độ đã tạo được “Lòng tin chiến lược” về một cường quốc trỗi dậy hòa bình, có khả năng đóng góp lớn cho một thế giới hòa bình và thịnh vượng. Điều này giúp Delhi chuyển đổi lợi thế “Quyền lực mềm” dựa trên những giá trị tinh túy thành lợi ích chiến lược và kinh tế, tạo uy tín quốc tế của Ấn Độ được phát huy nhiều hơn, nhất là khi các lợi ích chiến lược của Ấn Độ hướng tới việc mở rộng khắp ADD-TBD;

(2) Tăng cường tiếp cận cộng đồng Ấn kiều là trọng tâm tầm nhìn mới của Ấn Độ. Theo đó, Ấn Độ đã có một cộng đồng người Ấn rộng khắp, giàu có ở các trung tâm chính trị và kinh tế của thế giới. Thủ tướng N.Modi có hướng tiếp cận khác so với các chính quyền tiền nhiệm về vấn đề kiều Ấn. Ông không hướng vào việc thu hút nhân tài hồi hương mà tập trung vào việc phát huy vai trò của người Ấn ở hải ngoại đóng góp cho các sáng kiến trong nước và chiến lược quảng bá những

giá trị văn hóa văn minh của Ấn Độ ra bên ngoài. Chính sách cộng đồng Ấn kiều của Chính phủ N.Modi đã được khái quát trong 3 chữ C, đó là Connect (kết nối với Ấn Độ), Celebrate (chào mừng di sản văn hóa Ấn Độ) và Contribute (đóng góp cho sự phát triển của Ấn Độ) [Sushma Swaraj, 2015b]. Mục tiêu chính về kiều dân là tối đa hóa nguồn vốn FDI từ cộng đồng Ấn kiều để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Phát biểu khai mạc tại sự kiện Pravasi Bharatiya Divas lần thứ 13 (01.2015) Thủ tướng N.Modi đã kêu gọi cộng đồng hơn 25 triệu người gốc Ấn sinh sống tại 200 quốc gia giúp chuyển đổi đất nước và khẳng định “Những người gốc Ấn là nguồn vốn và sức mạnh của Ấn Độ, nếu tập trung vào phân khúc này, vị thế và uy tín đất nước trên thế giới sẽ được nâng cao” [Shri Narendra Modi, 2015b];

(3) Chú trọng thúc đẩy ngoại giao văn hóa, nhấn mạnh cả văn hóa truyền thống (Yoga, Ayurveda, Hindu giáo, Phật giáo, truyền thống triết học phong phú) và văn hóa đương đại của Ấn Độ (ngành công nghiệp điện ảnh Bollywood). Trong đó, sự phát triển của Phật giáo được xem như rợi dây liên kết, giúp văn hóa Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng ra toàn thế giới. Trước đó khi triển khai LEP, tiềm năng “Sức mạnh mềm” của Ấn Độ phần lớn vẫn chưa được khai thác, các tài nguyên sức mạnh mềm của nước này đã không thể chuyển thành đầu tư nước ngoài ở các cấp độ mà Ấn Độ mong muốn. Do đó Thủ tướng N.Modi đã sử dụng quyền lực mềm trong AEP để theo đuổi các mục tiêu chiến lược hơn so với LEP, chủ yếu là để khuếch trương, tập trung vào các liên minh kinh tế [Vaishnavi Mulay, 2017].

Thông qua những “Cam kết mềm” để thiết lập “Sức mạnh cứng” và kết nối với các quốc gia láng giềng. Những mối liên kết này được sử dụng như một phần mềm để kết nối quyền lực mềm giữa Ấn Độ và ASEAN [Suwalal Jangu, 2019, p.140]. Ấn Độ có thể tận dụng các lợi thế so sánh của sức mạnh mềm để xây dựng sự phụ thuộc lẫn nhau, góp phần xây dựng lợi ích chung vào hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á và Đông Á [Baladas Ghoshal, 2013, p.20]. Mặc dù quyền lực mềm về kinh tế (tài chính, đầu tư, ngân hàng và thương mại...) của Ấn Độ không thể so sánh được với TQ nhưng Ấn Độ có thể sử dụng quyền lực mềm để khẳng định vị thế của mình tại các sự kiện, diễn đàn khu vực. Hình ảnh tương đối trung lập, không gây đe dọa khiến Ấn Độ trở thành cường quốc hấp dẫn nhất đối với các quốc gia

đang tìm kiếm phương thức để có thể tự chủ, giúp cho New Delhi có lợi thế quyền lực mềm đặc biệt trong thế giới đa cực tương lai [Công Thuận, 2014]. Về lâu dài, chiến lược không gây hấn hoàn toàn quan hệ của nước này với Trung Quốc sẽ giúp đạt được tính hợp pháp quốc tế cho bất kỳ hành động nào mà Ấn Độ quyết định thực hiện xa hơn đối với AEP [Vaishnavi Mulay, 2017].

3.2. Quá trình triển khai chính sách Hành động hướng Đông

Để mở rộng vai trò, ảnh hưởng của Ấn Độ trên trường quốc tế, xác lập vị thế “Cường quốc” khu vực, từng bước vươn lên “Cường quốc toàn cầu”, trở thành một cực trong “Thế giới đa cực” đang từng bước hình thành. Dựa trên nền tảng của LEP, AEP của Ấn Độ được triển khai bao hàm các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, trong đó chú trọng vào việc: (1) Khôi phục các mối quan hệ chính trị với các nước đối tác ASEAN, Đông Bắc Á; (2) Tăng cường các quan hệ hợp tác kinh tế với khu vực CA-TBD; (3) Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực quân sự với các đối tác nhằm tăng cường sự hiểu biết các lợi ích chính trị và chiến lược, từng bước hướng tới khu vực rộng lớn ADD-TBD.

3.2.1. Với Đông Nam Á

3.2.1.1. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với khu vực Đông Nam Á

Thời gian qua Ấn Độ không ngừng thúc đẩy quan hệ Ấn Độ - ASEAN trên ba trụ cột (Chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội). Ấn Độ tái khẳng định, ASEAN là nền tảng, nhân tố trọng tâm trong AEP; chia sẻ quan điểm với ASEAN về xây dựng cấu trúc khu vực dựa trên luật lệ mở, toàn diện, cân bằng; tiếp tục coi kết nối toàn diện với ASEAN là một trọng tâm... Năm 2016, Chính phủ Ấn Độ đã đề ra công thức 3C (Commerce - thương mại, Connectivity - kết nối, Culture - văn hóa) cùng với AEP, để tăng cường gắn bó với ASEAN [Danh Đức, 2018]. Thủ tướng N.Modi khẳng định:

AEP của Ấn Độ đặt khu vực Đông Nam Á nằm ở vị trí cốt lõi, trung tâm trong giấc mơ về một thế kỷ châu Á của Ấn Độ, được đặc trưng bởi hợp tác và hội nhập. Tôi mong muốn được thảo luận với các nhà lãnh đạo ASEAN về cách đưa mối quan hệ Ấn Độ - ASEAN lên một tầm cao mới, điều này sẽ bổ sung cho mối quan hệ song phương ngày càng sâu sắc của Ấn Độ với mỗi thành viên [Shri Narendra Modi, 2014f].

BTNG Ấn Độ S.Jaishankar cũng luôn nhấn mạnh việc coi trọng quan hệ đối tác chiến lược với ASEAN và xác định ASEAN ở vị trí trung tâm trong triển khai AEP của Ấn Độ, ủng hộ ASEAN đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực, xây dựng Cộng đồng, tăng cường kết nối và thu hẹp khoảng cách phát triển [Mạnh Hùng, 2021].

Dịp kỷ niệm Ngày Cộng hòa Ấn Độ (26.01.18), Thủ tướng N.Modi đã mời lãnh đạo 10 nước ASEAN tham dự, là một động thái cho thấy rõ chiến lược nhiều tầng nấc trong hoạt động ngoại giao của Ấn Độ [Reena Marwah, 2017], nhằm làm sống lại các mối liên hệ lâu năm với các nước ASEAN và tạo niềm tin cho các nước này về vị thế của Ấn Độ với tư cách là một người bạn, đồng minh tiềm năng. Hai bên đã thông qua và triển khai “Kế hoạch Hành động ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2016 - 2020” với 130 dòng hành động. Ấn Độ tăng cường giao lưu và tiếp xúc chính trị, gia tăng hợp tác đầu tư, thương mại, ưu tiên cho các hoạt động giao lưu nhân dân, bảo tồn di sản văn hóa, trao đổi cán bộ, sinh viên, nâng cao năng lực về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, quản lý thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển du lịch với ASEAN [Nguyễn Trang, 2017]. Bên cạnh đó, với mỗi thành viên ASEAN, Ấn Độ có các mối quan hệ chính trị, ngoại giao, kinh tế và an ninh ngày càng được thúc đẩy phát triển. Ấn Độ chủ trương thông qua các nước “trụ cột”⁴, để đẩy mạnh quan hệ song phương, là cơ sở tiếp tục định vị và thúc đẩy AEP. Ngoài ra, Ấn Độ tích cực tham gia cơ chế đối thoại đa phương khác tại khu vực, do Mỹ, Nhật Bản, Australia khởi xướng để hỗ trợ cho AEP và gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ tại Đông Nam Á.

3.2.1.2. Mở rộng hợp tác kinh tế

Ấn Độ xác định xây dựng quan hệ hợp tác kinh tế với ASEAN là biện pháp quan trọng nhất để Ấn Độ phát triển kinh tế đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Ngay sau khi AEP ra đời, Ấn Độ đã nhấn mạnh sự nghiêm túc trong việc thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại giữa Ấn Độ với ASEAN, thể hiện chính sách thiên về hành động nhiều hơn đối với khu vực Đông Nam Á, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và mở rộng vai trò toàn cầu của Ấn Độ. Thông qua khu vực có tầm chiến lược

⁴ Trong AEP, Ấn Độ xác định Việt Nam là trụ cột then chốt (significant pillar), Singapore là trụ cột chính (key pillar), Thái Lan là trụ cột quan trọng (important pillar)...

quan trọng này, Ấn Độ đã xây dựng các chính sách kinh tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với toàn bộ cộng đồng ASEAN và từng quốc gia trong khu vực này để thu hẹp khoảng cách hợp tác, phát triển. Tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 12 ASEAN - Ấn Độ/Myanmar (11.2014), Thủ tướng N.Modi đã đề nghị các nước ASEAN tham gia vào cuộc hành trình kinh tế mới ở Ấn Độ, nhất là về cơ sở hạ tầng, sản xuất, thương mại, nông nghiệp, phát triển kỹ năng, đổi mới đô thị, thành phố thông minh. Đề nghị ASEAN - Ấn Độ thiết lập một cơ chế đặc biệt để cấp tài chính cho các dự án phát triển. Các công ty Ấn Độ sẽ tiếp tục giao dịch, đầu tư để đẩy nhanh tiến độ kết nối các dự án với ASEAN [Shri Narendra Modi, 2014b]. Ngoài ra, Ấn Độ tiến hành nghiên cứu, đánh giá tác động, ảnh hưởng các “Tiểu sáng kiến” nằm trong phạm vi sáng kiến “Vành đai, Con đường” (Belt, Road Initiative - BRI) do Trung Quốc khởi xướng ngay tại sân sau của Ấn Độ, như: Hành lang Kinh tế Trung Quốc - Pakistan hay CPEC (China - Pakistan Economic Corridor), Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21 (Maritime Silk Road - MSR) năm 2013; Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (Asian Infrastructure Investment Bank - AIIB) năm 2016... để tìm ra lợi ích tiềm năng, tối đa hóa các cơ hội, hóa giải những thách thức, đưa AEP đi vào thực tiễn. Đặc biệt Ấn Độ cũng đã không ký nội dung ủng hộ BRI trong Tuyên bố chung của Hội nghị thượng đỉnh Hợp tác Thượng Hải (06.2018), Ấn Độ còn khẳng định lập trường kiên định cho rằng, CPEC trong phạm vi của BRI đã vi phạm “Trắng trợn” chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ [Ngô Phương Anh, 2020]. Những động thái trên cho thấy, Ấn Độ đã có những chuyển động khá quyết liệt để thể hiện chiến lược AEP của mình.

3.2.1.3. Tăng cường kết nối khu vực, góp phần phát triển khu vực Đông Bắc/Ấn Độ:

NER Ấn Độ không chỉ là động lực của AEP mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc tăng cường quan hệ đối tác của Ấn Độ đối với phương Đông. Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Ấn Độ năm 2015, Thủ tướng N.Modi cho rằng, kết nối là con đường dẫn đến sự thịnh vượng chung, Ấn Độ cam kết tuyên bố chi 1 tỷ USD để thúc đẩy các dự án hỗ trợ kết nối giữa Ấn Độ và ASEAN [Shri Narendra Modi, 2015c], nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại. Để thực hiện chủ trương đó, Chính phủ Ấn Độ đã thực hiện các giải pháp sau: (1) Đẩy mạnh

ngiên cứu đánh giá tiềm năng, xây dựng kế hoạch hợp tác toàn diện với các nước ASEAN, nhằm thu hút các chuyên gia trên toàn quốc đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở địa phương; (2) Xây dựng kế hoạch phát triển đường sắt, đường không và thiết lập các tuyến đường trung chuyển nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, hỗ trợ người dân ở vùng sâu vùng xa; (3) Hiện đại hoá các điểm thương mại mậu biên giữa Ấn Độ với Myanmar, Bangladesh, Butan và Nepal, nhằm xây dựng nơi đây thành các trung tâm thương mại quốc tế; (4) Đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất phần cứng công nghệ cao (công nghệ nano và micro); (5) Tăng cường xúc tiến du lịch sinh thái, thu hút các sinh viên đến từ các nước láng giềng ở phía Đông Ấn Độ... Với các giải pháp này, AEP của Ấn Độ muốn hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế và chính trị sâu rộng hơn cho các bang Vùng Đông Bắc thông qua việc cải thiện và phát triển cơ sở hạ tầng (đường bộ, hàng không, đường sắt) để kích hoạt lại các tuyến thương mại, tạo ra các thị trường mới, kết nối giữa khu vực Đông Bắc với Đông Nam Á [Kunki Chowdhury, 2021]. Ấn Độ đã thông qua các dự án như: Đường cao tốc Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan cùng với Hành lang kinh tế Đông - Tây và Hành lang kinh tế phía Nam sẽ kết nối Đà Nẵng, TP.HCM, Phnom Penh, Bangkok với Yangon và New Delhi để thúc đẩy thương mại, phát triển kinh tế, quốc phòng [Nguyễn Nhật Huy, Sơ Nguyên, 2018]. Ngoài ra, đẩy mạnh việc hình thành các liên kết tiểu khu vực với khu vực Đông Nam Á thông qua BIMSTEC, MGC, BCIM, Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương (IORA)... để Ấn Độ gia tăng ảnh hưởng AEP với khu vực này.

Để đặt nền móng giữ vai trò “Đầu cầu”, kết nối vùng Đông bắc Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á, Chính phủ Ấn Độ đã chủ trương tháo gỡ khó khăn, thách thức, đặt mục tiêu ưu tiên phát triển toàn diện vùng Đông Bắc, trong đó: (1) Bộ Phát triển Vùng Đông Bắc Bộ (MODONER) giữ vai trò đầu mối; (2) Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm điều hành; (3) Hội đồng Đông Bắc (NEC) phối hợp với các Bộ, Ban Ngành của Chính phủ xây dựng quy hoạch, đưa ra các giải pháp phù hợp đảm bảo hoàn thành kịp thời việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển các điểm thương mại biên giới, khuyến khích phát triển công nghiệp, nông nghiệp và du lịch bền vững [Vijay Kumar Singh, 2018]... để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “Nhanh, bao trùm và bền vững” ở khu vực này.

3.2.1.4. Gia tăng hợp tác quân sự - an ninh, tăng cường sự hiện diện ở khu vực nhằm cạnh tranh ảnh hưởng với các cường quốc

Đẩy mạnh hợp tác quốc phòng với ASEAN trở thành nhân tố quan trọng trong AEP nhằm khẳng định vị thế cường quốc ở khu vực, cạnh tranh với các nước khác, nhất là Trung Quốc. Ấn Độ đã tận dụng lợi thế không có tranh chấp biên giới lãnh thổ với các quốc gia Đông Nam Á để đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc phòng cùng có lợi nhằm tăng cường hiện diện quân sự, gia tăng ảnh hưởng tại khu vực. Một mặt ủng hộ các mục tiêu hòa bình của ASEAN, mặt khác chủ động xây dựng lòng tin với các nước Đông Nam Á, khuyến khích ASEAN tham gia các cơ chế: Diễn tập chung, đào tạo sĩ quan, huấn luyện nhân viên kỹ thuật quân sự [Lê Nguyễn An, 2015]. Cùng với thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc phòng đa phương đối với ASEAN, Ấn Độ đã tích cực thúc đẩy quan hệ quốc phòng song phương với các quốc gia trong ASEAN. Ấn Độ đã có thỏa thuận quốc phòng với 9/10 nước Đông Nam Á, thông qua các hiệp định/MoU về hợp tác quốc phòng đã trở thành công cụ tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyến thăm cấp cao, trao đổi học viên lẫn nhau theo các chương trình đào tạo [Pankaj Jha, 2021].

Về góc độ an ninh, Ấn Độ nhấn mạnh sự cân bằng giữa hai nhóm chính sách AEP và “Hành động hướng Tây” (khu vực chiến lược kéo dài từ Vịnh Persian đến bờ biển phía Đông của châu Phi và qua eo biển Malacca), tạo nên một chỉnh thể trong chiến lược của nước này tại khu vực AĐD-TBD [Nguyễn Trần Xuân Sơn, 2021]. Trong đó, Ấn Độ chú trọng đẩy mạnh các biện pháp để tăng cường hợp tác quan hệ an ninh với các nước ASEAN ở ba cấp độ khác nhau, bao gồm: Cam kết song phương, đối thoại đa phương và thăm viếng quốc phòng lẫn nhau, nhằm phát triển khả năng tương tác thường xuyên với các nước ngoài khu vực AĐD để duy trì đối thoại, thúc đẩy kết nối các sáng kiến hợp tác vì lợi ích chung, đảm bảo tự do hàng hải, thương mại không bị cản trở và giải quyết các tranh chấp phù hợp với luật pháp quốc tế. Trong bài phát biểu tại Đối thoại Shangri La (6.2018), Thủ tướng N.Modi nhấn mạnh:

Một trật tự như vậy phải tin tưởng vào chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cũng như sự bình đẳng của tất cả các quốc gia, bất kể quy mô và sức mạnh. Những quy tắc và chuẩn mực này phải dựa trên sự đồng ý của tất cả

mọi người, không phải dựa trên sức mạnh của một số ít. Điều này phải dựa trên niềm tin vào đối thoại chứ không phải dựa vào vũ lực [Shri Narendra Modi, 2018a].

Dịp kỷ niệm 25 năm quan hệ Đối thoại ASEAN - Ấn Độ (01.2018), Ấn Độ tái khẳng định: Ấn Độ đặt ASEAN vào trung tâm tầm nhìn ADD-TBD về an ninh và tăng trưởng cho tất cả các bên trong Khu vực [Asean india, 2018]. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 17 (11.2020), Thủ tướng N.Modi khẳng định quan hệ đối tác chiến lược giữa Ấn Độ và ASEAN luôn là cốt lõi trong AEP của New Delhi. Đồng thời, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường sự hội tụ giữa Sáng kiến ADD-TBD (IPOI) của Ấn Độ và Tầm nhìn ADD-TBD của ASEAN (AOIP), nhằm đảm bảo một khu vực ADD-TBD tự do, rộng mở, bao trùm và dựa trên luật pháp. Mong muốn các nước ASEAN hợp tác theo những trụ cột khác nhau trong IPOI của Ấn Độ [Hoàng Thanh Phương, 2020]. Bên cạnh đó, Ấn Độ tham gia tích cực và đóng góp xây dựng vào các cơ chế hợp tác khu vực như: EAS, ARF, ADMM+, Diễn đàn Biển ASEAN mở rộng, Đối thoại an ninh thường niên Shangri-la...

Đặc biệt Ấn Độ xác định, Biển Đông giữ vai trò quan trọng, góp phần thực thi thành công AEP, đảm bảo lợi ích chiến lược về kinh tế, chính trị, An ninh hàng hải tại ADD-TBD. Vai trò của Biển Đông đối với Ấn Độ được thể hiện trên 3 khía cạnh chính: (1) Thương mại với các quốc gia liên quan đến Biển Đông, đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á; (2) Vấn đề năng lượng; (3) Vận tải đường biển của Ấn Độ [Đỗ Minh Cao, 2015, tr.13]. Để đảm bảo những lợi ích tại Biển Đông, mục tiêu bao trùm của Ấn Độ là: (1) Tự do hàng hải và hàng không, giao thương không bị cản trở; (2) Giải quyết hòa bình tranh chấp, phản đối sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, duy trì hòa bình, ổn định khu vực; và (3) Tôn trọng luật quốc tế, đặc biệt là Công ước LHQ về Luật biển (UNCLOS-1982) [Trần Quang Châu, 2019]. Thực hiện điều này, Ấn Độ đã tập trung đẩy mạnh triển khai hợp tác biển với ASEAN trên 3 lĩnh vực chính là: An ninh hàng hải, phát triển kinh tế và kết nối ở cả cấp độ song phương và đa phương để bảo vệ lợi ích của Ấn Độ tại Biển Đông, tạo không gian và động lực cho lĩnh vực biển trong AEP.

Đặc biệt, Ấn Độ đã đưa đề xuất đàm phán Hiệp định Hợp tác Vận tải Biển ASEAN - Ấn Độ, để thúc đẩy tiếp cận dịch vụ trên biển thông qua sự minh bạch hơn nữa về quy định, chính sách và thực tiễn biển của các đối tác thương mại; thúc đẩy mua bán hàng hóa tại các cảng biển; mở đường thiết lập các doanh nghiệp liên doanh về các lĩnh vực vận tải biển, đóng tàu, sửa chữa, huấn luyện và công nghệ thông tin [Prabir De, 2018]. Đồng thời duy trì thường xuyên các hoạt động viếng thăm quân sự, diễn tập hải quân với các quốc gia Đông Nam Á.

3.2.1.5. Mở rộng hợp tác văn hóa nhằm tăng cường “Quyền lực mềm” của Ấn Độ ở khu vực:

Ấn Độ có một nền văn hóa truyền thống vô cùng đặc sắc, là một trong những trung tâm khởi phát của nền văn minh châu Á, nên ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trên thế giới rất rộng lớn. Ngoại giao văn hóa là một phần đặc trưng Ấn Độ, gắn liền với tư tưởng “Thế giới đại đồng” (the whole world is one family) mà nước này luôn theo đuổi, đây còn được coi là biện pháp nhằm bảo vệ “biên giới mềm” của Ấn Độ. Ngay sau khi thành lập Chính phủ mới, chính quyền Thủ tướng N.Modi nhận thấy rằng, Ấn Độ thiếu “Cơ bắp” ngoại giao, nhưng lại có một tiềm lực “Sức mạnh mềm” phong phú và hấp dẫn như: Nền điện ảnh Bollywood, Phật giáo, truyền thống triết học, nền “Dân chủ” Ấn Độ... Các tài nguyên này chưa được khai thác tốt để thu hút đầu tư nước ngoài vào Ấn Độ. Trong một phát biểu tại Đại học Banaras Hindu, Thủ tướng N.Modi khẳng định và mong muốn:

Trong thời đại hiện nay, có thể được coi là một kỷ nguyên của kiến thức, vai trò và trách nhiệm của Ấn Độ đã tăng lên. Chúng ta phải nổi lên như một Guru Vishwa (bậc thầy), không chỉ để cung cấp hướng đi mới cho thế giới mà còn để bảo vệ di sản của chúng ta [Peter Martin, 2015].

Trong quá trình triển khai AEP, Ấn Độ luôn coi trọng yếu tố văn hoá trong hợp tác với từng nước, cũng như trong liên kết khu vực, khai thác, sử dụng triệt để tiềm lực “Quyền lực mềm” thành công cụ quan trọng để thâm nhập, gia tăng ảnh hưởng tại khu vực Đông Nam Á. Trong đó, Phật giáo ngày càng trở nên quan trọng trong các chính sách ngoại giao văn hóa của Ấn Độ và được xem như một nhân tố để kết nối tất cả châu Á với văn hóa Ấn Độ và giúp văn hóa Ấn Độ mở rộng ảnh

hưởng ra toàn thế giới. Thủ tướng N.Modi từng tuyên bố, không có Đức phật, thế kỷ này không thể là thế kỷ của Châu Á [Bhavna Vij Aurona, 2015]. Bên cạnh đó, Chính phủ N.Modi đã vận động thành công để LHQ tuyên bố thành lập “Ngày quốc tế Yoga” (21.06.15), ông N.Modi miêu tả Yoga là “Món quà của Ấn Độ giành cho thế giới” [Shri Narendra Modi, 2014c]. Ngoài Yoga, Phật giáo, Ấn Độ và các nước ASEAN có sự gần gũi về văn hoá, nên văn hoá Ấn Độ có ảnh hưởng sâu rộng đến nền văn hoá các nước ASEAN. Bằng cách tạo dựng nền tảng cho việc trao đổi kiến thức giữa các nhà hoạch định chính sách, quản lý và nghiên cứu liên quan đến di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, Ấn Độ đã tăng cường nỗ lực bảo tồn, bảo vệ và khôi phục các biểu tượng, công trình văn hóa lịch sử với quan tâm chung nhằm phản ánh mối liên hệ văn hóa và lịch sử giữa ASEAN và Ấn Độ [TTXVN, 2018a]. Ấn Độ đã đề xuất lập bản đồ các dòng chữ cổ dọc theo sông Mê Công; tổ chức các hội nghị, các hoạt động về liên kết văn hoá và văn minh ASEAN - Ấn Độ; thúc đẩy du lịch văn hoá... Đồng thời thúc đẩy Chương trình Trao đổi Sinh viên ASEAN - Ấn Độ và cuộc Đối thoại Delhi thường niên để thanh niên, học giả và doanh nhân của ASEAN và Ấn Độ gặp gỡ, học hỏi và làm sâu sắc hơn mối quan hệ.

Có thể thấy, Chính phủ do Thủ tướng N.Modi lãnh đạo vừa chú trọng đầu tư xây dựng nền kinh tế phát triển, vừa đẩy mạnh phát huy ảnh hưởng của Ấn Độ ra bên ngoài bằng các nguồn lực văn hóa truyền thống, đã cho thấy sự sáng tạo và xen lẫn tính thực dụng của quốc gia này. Ấn Độ đã sử dụng một cách có hệ thống và hiệu quả các nguồn tài nguyên con người và văn hóa giàu có để tạo dựng uy tín, thương hiệu và sự lan tỏa các giá trị của Ấn Độ. So với chính quyền trước đó, Thủ tướng N.Modi đã thành công trong việc thể chế hóa và phát triển một phương pháp tiếp cận thống nhất và có chiến lược về quyền lực mềm [Trần Nam Tiến, 2020, tr.32].

3.2.2. Với Đông Bắc Á

3.2.2.1. Với Nhật Bản

Ấn Độ xác định Nhật Bản là nhân tố quan trọng trong AEP. Quan hệ “Đối tác Toàn cầu và chiến lược Đặc biệt” được thiết lập trên nền hội tụ sâu rộng các mục tiêu chính trị, kinh tế và chiến lược. Ấn Độ và Nhật Bản có vị trí tốt để định hình các giải pháp chiến lược và cùng thực hiện trách nhiệm cung cấp hàng hóa công toàn cầu. Hai nước đã ra Tuyên bố chung “Tầm nhìn Ấn Độ và Nhật Bản

2025: Mỗi quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt và toàn cầu cùng hợp tác vì hòa bình, thịnh vượng của khu vực AĐD-TBD và thế giới” [Media Center, 2015a]. Tuyên bố nhấn mạnh việc tìm kiếm sức mạnh tổng hợp giữa AEP của Ấn Độ và “Quan hệ đối tác về cơ sở hạ tầng chất lượng” của Nhật Bản, theo đó nhấn mạnh hợp tác trong các dự án cơ sở hạ tầng và tăng cường khả năng kết nối bên trong Ấn Độ cũng như giữa Ấn Độ với các nước ở khu vực. Cam kết thúc đẩy mạng lưới công nghiệp và chuỗi giá trị khu vực nhằm thúc đẩy môi trường kinh doanh cởi mở, bình đẳng, minh bạch và tăng cường hợp tác, phối hợp song phương với các bên liên quan khác để hiện thực hóa sáng kiến chiến lược trên. Nhật Bản là quốc gia duy nhất Chính phủ Ấn Độ cho phép đặt chân vào khu vực chính trị nhạy cảm ở vùng Đông Bắc Ấn Độ, nơi mà Nhật Bản được đầu tư vào các dự án phát triển KTXH. Đồng thời là nước cung cấp cho Ấn Độ nhiều khoản vay, viện trợ phát triển chính thức (ODA) trong các lĩnh vực như năng lượng, cung cấp nước sạch, lâm nghiệp và phát triển đô thị ở khu vực này. Nhật Bản cũng là nước đầu tiên được Ấn Độ cho phép đầu tư nâng cấp các cơ sở hạ tầng dân sự tại hai quần đảo chiến lược Andaman và Nicobar [Nguyễn Thị Hồng, 2017]. Hai bên nhất trí nâng quan hệ “Đối tác Toàn cầu và chiến lược Đặc biệt” lên tầm cao mới, mong muốn thúc đẩy hợp tác song phương trong các lĩnh vực an ninh, kinh tế, nhằm góp phần vào những nỗ lực chung vì một khu vực AĐD-TBD tự do, rộng mở và hội nhập [Media Center, 2020a]. Ấn Độ đã cùng với Nhật Bản xây dựng kế hoạch dự án “Hành lang tự do Nhật - Ấn” (11.2016) kết nối 2 châu lục, kéo dài từ CA-TBD đến châu Phi... Đặc biệt Nhật Bản là quốc gia thứ hai sau Mỹ mà Ấn Độ áp dụng cơ chế đối thoại 2+2, trong khi Ấn Độ là đối tác 2+2 thứ 7 của Nhật Bản. Hai bên cam kết tăng cường hợp tác an ninh ba bên (Ấn - Nhật - Mỹ và Ấn - Nhật - Australia), nhằm thiết lập hợp tác sâu rộng, khả năng tương tác, đóng góp vào hòa bình và an ninh ở khu vực AĐD-TBD.

3.2.2.2. Với Hàn Quốc

Thúc đẩy quan hệ hợp tác với Hàn Quốc để hiện thực hóa AEP. Tăng cường quan hệ “Đối tác chiến lược Đặc biệt” (05.2015) với Hàn Quốc là một phần trong nỗ lực để Ấn Độ thúc đẩy AEP. Quan hệ hai bên được củng cố, tăng cường thông qua các hiệp định, cơ chế hợp tác. Trong tuyên bố chung tại Hội nghị thượng đỉnh Ấn - Hàn năm 2018, hai bên nhất trí phấn đấu đạt mục tiêu thương mại song

phương lên 50 tỷ USD vào năm 2030 và quyết định thành lập “Nhóm Chiến lược Tầm nhìn Tương lai Hàn - Ấn” và “Trung tâm Hợp tác Nghiên cứu và Đổi mới Ấn Độ - Hàn Quốc (IKCRI)”, nhằm cung cấp khuôn khổ thể chế hợp tác nghiên cứu, đổi mới kinh doanh [Korea Herald, 2018], mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực: Công nghệ thông tin, phần mềm, công nghệ sinh học, an ninh mạng, chăm sóc sức khỏe, năng lượng, không gian vũ trụ trong thời gian tới.

Hàn Quốc là nước thứ hai (sau Nhật Bản) mà Ấn Độ chủ trương thiết lập cơ chế đối thoại 2+2 về ngoại giao và QPAN. Trong bối cảnh ASEAN đóng vai trò động lực, đối tác trung tâm để hội tụ AEP và NSP, Ấn Độ đã nổi lên như một đối tác quan trọng của Hàn Quốc, không chỉ trong việc mua bán hàng hóa mà còn về hợp tác QPAN. Trong chuyến thăm Ấn Độ (07.2018), Tổng thống Moon Jea-in khẳng định, Ấn Độ là đối tác quan trọng trong NSP, Hàn Quốc triển khai chính sách này nhằm tăng cường mối quan hệ với Ấn Độ và bổ sung cho AEP. Bởi ASEAN là trung tâm của cả AEP và NSP, nên Ấn - Hàn có thể hợp tác trong và ngoài nhu cầu cấu trúc của khu vực [Jagannath P.Panda, 2019, p.86], nên hai nước đã sẵn sàng hội tụ những điểm chung giữa AEP và NSP. Tại Hội nghị thượng đỉnh Hàn - Ấn bên lề Hội nghị thượng đỉnh G20 năm 2019 tại Nhật Bản, Tổng thống Moon Jea-in và Thủ tướng N.Modi đã nhất trí thúc đẩy tìm ra điểm chung cho sự hợp tác giữa NSP và AEP nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, hợp tác chặt chẽ vì hòa bình và ổn định khu vực, đồng thời tiếp tục xác định các dự án hợp tác cụ thể bằng cách thành lập cơ quan tham vấn cấp cao giữa hai nước [Cheongwadae, 2020]. Từ góc độ Ấn Độ, tiền đề thiết yếu của quan hệ đối tác Ấn - Hàn được củng cố là vì tầm nhìn chung về tiến bộ ở châu Á và lộ trình hướng tới tương lai vì “Con người, hòa bình, thịnh vượng và cân bằng chiến lược” [Abhijit Singh, 2020].

3.2.2.3. Với Trung Quốc

Ấn Độ xác định Trung Quốc “Vừa là nhân tố vừa là đối tượng”, nên động lực, yếu tố cốt lõi để Ấn Độ triển khai AEP là việc Ấn Độ muốn đạt mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia từ xa, cạnh tranh chiến lược và cân bằng quyền lực với Trung Quốc ở khu vực. Mặc dù Ấn Độ không thể so sánh với Trung Quốc về sức mạnh quân sự, nhưng sử dụng “Sức mạnh mềm” để khẳng định vị thế của mình ngày càng trở nên rõ ràng hơn từ các sự kiện diễn ra từ năm 2014. Theo đó, Ấn Độ đã sử dụng cách “Tiếp

cận mềm”, thông qua việc kết nối, xây dựng mối quan hệ chung về Phật giáo, quan hệ văn hóa, thăm nhà nước, du lịch, xúc tiến thương mại, giao lưu nhân dân để tạo ra sự thiện chí quốc tế từ Trung Quốc trong quá trình triển khai AEP. Thủ tướng N.Modi khẳng định “Trung Quốc là khu vực lân cận của Ấn Độ, chiếm một vị trí đặc biệt trong các kế hoạch phát triển quốc gia và chính sách đối ngoại của Ấn Độ” [Media Center, 2014]. Đồng thời, công bố triển khai mạnh mẽ AEP tại các hội nghị do ASEAN dẫn dắt, cũng như nhấn mạnh việc tuân thủ luật pháp và chuẩn mực quốc tế là điều quan trọng đối với hòa bình và ổn định ở Biển Đông và tăng cường sự hiện diện, thăm viếng tàu quân sự và mở rộng đầu tư thăm dò, khai thác dầu khí với Việt Nam tại khu vực này kể từ năm 2014 đến nay. Điều này Ấn Độ muốn truyền tải thông điệp rõ ràng và mạnh mẽ tới Trung Quốc rằng: AEP không hề hướng tới mục tiêu “Ngăn chặn” Trung Quốc như Bắc Kinh tuyên bố, mà là một nỗ lực nhằm thúc đẩy các lợi ích chính trị, kinh tế và chiến lược của Ấn Độ ở Đông Nam Á và Đông Á. Đồng thời, cũng là giải pháp chống lại bất kỳ nỗ lực nào của Trung Quốc làm tổn hại đến lợi ích sống còn của Ấn Độ tại khu vực [Baladas Ghoshal, 2013, tr.156].

3.2.3. Với Nam Thái Bình Dương (Australia và New Zealand)

3.2.3.1. Với Australia

Ấn Độ xác định Australia là một phần quan trọng để Ấn Độ mở rộng AEP sang ADD-TBD. Ấn Độ và Australia là một trong những cường quốc hàng hải lớn nhất ven biển của ADD, cả hai đều thuộc nền kinh tế G20 và nằm trong “Bộ tứ” nên quy mô hợp tác chiến lược của hai nước được đặt trên trục trung tâm ADD-TBD, nhấn mạnh vào các quốc gia Đông Nam Á. Trong cuộc họp báo chung với Thủ tướng Australia, Tony Abbott tới Ấn Độ (09.2014), Thủ tướng N.Modi đã khẳng định sự tin tưởng trong quan hệ Ấn - Australia cho rằng “Australia nổi lên như một đối tác chiến lược mạnh mẽ đối với Ấn Độ, một phần rất quan trọng trong AEP” [Shri Narendra Modi, 2014d]. Ấn Độ xác định ADD-TBD đại diện cho phạm vi tự nhiên của AEP và chủ trương hướng đến một thị trường rộng lớn “Act East to Act Indo-Pacific” (Hành động hướng Đông để Hành động ADD-TBD), nhằm tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong các vấn đề toàn cầu và khu vực ADD-TBD [Prabir De, 2020]. Điều này đã trở thành một thực tế chiến lược, khi Ấn Độ quyết định nâng cấp quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” (CSP) với Australia (06.2020), đưa mối

quan hệ song phương lên tầm cao mới, dựa trên sự hiểu biết, tin cậy, lợi ích và các giá trị chung. Đặc biệt quan hệ CSP mà hai bên khẳng định phù hợp với “Tầm nhìn ADD-TBD tự do, rộng mở và bao trùm” của Ấn Độ và “Cách tiếp cận ADD-TBD và bước tiến TBD” của Australia. Hai bên đã ra tuyên bố “Tầm nhìn chung về Hợp tác Hàng hải ở ADD-TBD”, hướng đến một ADD-TBD an toàn, cởi mở, hòa nhập và thịnh vượng; cam kết hợp tác với các đối tác và các tổ chức khu vực liên quan tới ADD-TBD như: Hội nghị chuyên đề Hải quân Ấn Độ Dương (IONS), IORA, EAS, ADMM Plus và các tổ chức khác do ASEAN lãnh đạo, để thực hiện các mục tiêu dài hạn đối với khu vực. Trước sự tăng trưởng đáng kể trong quan hệ thương mại giữa Ấn Độ và Australia, hai bên đã cam kết tiếp tục thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nhân, phát triển các sản phẩm sáng tạo và thúc đẩy các trung tâm kiến tạo và khởi nghiệp; tăng cường hợp tác trong lĩnh vực Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME); khuyến khích mở rộng dòng chảy thương mại và đầu tư vì lợi ích của cả hai nền kinh tế [Department of Foreign Affairs and Trade, 2020].

Mối quan hệ hợp tác quốc phòng Ấn Độ - Australia được xác định trong các lĩnh vực sau: (1) Đối thoại chiến lược, phối hợp và trao đổi thông tin tình báo; (2) Tăng cường diễn tập song phương và đa phương giữa các quân chủng Hải, Lục, Không quân; (3) Trao đổi quân sự và đào tạo; (4) Hợp tác thương mại quốc phòng và công nghệ [Dhruva Jaishankar, 2019]. Đồng thời mở rộng giáo dục, tích cực hỗ trợ sự phát triển của các cơ sở giáo dục, trao đổi sinh viên và học giả làm nền tảng cho sự tiến bộ và quỹ đạo tăng trưởng, liên kết hữu ích giữa hai nước.

3.2.3.2. Với New Zealand

Ấn Độ và New Zealand là hai quốc gia hàng hải, đều có lợi ích chiến lược tại khu vực ADD-TBD, New Zealand nằm trong phạm vi mở rộng AEP của Ấn Độ, nhằm duy trì một trật tự dựa trên luật pháp quốc tế, tự do hàng hải, hàng không, thương mại không bị cản trở. Tại các cuộc thăm viếng cấp cao cho thấy, hai bên chú trọng thảo luận về các bước để tăng cường quan hệ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và giao lưu nhân dân. Thủ tướng N.Modi mong muốn New Zealand tham gia vào sự chuyển đổi của Ấn Độ thông qua các sáng kiến: Digital India, Startup India, Make in India, Swachh Bharat và Smart Cities bằng việc thúc đẩy FDI vào Ấn Độ nhằm hỗ trợ các mục tiêu phát triển của Ấn Độ [Media Center, 2016a].

Trong khi đó, năm 2015 Chính phủ New Zealand nhắc lại việc ưu tiên chính sách “Mở cửa cho Ấn Độ” (2011) nhằm thực hiện tầm nhìn đưa Ấn Độ trở thành đối tác thương mại, kinh tế và chính trị cốt lõi của New Zealand [Major Malay Mishra, 2015]. Trong báo cáo chiến lược “Ấn Độ - New Zealand 2025: Đầu tư vào mối quan hệ” (2020), Chính phủ New Zealand đã đặt ra khuôn khổ cho các cơ quan, đối tác, cộng đồng, doanh nghiệp, học viện nghiên cứu phát triển mối quan hệ với Ấn Độ trong 5 năm tới. Trong đó xác định các mục tiêu: Nâng cao lợi ích chung của hai nước dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau; cải thiện khả năng tương tác với Ấn Độ; thương mại hàng hóa và dịch vụ phát triển vì sự thịnh vượng chung; kết nối văn hóa mạnh mẽ, rộng rãi hơn; ủng hộ quan điểm của nhau tại các diễn đàn quốc tế, đóng góp vào sự phát triển và ổn định của khu vực AĐD-TBD [New Zealand Government, 2020]. Nhấn mạnh cách tiếp cận lấy thương mại làm trung tâm của New Zealand không mang lại lợi nhuận, cần phải làm việc nhiều hơn nữa để làm sâu sắc thêm sự hiểu biết của New Zealand về Ấn Độ từ góc độ phi thương mại [Suzannah Jessep, 2021].

Hai bên cam kết hướng tới xây dựng một FTA song phương chất lượng cao, toàn diện và cân bằng; tiếp tục đàm phán Thỏa thuận hợp tác Hải quan để tạo điều kiện chia sẻ, trao đổi thông tin cung cấp khuôn khổ các thủ tục và kỹ thuật hải quan mới; đẩy mạnh hợp tác an ninh, tình báo, chống chủ nghĩa khủng bố và hợp tác an ninh mạng; tăng cường trao đổi giáo dục quốc phòng; khuyến khích các chuyến thăm của tàu hải quân thăm viếng lẫn nhau... Đồng thời tăng cường hợp tác, ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn: EAS, ADMM+, ARF... nhằm thúc đẩy hợp tác an ninh duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực.

3.2.4. Với Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Ở khu vực AĐD-TBD, Ấn Độ ủng hộ một trật tự đa cực và thể hiện việc sẵn sàng gánh vác những trách nhiệm toàn cầu lớn hơn, nên đặt khu vực này vào trung tâm cam kết quốc tế, dựa trên các liên kết địa lý, lịch sử và văn minh của Ấn Độ với khu vực, cũng như tầm quan trọng của khu vực này đối với an ninh, thịnh vượng và tương lai của Ấn Độ. Trình bày bài phát biểu then chốt tại Đối thoại Shangri-La năm 2018 Thủ tướng N.Modi cho rằng, AĐD-TBD là “trái tim” trong chiến lược mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ. Với chủ trương hướng đến một thị trường rộng lớn

“Act East to Act Indo-Pacific” (Hành động hướng Đông để Hành động ADD-TBD), nhằm mở rộng AEP, tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong các vấn đề toàn cầu và khu vực ADD-TBD [Nabam Tunia, 2020, pp.131-133]. Chính phủ Ấn Độ đã tham gia vào khu vực ADD-TBD dựa trên “5S” trong tiếng Hindi: Sammaan (sự tôn trọng); Samvad (đối thoại); Sahyog (hợp tác), Shanti (hòa bình) và Samridhi (thịnh vượng) [Rahul Roy-Chaudhury, 2018].

Điểm mới, nổi bật trong quá trình triển khai mở rộng AEP tới khu vực ADD-TBD, Ấn Độ xác định ASEAN là trung tâm, cầu nối giữa khu vực TBD và ADD. Thủ tướng N.Modi nhấn mạnh, ASEAN là trung tâm và cốt lõi của khu vực ADD-TBD, để Ấn Độ hướng tầm nhìn tới và tìm kiếm sự hợp tác xây dựng một cấu trúc an ninh vì hòa bình và thịnh vượng [Shri Narendra Modi, 2014g]. BTNG Ấn Độ S.Jaishankar khẳng định:

Ấn Độ cam kết hỗ trợ một ASEAN vững mạnh, thống nhất và thịnh vượng, một ASEAN có vai trò trung tâm ở ADD-TBD được đánh giá đầy đủ. Sự hội tụ mạnh mẽ giữa Triển vọng ASEAN về ADD-TBD (AOIP) và Sáng kiến ADD-TBD (IPOI) do Ấn Độ đề xuất sẽ bổ sung thêm một khía cạnh khác cho quan hệ đối tác hiện đại giữa hai bên [S.Jaishankar, 2021].

Trong khi đó Nhật Bản, Hàn Quốc đều nhận thấy, FOIP/Nhật Bản và NSP/Hàn Quốc đều có điểm tương đồng với AEP khi xác định ASEAN là trung tâm, nên ba nước đã cam kết tương trợ lẫn nhau phát triển và mở rộng các chính sách này ở cả cấp độ song phương và đa phương: Nhật Bản, Hàn Quốc có thể bổ sung năng lực cho Ấn Độ, còn Ấn Độ là cầu nối, giúp Nhật Bản, Hàn Quốc xây dựng nền tảng vững chắc với ASEAN [Nguyễn Văn Thắng, 2020b, tr.9-13]. Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc hợp tác chặt chẽ với ASEAN sẽ tạo khu vực Đông Nam Á phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo vai trò trung tâm của các quốc gia này trong bối cảnh Mỹ, Trung Quốc gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng.

Đặc biệt hợp tác hàng hải được Ấn Độ xác định như một thành phần quan trọng của AEP cho sự tăng trưởng và phát triển của khu vực này. Hợp tác hàng hải không chỉ giới hạn trong lĩnh vực quốc phòng hoặc hải quân mà còn bao gồm các hoạt động thương mại khác trong lĩnh vực hàng hải. Các điểm hội tụ của hợp tác

hàng hải giữa Ấn Độ và Nhật Bản đòi hỏi sự quan tâm chặt chẽ hơn đến việc tăng cường quan hệ đối tác ba bên, đó là: (1) Mỹ - Nhật Bản - Ấn Độ; (2) Nhật Bản - Ấn Độ - Australia để hội nhập AĐD-TBD tốt hơn. Sự hợp lưu của hai vùng biển có thể được tạo ra và trở nên năng động hơn thông qua việc tăng cường hơn nữa các mối quan hệ hợp tác [Gaurav Dutta, 2016]. Trong khi đó Mỹ không phải là nước nằm trong phạm vi AEP, nhưng Mỹ là nhân tố thúc đẩy để Ấn Độ mở rộng không gian AEP, bởi sự “hội tụ chiến lược” giữa chiến lược AĐD-TBD của Mỹ và AEP của Ấn Độ có cùng mục đích kiềm chế sự “Trỗi dậy” của Trung Quốc. Đặc biệt Ấn Độ đã tận dụng mối quan hệ đối tác “Chiến lược toàn cầu” với Mỹ và tầm nhìn chung về “Một khu vực AĐD-TBD cởi mở, ổn định, an toàn và thịnh vượng”, Ấn Độ đã khai thác tốt vai trò, vị thế địa - chiến lược của mình để mặc cả, thúc đẩy hợp tác với Mỹ, nhất là về QPAN; ủng hộ, tham gia chiến lược “AĐD-TBD tự do và mở rộng” của Mỹ. Hiện nay, Ấn Độ và Mỹ đẩy mạnh hợp tác QPAN, chống khủng bố, sở hữu trí tuệ, an ninh hàng hải ở AĐD-TBD. Hai bên thường xuyên tổ chức các cuộc diễn tập song phương và đa phương tại khu vực. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với Ấn Độ là xây dựng một chiến lược toàn diện, bao gồm: Hợp tác kinh tế, tham gia chính trị và lợi ích chiến lược với tư cách là một cường quốc hàng hải ở cả khu vực AĐD và TBD [Ng.Tonsing, Amba Pande, 2020, pp.67-78].

3.3. Kết quả nổi bật chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ

AEP của Ấn Độ ngày càng trở nên toàn diện, thực tế và linh hoạt hơn. Ấn Độ xem AEP là con đường trực tiếp đưa Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng tới khu vực AĐD-TBD. Trong quá trình triển khai AEP, hợp tác giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, Đông Bắc Á và TBD được thúc đẩy mạnh mẽ, Ấn Độ đã xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, hội tụ chính sách khu vực với hàng loạt các quốc gia ở khu vực AĐD-TBD, tạo nên một diện mạo mới với những cơ chế mới, mang lại cho Ấn Độ kết quả nổi bật sau:

3.3.1. Với Đông Nam Á

3.3.1.1. Về chính trị - ngoại giao

- Trong quan hệ đa phương: Quan hệ “Đối tác Chiến lược” ASEAN - Ấn Độ (2012) được thúc đẩy, phát triển xuyên suốt, mạnh mẽ trong thập kỷ qua. Trong quá

trình đó, Ấn Độ đã công bố AEP (2014), quan hệ hai bên từ đối tác đối thoại, đã được nâng cấp trên nhiều lĩnh vực. Ấn Độ không ngừng thúc đẩy quan hệ Ấn Độ - ASEAN dựa trên ba trụ cột (Chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội), qua đó hai bên đã tổ chức thành công nhiều hội nghị, 30 cơ chế đối thoại Cấp cao và các cấp, phát huy tác dụng tích cực, bổ sung lẫn nhau, hướng tới hòa bình, ổn định, xây dựng cấu trúc khu vực an ninh cân bằng, bền vững và minh bạch [Nguyễn Xuân Phúc, 2022]. Điển hình là việc hai bên đã tổ chức: Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Ấn Độ (Lần thứ 13/11.2015; lần thứ 14/09.2016, lần thứ 15/11.2017; lần thứ 16/11.2019; lần thứ 17/11.2020; lần thứ 18/10.2021; lần thứ 19/11.2022) và 07 hội nghị cấp Bộ trưởng (Ngoại giao, Thương mại, Du lịch, Nông nghiệp, Môi trường, Năng lượng tái tạo và Viễn thông)... được tổ chức thường niên và đạt nhiều tiến triển tích cực, góp phần đưa Ấn Độ trở thành một đối tác quan trọng và tin cậy của ASEAN. Đặc biệt tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 18, hai bên thông qua Tuyên bố chung ASEAN - Ấn Độ về hợp tác trong khuôn khổ Tầm nhìn ASEAN về AĐD-TBD (AOIP) vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng trong khu vực. Trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 19 diễn ra tại Campuchia, Ấn Độ và ASEAN đã tuyên bố thiết lập quan hệ “Đối tác Chiến lược Toàn diện”, tái khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc đang định hình ở khu vực AĐD-TBD.

Hai bên ghi nhận đạt những tiến bộ trong quan hệ đối thoại ASEAN - Ấn Độ, với việc triển khai các chương trình và hoạt động khác nhau trên ba trụ cột Cộng đồng ASEAN, dựa trên Kế hoạch hành động của Đối tác ASEAN - Ấn Độ vì Hòa bình, Tiến bộ và Thịnh vượng chung giai đoạn 2016 - 2020 [ASEAN, 2020]. Tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN - Ấn Độ (09.2020), hai bên đã thông qua Kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025, tập trung ưu tiên thúc đẩy trao đổi thương mại và đầu tư, kết nối, hợp tác biển, kinh tế biển xanh, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và thu hẹp khoảng cách phát triển... Ngoài ra, ASEAN - Ấn Độ đã tổ chức “Đối thoại Delhi” lần thứ 8 về “Mối quan hệ ASEAN - Ấn Độ: Một mô hình mới” (02.2016) và kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ đối thoại (năm 2017)... Ấn Độ đã tham gia tích cực

vào các diễn đàn do ASEAN dẫn dắt như: Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ, EAS, ADMM +, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao với Ấn Độ (PMC+1), Diễn đàn Biên ASEAN mở rộng (EAMF) và các cơ chế cấp bộ/ngành giữa ASEAN và Ấn Độ, cũng như sự hỗ trợ của Ấn Độ đối với hợp tác khu vực và xây dựng Cộng đồng ASEAN. Đồng thời thúc đẩy nhiều cơ chế hợp tác khu vực và tiểu khu vực khác và đạt được nhiều lợi ích thực chất từ các cơ chế này, như: ARF, BIMSTEC, MGC, ASEM... Thông qua đó, hai bên cam kết định hướng quan hệ ASEAN - Ấn Độ trong thế kỷ 21, hướng tới tầm nhìn ASEAN 2025 về một khối thống nhất về kinh tế, dựa trên quy tắc, thu hẹp khoảng cách phát triển và tăng cường kết nối.

- *Trong quan hệ song phương*, dựa trên các giá trị chung, giao thoa giữa các dân tộc và những mối liên hệ lâu đời, các nước Đông Nam Á khẳng định mối quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Ấn Độ có giá trị đặc biệt đối với hòa bình, ổn định, phát triển và phồn vinh trong khu vực ADD-TBD rộng lớn, giàu tiềm năng. Đồng thời khẳng định cùng nhau phối hợp với Ấn Độ thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược hai bên phát triển vững mạnh, đóng góp tích cực cho hòa bình, an ninh, phát triển thịnh vượng và tăng cường quan hệ gắn kết giữa hơn 2 tỷ người dân của cả hai bên [TTXVN, 2021]. Thông qua AEP, Ấn Độ có mối quan hệ chính trị, ngoại giao, ngày càng phát triển với mỗi quốc gia Đông Nam Á, trong đó:

(1) Với Việt Nam: Dựa trên nền tảng quan hệ truyền thống và quan hệ “Đối tác Chiến lược” (07.2007), Ấn Độ xác định Việt Nam là trụ cột chính trong AEP, là đối tác quan trọng trong tầm nhìn ADD-TBD của Ấn Độ. Tháng 9.2016 Việt Nam và Ấn Độ đã nâng cấp quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược Toàn diện”, mở ra niềm tin và triển vọng hợp tác trên mọi lĩnh vực giữa hai nước. Quan hệ ngoại giao giữa hai nước phát triển mạnh mẽ về chính trị, kinh tế, văn hóa, năng lượng, giao lưu nhân dân. Hai bên đã ký Chương trình hành động triển khai quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” giai đoạn 2017 - 2020 (năm 2017), giai đoạn 2021 - 2023 (năm 2020) và đề ra “Tầm nhìn chung về Hòa bình, Thịnh vượng và Người dân” (12.2020), để định hướng cho quan hệ hai nước trong tương lai bền vững và phát triển. Đặc biệt dịp kỷ niệm 50 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Ấn Độ - Việt Nam (07.01.1972 - 07.01.22), Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Ấn Độ tại Việt Nam

Pranay Verma khẳng định: Việt Nam là trụ cột chính trong AEP và là đối tác quan trọng trong Tầm nhìn ADD-TBD của Ấn Độ. Hai nước có lợi ích chung về “Hòa bình, Ổn định và Thịnh vượng” ở khu vực ADD-TBD, cùng có chung tầm nhìn phát triển như hai xã hội đầy khát vọng với thành phần dân số trẻ khao khát sự tiến bộ và thịnh vượng [Thu Phương, 2022].

(2) Với Indonesia: Năm 2018, Ấn Độ và Indonesia đã ra tuyên bố chung nâng cấp quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược Toàn diện” tập trung vào các trụ cột chính trị, chiến lược, QPAN và kinh tế, đồng thời đưa ra Tầm nhìn chung về Hợp tác Hàng hải Ấn Độ - Indonesia ở ADD-TBD. Thủ tướng N.Modi khẳng định:

Mối quan hệ bền chặt với Indonesia là một phần quan trọng trong AEP và tầm nhìn “An ninh và tăng trưởng cho tất cả trong khu vực” (SAGAR) của Ấn Độ - hội tụ với Chính sách Điểm tựa Hàng hải toàn cầu của Tổng thống Widodo [Shri Narendra Modi, 2018b].

Bên cạnh đó năm 2016 hai bên đã ký 3 MoU về: Hợp tác Thanh niên và Thể thao; hợp tác tiêu chuẩn hóa và Hiệp ước chung về đánh bắt cá để thúc đẩy quản trị nghề cá bền vững. Đồng thời nhất trí bắt đầu Đối thoại Chiến lược, Đối thoại An ninh và đàm phán Thỏa thuận Hợp tác Quốc phòng Toàn diện mới [Avantika Singh, 2022]. Ngoài ra, năm 2018 hai nước đã ký 15 thỏa thuận bao gồm hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, vũ trụ, khoa học và công nghệ, đường sắt và y tế...

(3) Với Thái Lan: Mối quan hệ của Thái Lan và Ấn Độ phát triển mạnh mẽ ở cả phạm vi, tần suất và cấp độ hợp tác kinh tế, chính trị và an ninh. Sự hội tụ của AEP và Chính sách “Hướng Tây” của Thái Lan đã tạo nền tảng vững chắc để củng cố quan hệ song phương hai nước. Trong tuyên bố chung Ấn Độ - Thái Lan (06.2016), hai bên khẳng định:

Mối quan hệ giữa hai nước gắn bó và ăn sâu vào lịch sử, với sự tương tác đa chiều, giao lưu nhân dân sâu sắc. Ngoài phạm vi hợp tác sâu rộng, hai bên có điểm tương thích chiến lược lẫn nhau giữa chính sách “Hướng Tây” và AEP, sau đó phát triển thành quan hệ đối tác Toàn diện [Ministry of Foreign Affairs India, 2016].

Đồng thời ký kết Chương trình Điều hành Trao đổi Văn hóa (CEP) giai đoạn 2016 - 2019. Đặc biệt hai nước đẩy mạnh hợp tác, kết nối các nguồn lực để liên kết với Nam Á và Đông Nam Á thông qua các cơ chế hợp tác khu vực: ASEAN, EAS, BIMSTEC, MGC, Đối thoại Hợp tác Châu Á (ACD), IORA... nhằm xây dựng một không gian phát triển chung vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển, ứng phó hiệu quả với các thách thức trong khu vực;

(4) Với Philippines: Quan hệ Ấn Độ - Philippines ở cả cấp độ song phương và đa phương được đẩy mạnh khi Ấn Độ thiết lập AEP. Quan hệ hai nước đã phát triển sâu rộng trên các lĩnh vực chính trị - an ninh; thương mại - công nghiệp và giao lưu nhân dân. Hai nước đã nâng tầm quan hệ lên thành “Đối tác Chiến lược” với mục tiêu chung vì một “ADD-TBD Tự do và Hòa bình”. Năm 2019 Philippines và Ấn Độ đã ký kết 4 thỏa thuận hợp tác: MoU về chia sẻ thông tin White Shipping; MoU về hợp tác du lịch; Chương trình hợp tác trong lĩnh vực KHCCN 2019 - 2022 và Chương trình trao đổi văn hóa 2019 - 2023... Hai bên khẳng định sự hội tụ giữa hai nước đang ngày càng gia tăng về nhiều vấn đề ở cả cấp độ khu vực và toàn cầu. Trong thông cáo báo chí năm 2022, Bộ Ngoại giao Ấn Độ khẳng định: Hai bên nhất trí phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn đa phương, tái khẳng định cam kết mạnh mẽ quan hệ đối tác nhiều mặt, tạo điều kiện thúc đẩy các nguyện vọng, ưu tiên chung của hai nền dân chủ trong khu vực ADD-TBD [SD Pradhan, 2022];

(5) Với Myanmar: Tầm quan trọng chiến lược của Myanmar đã được Chính phủ của Thủ tướng N.Modi nhấn mạnh thông qua việc xác định Myanmar là cửa ngõ của AEP để kết nối kết Ấn Độ với Đông Nam Á. Trong tuyên bố chung chuyến thăm Myanmar Thủ tướng N.Modi (9.2017), hai bên nhấn mạnh tương đồng giữa chính sách đối ngoại “Độc lập, Tích cực và Không liên kết” của Myanmar với AEP và “Láng giềng trên hết” của Ấn Độ, đảm bảo hài hòa tăng trưởng, mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại và văn hóa hai bên [Media Center, 2020b]. Qua đó Ấn Độ và Myanmar đã ký kết 11 thỏa thuận trong các lĩnh vực y tế, văn hóa, nâng cao năng lực, an ninh hàng hải... Trong chuyến thăm Ấn Độ của Tổng thống Myanmar U Win Myint (02.2020), hai bên đã ký 10 MoU/Thỏa thuận trong các lĩnh vực khác nhau (Cơ sở hạ tầng, năng lượng, truyền thông và y tế). Đặc biệt thông qua “Chương trình

phát triển khu vực biên giới Myanmar - Ấn Độ”, Ấn Độ đã hỗ trợ giúp Myanmar xây dựng được 43 trường học, 18 trung tâm y tế, 51 cầu/đường và 29 dự án bổ sung (khoảng 5 triệu USD) thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2021 [Media Center, 2020c]. Ngoài ra cùng cam kết tiếp tục hợp tác, ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn ASEAN, BIMSTEC, Mekong-Ganga...

(6) Với Malaysia: Dựa trên nền tảng quan hệ “Đối tác Chiến lược” (10.2010), trong chuyến thăm Thủ tướng N.Modi tới Malaysia (11.2015), Ấn Độ - Malaysia đã ký 02 MoU về Hợp tác trong việc phân phối - giám sát dự án và Hợp tác về An ninh mạng và Ký Thỏa thuận về “Chương trình trao đổi văn hóa giai đoạn 2015 - 2020”. Dịp Kỷ niệm 60 năm Quan hệ Ngoại giao Ấn Độ - Malaysia (năm 2017), hai bên đã ký kết 07 MoU/Thỏa thuận về lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp, thể thao, giáo dục, nông nghiệp, hàng không. Đồng thời, nhất trí đẩy mạnh quan hệ “Đối tác Chiến lược” thông qua việc liên kết chặt chẽ giữa hai quốc gia, trao đổi thường xuyên ở cấp Nội các giữa các bộ trưởng phụ trách: Thương mại và Công nghiệp, Giao thông Vận tải, Công trình Công cộng và Cơ sở hạ tầng, Du lịch và Văn hóa, nhằm tận dụng hơn nữa các cơ hội đầu tư, thương mại và các cơ hội khác đang mở ra ở mỗi nước [Committee Malaysia, Windhoek, 2017];

(7) Với Singapore: Trong chuyến thăm Singapore của Thủ tướng N.Modi (11.2015), hai bên đã nâng cấp quan hệ song phương lên thành “Đối tác Chiến lược”, nhất trí tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác quốc phòng, mở rộng thương mại và đầu tư, đẩy mạnh kết nối... Thủ tướng N.Modi khẳng định “Singapore là một đồng minh cần thiết trong việc thực hiện AEP của Ấn Độ. Tôi nhận thức đầy đủ về vai trò quan trọng của Singapore trong việc thực hiện chính sách này” [Shri Narendra Modi, 2015g]. Ấn Độ - Singapore đã ký kết 14 thỏa thuận tại sự kiện kinh doanh “Ấn Độ và Singapore: Bước vào tương lai” (05.2018), trong các lĩnh vực như xúc tiến đầu tư, khởi nghiệp, đổi mới, kỹ năng, trí tuệ nhân tạo. Đặc biệt hai nước đã Ký kết 8 thỏa thuận trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh mạng, hành chính công và 6 thỏa thuận về giáo dục đại học, nghiên cứu, trí tuệ nhân tạo, đổi mới và vũ trụ (6.2018). Đồng thời tái khẳng định nỗ lực tăng cường hợp tác, đặc biệt là tại LHQ, WTO, IORA, NAM, Khối thịnh vượng chung và các diễn đàn liên quan cũng như các cơ chế hợp tác khu vực khác [Singapore Prime Minister's Office, 2018];

(8) Với Campuchia: Ấn Độ và Campuchia đã ký bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác phát triển trong lĩnh vực du lịch và thỏa thuận tài trợ thực hiện một số dự án trong khuôn khổ Chương trình hợp tác MGC (09.2015). Trong chuyến thăm Ấn Độ (01.2018), Thủ tướng Hun Xen đã ký 4 thỏa thuận hợp tác với Ấn Độ, bao gồm: Về tăng cường hợp tác phòng ngừa, điều tra tội phạm và hỗ trợ pháp lý cho các vấn đề hình sự; về khoản tín dụng của Ấn Độ cho dự án phát triển tài nguyên nước Stung Sva Hab của Campuchia trị giá 36,92 triệu USD; MoU về ngăn chặn tình trạng buôn người và trao đổi văn hóa từ năm 2018 - 2020 [TTXVN, 2018b]. Phó Tổng thống Ấn Độ Hamid Ansari khẳng định, quan hệ Ấn Độ - Campuchia là một “thành tố chính” trong hợp tác với ASEAN khi New Delhi đẩy mạnh AEP [TTXVN, 2015];

(9) Với Lào: Ấn Độ và Lào đã ký các Thỏa thuận về việc: Thành lập Trung tâm Đào tạo và Phát triển Phần mềm nâng cao (CESDT-2015); Hỗ trợ cho Lào thực hiện các Dự án Tác động Nhanh (QIP- 9.2015); Dịch vụ hàng không (01. 2019); mở rộng Tín dụng cho các dự án cơ sở hạ tầng về điện... Hàng năm Chính phủ Ấn Độ đã cung cấp gần 140 suất học bổng cho công dân Lào theo nhiều chương trình khác nhau. Thủ tướng N.Modi khẳng định: Ấn Độ tiếp tục thúc đẩy quan hệ đối tác phát triển với CHDCND Lào, một đối tác quan trọng trong khu vực lân cận mở rộng của Ấn Độ [Media Center, 2020d];

(10) Với Brunei: Brunei là đối tác quan trọng của Ấn Độ trong khuôn khổ AEP và trong khu vực AĐD-TBD, vì Brunei là thị trường tiêu thụ hàng hóa của Ấn Độ và giúp tăng trưởng, ổn định kinh tế hai bên. Trong chuyến thăm Brunei (02.2016) Phó Tổng thống Ấn Độ Hamid Ansari đã ký 3 thỏa thuận hợp tác về: Quốc phòng; y tế - thể thao và các vấn đề thanh niên với Ấn Độ, đồng thời khẳng định:

AEP của Ấn Độ tập trung ưu tiên, gắn kết các mối quan hệ hợp tác về an ninh, thương mại, đầu tư, kết nối và giao lưu nhân dân với các nước ASEAN. Ấn Độ sẽ thúc đẩy quan hệ song phương, đa phương với Brunei với các đối tác để tạo môi trường ổn định, an ninh và phát triển kinh tế trong khu vực [Media Center, 2016c].

3.3.1.2. Về kinh tế

- Trong quan hệ đa phương, AEP của Ấn Độ đã cải thiện, mở rộng đáng kể quan hệ kinh tế - thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN, đặc biệt là khi Hiệp định

Thương mại tự do đầu tư và dịch vụ có hiệu lực (07.2015). Hai bên nhất trí tăng cường hơn nữa quan hệ kinh tế ASEAN - Ấn Độ, bao gồm thông qua việc tăng cường khai thác và thực hiện hiệu quả Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA); nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường quan hệ đối tác kết nối ASEAN - Ấn Độ và mong muốn thúc đẩy hợp tác kết nối vật lý và kỹ thuật số trong khu vực. ASEAN mong muốn Ấn Độ tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) bất cứ khi nào nước này sẵn sàng [Hữu Chiến, 2021]. ASEAN và Ấn Độ đã nỗ lực từng bước xóa bỏ thuế quan thương mại đối với 80% số dòng thuế. Ấn Độ đã loại bỏ 590 dòng thuế khỏi danh sách xóa bỏ thuế quan và 489 dòng thuế khỏi danh sách ưu đãi thuế quan đối với nông nghiệp, ô tô, dệt may, hóa dầu, dầu cọ thô và tinh chế, chè, cà phê và hạt tiêu.... ASEAN cũng đã giảm thuế quan nội khối thông qua Chương trình Biểu thuế ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) đối với hàng xuất khẩu theo Hiệp định FTA [Việt Dũng, 2021]. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác kết nối ASEAN - Ấn Độ để thúc đẩy việc thực hiện Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2025, cũng như khám phá sự hợp lực, kết nối giữa MPAC 2025 và AEP của Ấn Độ thông qua “Kết nối Phương pháp tiếp cận kết nối”, nhất là hướng tới việc ký kết Hiệp định Vận tải Hàng không (AI-ATA) và Hàng hải ASEAN - Ấn Độ (AI-MTA) [ASEAN, 2020]. Trao đổi thương mại song phương và thu hút đầu tư Ấn Độ - ASEAN đã được cải thiện, phát triển rõ rệt.

Bảng 3.1. Thương mại Ấn Độ - ASEAN giai đoạn 2014 - 2021

Đơn vị: Tỷ USD

Năm tài khóa	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
Xuất khẩu	31,81	25,13	30,96	34,20	37,47	31,55	31,49
% tăng trưởng	- 3,99	- 21,00	23,19	10,47	9,56	- 15,82	- 0,19
Nhập khẩu	44,71	39,91	40,62	47,13	59,32	55,37	47,42
% tăng trưởng	8,33	-10,75	1,77	16,04	25,86	- 6,66	- 14,36
Tổng	76,53	65,04	71,58	81,34	96,80	86,92	78,90
Cán cân thương mại	- 12,90	- 14,78	- 9,66	- 12,93	- 21,85	- 23,82	- 15,93

Nguồn: Ministry of Trade and Industry, Government of India, <https://commerce.gov.in/>

Tổng giá trị thương mại cho thấy quỹ đạo chung là đi lên, trừ năm tài khóa 2019 - 2020, 2020 - 2021 (do tác động, ảnh hưởng lớn đại dịch Covid-19). Ngoài ra Ấn Độ gia tăng kết nối về cả hàng không, hàng hải, đường bộ và kỹ thuật số, xây dựng Hành lang kinh tế Mê Công - Ấn Độ; phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ... Đặc biệt dự án đường bộ được Ấn Độ đầu tư vào IMTTH (India - Myanmar - Thailand Trilateral Highway) dài 1.360km được Ấn Độ phát triển mở rộng đến Lào, Campuchia và Việt Nam, nhằm rút ngắn khoảng cách từ khu vực Đông Bắc Ấn Độ đến các nước ASEAN, tạo ra chuỗi giá trị khu vực, liên kết các đặc khu kinh tế, cơ sở sản xuất, dịch vụ, du lịch, văn hóa giữa Ấn Độ với ASEAN. Các học giả Ấn Độ khẳng định, quan hệ với ASEAN rất có lợi cho sức mạnh khu vực của Ấn Độ cả về an ninh và kinh tế. Ấn Độ và ASEAN có tổng dân số hơn 2 tỷ người, trải dài từ Đông sang Đông Á và châu Đại Dương. Trong tương lai không xa, tổng GDP của các quốc gia này có thể vươn tới vị trí thứ 4 thế giới với 7 nghìn tỷ USD [Thùy Tiên, 2022]. Thị trường, nhu cầu rộng lớn của ASEAN và Ấn Độ, cùng với những tương đồng về địa lý, văn hóa và sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau đã thúc đẩy cho quan hệ ASEAN - Ấn Độ phát triển. Ấn Độ đã giành hơn 22% tổng FDI nước ngoài của Ấn Độ đầu tư vào ASEAN và 2.000 công ty Ấn Độ hiện có mặt tại các nước ASEAN [Công thông tin ASEAN Việt Nam, 2022], đưa Ấn Độ trở thành đối tác thương mại lớn thứ sáu của ASEAN và nguồn FDI lớn thứ tám trong số các Đối tác Đối thoại ASEAN (năm 2019), với tổng vốn FDI từ Ấn Độ lên tới 2,0 tỷ USD [ASEAN, 2020]. Đây là nền tảng để hai bên phấn đấu đạt mục tiêu trao đổi thương mại song phương đạt 300 tỷ USD vào năm 2025.

- Về hợp tác thương mại song phương, Ấn Độ đã đẩy mạnh ký kết các thỏa thuận hợp tác kinh tế với các quốc gia Đông Nam Á, trong đó Ấn Độ đã: (1) Ký kết MoU về hợp tác kinh tế và thương mại với Việt Nam (03.2018); Các doanh nghiệp Việt Nam và Ấn Độ đã ký 12 thỏa thuận hợp tác (12.2021) trong các lĩnh vực y tế, sản xuất thuốc, vaccine, dầu khí, công nghệ thông tin; (2) Ký Nghị định thư thứ hai với Singapore về sửa đổi “Hiệp định Hợp tác Kinh tế Toàn diện”/CECA (06.2018), nhằm thúc đẩy thương mại song phương, mở rộng phạm vi nhượng bộ thuế quan; (3) Ký kết Thỏa thuận dịch vụ Hàng không sửa đổi với Malaysia (2017); (4) Năm

2016 Ấn Độ và Thái Lan đã nhất trí theo đuổi đàm phán để sớm ký kết việc: Sửa đổi Thỏa thuận dịch vụ Hàng không; Hiệp định thương mại tự do; Hiệp ước đầu tư song phương (BIT); (5) Năm 2016 Ấn Độ và Indonesia đã ký: MoU về hợp tác tiêu chuẩn hóa và Hiệp ước chung về đánh bắt cá bất hợp pháp (IUU); năm 2018, ký MoU về hợp tác trong lĩnh vực đường sắt; (6) Năm 2017 Philippines và Ấn Độ đã ký MoU về hợp tác trong lĩnh vực: Nông nghiệp; doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; (7) Ấn Độ và Campuchia đã ký MoU hợp tác phát triển trong lĩnh vực du lịch và thỏa thuận tài trợ thực hiện một số dự án trong khuôn khổ Chương trình hợp tác sông Mê Công - sông Hằng (09.2015); (8) Ấn Độ ký MoU về dịch vụ hàng không với Lào (09.2015)...

Để cụ thể hóa AEP thông qua các MoU đã ký kết, các công ty, doanh nghiệp của Ấn Độ đã có mặt ở hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, đầu tư vào nhiều lĩnh vực quan trọng và ở chiều ngược lại, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế đích thực trong quan hệ song phương, trong đó:

(1) Với Việt Nam: Giai đoạn 2020 - 2021, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 18 trên toàn cầu và thứ 4 trong ASEAN (sau Singapore, Indonesia, Malaysia) của Ấn Độ, trong khi Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 10 trên toàn cầu của Việt Nam. Các mặt hàng Ấn Độ xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là sắt thép, bông, thịt đông lạnh, linh kiện ô tô, thủy sản, máy móc thiết bị điện, thức ăn chăn nuôi, ngũ cốc và dược phẩm. Các mặt hàng chủ lực Ấn Độ nhập khẩu của Việt Nam là: Máy móc thiết bị điện, hóa chất, đồng và các sản phẩm từ đồng, sắt thép và các mặt hàng nông sản. Từ khi hai quốc gia trở thành đối tác chiến lược toàn diện, thương mại song phương đã vượt ngưỡng 10 tỷ USD. Tính đến tháng 02.2022, Ấn Độ đứng thứ 25/140 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam với 315 dự án còn hiệu lực, tổng vốn hơn 918 triệu USD, tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất, phân phối điện và khai khoáng. Việt Nam có 9 dự án đầu tư tại Ấn Độ với tổng vốn hơn 6 triệu USD, chủ yếu là bán buôn bán lẻ, đứng thứ 42/78 quốc gia mà Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài [Lê Hoàng, 2022]. Các lĩnh vực đầu tư chính của Ấn Độ là năng lượng, thăm dò khoáng sản, chế biến nông sản, sản xuất đường, chè, cà phê, nông dược, CNTT và linh kiện ô tô [Embassy of India Hanoi, 2021]. Một số dự án

tiêu biểu của Ấn Độ tại Việt Nam có thể kể đến, như: Dự án Nhà máy đường Sơn Hòa (Phú Yên), Dự án Nhà máy điện mặt trời Infra (Ninh Thuận) và Dự án Công ty TNHH TATA Coffee Việt Nam (Bình Dương) [Tất Bình, 2021]. Về địa bàn đầu tư, ngoài 3 dự án thăm dò khai thác dầu khí tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ấn Độ đã đầu tư tại 28/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong đó tỉnh Ninh Thuận đang dẫn đầu với 4 dự án, tổng vốn đầu tư 195,1 triệu USD; tỉnh Phú Yên đứng thứ hai với 8 dự án, tổng vốn đầu tư 189,64 triệu USD; tỉnh Bình Dương đứng thứ ba với 10 dự án, tổng vốn đầu tư là 116,26 triệu USD; tiếp theo là Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Nghệ An, Long An [Tất Bình, 2021]...

(2) Với Thái Lan: Đã có hơn 40 công ty Ấn Độ với khoản đầu tư trên 2 tỷ USD vào Thái Lan. Tương tự, có khoảng 30 công ty Thái Lan đang hoạt động tại Ấn Độ và có tiềm năng đầu tư khoảng 3 tỷ USD vào các dự án cánh đồng xanh và nâu ở Ấn Độ [Ashok Sajjanhar, 2017];

(3) Với Singapore: Có trên 8.000 công ty Ấn Độ đã có trụ sở tại Singapore cho các thị trường trong khu vực trong khi khoảng 500 công ty Singapore tham gia vào nhiều lĩnh vực kinh doanh tại Ấn Độ. Các công ty Singapore đang ngày càng hợp tác với các tập đoàn và đối tác kinh doanh của Ấn Độ, đặc biệt là khai thác các cơ hội trong chương trình phát triển công nghệ y tế, công nghệ nông thôn, thương mại điện tử và thành phố thông minh [Peter Ong Boon Kwee, 2020];

(4) Với Malaysia: Có 150 công ty Ấn Độ đã đầu tư khoảng 3 tỷ USD vào Malaysia thông qua các lĩnh vực như: Công nghệ thông tin - Truyền thông, Công nghệ sinh học, sản xuất, dịch vụ tài chính... góp phần tạo ra hơn 20.000 việc làm cho Malaysia. Trong khi các công ty Malaysia tại Ấn Độ đã đầu tư khoảng 7 tỷ USD trực tiếp vào Ấn Độ và thông qua các nước thứ ba [Bernama, 2022];

(5) Với Indonesia: Tính đến 09.2021, Ấn Độ đầu tư vào Indonesia khoảng 1,14 tỷ USD để thực hiện khoảng 4343 dự án, thuộc các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, điện, dệt may, thép, ô tô, khai khoáng, ngân hàng và hàng tiêu dùng. Trong khi đó, Indonesia có 13 công ty đang hoạt động tại Ấn Độ trong các lĩnh vực nông sản, thực phẩm chế biến, vận tải, hậu cần với khoản đầu tư khoảng 639,15 triệu USD [Avantika Singh, 2022], hai bên hướng đến việc tăng gấp đôi nỗ lực để đưa thương mại song phương lên 50 tỷ USD vào năm 2025...

Bảng 3.2. Thương mại Ấn Độ - với các quốc gia ASEAN giai đoạn 2017 - 2021

Đơn vị: Tỷ USD

QUỐC GIA	XUẤT KHẨU				NHẬP KHẨU				TỔNG THƯƠNG MẠI			
Năm tài khóa	17-18	18-19	19-20	20-21	17-18	18-19	19-20	20-21	17-18	18-19	19-20	20-21
Singapore	10,20	11,57	8,92	8,68	7.47	16,28	14,75	13h30	17,67	27,85	23,67	21,98
Malaysia	5,70	6,44	6,36	6,06	9.01	10,82	9,78	8,37	14,71	17,25	16,15	14.43
Việt Nam	7.81	6,51	5,06	5,00	5,02	7.19	7.28	6.12	12,83	13,7	12,34	11,12
Thái Lan	3,65	4,44	4.3	4,24	7.13	7.44	6,79	5,68	10,79	11,88	11.09	9,92
Indonesia	3,96	5,28	4,13	5,03	16.44	15,85	15.06	12.47	20.4	21,13	19,19	17,50
Philippines	1,69	1,74	1.53	1,46	0,76	0,58	0,52	0,57	2,46	2,32	2,05	2.02
Myanmar	0,97	1,21	0,97	0,77	0,64	0,52	0,55	0,53	1,61	1,73	1,52	1,3 0
Campuchia	0,12	0,20	0,19	0,17	0,06	0,04	0,05	0,040	0,18	0,24	0,23	0,21
Brunei	0,06	0,06	0,06	0,06	0,43	0,59	0,59	0,33	0,5	0,65	0,64	0,39
Lào	0,03	0,04	0,03	0,03	0,17	0	0	0	0,19	0,04	0,03	0,03
ASEAN	34,2	37.47	31,55	31.49	47,13	59,32	55.37	47.42	81,34	96,8	86,92	78,92
Thế giới	303	330.08	313,36	291,81	465,58	514	474,71	394.44	769,11	844,16	788,07	686

Nguồn: Ministry of Trade and Industry, Government of India, <https://commerce.gov.in/>

Các nước ASEAN đầu tư chủ yếu vào Ấn Độ là Singapore, Malaysia, Indonesia và Thái Lan. Trong đó, Singapore được xem như một cửa ngõ của Ấn Độ đi vào ASEAN và được đánh giá là một đối tác kinh tế quan trọng, nhà đầu tư lớn nhất của Ấn Độ. Năm tài chính 2016, FDI từ Singapore vào Ấn Độ đạt 8,7 tỷ USD, chiếm gần 1/4 trong số 43,4 tỷ USD vốn FDI mà Ấn Độ thu hút được [Bradley Dunseith, 2018]. Tổng thương mại song phương Ấn Độ - Singapore từ năm 2017 - 2021 luôn đứng đầu các quốc gia ASEAN. Tiếp theo đó lần lượt là, Malaysia, Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Myanmar, Campuchia, Lào.

3.3.1.3. Về quốc phòng - an ninh:

- Ở cấp độ đa phương, hợp tác QPAN của Ấn Độ đã từng bước đi từ “cô lập” sang quan hệ đối tác “đa tầng”, phạm vi hợp tác được mở rộng trên nhiều phương diện, cấp độ khác nhau. Ấn Độ xác định ASEAN là điểm nối quan trọng giữa hai khu vực ADD và TBD, nên tăng cường hợp tác QPAN với ASEAN là cơ hội để các nhà lãnh đạo quân sự khu vực thảo luận về các vấn đề an ninh, đưa ra các biện pháp cụ thể để thúc đẩy hợp tác và xây dựng lòng tin lẫn nhau... nhằm đảm bảo an ninh và ổn định ở khu vực ADD-TBD. Ấn Độ đã tham gia tích cực vào các diễn đàn, Hội nghị các cơ chế an ninh do ASEAN khởi xướng, dẫn dắt trong cấu trúc khu vực như: PMC + 1 với Ấn Độ, EAS, ARF, ADMM-Plus, EAMF, Hội nghị Quan chức Cấp cao ASEAN về Tội phạm Xuyên Quốc gia (SOMTC) + Tham vấn Ấn Độ... Đặc biệt trong khuôn khổ ARF, Ấn Độ tăng cường hợp tác với ASEAN dưới hình thức đối thoại, đề xuất sáng kiến hợp tác và thiết lập khung pháp lý, mở rộng phạm vi hợp tác, nhất là bảo đảm an ninh hàng hải, chống khủng bố trên biển, đáp ứng lợi ích của Ấn Độ. Tại Hội nghị cấp cao kỷ niệm ASEAN - Ấn Độ 25 năm quan hệ đối thoại ASEAN - Ấn Độ (01.2018), hai bên ra tuyên bố chung khẳng định lại cam kết hợp tác chặt chẽ cùng nhau trong các vấn đề an ninh chung của khu vực và quốc tế cùng quan tâm, để đảm bảo một cấu trúc khu vực mở, minh bạch, bao trùm và dựa trên luật lệ [ASEAN, 2018]. Hai bên nhất trí tiếp tục sử dụng các cơ chế này để ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Trong tuyên bố chung Ấn Độ - ASEAN năm 2020, hai bên đã nhấn mạnh việc tăng cường hợp tác chống khủng bố, chủ nghĩa cực đoan bạo lực, buôn lậu ma túy, buôn bán

người, tội phạm mạng, cướp biển... Ấn Độ cam kết hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động ASEAN chống tội phạm xuyên quốc gia (2016 - 2025), tăng cường hợp tác về an ninh mạng thông qua hỗ trợ thực hiện “Chiến lược hợp tác an ninh mạng ASEAN” và các cơ chế khác nhau do ASEAN lãnh đạo bằng cách thúc đẩy hợp tác kỹ thuật và nâng cao năng lực [ASEAN, 2020].

Bên cạnh đó Ấn Độ đẩy mạnh hoạt động đối ngoại quốc phòng; gia tăng sự hiện diện về quân sự ở khu vực ASEAN thông qua các chuyến thăm của tàu hải quân và diễn tập, tuần tra chung với các nước; tăng cường hợp tác trao đổi học viên quân sự với các nước ASEAN và xúc tiến xuất khẩu vũ khí, khí tài, trang bị quân sự hiện đại sang Đông Nam Á. Đặc biệt Ấn Độ đã huy động tất cả các lực lượng hải quân các nước ASEAN (trừ Lào, quốc gia không giáp biển) tham gia diễn tập Milan do Hải quân Ấn Độ tổ chức thường niên (2 năm/lần), nhằm thể hiện tầm nhìn chung của các nước trong bảo đảm ổn định, an toàn và tự do hàng hải ở khu vực, thế giới. Ấn Độ, Việt Nam đã đồng chủ trì Nhóm chuyên gia ADMM+ về Hành động Min nhân đạo nhiệm kỳ 2014 - 2017 và tổ chức thành công diễn tập thực binh về vấn đề này (03.2016)... Trong khi đó các nhà lãnh đạo ASEAN đều mong muốn Ấn Độ đóng một vai trò quan trọng, quyết đoán hơn về mặt chiến lược ở khu vực ADD-TBD, đồng thời công nhận tầm vóc ngày càng tăng của New Delhi trong việc đảm bảo hòa bình, ổn định khu vực [The time of India, 2018]. Ngoài ra Ấn Độ thường xuyên tiến hành các cuộc diễn tập hải quân với Singapore cũng như thực hiện các chuyến thăm các cảng thuộc Malaysia, Indonesia, Singapore và Việt Nam với tần suất ngày càng tăng. Ấn Độ đánh giá ADMM+ là cơ chế hữu hiệu trong việc duy trì những vấn đề then chốt (an ninh khu vực, tự do hàng hải...) mà các nước Đông Nam Á đều quan tâm, Ấn Độ cũng tích cực tham gia vì đáp ứng lợi ích tổng thể của Ấn Độ [Chí Thành, 2021]. Do đó, sự tham gia tích cực hơn của Ấn Độ vào các vấn đề quốc phòng của ASEAN đã góp phần duy trì môi trường hòa bình và ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực ASEAN phát triển kinh tế [Lê Nguyễn An, 2015].

- Ở cấp độ song phương, trong điều kiện các quốc gia Đông Nam Á chưa có một cơ chế đa phương thống nhất về an ninh tập thể, nên quan hệ QPAN được duy trì và gia tăng chủ yếu thông qua các hiệp định/thỏa thuận hợp tác song phương với các

đối tác. Cùng với thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc phòng đa phương đối với ASEAN, Ấn Độ đã tích cực đẩy mạnh quan hệ quốc phòng song phương với các quốc gia Đông Nam Á. Do đó khi triển khai AEP, Ấn Độ đã tích cực đẩy mạnh quan hệ đối ngoại quân sự, ký kết MoU/thỏa thuận hợp tác song phương trong lĩnh vực QPAN với nhiều các quốc gia Đông Nam Á, trọng tâm hợp tác bao gồm hợp tác về đào tạo, CNQP, diễn tập chung, an ninh hàng hải, thăm viếng tàu chiến lẫn nhau, nổi bật là:

(1) Với Việt Nam: Hợp tác QPAN Việt Nam - Ấn Độ là trụ cột chính trong quan hệ giữa hai nước và là yếu tố quan trọng thúc đẩy hòa bình, ổn định ở khu vực ADD-TBD. Hợp tác quốc phòng giữa hai nước tiếp tục phát triển đi vào chiều sâu chiến lược, liên tục được củng cố thông qua các cơ chế, hình thức trao đổi, tiếp xúc. Được mở rộng trong cả 3 quân binh chủng Hải, Lục, Không quân và tập trung vào 3 lĩnh vực đào tạo, CNQP và thăm viếng tàu hải quân. Hai bên đã ký “Tuyên bố Tầm nhìn về Hợp tác Quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020 ” (05.2015); ký MoU giữa Cảnh sát biển về thiết lập mối quan hệ hợp tác chống tội phạm xuyên quốc gia và phát triển hợp tác lẫn nhau (05.2015); ký Chương trình hợp tác giữa Quân chủng Phòng không Không quân Việt Nam và Không quân Ấn Độ (12.2016); Thỏa thuận triển khai hợp tác CNQP và Thỏa thuận triển khai giữa Cục Gìn giữ hoà bình Việt Nam và Trung tâm Gìn giữ hoà bình Ấn Độ về hợp tác trong lĩnh vực Gìn giữ hoà bình LHQ (12.2020). Đặc biệt dịp hai nước kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1972 - 2022), Bộ trưởng Quốc phòng hai nước đã ký tuyên bố “Tầm nhìn chung về quan hệ đối tác quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030” và “Bản ghi nhớ Tương hỗ Hậu cần” giữa Bộ Quốc phòng hai nước. Ấn Độ đã giành cho Việt Nam gói tín dụng quốc phòng trị giá 100 triệu USD (năm 2014) để giúp Việt Nam mua 12 tàu tuần tra cao tốc và 500 triệu USD (năm 2016) để mua trang thiết bị quân sự từ Ấn Độ [Rajeswari, 2020]. Trong đó Ấn Độ đã chuyển giao tàu đã hoàn thành cho Việt Nam, hạ thủy các tàu sản xuất tại Ấn Độ, đặt ky các tàu sản xuất tại Việt Nam - 06.2022 [Mỹ Tuệ, 2020]. Ấn Độ đồng ý hỗ trợ 5 triệu USD cho Việt Nam xây dựng Công viên phần mềm quân đội tại Đại học Viễn thông quốc gia/Nha Trang (12.2020). Đây là một biểu tượng cho quan hệ quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ thời hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong đào tạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin cho lực lượng Quốc phòng Việt Nam [Pranay Verma, 2021].

Ngoài ra hàng năm, hai bên thường xuyên tiến hành trao đổi đoàn, đối thoại chính sách quốc phòng, hợp tác giữa các quân, binh chủng, trao đổi đào tạo, nâng cao năng lực, hợp tác trong hoạt động giữ gìn hòa bình của LHQ, hợp tác tại các diễn đàn khu vực và các chuyến thăm của tàu hải quân hai nước và diễn tập song phương. Bên cạnh đó, hợp tác an ninh hai nước được tăng cường trong các lĩnh vực chia sẻ thông tin và kinh nghiệm phòng chống tội phạm, khoa học hình sự, phòng chống ma túy, khủng bố [Nguyễn Hồng Điệp, 2018]. Tăng cường hợp tác an ninh hàng hải và an ninh mạng để đối phó hiệu quả với các hiểm họa an ninh phi truyền thống như: Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, an ninh năng lượng, dịch bệnh HIV/AIDS... Vì vậy thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc phòng với Việt Nam đáp ứng được những lợi ích của Ấn Độ như: Có được các hợp đồng mua bán vũ khí trang bị, công nghệ quân sự và các dịch vụ với Việt Nam. Nâng cao năng lực quốc phòng cho một đối tác chiến lược tại Biển Đông, giúp bảo vệ tự do hàng hải tại khu vực liên quan tới lợi ích chiến lược của Ấn Độ [Trần Hoàng Long, 2018, tr.27].

(2) Với các nước khác: (i) Với Singapore: Quan hệ hợp tác quốc phòng hai nước luôn được đẩy mạnh phát triển trên ba phương diện: Huấn luyện lực lượng, hợp tác về công nghệ quốc phòng và an ninh biển, trong đó mũi nhọn là hoạt động diễn tập quân sự chung, hai bên đã ký Hiệp định hợp tác quốc phòng (11.2015); (ii) Ấn Độ đã ký MoU về Hợp tác CNQP và Hậu cần với Philippines (11.2017); (iii) Ký gia hạn hiệp ước quốc phòng song phương với Brunei thêm 5 năm (05.2021); (iv) Ký Thỏa thuận tăng cường hợp tác quốc phòng với Indonesia (05.2018); (v) Ký MoU về An ninh mạng với Malaysia (11.2015); (vi) Ký thỏa thuận tăng cường hợp tác về phòng ngừa, điều tra tội phạm và hỗ trợ pháp lý cho các vấn đề hình sự và MoU về ngăn chặn tình trạng buôn người với Campuchia (01.2018); (vii) Ký Thỏa thuận hợp tác quốc phòng với Myanmar (07.2019)...

Thông qua đó, hợp tác QPAN giữa Ấn Độ với các nước Đông Nam Á ngày càng được củng cố, tăng cường gắn kết chiến lược. Từ đầu năm 2015 đến nay, Ấn Độ đã tiến hành duy trì thường xuyên các cuộc diễn tập hải quân với Singapore cũng như thực hiện các chuyến thăm các cảng thuộc Malaysia, Indonesia, Singapore và Việt Nam với tần suất ngày càng cao, nhằm nhấn mạnh tăng cường phối hợp vì lợi ích,

thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực [Chí Thành, 2021]. Bên cạnh đó, Ấn Độ tiếp tục hỗ trợ đào tạo, huấn luyện quân sự, tặng, bán, hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa vũ khí trang bị cho các nước ASEAN. Điển hình là việc Ấn Độ đã ký thỏa thuận mua bán hệ thống tên lửa hành trình siêu thanh Brahmos trị giá 375 triệu USD với Philippines (01.2021). Thỏa thuận đạt được, là một nỗ lực của Chính phủ Philippines nhằm đa dạng hoá nguồn cung cấp vũ khí trang bị, Ấn Độ trở thành nhà cung cấp tiềm năng các loại vũ khí hiện đại, giá rẻ cho các nước khác ở Đông Nam Á [Bình Giang, 2021]. Ấn Độ cũng đã thảo luận việc có thể xuất khẩu tên lửa BrahMos với Indonesia để làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác an ninh hàng hải giữa hai nước [Gitanjali Sinha Roy, 2020]. Trong khi Indonesia cũng đang xem xét các lựa chọn khoản vay để tài trợ cho các kế hoạch mua vũ khí từ Ấn Độ, trong bối cảnh mở rộng dòng tín dụng để mua các mặt hàng quốc phòng thiết yếu [Akash Sahu, 2020].

3.3.1.4. Về văn hóa - xã hội và khoa học công nghệ

Văn hóa là một trụ cột trong khuôn khổ 3C giữa Ấn Độ và ASEAN, là lĩnh vực hợp tác giúp thúc đẩy những lĩnh vực khác, đem lại kết quả thực chất cho AEP. Nhiều hoạt động hợp tác văn hóa, giao lưu nhân dân tiếp tục được tăng cường, diễn ra thường niên, định kỳ. Quan hệ giao lưu văn hoá, nhân dân phát triển năng động, với nhiều chương trình, hoạt động hợp tác và giao lưu đa dạng, phong phú, lôi cuốn nhiều tầng lớp tham gia góp phần củng cố các mối liên kết văn hoá - văn minh giữa Ấn Độ với khu vực [Tấn Vũ, 2018]. Nổi bật nhất là các chương trình: Trao đổi nghị sĩ giữa các phái đoàn nghị viện Ấn Độ với Hội đồng Liên nghị viện ASEAN (AIPA); trao đổi Truyền thông ASEAN-Ấn Độ; trao đổi 250 Sinh viên từ các quốc gia Thành viên ASEAN; Loạt bài giảng của các nhân vật nổi tiếng ASEAN - Ấn Độ (AIEPLS) về các chủ đề có liên quan; Khóa học đặc biệt dành cho 30 nhà ngoại giao ASEAN do Viện Dịch vụ Đối ngoại (FSI)/New Delhi đào tạo [Indian Mission to ASEAN, 2018]... được tiến hành hàng năm, đã góp phần thúc đẩy mối quan hệ giữa các nghị sỹ, học giả, doanh nhân, thanh niên giữa ASEAN và Ấn Độ. Ngoài ra, Ấn Độ đã thành lập phái bộ về ASEAN tại Jakarta (Indonesia); Trung tâm ASEAN - Ấn Độ đặt tại New Delhi; thành lập các Trung tâm Đào tạo Anh Ngữ tại một số quốc gia Đông Nam Á; các trường đại học (Singapore, Malaysia, Indonesia...) đã đưa Ấn Độ học vào chương trình nghiên cứu... Đặc biệt, Ấn Độ đã thành lập Trung

tâm Văn hóa Ấn Độ tại (Jakarta, Bali/Indonesia, Bangkok/Thái Lan, Kuala Lumpur/Malaysia, Hà Nội...) để tổ chức sự kiện văn hoá, hợp tác với các hoạt động của cộng đồng người Ấn Độ tại các quốc gia nước này. Khuyến khích trao đổi lẫn nhau giữa các trường đại học, hướng tới việc thành lập một mạng lưới ảo gồm các trường đại học và bảo tàng ASEAN - Ấn Độ.

Hợp tác trên các mặt KHCCN giữa ASEAN và Ấn Độ cũng thu được những kết quả đáng khích lệ. Trong lĩnh vực KHCCN, Ấn Độ là quốc gia có nhiều lợi thế nổi trội hơn hẳn các nước ASEAN, được mệnh danh là “*Thung lũng Silicon*” ở khu vực châu Á. Ấn Độ cũng đã công bố 1.000 suất học bổng đào tạo Tiến sĩ trong lĩnh vực CNTT cho sinh viên đến từ các nước ASEAN học tại các Học viện công nghệ Ấn Độ (IITs). Chương trình này trị giá khoảng 45 triệu USD bao gồm 3 khóa học: 2019 - 2020 (250 suất học bổng), 2020 - 2021 (300 suất học bổng) và 2021 - 2022 (450 suất học bổng) [Quang Lộc, 2019]. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 13 (11.2015), Ấn Độ đã công bố đóng góp 5 triệu USD cho Quỹ KHCCN ASEAN - Ấn Độ, nhằm thiết lập nền tảng đổi mới quan hệ hai bên, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hóa các công nghệ chi phí thấp, giá rẻ và chuyển giao công nghệ [Shri Narendra Modi, 2015e]. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng đã có kế hoạch thành lập 4 trung tâm đào tạo CNTT ở 4 nước CLMV. Ấn Độ mở nhiều khóa đào tạo về sử dụng và truyền tải điện năng, về công nghệ viễn thông và mạng cho một số nước ASEAN.

3.3.1.5. Các lĩnh vực khác

Ngoài các trụ cột hợp tác chính xác định trong AEP, Ấn Độ đã tích cực mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác, làm cơ sở thúc đẩy hợp tác toàn diện với ASEAN, trong đó Ấn Độ đã: (1) Tăng cường hợp tác ASEAN trong quản lý thảm họa và hỗ trợ nhân đạo trong khu vực; (2) Thúc đẩy đối thoại giữa các quan chức chính phủ, các bên liên quan về vấn đề tăng cường quyền, năng lực của phụ nữ và bảo vệ trẻ em; (3) Đẩy mạnh hợp tác trong quản lý môi trường và biến đổi khí hậu; (4) Tăng cường hợp tác bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học, thông qua việc hỗ trợ hoạt động của Trung tâm Đa dạng Sinh học ASEAN (ACB) [Nguyễn Văn Thăng, 2021a, tr.9]... Đặc biệt trong bối cảnh Ấn Độ trở thành trung tâm dịch bệnh Covid-19 lớn thứ 2 thế giới, tàn phá nặng nề tới nền kinh tế, đẩy GDP tăng trưởng âm. Ấn Độ vẫn tiếp tục khuyến khích hợp tác với ASEAN tăng cường hệ thống y tế, khả

năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc, sản phẩm y tế an toàn, chất lượng cao cũng như các loại thuốc chất lượng tốt với giá cả phù hợp. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 18 (10.2021), Ấn Độ tuyên bố đóng góp 1 triệu USD cho Quỹ Ứng phó ASEAN Covid-19, nhấn mạnh nhu cầu hợp tác nghiên cứu, phát triển sản xuất vaccine và nối lại xuất khẩu sản phẩm thuốc và công nghệ y tế để điều trị Covid-19 [ASEAN, 2021].

3.3.2. Với Đông Bắc Á

3.3.2.1. Với Nhật Bản

Ấn Độ xác định, Nhật Bản là nhân tố quan trọng trong AEP. Đây là tiền đề để hai bên đẩy mạnh hợp tác kinh tế, QPAN và đã mang lại kết quả thiết thực trong thời gian qua. Điểm nổi bật kết quả quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản là việc hai bên nâng cấp quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược Đặc biệt và Toàn cầu” và công bố “Tầm nhìn của Nhật - Ấn năm 2025” (12.2015), điều này phản ánh sự hội tụ rộng rãi các mục tiêu chính trị, kinh tế và chiến lược dài hạn của hai nước. Đồng thời cam kết phối hợp triển khai FOIP/Nhật Bản với AEP/Ấn Độ, để hiện thực hóa, hướng tới một “ADD-TBD tự do và mở rộng”. Đặc biệt, Nhật Bản tiếp tục hợp tác hỗ trợ kết nối chiến lược Nam Á với Đông Nam Á thông qua AEP và “Quan hệ đối tác về Cơ sở hạ tầng chất lượng”. Hai bên đã xây dựng kế hoạch dự án “Hành lang tự do Nhật - Ấn” (11.2016) kết nối 2 châu lục, kéo dài từ CA-TBD đến châu Phi. Từ khi Ấn Độ triển khai AEP đến nay, quan hệ kinh tế và khối lượng thương mại hai nước không ngừng tăng cường, mở rộng và đi vào chiều sâu. Năm 2020 Ấn Độ trở thành đối tác thương mại thứ 18 của Nhật Bản và ngược lại Nhật Bản là đối tác thương mại thứ 12 và nhà đầu tư lớn thứ 4 của Ấn Độ, có khoảng 1.455 công ty Nhật Bản có chi nhánh tại Ấn Độ [Japanese foreign ministry, 2021].

Bảng 3.3. Thương mại Ấn Độ - Nhật Bản giai đoạn 2014 - 2021

Đơn vị: Tỷ Yên

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Xuất khẩu của Ấn Độ	739	589	509	619	585	586	363	744
Nhập khẩu của Ấn Độ	861	981	889	1,044	1.236	1.197	807	1,423

Nguồn: Japanese foreign ministry, <https://www.mofa.go.jp/index.html>

Bảng 3.4. Đầu tư trực tiếp (FDI) của Nhật Bản vào Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2021*Đơn vị: Tỷ Yên*

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
FDI của Nhật Bản	282	369	564	357	387	624	204	410

Nguồn: Japanese foreign ministry, <https://www.mofa.go.jp/index.html>

Theo đó, Nhật Bản trở thành nhà đầu tư trực tiếp FDI lớn thứ ba của Ấn Độ (sau Mỹ và Trung Quốc). Cùng với FDI tăng, số lượng các công ty Nhật Bản đăng ký hoạt động tại Ấn Độ cũng tăng lên, đầu tư của Nhật Bản vào Ấn Độ tập trung vào các lĩnh vực sản xuất ô tô, chế tạo kim loại, dịch vụ tài chính, sản xuất hóa chất, giao thông vận tải, CNTT... Hai bên đã ký kết Thỏa thuận hoán đổi song phương trị giá 75 tỷ USD, khởi động quan hệ Đối tác kỹ thuật số toàn diện Nhật - Ấn, cùng các sáng kiến và hợp tác khác. Ấn Độ là nước nhận khoản vay ODA lớn nhất của Nhật Bản trong nhiều năm qua. Hợp tác kỹ thuật: 8,7 tỷ yên (năm tài chính 2019); khoản vay ODA năm 2020 là 356,30 tỷ yên, viện trợ không hoàn lại: 5,02 tỷ yên [Japanese foreign ministry, 2021].

Trong lĩnh vực QPAN: Hai bên đã ký MoU về Hợp tác và Trao đổi Quốc phòng (năm 2014) và ký các Thỏa thuận/hiệp định về: Chuyển giao Công nghệ và Thiết bị Quốc phòng; các biện pháp an ninh để bảo vệ thông tin quân sự đã phân loại; khung về hợp tác quốc phòng (năm 2015); MoU trao đổi Logistics (năm 2016); hợp tác trong sử dụng vì mục đích hòa bình năng lượng hạt nhân (năm 2017); Hiệp định trao đổi hậu cần quốc phòng song phương (9.2020); cung cấp vật tư và dịch vụ có đối ứng giữa lực lượng Phòng vệ Nhật Bản và lực lượng Vũ trang Ấn Độ (năm 2021)... Ngoài ra, Ấn - Nhật thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại thường niên về QPAN như: Đối thoại 2 + 2 cấp Thứ trưởng, Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng; Đối thoại BTQP; Đối thoại Cảnh sát biển. Thông qua đó, hai bên cam kết thúc đẩy hợp tác hướng tới mục tiêu chiến lược ở khu vực ADD-TBD; tăng cường hợp tác an ninh ba bên (Ấn - Nhật - Mỹ và Ấn - Nhật - Australia); nhấn mạnh tầm quan trọng của Biển Đông đối với an ninh năng lượng và thương mại của thế giới. Nhật Bản cam kết chuyển giao thiết bị Công nghệ Quốc phòng và hạt nhân dân sự cho Ấn Độ [Nguyễn Văn Thắng, 2020c, p.139].

3.3.2.2. Với Hàn Quốc

Ấn Độ coi Hàn Quốc là một đối tác không thể thiếu trong AEP của Ấn Độ. Trong chuyến thăm Hàn Quốc của Thủ tướng N.Modi (05.2015), hai bên tuyên bố nâng quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược Đặc biệt”, ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ký kết các MoU về: Lĩnh vực Phát triển Điện lực và các ngành Công nghiệp Năng lượng Mới; hợp tác trong các vấn đề của Thanh niên; hợp tác trong các lĩnh vực Vận tải Hàng hải và Hậu cần... Đồng thời nhất trí bổ sung lẫn nhau giữa Sáng kiến Hòa bình và Hợp tác Đông Bắc Á (NAPCI) của Hàn Quốc và AEP/Ấn Độ nhằm đạt được các mục tiêu chung [Media Center, 2015b]... Trong chuyến thăm Ấn Độ của Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in (07.2018), hai bên đã ký kết các MoU về: Biện pháp Thương mại; Nhóm Chiến lược Tương lai; hợp tác trong lĩnh vực công nghệ sinh học và kinh tế sinh học; hợp tác trong lĩnh vực CNTT-TT và Viễn thông; hợp tác trong lĩnh vực doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa [Media Center, 2018a]. Bên cạnh đó, hai bên đã ký 06 MoU về vấn đề khởi nghiệp, phát hành chung tem bưu chính, chống xuyên biên giới, tội phạm quốc tế (02.2019)...

Thương mại song phương Ấn Độ - Hàn Quốc đã được cải thiện, phát triển, trong ba năm 2017, 2018 và 2019, kim ngạch thương mại song phương liên tục vượt ngưỡng 20 tỷ USD, trong đó: Năm 2018 đạt 21,494 tỷ USD (Ấn Độ xuất khẩu đạt 5,884 tỷ USD, tăng 18,8%; nhập khẩu 15,610 tỷ USD, tăng 3,6%); năm 2019 đạt 20,7 tỷ USD (Ấn Độ xuất khẩu đạt 5,6 tỷ USD; nhập khẩu chiếm 15,1 tỷ USD). Tổng cộng có hơn 603 công ty lớn nhỏ của Hàn Quốc đang hoạt động tại Ấn Độ. Tính đến 9.2019, tổng vốn FDI của Hàn Quốc vào Ấn Độ đạt 6,29 tỷ USD [Media Center, 2018a]. Các mặt hàng Ấn Độ nhập khẩu từ Hàn Quốc chủ yếu là: CNTT, điện tử, sản xuất thép và tự động... Trong khi đó, Hàn Quốc mong muốn đẩy mạnh hợp tác về lĩnh vực tiềm năng của Ấn Độ như: Hải cảng, đóng tàu, vận tải, năng lượng tái tạo.

Trong lĩnh vực QPAN: Hai bên thường xuyên tham vấn lẫn nhau về QPAN, Hàn Quốc là nước thứ hai (sau Nhật Bản) mà Ấn Độ chủ trương thiết lập cơ chế đối thoại 2+2 giữa Thứ trưởng quốc phòng, ngoại giao hai nước về ngoại giao và QPAN. Hai bên đã ký MoU về Hợp tác CNQP trong lĩnh vực Đóng tàu (04.2017);

MoU giữa Cục Quản lý Chương trình Mua lại Quốc phòng của Hàn Quốc và Bộ Quốc phòng (04.2017), Ấn Độ nhằm phát triển và tăng cường hợp tác công nghiệp quốc phòng...

3.3.3. Với Nam Thái Bình Dương

3.3.3.1. Với Australia

Ấn Độ hướng đến việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác chặt chẽ với Australia để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy lợi ích an ninh và mở rộng vùng lân cận phát triển AEP. Hai bên đã ký thỏa thuận hạt nhân dân sự và Hiệp định khung về hợp tác an ninh trong chuyến thăm Australia của Thủ tướng N.Modi (11.2014). Trong chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Malcolm Turnbull (07.2017), Ấn Độ và Australia đã ký kết 6 thỏa thuận trong nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm: Thể thao, y tế, khủng bố, môi trường, hàng không và an ninh hàng hải [Nguyễn Oanh, 2017]. Trên nền tảng quan hệ “Đối tác Chiến lược”, hai bên đã quyết định nâng cấp quan hệ song phương Ấn Độ - Australia lên thành “Đối tác chiến lược Toàn diện” (06.2020) và tuyên bố Tầm nhìn chung về Hợp tác Hàng hải ở AFD-TBD, đồng thời ký các MoU/Thỏa thuận về: Thỏa thuận Khung về hợp tác không gian mạng và công nghệ cao; Thỏa thuận về hỗ trợ hậu cần tương hỗ (MLSA); Thỏa thuận triển khai hợp tác khoa học và công nghệ quốc phòng; MoU về hợp tác quốc phòng và một số thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực khai khoáng, giáo dục, quản lý tài nguyên nước, cải cách hành chính... Trong hợp tác đào tạo, hiện có khoảng 90.000 sinh viên Ấn Độ đang theo học tại các trường Đại học của Australia [Department of Foreign Affairs and Trade, 2020].

Hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư Australia - Ấn đã tăng trưởng ổn định, năm tài khóa 2017 - 2018, các mặt hàng xuất khẩu chính của Australia sang Ấn Độ bao gồm: Than đá (đạt 9,9 tỷ USD), du lịch liên quan đến giáo dục (đạt 3,8 tỷ USD) và quặng, tinh quặng đồng (đạt 852 triệu USD). Các mặt hàng nhập khẩu chính của Australia từ Ấn Độ là xăng dầu tinh luyện (1,6 tỷ USD), dịch vụ du lịch cá nhân (1,1 tỷ USD) và dịch vụ kinh doanh (609 triệu USD) [Consulate General of Australia Chennai, India, 2018]. Năm 2021 tổng thương mại Ấn Độ - Australia đạt 27,5 tỷ USD, đưa Australia trở thành đối tác thương mại lớn thứ 17 của Ấn Độ,

trong khi Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 9 của Australia [Piyush Goyal, 2022]. Đặc biệt Ấn Độ Australia đã ký Hiệp định Hợp tác Kinh tế và Thương mại - IndAus ECTA (04.2022), cung cấp miễn thuế đối với 96% hàng hóa xuất khẩu của Ấn Độ sang Australia và khoảng 85% hàng hóa xuất khẩu của Australia được miễn thuế vào thị trường Ấn Độ, hiệp định này dự kiến sẽ thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ song phương lên khoảng 50 tỷ USD và tạo thêm 1 triệu việc làm trong 5 năm tới [Karunjit Singh, 2022].

Quan hệ QPAN Australia - Ấn Độ hiện bao gồm hầu hết mọi lĩnh vực quan trọng của quan hệ đối tác quân sự, cụ thể là: (1) Đối thoại chiến lược, phối hợp và trao đổi thông tin tình báo, bao gồm cả những vấn đề liên quan đến các nước thứ ba; (2) Các cuộc diễn tập quân sự trên bộ, trên không và đặc biệt là hàng hải ngày càng tăng; (3) Trao đổi quân sự và đào tạo; (4) Thương mại quốc phòng và hợp tác công nghệ [Dhruva Jaishankar, 2020]. Hai bên thường xuyên duy trì: Đối thoại Chính sách Quốc phòng, chiến lược Quốc phòng; Đối thoại 2+2 cấp Thứ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng; Đối thoại ba bên (Ấn Độ - Australia - Nhật Bản; Indonesia - Australia - Ấn Độ); Diễn tập quân sự chung (“AUSINDEX” và “PITCH BLACK”). Cùng nhau phối hợp duy trì an ninh, ổn định ở khu vực ADD-TBD và Biển Đông, ủng hộ trật tự toàn cầu dựa trên các nguyên tắc và luật pháp quốc tế. Đồng thời tăng cường trao đổi giữa các cơ quan nghiên cứu và phát triển quốc phòng; tăng cường phối hợp trong các diễn đàn hợp tác đa phương, như: EAS, ARF, ADMM+, IORA, Tổ chức Hàng hải Quốc tế... Đặc biệt, Australia thông qua Dự luật chuyển giao hạt nhân dân sự (11.2016) cho Ấn Độ, là cột mốc quan trọng trong quan hệ hai nước.

3.3.3.2. Với New Zealand

New Zealand khẳng định lại việc ưu tiên chính sách “Mở cửa cho Ấn Độ” (năm 2015) và đã phát hành tài liệu Chiến lược “Ấn Độ - New Zealand 2025 - Đầu tư vào Môi quan hệ” (năm 2020), nhằm hướng đến quan hệ chiến lược bền vững với Ấn Độ. Trong khuôn khổ AEP, hai bên đã ký thỏa thuận Dịch vụ Hàng không (05.2016); Thỏa thuận về Hợp tác Nghe nhìn và Nghị định thư Hợp tác về Khoa học và sự đổi mới (09.2016); ký MoU về An ninh lương thực và hợp tác trong lĩnh vực thanh niên, thể thao (10.2016); Thương mại hai bên phát triển ổn định trong 5 năm

qua, với tổng thương mại song phương: Năm 2015 đạt 1,68 tỷ USD; Năm 2016 đạt 1,94 tỷ USD; năm 2017 đạt 1,98 tỷ USD; năm 2018 đạt 1,97 tỷ USD; năm 2019 đạt 1,97 tỷ USD; năm 2020 đạt 1,67 tỷ USD, Ấn Độ trở thành đối tác thương mại lớn thứ 11 của New Zealand [High Commission of India, Wellington, New Zealand, 2021]. Giáo dục, du lịch là những lĩnh vực tăng trưởng của New Zealand cùng với Ấn Độ. Ấn Độ có khoảng 15.000 sinh viên (trước đại dịch Covid-19) theo học tại New Zealand, là nguồn sinh viên quốc tế lớn thứ 2 tại nước này. Năm 2018, số lượng du khách Ấn Độ đến New Zealand là 67.953 người (tăng 10,60% so với cùng kỳ), xếp thứ 9 lượng du khách quốc tế đến New Zealand. Ấn Độ chủ yếu nhập khẩu gỗ tròn và các sản phẩm lâm nghiệp, bột gỗ, len và trái cây của New Zealand. Các mặt hàng xuất khẩu của Ấn Độ sang New Zealand chủ yếu là dược phẩm, kim loại, đá quý, hàng dệt may, quần áo...

3.3.4. Hội tụ chính sách Hành động hướng Đông với chính sách khu vực của các nước lớn ở AĐD-TBD

Sau thời gian triển khai AEP, Ấn Độ không ngừng thúc đẩy quan hệ Ấn Độ với ASEAN, Đông Bắc Á, Nam TBD trên ba trụ cột (Chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội), vị thế địa - chiến lược, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Ấn Độ tại khu vực được củng cố và tăng cường. Đây chính là cơ sở để Ấn Độ tiếp tục định vị, liên kết, hội tụ và mở rộng AEP ra toàn bộ khu vực AĐD-TBD, làm trụ cột vững chắc, góp phần hiện thực hóa Tầm nhìn “AĐD-TBD tự do, rộng mở và bao trùm” của Ấn Độ, trong đó Ấn Độ xác định:

(1) Với ASEAN: Trên cơ sở Tầm nhìn của ASEAN về AĐD-TBD (AOIP) và Tầm nhìn AĐD-TBD của Ấn Độ (IPOI) và nền tảng AEP đạt được, Ấn Độ chủ trương thúc đẩy hợp tác với ASEAN trên lĩnh vực kinh tế, hàng hải và các lĩnh vực ưu tiên để kết nối, hội tụ lẫn nhau tại khu vực AĐD-TBD, bảo vệ không gian địa chiến lược quan trọng trong khu vực này. Trong bài phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN (năm 2019) tại Thái Lan, Thủ tướng N.Modi khẳng định:

AEP là một phần quan trọng trong tầm nhìn AĐD-TBD của Ấn Độ. ASEAN tích hợp, có tổ chức và phát triển kinh tế là lợi ích cơ bản của Ấn Độ và trung tâm của AEP. Chúng tôi cam kết tăng cường kết nối hơn nữa

quan hệ đối tác với ASEAN thông qua đường bộ, đường hàng không và đường biển [Shri Narendra Modi, 2019b].

Phát biểu tại Hội nghị cấp cao kinh doanh Ấn Độ - ASEAN 2021, BTNG Ấn Độ Jaishankar (10.2021) cho rằng: “Thành công của AEP được phản ánh trong việc Ấn Độ tham gia toàn diện hơn vào khu vực ADD-TBD. Chắc chắn ASEAN là một trong những trung tâm chính cho sự can dự kinh tế toàn cầu của Ấn Độ” [Media Center, 2021a].

Trong khi đó, ASEAN mong muốn thúc đẩy hợp tác thiết thực với Ấn Độ ở các lĩnh vực ưu tiên được xác định trong AOIP, cụ thể là hợp tác hàng hải, kết nối, các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) và kinh tế, cũng như các lĩnh vực ưu tiên hợp tác khác. Đặc biệt tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 18 (10.2021), hai bên đã thông qua Tuyên bố chung về Hợp tác về “Triển vọng ASEAN ở ADD-TBD vì Hòa bình, Ổn định và Thịnh vượng trong Khu vực”, trong đó khẳng định: Cả AOIP và IPOI đều chia sẻ các nguyên tắc cơ bản có liên quan trong việc thúc đẩy hòa bình và hợp tác; tiếp tục làm sâu sắc hơn quan hệ Đối tác chiến lược ASEAN - Ấn Độ bằng cách khám phá tiềm năng hợp tác giữa AOIP và IPOI trên 4 lĩnh vực: Hàng hải, kết nối, các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) [ASEAN Secretariat, 2021]. Ngoài ra tại các hội nghị, diễn đàn khu vực Ấn Độ luôn khẳng định ủng hộ lập trường nguyên tắc của ASEAN về Biển Đông, ủng hộ ASEAN phát huy vai trò thúc đẩy đối thoại và xây dựng lòng tin, bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả DOC, xây dựng COC hiệu lực, phù hợp với luật pháp quốc tế và Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982). Không chỉ dừng lại ở quan điểm ngoại giao, sự can dự trực tiếp của Ấn Độ vào vấn đề Biển Đông mà còn được thể hiện thông qua diễn tập quân sự chung với các quốc gia Đông Nam Á ở khu vực này. Ấn Độ đã thành lập Trung tâm chia sẻ thông tin (IFC) ở Singapore; ký kết thỏa thuận hợp tác với Malaysia, Indonesia về chống cướp biển và cướp có vũ trang. Ấn Độ còn thành lập Diễn đàn tuần tra bờ biển ASEAN để hợp tác với các nước ASEAN trong việc thuận lợi hóa và bảo vệ các tuyến giao thương trên biển [Nguyễn Trần Xuân Sơn, 2021].

(2) Đối với Mỹ: Ấn Độ xác định Mỹ đóng vai trò quan trọng trong AEP, Thủ tướng N.Modi đã nhấn mạnh: Trong điều kiện mới, Ấn Độ đã nâng cấp chính

sách “*hướng Đông*” thành AEP, có sự chia sẻ lợi ích và sẵn sàng hợp tác hơn với Mỹ, do đó chính sách ADD-TBD được kỳ vọng sẽ là tiền đề cho “*Tứ giác An ninh*” phát triển trong thời gian tới [Nguyễn Văn Thắng, 2020d, tr.21]. Tuyên bố chung tháng 01.2015, hai bên đã thừa nhận vai trò quan trọng của mỗi nước trong việc thúc đẩy hòa bình, thịnh vượng, ổn định và an ninh ở khu vực ADD-TBD, đồng thời nhấn mạnh AEP của Ấn Độ và tái cân bằng sang CA-TBD của Mỹ dưới sự định hướng của văn kiện “*Tầm nhìn chiến lược chung của Mỹ và Ấn Độ tại khu vực ADD-TBD*”, mang lại cơ hội cho cả Ấn Độ, Mỹ và các nước khác ở khu vực tăng cường hợp tác chặt chẽ [The White House, 2015]. Đây là cơ sở quan trọng để hai bên thống nhất xây dựng mối quan hệ đối tác phát triển toàn diện, bền vững và tăng cường kết nối khu vực, đảm bảo tự do và an ninh hàng hải, hàng không trong khu vực, nhất là Biển Đông. Hiện nay Ấn Độ và Mỹ đẩy mạnh hợp tác an ninh quốc phòng, chống khủng bố, sở hữu trí tuệ, an ninh hàng hải ở ADD-TBD... Hai bên thường xuyên tổ chức các cuộc diễn tập song phương và đa phương tại khu vực này.

(3) Với Nhật Bản: Ấn Độ đã đẩy mạnh thực hiện cam kết phối hợp triển khai tầm nhìn “*ADD-TBD tự do và rộng mở*” của Nhật Bản với AEP của Ấn Độ. Ấn Độ xác định, Nhật Bản là nhân tố quan trọng trong AEP. Đây là tiền đề quan trọng để hai bên đẩy mạnh hợp tác kinh tế, QPAN trong thời gian qua và đạt được kết quả quan trọng. Thủ tướng N.Modi khẳng định “*Mối quan hệ giữa Ấn Độ và Nhật Bản là thành tố chủ chốt trong tầm nhìn của New Delhi về khu vực ADD-TBD hòa bình, ổn định và thịnh vượng, đồng thời cũng là nền tảng của AEP của Ấn Độ*” [TTXVN, 2019].

Để đạt được tầm nhìn địa - chính trị, sự hợp lực, kết nối giữa AEP và FOIP, Nhật Bản và Ấn Độ đã xây dựng chương trình nghị sự dựa trên các trụ cột chính sau: (1) Tăng cường sự phối hợp giữa tầm nhìn rộng lớn của Ấn Độ và Nhật Bản cho khu vực; (2) Thúc đẩy đầu tư của Nhật Bản vào các quốc gia mà Ấn Độ nâng tầm ảnh hưởng chiến lược; (3) nỗ lực thúc đẩy đầu tư chung ở các nước thứ ba [Céline Pajon, 2018];

(4) Đối với Hàn Quốc: Ấn Độ coi Hàn Quốc là đối tác không thể thiếu trong AEP với tiềm năng đóng góp vào hòa bình, ổn định và an ninh ở Khu vực ADD-

TBD [Media Center, 2015c]. Trong khi Hàn Quốc cho rằng, AEP đã xác định nội dung hỗ trợ các chương trình kết nối để thúc đẩy hợp tác và hội nhập khu vực, nhất là đã có sự kết nối mạnh mẽ với Tầm nhìn FOIP và NSP. Các chính sách này đều xác định ASEAN là trung tâm về lợi ích kinh tế và chiến lược, đây là cơ hội thúc đẩy hợp tác lẫn nhau [Kv.Kesavan, 2020]. Trong tuyên bố chung tại Hội nghị thượng đỉnh song phương năm 2018, hai bên nhấn mạnh “Án Độ coi Hàn Quốc là đối tác không thể thiếu trong AEP. Tương tự, Hàn Quốc đặt mục tiêu tăng cường hơn nữa quan hệ song phương với Án Độ, quốc gia là trụ cột trung tâm trong NSP của Hàn Quốc. Hàn Quốc ủng hộ tầm nhìn hợp tác và bao trùm của Án Độ đối với khu vực ADD-TBD [Korea Herald, 2018]. Tại cuộc gặp với Tổng thống Hàn Quốc Moon bên lề Hội nghị thượng đỉnh G20/Busan (6.2019), hai bên nhất trí tìm ra điểm chung hợp tác giữa NSP với AEP nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, vì hòa bình và ổn định khu vực [Ministry News, 2019]. Cả hai chính sách này đều thể hiện sự hội tụ trong các mục tiêu và sẽ tăng cường hơn nữa quan hệ “Đối tác chiến lược Đặc biệt” Án - Hàn [FP Staff, 2019].

(5) Đối với Australia: Trong tuyên bố chung quan hệ “Đối tác Chiến lược Toàn diện (CSP)” (6.2020), Án - Australia khẳng định CSP phù hợp với tầm nhìn ADD-TBD của Án Độ và cách tiếp cận ADD-TBD của Australia. Cả hai nước đều chia sẻ tầm nhìn về một khu vực ADD-TBD rộng mở, tự do, dựa trên luật lệ được hỗ trợ bởi các thể chế toàn cầu và khu vực [Media Center, 2020e]. Hai bên cam kết hỗ trợ một cấu trúc khu vực bền vững và mạnh mẽ, lấy ASEAN làm trung tâm. Australia bày tỏ sự ủng hộ đối với IPOI của Án Độ... Do đó, sự hội tụ lợi ích chiến lược trong việc đảm bảo trật tự ở khu vực ADD-TBD sẽ là yếu tố gắn kết Án Độ và Australia hơn nữa trong những năm tới. Nhất là việc mở rộng quan hệ đối tác và hợp tác trong các sáng kiến, biện pháp phục hồi chuỗi cung ứng [Hồng Phúc, 2021].

Ngoài ra, Án Độ đẩy mạnh hợp tác lĩnh vực quân sự trong khu vực ADD-TBD thông qua cơ chế song phương và đa phương (Cơ chế bốn bên “Bộ tứ” hay cơ chế ba bên Mỹ - Nhật - Án, Án - Australia - Nhật, Án Độ - Australia - Mỹ), để khai thác các lợi ích tiềm năng, tối đa hóa cơ hội, hóa giải những thách thức, hỗ trợ và đưa AEP đi vào thực tiễn. Đặc biệt “Bộ tứ” không phải là một phần của AEP,

nhưng ¾ thành viên Nhóm (Nhật Bản, Ấn Độ - Australia), nằm trong khuôn khổ hợp tác của AEP, nên đây là khía cạnh quan trọng giúp Ấn Độ mở rộng phạm vi AEP sang khu vực ADD-TBD. Để gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ tại khu vực ADD-TBD, kết nối AEP với chính sách khu vực của các nước khác, Ấn Độ cần phải: Nâng cấp quan hệ QPAN song phương với ASEAN cũng như các cường quốc khác; chủ động theo đuổi lập trường đối với các thách thức về an ninh truyền thống và phi truyền thống; nâng cấp, tối đa hóa sự quan hệ đa phương, xây dựng mối quan hệ nước lớn tin cậy với Nhật Bản, Hàn Quốc [Jagannath P. Panda, 2016, p.23].

Như vậy, xu hướng chính hiện nay trong cấu trúc chính trị, kinh tế và an ninh khu vực ADD-TBD là sự cân bằng quyền lực của các cường quốc trong môi trường quốc tế. Vai trò trung tâm của khu vực này đã trở thành tâm điểm để Ấn Độ thúc đẩy AEP với FOIP (Mỹ, Nhật Bản) và NSP của Hàn Quốc. Trong khi đó, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng mong muốn AEP của Ấn Độ phát huy tác dụng để đảm bảo lợi ích chiến lược của các cường quốc này ở khu vực ADD-TBD. Để làm phong phú AEP ở CA-TBD tiến tới mở rộng ra ADD-TBD và trở thành nhà lãnh đạo trung lập tại khu vực, Chính phủ Ấn Độ đã tham gia vào khu vực ADD-TBD dựa trên “5S” trong tiếng Hindi: Sammaan (sự tôn trọng); Samvad (đối thoại); Sahyog (hợp tác), Shanti (hòa bình) và Samridhi (thịnh vượng) [Rahul Roy-Chaudhury, 2018]. Điều này được thể hiện thông qua một loạt các cơ chế, thể chế gắn kết quan hệ đối tác của họ trong các diễn đàn như: Hội nghị thượng đỉnh hàng năm, đối thoại chiến lược, đối thoại quốc phòng và nhiều diễn đàn về hợp tác năng lượng, chống khủng bố, cải cách LHQ, an ninh mạng và hợp tác hàng hải.

Tiểu kết chương 3

Như vậy, AEP là bước điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ nhằm tiếp tục kế thừa, hoàn thiện những mục tiêu “hướng Đông” trong thể “chủ động tích cực” phù hợp với những thay đổi, yêu cầu trong bối cảnh mới, tầm nhìn mới, để phát triển, mở rộng hợp tác kinh tế và gia tăng ảnh hưởng quốc tế của Ấn Độ. Dựa trên cách tiếp cận thực dụng, đa chiều, đa lĩnh vực thông qua các hoạt động ngoại giao song phương và đa phương, các mục tiêu, nội dung AEP được Ấn Độ triển khai đã phát

huy tác dụng và hiệu quả. Hợp tác giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Nam TBD được đẩy mạnh, Ấn Độ đã củng cố, nâng cấp quan hệ và ký kết nhiều thỏa thuận quan trọng với cả Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Việt Nam, Malaysia... Đồng thời tăng cường, liên kết, hội tụ AEP với chính sách khu vực của các quốc gia có vị thế địa - chính trị, kinh tế quan trọng (Mỹ, Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc), cũng như Nhóm “Bộ tứ” (Quad), AOIP (ASEAN) để tranh thủ sự ủng hộ, thúc đẩy AEP phát triển sâu rộng và đi vào thực chất, góp phần hiện thực hóa IPOI của Ấn Độ. Đặc biệt trong bối cảnh những thách thức địa chính trị tại khu vực và đại dịch Covid-19 đã gây ra những biến động, cản trở hợp tác song phương và đa phương trong quan hệ quốc tế. Để chuyển “khủng hoảng thành cơ hội”, Ấn Độ đã đẩy mạnh quan hệ song phương với các đối tác để khôi phục kinh tế và giải quyết các thách thức, ổn định sau Covid-19. Do đó AEP của Ấn Độ được các nước đối tác đón nhận và ủng hộ, quan hệ hai bên đã có bước phát triển mạnh mẽ trên hầu hết các lĩnh vực.

So với LEP, AEP dưới thời Thủ tướng N.Modi, Ấn Độ đã tập trung vào việc thúc đẩy hợp tác kinh tế, quan hệ chiến lược và an ninh, chú trọng nhiều hơn vào các mối quan hệ lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và giao lưu nhân dân, nên Ấn Độ đã có vị trí thuận lợi để kết nối kinh tế và đi đầu trong việc thúc đẩy hàng loạt các dự án xuyên quốc gia nhằm tạo một hệ thống liên kết đường bộ, đường sắt và đường thủy. Đây được coi là kế hoạch chiến lược, tạo ra sự linh hoạt và không gian chính trị rộng lớn để Ấn Độ xây dựng niềm tin, hợp tác đa chiều và toàn diện với các đối tác, vừa đảm bảo vai trò trung tâm của họ trong cân bằng địa chính trị, vừa gia tăng ảnh hưởng AEP tới toàn bộ khu vực AĐD-TBD. Tuy nhiên, các kết quả đạt được vẫn còn khiêm tốn so với kỳ vọng của Ấn Độ, do vẫn còn một số khó khăn, thách thức đặt ra ở cả trong nước và trong quan hệ quốc tế, nhưng đây là cơ sở vững chắc để Ấn Độ đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu của AEP trong những năm tới.

Chương 4. TÁC ĐỘNG, TRIỂN VỌNG CHÍNH SÁCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA ẤN ĐỘ VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Có thể thấy AEP ngày càng hoàn thiện và đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực, đánh dấu sự thay đổi tầm nhìn chiến lược của Ấn Độ trên thế giới và vị trí của Ấn Độ trong nền kinh tế toàn cầu. Quá trình thúc đẩy, mở rộng AEP, Ấn Độ không ngoài mục đích nào khác là để gia tăng ảnh hưởng, phục vụ cho lợi ích quốc gia, nên AEP không chỉ tác động đến chủ thể của nó mà còn có tác động rất lớn đối với tất cả các quốc gia trong khu vực. Trên cơ sở các nội dung đã trình bày ở 3 chương trước, phạm vi chương này sẽ tập trung phân tích, đánh giá tác động và đưa ra dự báo triển vọng của AEP với Đông Nam Á, khu vực được Ấn Độ xác định giữ vai trò trọng tâm khi triển khai chính sách này, qua đó đưa ra hàm ý chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Ấn Độ.

4.1. Tác động của chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á

4.1.1. Tác động tích cực

Việc Ấn Độ thực hiện AEP sẽ kéo theo sự phát triển nhiều mặt giữa quốc gia này với các nước ASEAN. Điều đó không chỉ khiến mối quan hệ Ấn Độ - ASEAN trở nên mật thiết mà cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, chính trị của khu vực CA-TBD và cả thế giới, trong đó có Bắc Kinh. AEP đã tạo ra một động lực, bước tiến mới của Ấn Độ trong việc tăng cường kết nối, củng cố mối quan hệ kinh tế, chiến lược và ngoại giao với những quốc gia cùng chí hướng, có chung mối quan tâm với Ấn Độ, nên về cơ bản chính sách này mang lại những tác động tích cực đối với tình hình đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á, cụ thể:

4.1.1.1. Về chính trị, ngoại giao

Kế thừa và hoàn thiện truyền thống đối ngoại từ sau độc lập đến nay, Thủ tướng N.Modi đã xây dựng chính sách đối ngoại dựa trên cách tiếp cận thực tế đối với các mối quan hệ quốc tế và hợp tác với những quốc gia có lợi cho Ấn Độ để phát triển nhân lực và vật lực, xây dựng đất nước trở thành một cường quốc có trách nhiệm và tầm ảnh hưởng toàn cầu. LEP được điều chỉnh thành AEP với nhịp điệu

khẩn trương và quyết liệt hơn đã giúp cho Ấn Độ tiến thêm một bước dài trong quan hệ hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia. AEP của Ấn Độ đối với Đông Nam Á được xây dựng trên cơ sở quan điểm thiện chí, kết nối chặt chẽ và cùng hợp tác phát triển, không có tư tưởng áp đặt hay giành thế chủ đạo đối với ASEAN, nên được rất nhiều đối tác ở Đông Nam Á công nhận. Các mục tiêu chính trong AEP đã thể hiện sự tham gia mạnh mẽ của Ấn Độ đối với Đông Nam Á, sự kết nối thể chế, tinh thần và vật chất đã tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa Ấn Độ và ASEAN.

Trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn tại khu vực diễn ra mạnh mẽ, ASEAN coi sự hiện diện của Ấn Độ là một trong những công cụ để cân bằng ảnh hưởng với các nước lớn, đồng thời cũng tranh thủ sự ủng hộ của Ấn Độ để đạt được những lợi ích về kinh tế, chính trị. Minh chứng là, 30 cơ chế đối thoại cấp cao và các cấp, đang phát huy tác dụng tích cực, bổ sung lẫn nhau, giúp các nước thành viên ASEAN và Ấn Độ tin tưởng, hiểu biết lẫn nhau, đóng góp tích cực cho xây cộng đồng ASEAN cũng như mối quan hệ ASEAN với Ấn Độ ngày càng đi vào chiều sâu chiến lược. Hai bên đã thông qua Tuyên bố chung về Hợp tác về Triển vọng ASEAN ở ADD-TBD vì “Hòa bình Ổn định và Thịnh vượng” trong khu vực.

Các nước ASEAN và Ấn Độ thông qua nhiều hội nghị thượng đỉnh và cuộc họp đã thảo luận, trao đổi quan điểm về các vấn đề khu vực, quốc tế cùng quan tâm, góp phần xây dựng và củng cố lòng tin, tạo nên sự thống nhất quan điểm, tiến tới những lập trường chung trong các diễn đàn đa phương ở cấp độ khu vực và thế giới. Thông qua đó, các nước ASEAN đã thể hiện sự mong muốn, Ấn Độ đóng vai trò lớn hơn trong các công việc của Châu Á và thúc đẩy sự gắn kết của nước này với các nước ASEAN. Những ý tưởng tương tự cũng đã được nhiều nhà khoa học đồng tình tại Đối thoại Delhi lần thứ 9 tổ chức ở New Delhi (07.2017), tại cuộc đối thoại này BTNG Ấn Độ bà Sushma Swaraj đã khẳng định vị trí trung tâm của ASEAN:

Ấn Độ đặt ASEAN vào trái tim của AEP và trung tâm giác mơ về một thế kỷ Châu Á của Ấn Độ. Đặc biệt chú trọng đến hợp tác Ấn Độ - ASEAN trong chương trình nghị sự của Ấn Độ về cơ sở hạ tầng, sản xuất, thương mại, kỹ năng, đổi mới đô thị, “Thành phố Thông minh” và các chương trình “Sản xuất tại Ấn Độ”, đặc biệt khi chúng thể hiện ở khu vực Đông Bắc Ấn

Độ mà Ấn Độ kỳ vọng như một cây cầu trên bộ kết nối Ấn Độ với khu vực ASEAN rộng lớn hơn [Sushma Swaraj, 2017].

Ấn Độ đang dần trở thành nhân tố quan trọng, có tiếng nói lớn hơn trong các diễn đàn của ASEAN, như: ASEAN+, ARF, EAS. Sự ủng hộ, đồng thuận quan điểm của Ấn Độ với ASEAN trong các diễn đàn khu vực và quốc tế làm tăng khả năng thành công cho các sáng kiến do ASEAN đề xuất, cũng như gia tăng giá trị lá phiếu ủng hộ hay bác bỏ của ASEAN đối với sáng kiến của các nước ngoài khu vực Đông Nam Á. Đây còn là thông điệp thể hiện sự đồng điệu giữa AEP của Ấn Độ và quá trình hiện thực hóa Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 của ASEAN.

Chính sách AEP đã làm thay đổi quan niệm của Ấn Độ về ASEAN và từng quốc gia Đông Nam Á, đồng thời tạo dựng hình ảnh mới về Ấn Độ đối với các nước ASEAN. Với mỗi thành viên ASEAN, Ấn Độ đã có các mối quan hệ ngoại giao, kinh tế và an ninh ngày càng phát triển, Ấn Độ đã xây dựng và phát triển quan hệ đối tác chiến lược với nhiều nước. Hầu hết các quốc gia thành viên ASEAN đều mong muốn tăng cường hợp tác song phương trong việc thúc đẩy cân bằng, hòa bình và ổn định trong khu vực, chung tay hợp tác để bảo vệ vùng biển quốc tế an toàn.

Bên cạnh đó, việc Ấn Độ ngày càng coi trọng và đẩy mạnh quan hệ nhiều mặt với Đông Nam Á là nhân tố góp phần cân bằng cán cân quyền lực, duy trì vị trí trung tâm và nâng cao vị thế của khu vực trên trường quốc tế, buộc các nước lớn khác phải điều chỉnh quan điểm, thái độ theo hướng coi trọng ASEAN hơn, giành nhiều ưu đãi để lôi kéo, qua đó mang lại nhiều lợi ích cho các nước ASEAN. Đặc biệt sự cạnh tranh lợi ích, mở rộng ảnh hưởng của cả Ấn Độ và Trung Quốc vào khu vực ASEAN, đã mang lại lợi thế và gia tăng sức mạnh thương lượng của ASEAN đối với cả hai đối tác chiến lược này, để ASEAN có thể lựa chọn đối tác hợp tác phù hợp với lợi ích chiến lược đặt ra [Luluk Fadilah and Anggy Wira Pambudi, 2020, p.56].

Do đó, với việc tham gia vào hầu hết các cơ chế hợp tác song phương và đa phương quan trọng của ASEAN, Ấn Độ với tư cách là một cường quốc kinh tế, chính trị đang nổi lên, đã góp phần củng cố vai trò trung tâm, động lực của ASEAN trong quá trình hội nhập chính trị - an ninh ở khu vực [Võ Xuân Vinh, 2013, tr.216]. Thông qua những cơ chế linh hoạt, đã mang đến diện mạo mới cho hợp tác khu vực, giúp Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng, sớm trở thành một thế lực mới ở Châu Á.

4.1.1.2. Về kinh tế

AEP đã thúc đẩy quá trình hợp tác phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á với Ấn Độ, từ đó đã có những tác động tích cực tới nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực, giúp cộng đồng ASEAN cân bằng cán cân thương mại song phương với các đối tác lớn. Ấn Độ đã trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế Đông Nam Á phát triển, mang lại nhiều lợi ích kinh tế quan trọng cho ASEAN. Quan hệ kinh tế của Ấn Độ với các nước ASEAN đã có bước phát triển nhảy vọt, thông qua các sáng kiến, triển khai thực hiện nhiều dự án xuyên quốc gia, Ấn Độ và ASEAN đã kết nối, gắn kết lẫn nhau bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy. Việc ký kết hai hiệp định thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN, về hàng hóa, dịch vụ, đã giúp tạo ra một trong những khu vực thương mại lớn nhất đối với thị trường hơn 1,8 tỷ dân và tổng GDP trên nghìn tỷ USD [Cmde SL Deshmukh, 2021].

AEP đã góp phần làm tăng giá trị thương mại song phương ASEAN - Ấn Độ nói riêng và tổng thương mại của ASEAN nói chung. Kim ngạch hai bên đã tăng lên nhanh chóng, góp phần giúp ASEAN cân bằng mức thâm hụt thương mại với Trung Quốc, giúp các nước ASEAN giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường khác. Đối với ASEAN, cách tiếp cận của Ấn Độ thông qua AEP là cơ hội để ASEAN thu hút Ấn Độ trở thành một đối tác chiến lược, thực hiện dự án ở phạm vi song phương/đa phương với các nước thành viên ASEAN.

Là quốc gia đông dân có mức sống tương tự như khu vực Đông Nam Á, Ấn Độ là một thị trường hấp dẫn đối với hàng hoá xuất khẩu của ASEAN. AEP của Ấn Độ đã mang lại cho ASEAN cơ hội tiếp cận, tìm hiểu, tiến tới chiếm lĩnh thị trường bán lẻ lớn, tạo cơ hội cho giới doanh nghiệp ASEAN mở rộng phạm vi, qui mô đầu tư kinh doanh. Một lượng lớn doanh nghiệp tư nhân của ASEAN cũng đã đổ vào Ấn Độ trong nhiều lĩnh vực bao gồm: Xây dựng cảng, đường cao tốc, chế biến thực phẩm, vận chuyển và linh kiện ô tô. Tương tự, các khoản đầu tư của Ấn Độ vào ASEAN đã tăng đáng kể, trong đó Singapore trở thành trung tâm đầu tư và thương mại của nước này [KV.Kesavan, 2020]. Trong những năm qua, Ấn Độ đã vượt qua nhiều nền kinh tế để trở thành bạn hàng tin cậy, đối tác thương mại hàng đầu của ASEAN, hợp tác kinh tế ASEAN - Ấn Độ đã được thúc đẩy bởi sự gia tăng thương

mại và đầu tư. Hiện ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ tư của Ấn Độ, trong khi Ấn Độ trở thành đối tác thương mại lớn thứ bảy của ASEAN. Hai bên đặt mục tiêu đưa kim ngạch thương mại giữa ASEAN và Ấn Độ đến năm 2025 đạt 200 tỷ USD [Công thông tin ASEAN Việt Nam, 2022].

Với tiềm lực kinh tế lớn mạnh, trình độ công nghệ cao, Ấn Độ ngày càng có điều kiện hơn trong việc hỗ trợ các nước thành viên ASEAN phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực, tiêu biểu là các khoản viện trợ, cho vay ưu đãi của Ấn Độ dành cho các nước Myanmar, Lào, Campuchia, Việt Nam... đã giúp các nước này thu hẹp khoảng cách phát triển. Ấn Độ luôn đề xuất đẩy mạnh AEP thông qua thành lập các cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư vào các nước CLMV (Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam) nhằm thu hút đầu tư từ doanh nghiệp Ấn Độ vào 4 nước Đông Nam Á. Chính phủ Ấn Độ và CLMV đã thực hiện nhiều sáng kiến như: Hiệp định Kinh doanh Ấn Độ - CLMV, sáng kiến MGC, Quỹ Phát triển Dự án trị giá 71,5 triệu USD của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Ấn Độ để thúc đẩy các khoản đầu tư của Ấn Độ vào ASEAN [Malancha Chakrabarty, 2019].

AEP đã góp phần củng cố vai trò, động lực của ASEAN trong liên kết khu vực cũng như vai trò trung tâm của các FTA ở khu vực. Sau khi Cộng đồng ASEAN ra đời, ASEAN đã trở thành một thực thể cạnh tranh độc lập không thể coi nhẹ ở Đông Á và châu Á. Những nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực của Ấn Độ thông qua AEP đã có tác động nhất định tới vai trò động lực trong hội nhập kinh tế khu vực của ASEAN. Nếu như AFTA là cơ chế hội nhập kinh tế của ASEAN thì các FTA giữa ASEAN và các đối tác lớn là những nỗ lực hình thành mạng lưới các Hiệp định thương mại tự do của ASEAN với bên ngoài, do ASEAN làm trung tâm [Võ Xuân Vinh, 2013, tr.220]. Do đó với FTA Ấn Độ - ASEAN về hàng hóa, Ấn Độ đã gia nhập vào mạng lưới các FTA của ASEAN và đóng góp cho nỗ lực của ASEAN trong việc củng cố vai trò trung tâm của các hiệp định thương mại tự do ở khu vực. Ngoài ra, quá trình đàm phán FTA với Ấn Độ đã góp phần gia tăng khả năng điều phối và đàm phán của ASEAN, trau dồi kinh nghiệm thêm cho ASEAN trong đàm phán kinh tế với các đối tác khác.

Bên cạnh đó, sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Ấn Độ cũng như quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư giữa ASEAN - Ấn Độ gia tăng đã tạo động lực cho ASEAN tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Để đủ sức cạnh tranh với Ấn Độ, ASEAN buộc phải đẩy nhanh tiến trình nhất thể hóa AEC, tăng tốc hội nhập kinh tế giữa các quốc gia thành viên, nhằm đạt năng suất, quy mô kinh tế và tính cạnh tranh tốt hơn, từ đó tạo điều kiện mở rộng chiếm lĩnh thị trường của các đối tác kinh tế quan trọng.

4.1.1.3. Về Quốc phòng - An ninh:

Trong bối cảnh cấu trúc an ninh khu vực chịu tác động nhiều yếu tố, đa tầng nấc, ASEAN luôn hướng tới mục tiêu đạt được tiếp cận với tất cả các đối tác bên ngoài là để duy trì một trật tự cởi mở, cân bằng và bao trùm trong Đông Nam Á. Ấn Độ hiện là một nhân tố quan trọng trong các định chế an ninh khu vực, thông qua việc tích cực tham gia và có nhiều đóng góp trong các thể chế an ninh đa phương do ASEAN là trung tâm, như ARF, ADMM+, EAS... nhất quán thực hiện chính sách “phát triển hoà bình”, ủng hộ các mục tiêu hoà bình ở Đông Nam Á đối với những nhu cầu, lợi ích an ninh của khu vực. Ấn Độ quan tâm đến việc đóng góp với các quốc gia cùng chí hướng vào trật tự khu vực mới đang phát triển theo hướng cởi mở, dựa trên luật lệ và không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ bá quyền nào. Phát biểu tại Đối thoại Shangri La (06.2018), Thủ tướng N.Modi nhấn mạnh:

Một trật tự như vậy phải tin tưởng vào chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cũng như sự bình đẳng của tất cả các quốc gia, bất kể quy mô và sức mạnh. Những quy tắc và chuẩn mực này phải dựa trên sự đồng thuận, không phải dựa trên sức mạnh của một số ít. Điều này phải dựa trên niềm tin vào đối thoại chứ không phải dựa vào vũ lực [Shri Narendra Modi, 2019c].

Đồng thời Ấn Độ ký kết các thỏa thuận hợp tác QPAN với các nước thành viên quan trọng của ASEAN như: Singapore, Malaysia, Indonesia, Philippines, Việt Nam. Mặc dù sức mạnh của Ấn Độ chưa bằng được các nước lớn khác trong khu vực, nhưng với tiềm năng và quốc lực tổng hợp ngày càng gia tăng, Ấn Độ sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng, sẽ là một chủ thể không thể thiếu trong việc dàn xếp các vấn đề an ninh, điều hòa các lợi ích chiến lược và định hình cấu trúc an ninh ở khu vực [Nguyễn Trường Sơn, 2015, tr.172].

Sự tham gia tích cực hơn của Ấn Độ vào các vấn đề QPAN khu vực góp phần duy trì môi trường hòa bình và ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế và thịnh vượng chung của khu vực. Đặc biệt với tốc độ hiện đại hoá quân đội nhanh chóng, trình độ cao về sản xuất vũ khí, Ấn Độ đang và sẽ trở thành đối tác thương mại quân sự của nhiều nước ASEAN, hỗ trợ các nước trong quá trình hiện đại hoá quân đội. Hợp tác QPAN với Ấn Độ tạo thêm cơ hội để các nước ASEAN lựa chọn nguồn cung cấp vũ khí hiện đại, đồng thời tranh thủ công nghệ quốc phòng của Ấn Độ thông qua hình thức hợp tác sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất một số loại vũ khí [Lê Nguyên An, 2015].

Với tiềm lực quân sự mạnh, nhất là về không quân và hải quân, việc Ấn Độ gia tăng hiện diện về quân sự ở khu vực sẽ góp phần cân bằng cán cân quân sự và bảo đảm ổn định an ninh của khu vực. Thông qua hoạt động phối hợp tổ chức diễn tập chung với Ấn Độ, các nước ASEAN có thể học tập, tích lũy kinh nghiệm về bảo đảm QPAN cấp quốc gia và khu vực, huấn luyện kỹ năng phối hợp tác chiến. Hợp tác trao đổi học viên quân sự với Ấn Độ đã góp phần giúp đỡ các nước ASEAN đào tạo, huấn luyện quân đội tinh nhuệ, có trình độ hiểu biết về kỹ thuật tác chiến hiện đại, thông thạo trong việc vận hành, sửa chữa vũ khí, khí tài.

Về vấn đề đảm bảo an ninh khu vực: AEP hứa hẹn sẽ mang lại thế cân bằng ở khu vực Đông Á và góp phần kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc tại đây. Đối với riêng khu vực ASEAN, nhiều phân tích đã chỉ ra rằng, Ấn Độ sẽ tiếp tục bày tỏ quan điểm tại các diễn đàn đa phương do ASEAN dẫn dắt; khẳng định sẽ phối hợp chặt chẽ đóng góp vào nỗ lực duy trì hòa bình, an ninh, ổn định ở khu vực, trong đó có an ninh và an toàn hàng hải ở Biển Đông; ủng hộ lập trường nguyên tắc của ASEAN về Biển Đông; ủng hộ ASEAN phát huy vai trò thúc đẩy đối thoại và xây dựng lòng tin, bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả DOC, xây dựng COC hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982 [Mạnh Hùng, 2021]. Những tín hiệu tốt lành này cho thấy sự gia tăng vị thế của Ấn Độ ở khu vực này ở châu Á nói riêng và trên thế giới nói chung ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, thể hiện sự cam kết của Ấn Độ đối với khu vực, nhất là về vấn đề Biển Đông. Ngoài ra, những thách thức an ninh phi truyền thống cũng đòi hỏi Ấn Độ và các nước Đông Nam Á cần phải phối

hợp lẫn nhau để hành động có hiệu quả. Thông qua các hoạt động như tăng cường các biện pháp xây dựng lòng tin, tìm kiếm cứu hộ, gìn giữ hòa bình, không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, quản lý tài nguyên, phòng chống thiên tai... Các nước Đông Nam Á cũng nhận thức rằng, Ấn Độ là một quốc gia hòa bình và có những đóng góp tích cực trong các chiến lược của Đông Nam Á và mong muốn Ấn Độ ngày càng đảm nhiệm một vai trò lớn hơn trong khu vực.

4.1.1.4. Về văn hóa - xã hội

Tác động tích cực của AEP trong lĩnh vực văn hóa - xã hội ngày càng trở nên rõ nét hơn. Hợp tác văn hóa và giao lưu nhân dân giữa Ấn Độ và các nước ASEAN ngày càng được tăng cường khi Ấn Độ thành lập phái bộ về ASEAN tại Thủ đô Jakarta/Indonesia và một trung tâm ASEAN - Ấn Độ tại Thủ đô New Delhi/Ấn Độ. Qua đó, các chương trình như: Chương trình Trao đổi Sinh viên ASEAN - Ấn Độ và Đối thoại Delhi thường niên đã góp phần thúc đẩy mối quan hệ nhân dân các nước trở nên gần gũi hơn. Thông qua những nền tảng này, thanh niên, học giả và doanh nhân của ASEAN và Ấn Độ gặp gỡ, học hỏi và làm sâu sắc hơn mối quan hệ.

Về vấn đề tăng cường kết nối khu vực: Các trụ cột chính AEP thể hiện sự tham gia mạnh mẽ của Ấn Độ đối với Đông Á gồm lĩnh vực thương mại, kết nối khu vực, văn hóa, giáo dục và giao lưu nhân dân. Ấn Độ đã đi đầu trong việc thúc đẩy một loạt các dự án xuyên quốc gia, tạo thành một hệ thống liên kết đường bộ, đường sắt và đường hàng không, nhằm kéo gần khoảng cách địa lý giữa Ấn Độ với các quốc gia trong khu vực. Trong đó kết nối vật chất, thể chế và tinh thần sẽ tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa Ấn Độ và ASEAN. Nhiều học giả cho rằng, sự kết nối văn minh, văn hóa giữa Ấn Độ và ASEAN càng rõ nét hơn và được biểu hiện bằng sự hội nhập kinh tế, hội nhập chính trị và phối hợp chiến lược đối với những vấn đề an ninh khu vực và toàn cầu để hướng đến an ninh chung và tăng trưởng bao trùm cho khu vực ADD-TBD [Thái An, 2021]. Kết nối văn hóa - văn minh giữa Ấn Độ và ASEAN, góp phần củng cố sức mạnh tổng hợp của 2 khu vực, thúc đẩy giao lưu văn hóa và ngoại giao nhân dân, thúc đẩy sự hòa hợp, phát triển và thịnh vượng. Ấn Độ và hầu hết các nước Đông Á đều mong muốn tăng cường hợp tác song phương trong việc thúc đẩy sự cân bằng, hòa bình và ổn định trong khu vực.

Một trong những lĩnh vực nổi bật nhất trong hợp tác văn hóa - xã hội Ấn Độ - ASEAN là giáo dục và CNTT. Ấn Độ đã cung cấp các loại học bổng cho các nước thành viên ASEAN, ở các dự án hợp tác CNTT giữa Ấn Độ và ASEAN. Lĩnh vực giáo dục còn được thể hiện ở việc Ấn Độ lập các trung tâm đào tạo tiếng Anh hay đào tạo doanh nhân ở hầu hết các nước thành viên mới ASEAN. Thông qua chương trình học bổng, tất cả các nước thành viên ASEAN đều đã được hưởng lợi từ nền giáo dục Ấn Độ, một lượng lớn lao động có trình độ cao của các nước thành viên ASEAN đã được đào tạo ở Ấn Độ, nhất là trình độ về CNTT - một cường quốc trong lĩnh vực này. Những đóng góp của Ấn Độ đối với nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển của ASEAN, nhất là lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực (xây dựng năng lực trong lĩnh vực công, lao động và việc làm, giáo dục bậc cao), được Ấn Độ chú trọng triển khai.

Ngoài ra dưới tác động của hoạt động hợp tác trong lĩnh vực du lịch, lượng khách du lịch từ Ấn Độ sang các nước Đông Nam Á và ngược lại liên tục tăng trong thời gian qua. Ấn Độ hiện trở thành điểm đến du lịch tâm linh được ưa chuộng của ASEAN. Ngược lại, khu vực Đông Nam Á ngày càng có sức hút mạnh hơn đối với khách du lịch Ấn Độ. Bên cạnh đó “Ngoại giao Phật giáo”, nền điện ảnh Bollywood, Yoga... được Ấn Độ xác định là một phần trong AEP, bước đầu đã mang lại sự thân thiện và gắn gũi với nhiều quốc gia Đông Nam Á.

4.1.1.5. Về vấn đề Biển Đông

Về cơ bản, quan hệ Ấn Độ - ASEAN về Biển Đông thể hiện qua hoạt động chủ yếu là: (1) Tăng cường các hoạt động chia sẻ quan điểm về tầm quan trọng và an ninh Biển Đông; (2) Tiến hành hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí hợp pháp tại vùng biển này; (3) Triển khai hoạt động diễn tập chung, huấn luyện hải quân... tại khu vực [Huỳnh Tâm Sáng, 2016, tr.16]. Cách tiếp cận của Ấn Độ một mặt phản ánh tư duy tham dự tích cực của một nước lớn đối với quan hệ quốc tế tại CA-TBD, mặt khác cho thấy sự kết nối mang tính chiến lược và linh hoạt giữa ngoại giao và quân sự trong việc thúc đẩy an ninh quân sự. Ấn Độ đã khéo léo kết hợp nhuần nhuyễn ngoại giao với các chiến lược mang tính thực tiễn tại Biển Đông.

Về vấn đề an ninh, an toàn hàng hải, Ấn Độ không còn đứng ngoài Biển Đông mà coi an toàn hàng hải trên Biển Đông là lợi ích quốc gia của Ấn Độ. Quá trình xây dựng COC, Ấn Độ cùng một số đối tác đối thoại của ASEAN nhiều lần

kêu gọi COC phải tương thích với luật pháp quốc tế. Thủ tướng N.Modi đã thể hiện những quan điểm rõ ràng, trực tiếp lập trường của Ấn Độ về Biển Đông. Công khai bày tỏ quan điểm trên các diễn đàn đa phương do ASEAN dẫn dắt theo hướng ủng hộ tự do hàng hải, hàng không và thương mại không bị cản trở; giải quyết bất đồng thông qua các biện pháp hòa bình, bao gồm tôn trọng các tiến trình pháp lý và ngoại giao, phù hợp với luật pháp quốc tế trong đó có UNCLOS 1982; tất cả các bên liên quan tranh chấp ở Biển Đông tuân thủ các nguyên tắc thực thi DOC và nỗ lực để sớm hoàn tất COC trên cơ sở đồng thuận. Tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN năm 2014, Thủ tướng N.Modi nhấn mạnh:

Trong một thế giới toàn cầu hóa và phụ thuộc lẫn nhau không có sự lựa chọn nào khác là tuân theo luật pháp và chuẩn mực quốc tế. Điều này cũng áp dụng cho an ninh hàng hải. Vì lý do đó tại Biển Đông cũng thế, tuân thủ luật pháp và chuẩn mực quốc tế là điều quan trọng đối với hòa bình và ổn định [Shri Narendra Modi, 2014h].

Quan điểm hòa bình, tuân thủ các chuẩn mực luật pháp quốc tế và thái độ kiên quyết của Ấn Độ trong việc giải quyết các vấn đề Biển Đông giúp nâng cao uy tín và vị thế của Ấn Độ trong quan hệ với các nước trong khu vực và trên trường quốc tế. Đặc biệt Ấn Độ luôn ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN và tăng cường hiện diện quân sự, thực hiện các thỏa thuận thăm dò và khai thác dầu khí ở Biển Đông, điều này đã nhận được sự đồng tình của hầu hết các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, đã làm cho Trung Quốc có thái độ kiềm chế hơn. Đây là những tín hiệu cho thấy sự gia tăng vị thế của Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á nói riêng và châu Á nói chung.

Trong bối cảnh Ấn Độ gia tăng sự can dự với các nước Đông Nam Á, hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ với Singapore, Myanmar, Malaysia, Việt Nam... ngày càng chặt chẽ đã cho thấy quan hệ Ấn Độ - ASEAN đang phát triển mạnh. Cơ sở hợp tác của Ấn Độ và các bên đều dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Các hoạt động giao lưu, học hỏi, tăng cường bồi dưỡng nhân viên, các chuyến thăm của tàu hải quân... và các cuộc diễn diễn tập tại Biển Đông đã dần tăng cường lòng tin thúc đẩy sự gắn kết về an ninh chiến lược. Thông qua các hoạt động hiện diện và hợp tác

quân sự tại Biển Đông, Ấn Độ đã thắt chặt các quan hệ song phương với các quốc gia có cùng nhận thức về tầm quan trọng của an ninh hằng hải và tăng cường năng lực an ninh biển cho các quốc gia đó.

Nhân tố Trung Quốc và vấn đề Biển Đông đã được Ấn Độ xem ASEAN là đối tác mang tầm chiến lược để hiện thực hóa những mối quan tâm về lợi ích của mình tại khu vực. Ấn Độ không ngừng gia tăng kết nối với ASEAN thông qua ngoại giao nhân dân, kết nối kết cấu hạ tầng, thương mại và hợp tác quốc phòng ở Biển Đông. Ấn Độ cũng đưa ra các tuyên bố mạnh mẽ về việc tôn trọng chủ quyền biển, đảo của các nước trong khu vực và luật pháp quốc tế về biển [Nguyễn Xuân Trung, 2021]. Thông qua các hoạt động đối thoại và giao lưu với Ấn Độ, ASEAN mong muốn sẽ làm dịu đi tình hình căng thẳng tại Biển Đông và ràng buộc các nước lớn trong các mối quan hệ lợi ích đan xen, nhằm duy trì, hòa bình, ổn định cho khu vực Đông Nam Á. Do đó, sự hội tụ lợi ích giữa Ấn Độ và ASEAN trong vấn đề Biển Đông là khởi đầu của mối tương tác chiến lược sâu rộng cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Lợi ích rõ ràng và ngày càng gia tăng của Ấn Độ tại Biển Đông đã gắn Ấn Độ và ASEAN mang tính tất yếu, tích cực và hòa bình. Đặc biệt tính chất ổn định trong mối tương tác hòa bình sẽ là cơ sở đảm bảo rằng, Ấn Độ có nhiều khả năng tiếp tục hiện diện tích cực tại Biển Đông [Trần Nam Tiến, 2016, tr.249].

Điểm nổi bật mang tính khác biệt, là việc Ấn Độ tăng cường quan hệ quốc phòng với các quốc gia ASEAN và gia tăng sự hiện diện tại Biển Đông thì các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Nga hay EU đều không có động thái phản đối. Thái độ này hoàn toàn trái ngược với những hành động gia tăng hiện diện quân sự của Trung Quốc tại Biển Đông. Chính cách tiếp cận ôn hòa của Ấn Độ đã được cộng đồng quốc tế cổ vũ, ủng hộ [Huỳnh Tâm Sáng, 2016, tr.15].

Mối quan tâm của Ấn Độ về tự do hàng hải cùng hợp tác kinh tế và an ninh với ASEAN là chỉ dấu cho quan hệ gắn bó hơn nữa giữa Ấn Độ và ASEAN. Trong khi đó các nước ASEAN nhìn nhận Ấn Độ “Là quốc gia có quan điểm rõ ràng, khách quan và có trách nhiệm trong các vấn đề quốc tế, trong đó có vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông” [Võ Xuân Vinh, 2013, tr.246]. Thông qua các hoạt động đối thoại và giao lưu với Ấn Độ, ASEAN mong muốn sẽ làm dịu đi tình hình

căng thẳng tại Biển Đông và ràng buộc các nước lớn trong mối quan hệ lợi ích đan xen, nhằm duy trì hòa bình ổn định cho khu vực Đông Nam Á [TTXVN, 2012, tr.22]. Cơ sở này đã tạo điều kiện thuận lợi để Ấn Độ phối hợp với ASEAN thúc đẩy các giải pháp hòa bình theo luật pháp quốc tế. Trong tương lai, Biển Đông tiếp tục là vùng biển thử nghiệm những quan điểm, nguyện vọng và cam kết của Ấn Độ về an ninh khu vực. Tuy nhiên, cách tiếp cận của Ấn Độ trong vấn đề Biển Đông tương đối mềm mỏng, gián tiếp, tránh đối đầu trực diện với Trung Quốc. Theo đó, trên cơ sở AEP, Ấn Độ chủ yếu phối hợp, hợp tác với các quốc gia khu vực, đặc biệt là với Việt Nam, Indonesia, tích cực nêu vấn đề Biển Đông tại các diễn đàn song phương và đa phương. Lĩnh vực hợp tác chính là nâng cao năng lực biên, tăng cường năng lực cho các quốc gia, tuần tra chung, tập trận chung (ở các khu vực khác như eo biển Malaccar), phối hợp phát biểu trên các diễn đàn đa phương và các dự án kết nối cơ sở hạ tầng [Trần Quang Châu, 2019].

4.1.2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực là chủ yếu, AEP cũng gây ra cho ASEAN và các nước Đông Nam Á những khó khăn, hạn chế sau:

4.1.2.1. Về chính trị - đối ngoại: AEP của Ấn Độ được triển khai trong bối cảnh các nước lớn, nhất là Trung Quốc, Mỹ, Nga và Nhật Bản cũng triển khai các chính sách nhằm tranh giành ảnh hưởng ở khu vực, nên việc Ấn Độ nỗ lực triển khai chính sách này vừa tạo cho khu vực Đông Nam Á các cơ hội phát triển, nhưng cũng đặt khu vực trước những thách thức, sự lựa chọn, cân nhắc nhất định từ bên trong nội bộ ASEAN cho đến các nước thành viên, cũng như áp lực từ bên ngoài trong việc triển khai AEP của Ấn Độ. Đặc biệt, sự cạnh tranh ảnh hưởng của Ấn Độ và Trung Quốc sẽ làm cho tình hình khu vực trở nên căng thẳng hơn. Về tổng thể, chiến lược mà Ấn Độ đang thực hiện đó là “Chủ đạo ADD, Đông tiến TBD ngược lại, đối với Trung Quốc đó là “Chủ đạo TBD, Đông tiến ADD”. Trong đó đối với Đông Nam Á, Trung Quốc đang cố gắng xây dựng Trung Quốc - ASEAN thành “Cộng đồng chung vận mệnh” gắn gũi hơn, nên Ấn Độ cũng đang đẩy mạnh một cộng đồng Ấn Độ - ASEAN dựa trên sự chia sẻ các giá trị và vận mệnh chung. Trong khi đó ASEAN lại là đối tác kinh tế ưu tiên hàng đầu của cả Trung Quốc và

Ấn Độ. Trong đó, Trung Quốc đang chiếm ưu thế lớn hơn so với Ấn Độ khi đã thiết lập được quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” và “Đối tác Chiến lược” với các quốc gia Đông Nam Á, nhiều hơn so với Ấn Độ. Đông Nam Á từ lâu đã được Trung Quốc coi như “Sân nhà”, xuất phát từ nhiều yếu tố như: Lịch sử, địa lý, văn hóa... Nên điều này đã làm gia tăng cạnh tranh Trung - Ấn tại khu vực này.

4.1.2.1. Về kinh tế: Mục tiêu dài hạn được đặt ra trong AEP là xây dựng một Cộng đồng kinh tế ở châu Á, bao gồm (Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Australia và New Zealand), có thể gây ra những tác động đến nỗ lực xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN. Bởi vì, Ấn Độ và một số nền kinh tế quan trọng khác Đông Á (cả Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, đều đang theo đuổi việc xây dựng Cộng đồng Đông Á với các mục tiêu khác nhau), mà giành ít sự ủng hộ cho quá trình hội nhập kinh tế của ASEAN, đặc biệt là quá trình hiện thực hóa Cộng đồng kinh tế ASEAN. Bên cạnh đó, do nền kinh tế Ấn Độ và các nước trong khu vực CA-TBD có nhiều điểm tương đồng (cùng dựa vào xuất khẩu, dựa vào đầu tư của nước ngoài, cùng sản xuất những mặt hàng tiêu dùng sử dụng nhiều nhân công giá rẻ...), nên hai bên trở thành “đối thủ” cạnh tranh. Theo đó, khi Ấn Độ thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài sẽ làm giảm đầu tư nước ngoài vào khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, các nước có thể hạn chế được tác động tiêu cực này khi biến nó trở thành động lực cạnh tranh.

4.1.2.3. Về Quốc phòng - An ninh: Ấn Độ muốn thông qua AEP để tăng cường hiện diện quân sự ở Đông Nam Á, nhất là ở Biển Đông, nhằm tạo đối trọng với Trung Quốc. Cần chú ý đến quan điểm của Ấn Độ về vùng EEZ có nét tương đồng với Trung Quốc khi tuyên bố “Ấn Độ nhận thức rằng các quy định của UNCLOS không cho phép quốc gia khác thực hiện hoạt động hay tập trận quân sự ở vùng thềm lục địa hay EEZ, đặc biệt là khi liên quan đến việc sử dụng vũ khí hay chất nổ, mà không có sự cho phép của quốc gia ven biển” [United Nations, 1982, p.20]. Quan điểm đó có thể nhằm hạn chế Trung Quốc tăng cường hiện diện gần các quần đảo Andaman và Nicobar của Ấn Độ, nhưng cũng có thể quan điểm “Hòa bình không mang tính khiêu khích” của Ấn Độ mà Ấn Độ từ chối tuân tra chung với Mỹ ở Biển Đông... Nên khi Ấn Độ đẩy mạnh quan hệ QPAN với các nước trong khu vực sẽ làm gia tăng cạnh tranh với Trung Quốc, nảy sinh phức tạp mới về an ninh,

Trung Quốc có thể hành động phản ứng tiêu cực. Trong trường hợp Ấn Độ đối đầu với Trung Quốc, các nước Đông Nam Á sẽ là đối tượng mà cả Trung Quốc và Ấn Độ đều cố gắng tăng cường mở rộng quan hệ, tranh thủ sự ủng hộ nhằm tìm kiếm lợi ích chiến lược của mình. Bên cạnh đó, khi Ấn Độ tiếp cận với các nguồn năng lượng ở Biển Đông, cũng làm gia tăng thêm các mối lo ngại của các nước Đông Nam Á về an ninh năng lượng bởi các tranh chấp lãnh thổ trên Biển Đông. Ngoài ra, hợp tác trong lĩnh vực chống khủng bố trong phạm vi Hội nghị tham vấn giữa các quan chức cấp cao của ASEAN về tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC) với Ấn Độ triển khai trì trệ hơn so với các đối tác tích cực như Nhật Bản, Mỹ và Nga [Hoang Thi Ha and Termsak Chalermpananupap, 2018, p.8].

4.2. Triển vọng chính sách Hành động Hướng Đông của Ấn Độ thời gian tới

Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N.Modi đang nỗ lực trở thành cường quốc toàn cầu. Trong tầm nhìn của ông “Một quốc lực dẫn đầu (a leading power) là nền tảng cơ bản để trở thành một cường quốc/nước lớn (a great power)” [Ashkey J. Tellis, 2016], để đạt được hai mục tiêu đó, thì Sức mạnh Quốc gia Toàn diện (CNP) chính là điều kiện tiên quyết và động lực để Ấn Độ vươn lên trở thành cường quốc hàng đầu. Ấn Độ được dự đoán trong tương lai sẽ trở thành một siêu cường, vượt Trung Quốc để trở thành quốc gia đông dân nhất thế giới vào năm 2024 và vượt Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới vào năm 2030. Hiện nay Ấn Độ không chỉ là cường quốc về quân sự, mà còn là một cường quốc về kinh tế. Sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ ngày nay là sự kết tụ một chặng đường dài từ các giá trị kinh tế, thể chế, văn hóa, tôn giáo, chính trị... là nền tảng cho một “Ấn Độ có sức nặng địa - chiến lược/địa - kinh tế “Tự thân” [Đặng Cẩm Tú, 2018, tr.103], là cơ sở để Ấn Độ tiếp tục triển khai AEP và kết nối Ấn Độ vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, dự báo xu hướng phát triển AEP của Ấn Độ đến năm 2030 trong bối cảnh tình hình thế giới và nội bộ Ấn Độ luôn biến đổi không ngừng là một thách thức đối với tác giả, bởi sự biến đổi không thể đoán định từ cấp độ cá nhân cho đến cấp độ cộng đồng xã hội, quốc gia và toàn cầu. Sự biến đổi này chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố, từ những yếu tố con người có thể kiểm soát cho đến những yếu tố không thể kiểm soát như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn... Đây cũng là nhiệm vụ khó khăn

trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N.Modi, vì tính năng động của khu vực Đông Nam Á liên tục phát triển chịu sự chi phối của nhiều nhân tố trong nước, khu vực và thế giới, mặc dù ông N.Modi đã kế thừa, tiếp nối chính sách này và có những điều chỉnh về cách thức tổ chức thực hiện để triển khai, mở rộng. Đánh giá đúng về kết quả, tính hiệu quả, liên tục và những thích ứng, điều chỉnh phù hợp là một cơ sở quan trọng để khẳng định AEP trong thời gian tới.

4.2.1. Các Nhân tố thúc đẩy, cản trở Chính sách Hành động hướng Đông

4.2.1.1. Nhân tố thúc đẩy chính sách Hành động hướng Đông: Ấn Độ đủ điều kiện nhân tố thuận lợi để tiếp tục thúc đẩy AEP đối với Đông Nam Á. Điều kiện cần, bao gồm tiền đề bên trong và tiền đề bên ngoài. Bên trong là tiềm lực quốc gia, bên ngoài là sự ủng hộ của các nước lớn (đặc biệt là Mỹ) và các nước trong khu vực. Điều kiện đủ là chính sách đối ngoại năng động của Ấn Độ, cũng như vai trò của Thủ tướng N.Modi được khai thác điều kiện thuận lợi bên ngoài, để AEP đem lại hiệu quả cho Ấn Độ trong thời gian qua, cụ thể là:

Thứ nhất, Ấn Độ là nước lớn ở Nam Á, có nền tảng kinh tế, quân sự vững chắc để phát triển thành cường quốc ADD-TBD. Tư tưởng “Nước lớn” đã trở thành mục tiêu chiến lược được giới lãnh đạo Ấn Độ nuôi dưỡng từ nhiều thập kỷ nay vẫn đang được kế thừa một cách xuyên suốt. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ sẽ không thay đổi cho đến khi Ấn Độ trở thành một cường quốc kinh tế thế giới có thể so sánh với Trung Quốc và Mỹ, đó là thúc đẩy sự phát triển kinh tế, trở thành quốc gia lãnh đạo ở khu vực và nâng cao tầm ảnh hưởng toàn cầu. Đặc biệt sau khi nhậm chức, Thủ tướng N.Modi đã nêu quyết tâm phát triển kinh tế, ổn định chính trị nội bộ, chấn hưng và cách tân đất nước, tăng cường năng lực quốc phòng, đổi mới chính sách đối ngoại, lấy ngoại giao kinh tế và việc mở rộng các mối quan hệ đối tác chiến lược là hai trọng tâm ưu tiên. Hiện nay, chính trường Ấn Độ cơ bản ổn định, trật tự xã hội được giữ vững, kinh tế tăng trưởng ở mức cao. Ấn Độ có tiềm năng trở thành một hình mẫu về sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với thể chế dân chủ lớn nhất thế giới nhằm đạt khả năng tự chủ cao về mọi mặt. Tuy nhiên, thách thức đối với việc đảm nhận vai trò của Ấn Độ ở khu vực này là việc Ấn Độ hiện nay chưa phải là thành viên thường trực của Hội đồng bảo an LHQ, nên vị thế

chính trị của Ấn Độ trong khu vực chưa thể ngang hàng với các chủ thể khác, điển hình là Trung Quốc.

Về kinh tế: Năm 2021 Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ sáu trên thế giới, sau Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức và Anh. GDP danh nghĩa của Ấn Độ được dự báo sẽ tăng 8,4 nghìn tỷ USD vào năm 2030. Tốc độ mở rộng kinh tế nhanh chóng này sẽ dẫn đến quy mô GDP của Ấn Độ vượt qua GDP của Nhật Bản vào năm 2030, đưa Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ hai ở khu vực CA-TBD. Đến năm 2030, nền kinh tế Ấn Độ cũng sẽ có quy mô lớn hơn các nền kinh tế Tây Âu lớn nhất là Đức, Pháp và Anh [Việt Dũng, 2022]. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài vào Ấn Độ, đưa Ấn Độ trở thành một trong những thị trường tăng trưởng dài hạn quan trọng nhất đối với các công ty đa quốc gia trong nhiều ngành công nghiệp, nhất là ngành sản xuất ô tô, điện tử, hóa chất và các ngành dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, quản lý tài sản, chăm sóc sức khỏe và công nghệ thông tin...

Về tiềm lực quân sự: Năm 2021, Ấn Độ hiện duy trì lực lượng thường trực 1.44.000 quân, dự bị động viên 1.155.000 người. Tổng số máy bay chiến đấu 542 chiếc, xe tăng chiến đấu 4.730 chiếc, tàu chiến 285 chiếc (đứng thứ 4 thế giới sau Trung Quốc, Nga và Mỹ) [Trà Khánh, 2021]. Ấn Độ được biết đến là quốc gia chi tiêu quân sự nhiều thứ 3 thế giới năm 2020 với 72,9 tỷ USD, sau Mỹ (778 tỷ USD) và Trung Quốc (252 tỷ USD) và vượt trên các nước: Nga (61,7 tỷ USD), Anh (59,2 tỷ USD), Đức (52,8 tỷ USD), Pháp (52,7 tỷ USD), Nhật Bản (49,1 tỷ USD) ở cùng chỉ số chi tiêu quân sự này [Báo Châu, 2021]. Với sức mạnh hải lục không quân vượt trội, bao gồm cả lực lượng hạt nhân chiến lược. Với tiềm lực lớn và đang lên như vậy, Ấn Độ chính là nhân tố có đủ sức nặng để làm thay đổi tương quan lực lượng ở ADD-TBD cũng như giữa Mỹ - Trung Quốc [Nguyễn Thị Oanh, 2020]. Ấn Độ thực hiện kế hoạch hiện đại hoá Quân đội theo hướng lấy phát triển khoa học quân sự và ứng dụng công nghệ mới, hiện đại để tăng cường tiềm lực quân sự. Ấn Độ đã tự sản xuất được hầu hết các loại tên lửa, tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân cùng nhiều loại vũ khí trang bị khác và tự đóng tàu sân bay. Tiềm lực quân sự của Ấn Độ có thể đủ để tạo ra sự thay đổi trong các mối liên kết an ninh có sự tham gia của Ấn Độ.

Thứ hai, vai trò và vị thế của ASEAN vẫn sẽ tiếp tục phát triển. Những năm tới, Đông Nam Á sẽ vẫn tiếp tục là khu vực ổn định, Cộng đồng ASEAN ngày càng phát triển năng động, vai trò, vị thế ở CA-TBD và trên trường quốc tế không ngừng được nâng lên. Liên kết Cộng đồng tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ, dần trở thành tổ chức hoàn thiện hơn, có sức cạnh tranh mạnh hơn, ngày càng thu hút sự quan tâm của các nước ngoài khu vực, nhất là các nước lớn như: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga... Quan hệ giữa ASEAN với các bên đối tác, đối thoại tiếp tục được mở rộng và phát triển với nhiều hình thức hợp tác ngày càng phong phú, đa dạng. Trong các cấu trúc hợp tác của khu vực, ASEAN sẽ vẫn đóng vai trò nòng cốt. Với vai trò người tổ chức, ASEAN đang dẫn dắt Diễn đàn ARF phát triển theo đúng tôn chỉ, mục đích đã đề ra. Đại diện ASEAN đã được mời tham dự các hội nghị đa phương quan trọng, tiêu biểu là Hội nghị cấp cao G20... Mặc dù có nhiều tác động từ các nước lớn, nhưng ASEAN vẫn giữ vững và ngày càng khẳng định vai trò, vị thế trung tâm của các diễn đàn, các cấu trúc hợp tác đa phương ở khu vực. Ấn Độ và ASEAN có tiềm năng lớn trong việc tạo ra các chuỗi giá trị trong khu vực như một lực đẩy cho hội nhập kinh tế. Điều này cho thấy, Ấn Độ đang mong muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương với các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á, qua đó đẩy mạnh triển khai AEP, nhằm tăng cường kết nối và tạo dựng ảnh hưởng của Ấn Độ. Đây chính là tiền đề, động lực để Ấn Độ quyết tâm đẩy mạnh triển khai AEP nhằm khẳng định vững chắc vị thế cường quốc.

Thứ ba, các nước Đông Nam Á ngày càng coi trọng hơn vai trò của Ấn Độ về an ninh. Khai thác lợi thế, không có chiến tranh với các nước Đông Nam Á và chính sách không liên kết từ trong Chiến tranh Lạnh, đến nay là AEP, đã tạo cho Ấn Độ những mối quan hệ đối ngoại thân thiện, tốt đẹp với các nước lớn và hầu hết các quốc gia trong khu vực. Các nước chủ chốt trong khu vực như: Việt Nam, Singapore, Myanmar, Thái Lan, Indonesia... ủng hộ vai trò ngày càng quan trọng của Ấn Độ trong các công việc quốc tế và trong chiến lược cân bằng, đối trọng của họ với các nước lớn. Bên cạnh đó, sự lớn mạnh của Ấn Độ cũng được các nước lớn khác hoan nghênh nhiều hơn và ít đề phòng hơn so với Trung Quốc. Nói cách khác, giá trị địa chiến lược của Ấn Độ đang ngày càng tăng lên do các nguồn lực sức mạnh của Ấn Độ.

Thứ tư, AEP đã phát huy hiệu quả, góp phần khẳng định vị thế của Ấn Độ trong khu vực. AEP có ý nghĩa quyết định trong quá trình thực hiện mục tiêu trở thành cường quốc khu vực, giúp Ấn Độ ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng hơn trong các vấn đề khu vực và quốc tế. Trong thời gian qua, AEP triển khai ở Đông Nam Á đã thực sự phát huy hiệu quả tích cực đối với Ấn Độ trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế, quân sự... Tạo điều kiện cho Ấn Độ có mặt trong các cơ chế hợp tác đa phương, góp phần khẳng định vị thế, giúp Ấn Độ hội nhập, khai thác thị trường tiêu dùng của hơn 678 triệu dân với GDP luôn đạt khoảng 2,6 nghìn tỷ USD của ASEAN. Đồng thời, bảo đảm an toàn an ninh hàng hải trên các tuyến vận tải ở Ấn Độ Dương, Biển Đông của Ấn Độ không bị cướp biển, hải tặc hoặc một thế lực khác kiểm soát. Do đó, quan hệ mọi mặt giữa Ấn Độ và ASEAN sẽ tiếp tục phát triển theo chiều hướng thuận lợi, ASEAN vẫn là trọng tâm và tiếp tục là nhân tố trung tâm trong những toan tính chiến lược và lợi ích của Ấn Độ tại khu vực.

Thứ năm, các nước lớn Mỹ, Nhật Bản, Australia và Nga ngày càng ủng hộ và coi trọng vai trò của Ấn Độ ở khu vực. Với tốc độ lớn mạnh nhanh chóng, tiềm lực quốc gia của Ấn Độ ngày càng được tăng cường. Quan hệ của Ấn Độ với các cường quốc thế giới được nâng lên tầm cao mới. Đặc biệt, quan hệ Mỹ - Ấn không ngừng được củng cố, phát triển trên nhiều phương diện, Ấn Độ được Mỹ xem là một cường quốc có vai trò “không thể thiếu” trong bàn cờ địa chiến lược và là đối tác có sức nặng nhất về chiến lược tại AĐD-TBD. Mỹ muốn thắt chặt hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược song phương để giải quyết những thách thức “cấp bách nhất” đặt ra cho khu vực AĐD-TBD, vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng. Để gắn Ấn Độ vào chiến lược FOIP, Mỹ còn khuyến khích các đồng minh và đối tác phát triển quan hệ liên minh với Ấn Độ. Ấn Độ đã tham gia hợp tác ba bên Mỹ - Nhật - Ấn, cùng phối hợp diễn tập chiến tranh chống tàu ngầm, phòng không, tìm kiếm và cứu nạn tại vùng biển Philippines...

Trong tuyên bố sau cuộc họp “Bộ tứ” được tổ chức lần đầu tiên tại Philippines trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao ASEAN 31 (11.2017), đã nêu rõ: Bốn nước nhất trí thành lập một lực lượng chung để tuần tra và phát huy tầm ảnh hưởng trên các vùng nước từ AĐD tới TBD, bao gồm ở Biển Đông và Biển Hoa Đông [Bùi Đức

Khánh, 2018]. Một điểm chung nổi bật đó là cả Mỹ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ đều ủng hộ và nhấn mạnh vai trò trung tâm của Ấn Độ với chiến lược mới. Ấn Độ có tiềm năng và sẵn sàng gánh vác trách nhiệm an ninh khu vực ADD-TBD. Do đó, Mỹ đặt mục tiêu hỗ trợ chính sách AEP và ủng hộ “Khát vọng trở thành cường quốc hàng đầu toàn cầu của Ấn Độ, cũng như làm nổi bật khả năng hội tụ của chính sách này với chiến lược của Mỹ, Nhật Bản và Australia ở ADD-TBD [Sriram Lakshman, 2021]. Ủng hộ Ấn Độ tăng cường quan hệ với ASEAN, nhằm gia tăng sự hiện diện của “Đồng minh” Mỹ ở Đông Nam Á. Đồng thời Ấn Độ muốn tranh thủ kết hợp AEP với chiến lược của Mỹ ở Châu Á, để mở rộng không gian địa chiến lược, đối phó với sự lớn mạnh và chính sách đối ngoại ngày càng quyết đoán của Trung Quốc và theo đuổi một môi quan hệ cân bằng hơn với nước này [Nguyễn Vũ Tùng và Đặng Cẩm Tú, 2016, tr.106-111]. Trong chuyến thăm Mỹ năm 2016, Thủ tướng N.Modi đã phát biểu rằng “Sự thiếu vắng một cấu trúc an ninh khu vực đã tạo ra những bất ổn ở châu Á, trong bối cảnh đó, hợp tác Ấn - Mỹ sẽ giúp đảm bảo tự do hàng hải và an ninh cho các tuyến đường biển” [Shri Narendra Modi, 2016a].

Đối với Nga, ngay sau khi Ấn Độ chuyển đổi LEP sang AEP, Nga đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chính sách này của Ấn Độ. Với vai trò là nhà cung cấp vũ khí lớn nhất cho Đông Nam Á, Nga đã cấp giấy phép, chuyển giao công nghệ sản xuất và còn thành lập liên doanh sản xuất vũ khí BrahMos Aerospace với Ấn Độ. Trong khi, Ấn Độ đã xây dựng được các cơ sở và lực lượng kỹ sư giỏi để vận hành và bảo trì các hệ thống, thiết bị của Nga đạt hiệu quả cao. Do đó, Ấn Độ có thể tận dụng chuyên môn để xử lý thiết bị của Nga thông qua việc cung cấp các dịch vụ đào tạo và bảo trì cho khu vực Đông Nam Á. Hơn nữa, khi doanh số bán hàng quốc phòng của Nga tăng trong khu vực, Ấn Độ sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng cường quan hệ chiến lược và quốc phòng với các quốc gia này [Don McLain Gill, 2000].

Thứ sáu, cạnh tranh Ấn - Trung là nhân tố thúc đẩy Ấn Độ nhất quán theo đuổi AEP. Ấn Độ nhận thấy chiến lược “*Chuỗi ngọc trai*”, sáng kiến OBOR, CPEC (04.2015)... của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích của Ấn Độ và đẩy Ấn Độ vào thế bị bao vây, cô lập. Điều này làm cho nhu cầu hướng Đông của Ấn Độ

càng mạnh lên, Ấn Độ đã thông qua hàng loạt các chính sách, nhằm vào Trung Quốc, trong đó: (1) Ấn Độ đã cam kết thúc đẩy hợp tác FOIP của Nhật Bản với AEP của Ấn Độ; cùng với Nhật Bản xây dựng kế hoạch dự án “*Hành lang tự do Nhật - Ấn*” (11.2016) kết nối 2 châu lục, kéo dài từ CA-TBD đến châu Phi, nhằm đối trọng với sáng kiến “*Con đường Tơ lụa trên bộ*” của Trung Quốc; (2) Tổ chức diễn tập Malabar (07.2017) với Mỹ - Nhật Bản tại Vịnh Bengal, khu vực AĐĐ, nhằm chống lại mối đe dọa an ninh hàng hải đến từ Trung Quốc; (3) Giúp Mỹ gia tăng bảo vệ lợi ích ở AĐĐ-TBD, tạo dựng liên minh kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc; (4) Từ chối tham gia Hội nghị cấp cao “*Vành đai, Con đường*” do Trung Quốc tổ chức; (5) Phản đối việc Trung Quốc phát triển CPEC... BTNG Ấn Độ Jaishankar khẳng định: Ấn Độ quyết định rút khỏi bàn đàm phán RCEP, do lo ngại hàng hóa Trung Quốc có thể chiếm lĩnh thị trường trong nước, bằng cách đi qua nước thứ ba [Phan Tùng, 2020].

4.2.1.2. Nhân tố cản trở

Những thành tựu đạt được trong thời gian triển khai AEP đã cho thấy sự lựa chọn đúng đắn của Ấn Độ. Bên cạnh những nhân tố thuận lợi là cơ bản, AEP cũng vấp phải một số nhân tố làm cản trở khi Ấn Độ đầu tư kinh tế, tập trung đối ngoại vào khu vực Đông Nam Á, trong đó phải kể đến việc:

Một là, Mặc dù Thủ tướng N.Modi vẫn khẳng định vị thế quan trọng của Myanmar trong AEP và cho rằng hành trình “*hướng Đông*” của Ấn Độ phải bắt đầu từ Myanmar. Tuy nhiên hiện nay Ấn Độ vẫn chưa phát huy vị trí chiến lược của Myanmar trong vai trò làm cầu nối để Ấn Độ tiếp cận các nước khu vực Đông Nam Á, do Myanmar sau nhiều năm bị Mỹ và các nước phương Tây cấm vận nên phụ thuộc quá lớn vào Trung Quốc. Đặc biệt sau cuộc đảo chính quân sự (02.2021), đã tác động không nhỏ tới quan hệ hai nước nói chung và quá trình triển khai AEP của Ấn Độ, nhất là dự án Cảng nước sâu Sittwe/Myanmar và đường cao tốc dài 1.360km nối Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan nằm trong số các dự án cơ sở hạ tầng và kết nối đầy tham vọng của Ấn Độ vốn đã gặp nhiều trở ngại, nay lại bị trì hoãn thêm, nếu bất ổn tiếp tục kéo dài sẽ gây khó khăn lớn cho Ấn Độ [Jayanta Kalita, 2021]. Các nhà phân tích chính trị quốc tế Ấn Độ cho rằng, sự cô lập quốc tế ngày

càng tăng với Quân đội Myanmar có thể một lần nữa đẩy nước này vào thế phụ thuộc vào Trung Quốc, khi Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình thăm Myanmar (01.2020) đã ký 33 thỏa thuận quan trọng với Myanmar [Srivastava, 2021]. Nên với đường biên giới chung dài khoảng 1.700 km với Myanmar, bất kỳ sự phát triển ở quốc gia nào cũng tác động trực tiếp đến khu vực giáp biên với Ấn Độ, vì thế hòa bình, ổn định ở Myanmar vẫn là điều quan trọng hàng đầu đối với Ấn Độ, đặc biệt là đối với Khu vực Đông Bắc của nước này.

Hai là, khu vực Đông Bắc của Ấn Độ được coi là cửa ngõ để Ấn Độ tiếp cận các nước ASEAN, song khu vực này hiện vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, đặc biệt là cơ sở hạ tầng. Kết nối giữa các trung tâm thành phố vùng Đông bắc và vùng này với các bang, vùng khác của Ấn Độ vẫn chưa hoàn thiện, nhất là giao thông đường bộ, đường sắt và đường hàng không với nhau của Ấn Độ. Nên kết nối với các nước Đông Nam Á chỉ có thể được thực hiện sau khi kết nối bên trong Ấn Độ được đảm bảo. Giới tinh hoa Ấn Độ cho rằng, Chính phủ cần chú ý nhiều hơn đến các hoạt động thực chất, có ý nghĩa chiến lược lâu dài trong khuôn khổ AEP [Khánh Lan, 2022].

Ba là, quan hệ giữa Ấn Độ với các quốc gia Đông Nam Á vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của hai bên, mới đạt được những kết quả khiêm tốn so với kỳ vọng của Ấn Độ. Trong nhận thức của người dân khu vực, Ấn Độ chưa tạo dựng được hình ảnh đậm nét như: Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản hay Hàn Quốc hiện đang can dự mạnh mẽ vào khu vực trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị đối ngoại, kinh tế, QPAN... Tuy Ấn Độ đã ký kết nhiều hiệp định, thỏa thuận với Cộng đồng ASEAN cũng như với từng quốc gia thành viên ASEAN, nhưng thực tế việc triển khai thực hiện các thỏa thuận còn chậm, hiệu quả đạt được thấp, chưa đạt được mức như hai bên mong muốn.

Bốn là, về hợp tác kinh tế, việc Ấn Độ và ASEAN ký FTA đã mở ra nhiều cơ hội mới cho cả hai bên nhưng cũng ẩn chứa nhiều thách thức, các cuộc đàm phán về FTA mới đạt được sự thoả thuận bước đầu, nhiều mặt hàng nhạy cảm Ấn Độ có thể mạnh như phần mềm máy tính, CNTT, sản phẩm dầu cọ, cà phê... vẫn chưa có giải pháp triệt để. Mức tín dụng 1 tỷ USD mà Ấn Độ cam kết áp dụng cho các dự án liên kết ASEAN - Ấn Độ vẫn chưa được thực hiện, bởi lãi suất không

hấp dẫn. Đặc biệt, năm 2019 Ấn Độ thông báo không tham gia RCEP vì “Lợi ích quốc gia”, do lo ngại về các khoản thâm hụt thương mại lớn hơn với các nước tham gia ngoài ASEAN, đặc biệt là Trung Quốc. Trong khi đó, 10 quốc gia thành viên ASEAN và các đối tác (Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand) được xác định là những trụ cột chính, ưu tiên trong AEP đã ký kết Hiệp định này năm 2020. Bên cạnh đó, chính sách về đầu tư trực tiếp nước ngoài của Ấn Độ vẫn hạn chế nguồn vốn FDI đến từ ASEAN. Can dự, gây sức ép về mặt kinh tế và chính trị của Trung Quốc ở một số nước, như: Campuchia, Philippines, Malaysia, Indonesia... ngày càng lớn. Trung Quốc có thể sử dụng vấn đề kinh tế thương mại để “Thoả hiệp”, hoặc thậm chí gây sức ép với các nước Đông Nam Á, khi Ấn Độ thúc đẩy quan hệ với các nước này.

Năm là, hiện đang nảy sinh một số thách thức về an ninh gây bất lợi trong quá trình triển khai AEP của Ấn Độ như: Sự gia tăng căng thẳng ở Biển Đông do thái độ ngày càng quyết đoán của Trung Quốc trong giải quyết tranh chấp; vấn đề chống khủng bố; sự không thống nhất quan điểm giữa các nước ASEAN về vấn đề Biển Đông... Đặc biệt khi chuyển đổi LEP thành AEP, Ấn Độ đã từng bước chuyển hướng quan điểm, lập trường rõ ràng về vấn đề Biển Đông. Ấn Độ khẳng định “Nếu Bắc Kinh cho rằng, khu vực ADD không phải là Đại dương của Ấn Độ, thì nhiệm vụ bắt buộc của New Delhi phải khẳng định rằng: Biển Đông không phải là vùng biển thuộc quyền kiểm soát của Trung Quốc” [Tien-sze Fang, 2014, p.13]. Thông qua sự hiện diện quân sự, thảo luận an ninh song phương với Mỹ, Nhật Bản về vấn đề Biển Đông, Thủ tướng N.Modi muốn khẳng định Ấn Độ không chỉ “Nhìn về Biển Đông” mà còn để “Hành động ở Biển Đông”, trong khi Ấn Độ không phải là bên liên quan trực tiếp trong các tranh chấp lãnh thổ ở vùng biển này. Trong tuyên chung Ấn - Mỹ (2014), hai bên ghi nhận AEP của Ấn Độ và chiến lược tái cân bằng ở CA-TBD của Mỹ, cam kết hợp tác chặt chẽ hơn với các nước CA-TBD thông qua tham vấn, đối thoại và tập trận chung. Bài tỏ quan ngại căng thẳng gia tăng về tranh chấp lãnh thổ trên biển, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh hàng hải và đảm bảo tự do hàng hải, hàng không trong khu vực, đặc biệt là ở Biển Đông [White House, 2014]. Tiếp theo là tuyên bố chung Ấn Độ - Nhật Bản (2015) nêu rõ:

Xét về tầm quan trọng của các tuyến đường biển thông tin liên lạc ở Biển Đông đối với an ninh năng lượng khu vực và thương mại, là cơ sở nền tảng cho hòa bình và thịnh vượng của ADD-TBD, kêu gọi tất cả các quốc gia tránh những hành động đơn phương có thể dẫn đến căng thẳng trong khu vực [Media Center, 2015d].

Trước đó, khi triển khai LEP Ấn Độ đã duy trì một khoảng cách “An toàn” nhất định liên quan tới tranh chấp ở Biển Đông. Ngoài ra, thách thức về vấn đề biên giới Ấn - Trung có thể đẩy hai nước vào cuộc chạy đua vũ trang và tác động tiêu cực đến việc Ấn Độ triển khai AEP. Cùng với việc, các nhóm vũ trang chống Ấn Độ ngày càng tăng và thường trú ẩn tại khu vực biên giới Ấn Độ - Myanmar; tình trạng buôn lậu ma túy, di cư bất hợp pháp từ Myanmar đến Ấn Độ có xu hướng gia tăng từ sau cuộc đảo chính quân sự năm 2021 đến nay... đang gây ra những thách thức an ninh cho Ấn Độ, buộc Ấn Độ phải can dự, mới đẩy mạnh được AEP.

Sáu là, Ấn Độ và các nước ASEAN đều là các nước láng giềng của Trung Quốc. Việc Ấn Độ và các nước Đông Nam Á tăng cường quan hệ đối tác chiến lược ít nhiều cũng ảnh hưởng đến lợi ích (cả tích cực lẫn tiêu cực) trong khu vực “Ao nhà” của Bắc Kinh. Trung Quốc không muốn Ấn Độ thông qua AEP để gia tăng sự hiện diện mạnh mẽ ở khu vực, bởi vì: (1) Không muốn Ấn Độ nỗ lực tái khám phá ảnh hưởng sâu rộng về văn hóa, tinh thần đến khu vực hơn Trung Quốc; (2) Ấn Độ là quốc gia duy nhất thách thức vai trò của Trung Quốc ở châu Á, nếu để New Delhi giành được sự công nhận là một cường quốc chính trị, quân sự ở châu Á, sẽ làm phức tạp thêm kịch bản chính trị và chiến lược ở khu vực của Trung Quốc, nên kiềm chế Ấn Độ là điều hoàn toàn hợp lý [Baladas Ghoshal, 2013, p.153]. Từ lâu người Trung Quốc đã nhìn ra vấn đề này và họ coi mỗi nỗ lực của Ấn Độ ở khu vực là nhằm chống lại họ [Võ Xuân Vinh, 2011, tr.180]. Trong khi, đối với giới học giả Trung Quốc, họ không thể không phản ứng chiến lược, cho rằng: AEP của Ấn Độ đã truyền tải sức mạnh to lớn cho mối quan hệ của Ấn Độ với Mỹ, Nhật Bản và một số quốc gia ASEAN, làm giảm ảnh hưởng vai trò to lớn của Trung Quốc trong khu vực, cản trở Trung Quốc trở dậy hòa bình. Khẳng định, An ninh hàng hải là yếu tố quan trọng, Bắc Kinh không được phép tránh xa vấn đề này và cần hành động để giảm thiểu hậu quả AEP của Ấn Độ [Tien-sze Fang, 2014, p.20]. AEP của Ấn Độ là

nhằm đối trọng với sự hiện diện “Áp đảo” của Trung Quốc trong khu vực. Trung Quốc sẵn sàng đáp ứng các lợi ích của Ấn Độ trong khu vực, nhưng không muốn Ấn Độ nổi lên như một cường quốc nổi bật ở Đông Á, khu vực mà Bắc Kinh coi là “Phạm vi ảnh hưởng” của mình [Rajorshi Roy and Sampa Kundu, 2014]. Tuy nhiên, một số nhà phân tích Trung Quốc cũng gợi ý rằng: AEP của Ấn Độ và sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc có thể tích hợp lẫn nhau, Bắc Kinh sẽ mở rộng hợp tác kinh tế với Ấn Độ để hàn gắn mối quan hệ song phương [Ding Gang, 2016]. Vì vậy, Trung Quốc không muốn Ấn Độ nhất quán theo đuổi LEP/AEP cạnh tranh, để cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc trong khu vực. Trong khi đó, một trong những mục tiêu quan trọng của chính sách này mà Ấn Độ chưa bao giờ công khai là cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc ở CA-TBD, qua đó kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc ở Nam Á và ADD, những khu vực Ấn Độ coi là thuộc phạm vi ảnh hưởng của mình.

4.2.2. Dự báo chiều hướng triển khai chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á thời gian tới

Tổng hợp các điều kiện, nhân tố về AEP, có thể khẳng định chính sách này tiếp tục được Ấn Độ duy trì và đẩy mạnh trong thời gian tới. Mặc dù với thực trạng kinh tế, xã hội, chính trị trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng không có tác động nổi trội ngăn Ấn Độ triển khai AEP, nhất là do việc nâng giá trị địa chiến lược trong khu vực. Trong 10 năm tới, Ấn Độ sẽ tiếp tục đẩy mạnh quan hệ mọi mặt với Cộng đồng ASEAN và từng nước Đông Nam Á, làm trụ cột vững chắc để mở rộng AEP ra toàn bộ khu vực ADD-TBD, cụ thể như sau:

4.2.2.1. Với Cộng đồng ASEAN

- *Về Chính trị - Ngoại giao*: Trên cơ sở tuyên bố chung quan hệ đối tác chiến lược toàn diện ASEAN - Ấn Độ (11.2022), Ấn Độ sẽ đẩy mạnh quan hệ toàn bộ phạm vi hợp tác chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa xã hội và phát triển với ASEAN bằng cách tham gia sâu rộng vào các cơ chế, thể chế và diễn đàn do ASEAN làm hạt nhân, đi vào thực chất và cùng có lợi, tạo động lực quan trọng cho hợp tác hai bên ngày càng mở rộng và phát triển năng động, để cùng với Cộng đồng ASEAN xây dựng khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển. Ấn Độ tiếp tục xác định ASEAN là trụ cột quan trọng trong AEP và là trọng tâm Tầm nhìn của Ấn Độ về khu

vực “ADD-TBD Tự do, Rộng mở và Bao trùm” (IPOI), đầu tư nhiều hơn các nguồn lực chính trị ngoại giao để can dự vào các đối tác ở Đông Nam Á.

Tiếp tục nỗ lực triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường cam kết và hợp tác cấp cao trong khuôn khổ quan hệ Đối tác Đối thoại ASEAN - Ấn Độ, thông qua: Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ, Hội nghị BTNG với Ấn Độ (PMC+1)... và các cơ chế cấp bộ/ngành giữa ASEAN và Ấn Độ, cũng như các lĩnh vực hợp tác trong khuôn khổ (IPOI). Đồng thời, tiếp tục hỗ trợ và đóng góp vào quá trình hội nhập, xây dựng Cộng đồng ASEAN, hướng tới hiện thực hóa Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025 và triển vọng ASEAN về ADD (AOIP). Ấn Độ ủng hộ ASEAN đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực và coi trọng mối quan hệ láng giềng gần gũi với ASEAN. Hai bên sẽ đẩy mạnh triển khai “Kế hoạch Hành động” quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Ấn Độ - ASEAN trong thời gian tới.

- *Về kết nối*: Để hội tụ, kết nối AEP với các sáng kiến lớn thông qua “Kết nối Phương pháp tiếp cận kết nối”, Ấn Độ xác định ASEAN là trung tâm trong AEP của Ấn Độ và tầm nhìn ADD-TBD rộng lớn hơn [Hà Phương, 2022]. Trong đó nhấn mạnh: Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch Hành động ASEAN - Ấn Độ (2021 - 2025); Kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN 2025 (MPAC 2025), cũng như việc kết nối AEP của Ấn Độ và Tầm nhìn của SAGAR để thúc đẩy hợp tác tổng thể các lĩnh vực [ASEAN, 2019]. Phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Ấn Độ lần thứ 17 (11.2020), Thủ tướng N.Modi khẳng định vai trò trung tâm của ASEAN trong AEP của Ấn Độ; tầm quan trọng của việc tăng cường hội tụ giữa “Sáng kiến ADD-TBD” của Ấn Độ và “Triển vọng về ADD-TBD” của ASEAN để đảm bảo một khu vực “ADD-TBD Tự do, Cởi mở, Bao trùm” và dựa trên luật lệ; khẳng định việc đẩy mạnh tất cả các loại sáng kiến kết nối trên các lĩnh vực giữa Ấn Độ và ASEAN là ưu tiên hàng đầu của Ấn Độ [TTXVN, 2020]. Những lĩnh vực hợp tác chủ chốt giữa Ấn Độ và các nước thành viên ASEAN được thiết lập trong khuôn khổ 3C [Reena Marwah, 2017], Ấn Độ cam kết tiếp tục triển khai nhanh chóng các sáng kiến kết nối đang diễn ra, nhất là các Dự án: Giao thông Vận tải Đa phương thức Kaladan; đường cao tốc ba bên; dự án thuộc Chương trình Phát triển Bang

Rakhine/Ấn Độ và Chương trình Phát triển Khu vực Biên giới vì lợi ích của người dân Myanmar [Media Center, 2021b]... Trong đó hướng đến sớm hoàn thiện đường cao tốc Ấn Độ - Thái Lan - Myanmar được hoàn thành kịp thời, để bắt đầu phát triển mở rộng đến Lào, Campuchia và Việt Nam.

Đồng thời, nỗ lực tăng cường kết nối hàng không, hàng hải bằng việc hướng tới việc ký kết Hiệp định Vận tải Hàng không ASEAN - Ấn Độ (AI-ATA) và Hiệp định Vận tải Hàng hải ASEAN - Ấn Độ (AI-MTA) và việc hỗ trợ, hợp tác Mạng lưới các thành phố thông minh ASEAN... Ngoài ra, thúc đẩy giữa Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và Chương trình Nghị sự 2030 của LHQ về phát triển bền vững, thông qua hợp tác với các trung tâm, thể chế và cơ chế liên quan của ASEAN, nhằm tạo điều kiện hợp tác phát triển bền vững trong khu vực, cũng như phát triển Trung tâm ASEAN về Nghiên cứu Phát triển và Đối thoại (ACSDSD).

- *Về kinh tế:* Thông qua AEP, Ấn Độ muốn hướng đến một thị trường rộng lớn. Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ cho rằng, thương mại Ấn Độ - ASEAN có tiềm năng đạt 300 tỷ USD vào năm 2025. ASEAN đã là nền kinh tế đông dân thứ ba trên thế giới và được dự báo là thị trường lớn thứ tư vào năm 2030, với GDP là 7 nghìn tỷ USD và dân số cũng sẽ tăng từ 648 triệu hiện nay lên khoảng 723 triệu [Việt Dũng, 2021]. Ấn Độ có nền kinh tế xếp thứ sáu trên thế giới sau: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức và Anh. GDP Ấn Độ được dự báo sẽ tăng từ 2,7 nghìn tỷ USD (năm 2021) lên 8,4 nghìn tỷ USD vào năm 2030. Đến năm 2030, dự báo nền kinh tế Ấn Độ cũng sẽ có quy mô lớn hơn các nền kinh tế Tây Âu lớn nhất là Đức, Pháp và Anh [Việt Dũng, 2022]. Như vậy, tổng giá trị kết hợp GDP giữa Ấn Độ và ASEAN dự kiến quy mô kinh tế đến năm 2030 đạt khoảng 15,4 nghìn tỷ USD. Do đó Chính phủ Ấn Độ sẽ tận dụng tối đa các cơ hội để tăng cường hợp tác kinh tế với ASEAN thông qua AIFTA; khuyến khích các nhà sản xuất Ấn Độ hội nhập vào chuỗi giá trị khu vực ASEAN; tăng cường hoạt động quảng bá sản phẩm đến với người dân Đông Nam Á, đẩy mạnh quan hệ hợp tác hàng Hải, hàng Không, công nghệ thông tin, tăng cường giao lưu doanh nghiệp... nhằm tạo thêm nhiều hành lang thương mại cho hàng hoá của Ấn Độ thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường Đông Nam Á. Ngoài ra, Ấn Độ đang gấp rút ưu tiên mở rộng các tuyến đường cao tốc vào sâu bên trong Đông Nam Á, nhằm kéo gần khoảng cách địa lý để thu hút khách du lịch đến từ các nước Đông

Nam Á. Về lâu dài, Ấn Độ chủ trương thiết lập một trật tự kinh tế khu vực mới trong ASEAN, tuy trong giai đoạn đầu có thể chậm và hiệu quả chưa cao.

- *Về Quốc phòng - an ninh*: Ấn Độ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác chặt chẽ với ASEAN trong các vấn đề chung về an ninh ở trong khu vực và quốc tế. Tích cực tham gia và đóng góp xây dựng vào các cơ chế hợp tác do ASEAN dẫn dắt như: PMC+1, ARF, EAS, ADMM +..., để xây dựng các chuẩn mực và phối hợp giải quyết các thách thức an ninh khu vực, như: An ninh, an toàn, tự do hàng hải; chống khủng bố; tội phạm xuyên quốc gia; biến đổi khí hậu; an ninh năng lượng. Đồng thời tiếp tục hỗ trợ việc thực hiện Kế hoạch hành động ASEAN chống tội phạm xuyên quốc gia (2016 - 2025) và tăng cường hợp tác về an ninh mạng thông qua việc hỗ trợ thực hiện Chiến lược hợp tác an ninh mạng ASEAN và thông qua các cơ chế khác nhau do ASEAN lãnh đạo bằng cách thúc đẩy hợp tác kỹ thuật và nâng cao năng lực.

Trong lĩnh vực quốc phòng, Ấn Độ tiếp tục tăng cường hợp tác song phương và đa phương với Đông Nam Á. Thông qua trao đổi đoàn quân sự các cấp; trao đổi tin tức tình báo; trao đổi các chuyến thăm của tàu hải quân, diễn tập, tuần tra chung; duy trì và gia tăng hiệu quả của các cơ chế hợp tác quốc phòng hiện có... Đặc biệt, hải quân Ấn Độ sẽ coi trọng hơn hợp tác với hải quân các nước Đông Nam Á, thông qua việc mở rộng diễn tập Milan và thuyết phục các nước Malaysia, Singapore, Thái Lan và Indonesia tham gia tuần tra chung tại khu vực eo biển Malaca cùng với Ấn Độ. Ngoài ra tiếp tục hỗ trợ đào tạo, huấn luyện quân sự, tặng, bán, hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa vũ khí trang bị cho các nước ASEAN.

- *Về vấn đề Biển Đông*: Mối quan tâm về lợi ích biển, cả về kinh tế và địa chính trị, của Ấn Độ ngày càng được chú trọng đã tạo không gian và động lực cho lĩnh vực biển trong AEP. Để thực hiện mục tiêu bao trùm của Ấn Độ đối với khu vực ADD-TBD về vấn đề: (1) Tự do hàng hải và hàng không, giao thương không bị cản trở; (2) giải quyết hòa bình tranh chấp, phản đối sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, duy trì hòa bình, ổn định khu vực; (3) Tôn trọng luật quốc tế, đặc biệt là Công ước LHQ về Luật biển (UNCLOS) [Trần Quang Châu, 2019]. Trên cơ sở AEP, Ấn Độ sẽ tiếp tục nâng cao năng lực, đẩy mạnh hoạt động tuần tra, diễn tập chung trên biển với các quốc gia Đông Nam Á (đặc biệt là với Việt Nam,

Indonesia); tích cực nêu vấn đề Biển Đông tại các diễn đàn song phương và đa phương; phối hợp, đẩy mạnh hợp tác với Mỹ, Nhật Bản và Australia... để cân bằng sức mạnh, bảo vệ tự do hàng hải, hàng không và giao thương không bị cản trở. Chủ trương giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng bạo lực, tuân thủ luật pháp quốc tế.

Bên cạnh đó, Ấn Độ tích cực đẩy mạnh hợp tác và gắn kết với khu vực thông qua phát triển tổng thể về kinh tế xanh (Blue Economy). Điểm đặc biệt của kinh tế xanh là việc khai thác nguồn tài nguyên biển phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Ấn Độ mong muốn hợp tác chặt chẽ với ASEAN trong một loạt các hoạt động: Phát triển nền kinh tế xanh; giám sát ven biển; xây dựng khả năng tuần tra ngoài khơi; dịch vụ thủy văn; và chia sẻ thông tin để tăng cường nhận thức miền biển [Sushma Swaraj, 2018]. Ngoài ra, một lĩnh vực quan trọng trong AEP nhằm đẩy mạnh hợp tác biển với ASEAN chính là kết nối biển. Ấn Độ cam kết tiếp tục thực thi Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC), thúc đẩy cơ sở hạ tầng và năng lực tất cả các cảng quan trọng ở phía đông Ấn Độ, đồng thời hỗ trợ, đầu tư cho các cảng biển các quốc gia ASEAN.

Về các lĩnh vực khác: Ấn Độ sẽ tiếp tục đẩy mạnh quan hệ giao lưu văn hoá - du lịch, tôn giáo, KHCN, giáo dục với các nước ASEAN, nhằm mục tiêu hỗ trợ tiến trình hội nhập ASEAN và thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Trong đó Ấn Độ sẽ chú trọng vào việc: (1) Củng cố sâu sắc mối liên kết văn hóa thông qua thúc đẩy du lịch văn hoá và tăng cường giao lưu nhân dân; (2) Thúc đẩy triển khai mạnh mẽ các biện pháp hợp tác Phật giáo kết hợp với hợp tác văn hoá; (3) Đẩy mạnh quan hệ hợp tác hơn nữa trong ngành KHCN mà Ấn Độ có thế mạnh; (4) Thúc đẩy đối thoại giữa các quan chức Chính phủ và các bên liên quan về vấn đề tăng cường quyền phụ nữ và bảo vệ trẻ em; (5) Đẩy mạnh hợp tác trong quản lý môi trường và biến đổi khí hậu... Trong thời gian tới, hai bên sẽ gia tăng hợp tác trong các lĩnh vực bảo tồn và gìn giữ di sản, du lịch văn hóa, tâm linh, giáo dục đào tạo, phát triển năng lượng mặt trời, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học [Việt Hà, 2018]...

4.2.2.2. Với các quốc gia Đông Nam Á

Ấn Độ cho rằng, 10 quốc gia thành viên ASEAN là “các nước láng giềng mở rộng” của Ấn Độ. Trong 10 năm tới Ấn Độ sẽ tiếp tục đẩy mạnh quan hệ toàn

diện với các quốc gia Đông Nam Á, trong đó xác định Việt Nam là một trụ cột quan trọng trong AEP.

(1) Với Việt Nam:

- Về chính trị, ngoại giao: Dựa trên nền tảng quan hệ truyền thống tốt đẹp, sự chia sẻ về giá trị và lợi ích tương đồng, độ tin cậy về chính trị, quan hệ Việt - Ấn ngày càng lớn mạnh và đi vào chiều sâu chiến lược. Trong khi nhiều mối quan hệ quốc tế khác có những thăng trầm nhất định thì quan hệ hai nước thường xuyên được củng cố, phát triển tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. Thủ tướng N.Modi khẳng định:

Quyết định nâng cấp nâng cấp quan hệ “Đối tác Chiến lược” Ấn - Việt lên thành “Đối tác chiến lược Toàn diện”, là chúng ta đã nắm bắt được nội dung, con đường hợp tác tương lai, điều đó sẽ cung cấp một hướng đi mới, xung lực mới và chất liệu mới cho sự hợp tác song phương, góp phần ổn định, an ninh và thịnh vượng trong khu vực này [Shri Narendra Modi, 2016b].

Mặc dù trong thời gian tới quan hệ Việt Nam, Ấn Độ sẽ tiếp tục chịu sự tác động bởi những mục tiêu, yêu cầu đặt ra trong chiến lược phát triển của mỗi nước. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam 10 năm (giai đoạn 2021 - 2030), phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, cho thấy có nhiều điểm hội tụ với tầm nhìn và mục tiêu phát triển đất nước của Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới. Trên cơ sở “Đối tác chiến lược Toàn diện” được đẩy mạnh trong thời gian qua và “Tầm nhìn chung vì Hoà bình, Thịnh vượng và Người dân” (năm 2020), sẽ tiếp tục trở thành kim chỉ nam định hướng phát triển cho quan hệ song phương hai nước. Ấn Độ tiếp tục lựa chọn Việt Nam là trụ cột quan trọng trong AEP và là đối tác chính trong Tầm nhìn ADD-TBD của Ấn Độ.

Ấn Độ sẽ tiếp tục duy trì, thúc đẩy hoạt động trao đổi đoàn cấp cao và các cấp thông qua các kênh Đảng, Quốc hội, Nhà nước và giao lưu nhân dân, thiết lập quan hệ giữa các địa phương hai nước. Tiếp tục tổ chức thường xuyên và định kỳ các cơ chế đối thoại đã được thiết lập (Ủy ban Liên Chính phủ, Đối thoại chiến lược, Tham khảo chính trị...) và thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết với

Việt Nam, nhằm củng cố quan hệ chính trị giữa hai nước đi vào thực chất hơn, tạo động lực mới thúc đẩy quan hệ trên các lĩnh vực khác. Đồng thời, sẽ tích cực hợp tác chặt chẽ và ủng hộ các sáng kiến của Việt Nam trong ASEAN, ủng hộ Việt Nam nâng cao vị thế trong ASEAN và trên các diễn đàn quốc tế (LHQ, ASEAN, ARF, ADMM+...). Khai thác triệt để quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” với Việt Nam, vị trí và uy tín của Việt Nam ở khu vực và quốc tế, để phục vụ mục tiêu củng cố và nâng cao vai trò, vị thế, uy tín của Ấn Độ đối với ASEAN, khu vực CA-TBD, làm sâu đậm thêm nhận thức về một Ấn Độ đang lớn mạnh trong tiềm thức của người dân Đông Nam Á. Đồng thời ủng hộ Việt Nam trong vấn đề Biển Đông, qua đó tìm cách hiện diện ở khu vực này... Tuy nhiên nhiều học giả cho rằng, trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ tồn tại một nghịch lý giữa quan hệ chính trị rất tốt đẹp ở tầm cao, song sự triển khai chưa thật sự hiệu quả ở tầm thấp. Thực tế triển khai quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” giữa hai nước còn nhiều khó khăn, thách thức, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, vẫn còn nhiều dư địa để thúc đẩy quan hệ song phương. Mặc dù hai bên đã có nhiều cơ chế thúc đẩy hợp tác nhưng những cơ chế này giống như một cỗ máy với nhiều bộ phận hoàn hảo, nhưng lại thiếu sự kết nối giữa các bộ phận nên khó hoặc không vận hành được. Để cỗ máy có thể vận hành trơn tru, cần có sự tương thích, phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, ở tất cả các cấp [Bích Lan, 2022].

- *Về kinh tế*: Tăng cường hợp tác kinh tế là một mục tiêu chiến lược của Ấn Độ đối với Việt Nam, góp phần gia tăng kim ngạch thương mại hai chiều hướng tới mục tiêu đạt trên 20 tỷ USD/năm trong những năm tới trên cơ sở những biện pháp và phương hướng cụ thể đã đề ra. Để tăng cường khai thác thị trường đông dân của Việt Nam, đưa hàng hoá Ấn Độ thâm nhập và nâng dần thị phần tại Việt Nam, Ấn Độ đã đưa ra các biện pháp trong thời gian tới như sau: Phát huy hiệu quả các cơ chế đã được thiết lập trong lĩnh vực đầu tư và thương mại; đẩy mạnh hợp tác giữa các bang của Ấn Độ và các địa phương của Việt Nam; tăng cường trao đổi đoàn và hợp tác giữa doanh nghiệp hai nước, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tích cực tìm kiếm cơ hội tham gia vào sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ” để hưởng các ưu đãi từ sáng kiến này; định kỳ tổ chức các hội chợ thương

mại, các diễn đàn, sự kiện như: Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Ấn Độ và Ấn Độ - CLMV; hợp tác chặt chẽ và đề nghị Việt Nam khai thác các sáng kiến của Ấn Độ dành cho các nước CLMV và các gói tín dụng ASEAN - Ấn Độ trong lĩnh vực kết nối số và kết nối hạ tầng cứng. Theo Tổng lãnh sự Ấn Độ tại TP.HCM, Adan Mohan Sethi cho biết: Các công ty Ấn Độ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, công nghệ cao, năng lượng tái tạo, sản xuất, dệt may, ô tô, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, dược phẩm, du lịch và khách sạn ở Việt Nam [Khánh Linh, 2022].

Đối với các dự án lớn (dầu khí, nhiệt điện, đường không, đường biển), Ấn Độ khẳng định: Tiếp tục đầu tư lâu dài, khai thác cơ hội tham gia vào hoạt động dầu khí trung nguồn và hạ nguồn tại Việt Nam và hợp tác với Việt Nam khai thác dầu khí ở nước thứ ba; thúc đẩy thiết lập tuyến vận tải chuyên tuyến giữa các cảng biển của Việt Nam và Ấn Độ... Ngoài ra, Ấn Độ tiếp tục khai thác cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực khác, dành ưu tiên cho Việt Nam như: Năng lượng tái tạo, hạ tầng, du lịch, may mặc, y tế, dược phẩm, CNTT, truyền thông, điện tử, nông nghiệp và các ngành công nghiệp phụ trợ. Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Ấn Độ tại Việt Nam Pranay Verma khẳng định:

Phía Ấn Độ đã và đang làm việc với các Bộ, Ban, Ngành của Việt Nam để đề xuất tăng cường hợp tác trong những lĩnh vực truyền thống như nông nghiệp, dược phẩm, giáo dục và khoa học công nghệ. Ấn Độ đã xác định mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực mới nổi và nhiều tiềm năng như: Không gian, công nghệ thông tin và khoa học biển [Thu Lan, 2022]...

Tuy nhiên, kim ngạch thương mại Ấn Độ - Việt Nam còn nhiều hạn chế, đầu tư còn khiêm tốn, tiếp xúc với giới tinh hoa của Việt Nam còn chưa nhiều. Viện trưởng Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, PGS.TS.Nguyễn Xuân Trung cho rằng:

Có 3 nhóm nguyên nhân khiến cho thương mại giữa Việt Nam và Ấn Độ còn nhiều hạn chế: (1) Các yếu tố văn hóa, tôn giáo, lễ lối làm việc, phong cách làm việc, sự khác biệt thể chế, thực thi cam kết đã gây khó khăn trong việc tiếp xúc giữa các doanh nghiệp hai bên; (2) Khả năng cạnh tranh của sản phẩm mỗi bên còn hạn chế, thể hiện ở cơ cấu kinh tế của hai nước khá tương

đồng; (3) Lực hút quá lớn của các đối tác khác trong khu vực, chẳng hạn như Trung Quốc [Nguyễn Xuân Trung, 2017]...

Đây cũng là những rào cản trong việc thúc đẩy quan hệ Việt - Ấn phát triển ở mức độ và cường độ mà hai nước kỳ vọng trên những lĩnh vực khác.

- *Về văn hóa, giáo dục:* Ấn Độ tiếp tục thông qua Trung tâm Văn hóa Ấn Độ tại Hà Nội để phối hợp với Việt Nam và cộng đồng người Ấn Độ tại Việt Nam tổ chức các hoạt động bao gồm: Tổ chức các lớp học Yoga, dạy nhạc truyền thống, tiếng Anh, tiếng Hindi, các lớp thủ công mỹ nghệ Ấn Độ, biểu diễn ca múa nhạc, chiếu phim, cũng như tổ chức các sự kiện, triển lãm, hội thảo xúc tiến du lịch, kinh tế, thương mại [Phạm Nguyễn, 2017]... nhằm góp phần hiểu biết sâu rộng, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nhân dân hai nước, qua đó quảng bá hình ảnh đất nước, con người Ấn Độ tới nhân dân Việt Nam để thúc đẩy giao lưu văn hóa, phát triển du lịch. Những năm tới, Chính phủ Ấn Độ sẽ tiếp tục cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam theo các chương trình khác nhau, bao gồm ITEC (Chương trình hợp tác kinh tế kỹ thuật), CEP (Chương trình trao đổi văn hóa), GCSS (Kế hoạch trao đổi văn hóa chung), EEP (Chương trình trao đổi giáo dục), MGCSS (Kế hoạch hợp tác học thuật Mê Công - sông Hằng), học bổng Phật giáo... Để thúc đẩy hợp tác văn hóa, giáo dục, kết nối và giao lưu nhân dân, Ấn Độ cam kết tiếp tục dành nhiều suất học bổng cho cán bộ, sinh viên Việt Nam, tiếp tục hỗ trợ đào tạo Phật giáo cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam bằng các suất học bổng đào tạo thạc sĩ/tiến sĩ về Phật học tại Ấn Độ và hỗ trợ tôn tạo, trùng tu một số thánh tích Phật giáo tại Việt Nam. Ấn Độ cam kết sẽ tăng cường thúc đẩy các hoạt động giao lưu nhân dân thông qua việc khôi phục lại các chuyến bay thẳng giữa hai nước, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân hai bên đến tham quan, học tập, khám phá tiềm năng, đất nước của nhau.

- *Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ:* Trên nền tảng, tầm quan trọng của các thỏa thuận hợp tác về khoa học kỹ thuật đã được ký kết, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực về KH-CN được ưu tiên thúc đẩy và trở thành một trong những lĩnh vực hợp tác hiệu quả giữa Ấn Độ và Việt Nam. Đây là một trong những hướng đi ưu tiên trong chiến lược phát triển KH-CN và sáng tạo của Ấn Độ. Trong khi đó, chiến

lược phát triển đến năm 2030 của Việt Nam được thông qua tại Đại hội XIII của ĐCSVN, cũng nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của KH&CN. Vì vậy trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, hai nước cho rằng, cần phải có sự hợp tác sâu hơn, chặt chẽ hơn trong lĩnh vực KH&CN [Nguyễn Thị Quế, 2017, tr. 94-108]. Đặc biệt đẩy mạnh triển khai Hiệp định về Hợp tác Sử dụng Năng lượng Nguyên tử vì mục đích hòa bình (12.2016), xây dựng các chương trình hợp tác, tư vấn kỹ thuật một cách thấu đáo, trọng tâm và trọng điểm. Tập trung thúc đẩy hợp tác trong các hướng chính là: Ấn Độ hỗ trợ, hợp tác với Bộ KH&CN, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam trong việc xây dựng Trung tâm KH&CN hạt nhân, trong đó có lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu mới, triển khai ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực y tế, ứng dụng kỹ thuật hạt nhân và công nghệ bức xạ trong công nghiệp, nông nghiệp, phục vụ xuất khẩu và đào tạo nguồn nhân lực hạt nhân [Phạm Hoàng Hà, 2016]. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã thành lập các viện nghiên cứu nâng cao năng lực tại Việt Nam về CNTT, phát triển doanh nghiệp, máy tính hiệu năng cao và các lĩnh vực khác; mở rộng hình thức hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho Việt Nam trong lĩnh vực CNTT, nông nghiệp, điện tử.

- *Về Quốc phòng - An ninh*: Ấn Độ xác định hợp tác QPAN là trụ cột quan trọng trong quan hệ với Việt Nam, là yếu tố thúc đẩy hòa bình, ổn định ở khu vực AĐD-TBD. Ấn Độ tiếp tục thúc đẩy củng cố thông qua các cơ chế, hình thức trao đổi, tiếp xúc hợp tác quốc phòng theo các nội dung trong khuôn khổ Tuyên bố Tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng đến năm 2030 giữa Bộ Quốc phòng hai nước, trong đó: Chú trọng thúc đẩy các hoạt động tiếp xúc và trao đổi đoàn các cấp; tăng cường hợp tác giữa các quân, binh chủng; duy trì các cơ chế đối thoại; nâng cấp hình thức tham vấn quốc phòng; trao đổi kinh nghiệm về các lĩnh vực chuyên ngành (xây dựng lực lượng, tổ chức biên chế trang bị...), nhằm mở rộng hợp tác và tạo niềm tin lẫn nhau.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác CNQP với Việt Nam, thông qua việc chuyển giao công nghệ sản xuất tên lửa, đóng tàu tuần tra cao tốc, sửa chữa và bảo trì, nâng cấp các trang thiết bị quốc phòng... Hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho Việt Nam, để triển khai thực hiện các dự án hợp tác trong lĩnh vực này. Đồng thời, tiếp tục thúc đẩy hợp tác

quốc phòng trên cơ sở triển khai các thỏa thuận đã ký kết, trong đó tập trung phối hợp, đẩy nhanh tiến độ triển khai các gói viện trợ không hoàn lại và tín dụng ưu đãi của Chính phủ Ấn Độ dành cho Quân đội Việt Nam [Minh Tuấn, 2021]. Ấn Độ được dự đoán sẽ xuất khẩu một loạt thiết bị quân sự cho Việt Nam, bao gồm cả ngư lôi chống ngầm Varunastra và tên lửa hành trình siêu thanh BrahMos [Shaheli Das, 2016]. Ngoài ra, tiếp tục tăng cường trao đổi học viên quân sự, tàu hải quân thăm viếng lẫn nhau, nâng cấp hình thức diễn tập cứu hộ, cứu nạn lên thành diễn tập quân sự chung. Hỗ trợ dạy tiếng Anh cho sỹ quan Việt Nam và huấn luyện lực lượng, bảo đảm hậu cần phục vụ chiến đấu của Việt Nam.

Trong lĩnh vực an ninh, Ấn Độ sẽ tăng cường hợp tác trong các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống với Việt Nam. Chú trọng hợp tác về xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ thông tin về an ninh mạng, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tìm kiếm cứu nạn trên biển và các sự cố rủi ro khác. Đẩy mạnh thực hiện Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam và Hội đồng An ninh Quốc gia Ấn Độ trong thời gian tới với Việt Nam, nhằm tăng cường hợp tác trong các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống. Triển khai hiệu quả nội dung Bản ghi nhớ hợp tác về an ninh mạng. Tăng cường trao đổi qua kênh hợp tác song phương và khuôn khổ hợp tác Interpol trong phòng chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, rửa tiền, tội phạm về ma túy; trao đổi kinh nghiệm xây dựng hành lang pháp lý; thúc đẩy hợp tác thực chất trong đào tạo, huấn luyện cán bộ chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học hình sự [Phan Anh, 2021]...

Về vấn đề Biển Đông, Việt Nam là quốc gia có chủ quyền ở Biển Đông, đồng thời cũng là quốc gia quan trọng trong AEP. Mối quan hệ truyền thống, sự tin tưởng, song trùng lợi ích và tầm nhìn chiến lược đối với Biển Đông đã góp phần làm sâu sắc thêm mối quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” giữa hai nước, đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự, hàng hải, nhằm đảm bảo an ninh trên các tuyến đường biển và chia sẻ các mối quan ngại về vấn đề Biển Đông. Ấn Độ sẽ tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo đảm hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải và hàng không tại Biển Đông, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, không đe dọa hay sử dụng vũ lực, tuân thủ luật pháp quốc tế, Công ước Luật biển Liên hợp

quốc 1982 và DOC, ủng hộ việc sớm đạt được COC. Đặc biệt Ấn Độ khẳng định ủng hộ lập trường của Việt Nam và ASEAN trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông, yêu cầu cần bảo đảm tự do hàng hải, hàng không không bị cản trở, tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng của các quốc gia ở Biển Đông. Ấn Độ nhất trí tiếp tục tăng cường hợp tác với Việt Nam thăm dò, khai thác dầu khí tại các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông, đồng thời khẳng định sẵn sàng hợp tác với Việt Nam và ASEAN trong việc triển khai các sáng kiến nhằm xây dựng các cơ chế về duy trì và bảo đảm hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực này. Thông qua hợp tác với Việt Nam trên biển, Ấn Độ cũng muốn truyền thông điệp đến các nước bạn bè khác của mình rằng, Ấn Độ cam kết tuân thủ các quy tắc toàn cầu và thúc đẩy hòa bình, ổn định ở khu vực CA-TBD, bao gồm cả việc giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông [RS. Rajaram Panda, 2017, p.51]. Đồng thời tăng cường trao đổi thông tin, hợp tác hàng hải, nhằm bảo đảm an ninh các tuyến đường biển; thúc đẩy tham khảo song phương về các vấn đề trên biển... Tuy nhiên, Ấn Độ chưa có lộ trình dài hạn về vấn đề Biển Đông, sự thay đổi về chính sách biển và tăng cường can dự hơn vào vấn đề Biển Đông, mức độ, cường độ quan tâm và hành động ở Biển Đông của Ấn Độ phụ thuộc: (i) Thứ tự ưu tiên chiến lược; (ii) Năng lực tài chính và (iii) Những tương tác trong mối quan hệ Ấn - Trung [Trần Quang Châu, 2019]. Mặc dù có những hạn chế nhất định trong cách tiếp cận, song chính sách và những hoạt động của Ấn Độ tại Biển Đông đã mang lại những tác động tích cực đối với khu vực và Việt Nam.

(2) Với Singapore: Singapore được xem là cửa ngõ chính để các nhà đầu tư Ấn Độ vào ASEAN và mở rộng, nâng cao nền kinh tế ngoại thương. Trên cơ sở nền tảng quan hệ “*Đối tác Chiến lược*” (2015) và 20 cơ chế, đối thoại, diễn tập song phương thường xuyên, Ấn Độ sẽ tiếp tục tăng cường quan hệ toàn diện với Singapore, trong đó lấy hợp tác kinh tế, QPAN làm mũi nhọn. Các lĩnh vực hợp tác chính Ấn Độ với Singapore thúc đẩy trong thời gian tới là: (1) Mở rộng quy mô Thương mại và đầu tư; (2) Tăng tốc độ kết nối; (3) Thành phố thông minh và trẻ hóa đô thị; (4) Phát triển kỹ năng trên các lĩnh vực; (5) Hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ, đổi mới [High Commissioner of India in Singapore, 2020b]. Hiện nay, Singapore có 8 hãng hàng không kết nối trực tiếp với 15 thành phố tại Ấn Độ với

hơn 500 chuyến bay hàng tuần hai chiều, có hơn 440 công ty đã đăng ký tại Ấn Độ. Trong khi Ấn Độ có hơn 9.000 công ty đã đăng ký hoạt động kinh doanh tại Singapore. Ấn Độ là nguồn cung cấp du lịch lớn thứ ba thế giới cho Singapore [Insightsias, 2019]. Đây là nền tảng để Ấn Độ và Singapore đặt mục tiêu tăng gấp đôi kim ngạch thương mại song phương trong 20 năm tới. Đồng thời, cam kết mở rộng phối hợp trong các lĩnh vực trọng điểm khác như: Thành phố thông minh và giải pháp đô thị; phát triển kỹ năng và xây dựng năng lực; tăng cường kết nối giữa Ấn Độ và khu vực... nhằm thúc đẩy trao đổi thương mại và đầu tư, giao lưu văn hóa và nhân dân giữa hai nước. Ấn Độ mong muốn thông qua chương trình nghị sự để đẩy nhanh tốc độ đạt được mục tiêu, mức độ hợp tác kinh tế, ngoại giao, chiến lược và văn hóa cao nhất với các nước trong khu vực, bao gồm Singapore. Thúc đẩy đối thoại bền vững giữa các vấn đề kinh tế, ngoại giao và chiến lược có tầm quan trọng lâu dài đối với Singapore [Rahul Mishra, 2018].

Quan hệ QPAN giữa Ấn Độ và Singapore sẽ vẫn là mối quan hệ đặc biệt so với các nước Đông Nam Á khác. Bởi vì Singapore có không gian lãnh thổ nhỏ hẹp, nên từ năm 2004 đến nay đã thuê căn cứ Kalaikunda ở bang West Bengal/Ấn Độ để tiến hành diễn tập hàng năm và diễn tập liên hợp thường niên với quân đội Ấn Độ [Phong Vân, 2017]. Hai bên đã ký kết các thỏa thuận tăng cường hợp tác quốc phòng (11.2017), làm nền tảng cho hợp tác về huấn luyện quân sự lâu dài. Ngoài ra, Ấn Độ và Singapore xác định duy trì kênh đối thoại thường xuyên ở cấp Bộ trưởng; đẩy mạnh hợp tác hải quân; tiếp tục duy trì diễn tập kết hợp ba quân chủng SIMBEX, để ứng phó với mối đe dọa an ninh ở eo biển Malacca và vùng biển Andaman. Bên cạnh đó, hai bên tích cực thúc đẩy các sáng kiến hợp tác quốc phòng song phương và cam kết nâng quy mô hợp tác giữa các lực lượng vũ trang cũng như trong các lĩnh vực công nghệ và CNQP hai nước.

(3) Với Myanmar: Các quốc gia Đông Nam Á, duy nhất có Myanmar chung biên giới đất liền với 4 bang, vùng Đông Bắc/Ấn Độ. Myanmar được Ấn Độ xác định là “Cửa ngõ” quan trọng cho kế hoạch kết nối khu vực trong AEP. Ấn Độ chủ trương gia tăng ảnh hưởng, phát triển mối quan hệ chiến lược lâu dài với Myanmar trên lĩnh vực chính trị, kinh tế và QPAN. Ấn Độ tiếp tục giữ quan điểm không can thiệp vào

công việc nội bộ của Myanmar, ủng hộ tiến trình dân chủ của Myanmar, không tạo sức ép với Myanmar, nhằm gia tăng ảnh hưởng, ngăn chặn Trung Quốc thông qua Myanmar để chiếm lĩnh AĐD. Đồng thời, tăng cường hoạt động trao đổi thương mại, đầu tư, hỗ trợ phát triển hạ tầng cơ sở, thăm dò, khai thác dầu khí, khoáng sản ở Myanmar phục vụ phát triển kinh tế của Ấn Độ. Bên cạnh đó, Ấn Độ khẳng định sẽ hỗ trợ Myanmar hiện đại hóa các lực lượng vũ trang, trong đó: Ưu tiên giúp Myanmar xây dựng hải quân chuyên nghiệp; gia tăng các khoản viện trợ, bán giá ưu đãi các lô vũ khí quân dụng cho Myanmar... Phối hợp với hải quân Myanmar bảo đảm an ninh trên biển AĐD và đặc biệt là các chiến dịch truy quét các phần tử ly khai ở khu vực Đông Bắc Ấn Độ. Ngoài ra, cam kết hỗ trợ Myanmar nâng cao năng lực Dịch vụ Quốc phòng và tăng cường hợp tác để giải quyết các mối quan ngại về an ninh, cam kết không cho phép bất kỳ yếu tố tiêu cực nào sử dụng đất tương ứng của họ cho các hoạt động thù địch chống lại phía bên kia [News and Media, 2020].

Sau cuộc đảo chính quân sự Myanmar (02.2021), Ấn Độ chủ trương thúc đẩy các giá trị dân chủ và bảo vệ lợi ích quốc gia trong mối quan hệ với Myanmar. Hành động ngoại giao khéo léo của Ấn Độ có thể được coi là cách hành xử trong tình thế “Tiên thoái lưỡng nan”, đề nghị lựa chọn can dự với quân đội Myanmar [Niranjan Marjani, 2021], tìm cách đảm bảo các kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng và tuyến đường thương mại xuyên biên giới không bị gián đoạn, hướng tới một dòng tài trợ ổn định cho khu vực Đông Bắc Ấn Độ [ASEAN Today, 2021]. Trong chuyến thăm Myanmar (12.2021) Bí thư Đối ngoại Harsh Vardhan Shringla đã nhắc lại sự quan tâm của Ấn Độ trong việc “Myanmar sớm trở lại nền dân chủ; trả tự do cho người bị giam giữ và phạm nhân; giải quyết các vấn đề nội bộ thông qua đối thoại và chấm dứt hoàn toàn bạo lực” [Hồng Phúc, 2022].

(4) Với Indonesia: Trên cơ sở quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện mới” (05.2018) và Tầm nhìn chung về hợp tác hàng hải ở khu vực AĐD-TBD, Ấn Độ và Indonesia đã nhất trí tổ chức các cuộc họp thượng đỉnh thường niên; tiếp tục các cuộc tham vấn song phương định kỳ thông qua cơ chế đối thoại vững chắc. Ấn Độ tiếp tục tăng cường hợp tác về chính trị, QPAN và kinh tế với Indonesia. Để kim ngạch thương mại song phương đạt 50 tỷ USD vào năm 2025, Ấn Độ xác

định mở rộng thị phần thương mại sang Indonesia và khuyến khích các công ty doanh nghiệp Indonesia tham gia sáng kiến “Make in India” [TTXVN, 2018c]. Đẩy mạnh thực hiện các bước cụ thể để cải thiện kết nối giữa quần đảo Andaman và Nicobar/Ấn Độ và các tỉnh trên đảo Sumatra/Indonesia nhằm khuyến khích thương mại, du lịch và con người cũng như tạo thuận lợi cho quan hệ kinh doanh [Đình Ánh, 2022]. Bên cạnh đó, dựa trên Thỏa thuận hợp tác quốc phòng (05.2018), Ấn Độ tiếp tục mở rộng, tăng cường hợp tác quốc phòng với Indonesia thông qua các cuộc họp thường niên và tuần tra, diễn tập chung và các cuộc thảo luận giữa các quân chủng hai nước; đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực sản xuất vũ khí, công nghệ quốc phòng; thúc đẩy sớm phân định các đường ranh giới trên biển giữa hai nước, trên cơ sở luật pháp quốc tế; nỗ lực đưa hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố vào chương trình nghị sự chung [Media Center, 2018b]... Ngoài ra, giáo dục và phát triển nguồn nhân lực là lĩnh vực hợp tác nhiều tiềm năng. Phần lớn sinh viên Indonesia đến Ấn Độ học ngành nghiên cứu tôn giáo trong khi hầu như không có sinh viên Ấn Độ đến Indonesia để nghiên cứu, học tập. Rõ ràng là cần phải phát triển hệ thống các trường đại học song song để có các dự án chung, trao đổi giảng viên và sinh viên giữa hai nước [Gurjit Singh, 2018].

(5) Với Thái Lan: Sự hội tụ chính sách “Hướng Tây” của Thái Lan và AEP của Ấn Độ, là động lực địa chiến lược quan trọng để củng cố quan hệ song phương được hai nước thúc đẩy phát triển trên các lĩnh vực: Thương mại, đầu tư, kết nối, du lịch và giao lưu nhân dân trong thời gian tới. Ấn Độ sẽ tiếp tục phối hợp lập trường với Thái Lan trong các diễn đàn quốc tế và khu vực, như: LHQ, EAS, ARF, BIMSTEC, WTO, GMC; ưu tiên phát triển những điểm tương đồng, nhất là về văn hóa, Phật giáo và giáo dục... Về kinh tế, Ấn Độ chủ trương làm sâu sắc quan hệ kinh tế song phương hướng tới hợp tác kinh tế toàn diện với Thái Lan. Tập trung thúc đẩy hợp tác kinh tế, đầu tư, khai thác lợi thế hạ tầng cơ sở, hậu cần phát triển của Thái Lan để làm cầu nối và điểm tựa cho hàng hóa của Ấn Độ xâm nhập vào các nước thành viên ASEAN. Trong đó, tích cực phấn đấu đạt mục tiêu trở thành nước có FDI lớn nhất tại Thái Lan thông qua nhiều lĩnh vực khác nhau như: Xây dựng, ngân hàng, bảo hiểm, đường sắt, truyền thông, bán lẻ, hàng không và quốc phòng, cho phép lên

tới 100% vốn FDI trong một số lĩnh vực [Kathleen Pokrud, 2021]. Khuyến khích Thái Lan tham gia vào các sáng kiến/chương trình “Sản xuất tại Ấn Độ”, “Kỹ năng Ấn Độ”, “Thành phố thông minh”, “Ấn Độ kỹ thuật số”... Bên cạnh đó, tăng cường hợp tác kinh tế với Thái Lan trong lĩnh vực CNTT, dược phẩm, linh kiện ô tô, máy móc và năng lượng thay thế. Hợp tác chặt chẽ trong việc cải thiện kết nối khu vực thông qua các sáng kiến như IMTTH, Mạng lưới đường cao tốc châu Á trong khuôn khổ UNESCAP, BTILS trong khuôn khổ BIMSTEC [Temjenmeren Ao, 2018].

Về QPAN, Ấn Độ và Thái Lan cam kết thúc đẩy, nâng quan hệ hợp tác QPAN lên tầm cao mới. Tiếp tục tăng cường trao đổi giữa Lực lượng vũ trang hai nước, duy trì đối thoại quốc phòng cấp cao, hợp tác đối phó với các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, tội phạm xuyên quốc gia. Thường xuyên duy trì tuần tra Hải quân (Corpat), diễn tập Lục quân “Maitree” và không quân hai nước, đảm bảo an toàn và an ninh khu vực biên giáp danh và khu vực ADD. Ấn Độ tiếp tục tăng cường hợp tác với Thái Lan trong lĩnh vực an ninh hàng hải, chống khủng bố, an ninh mạng, buôn bán người và tội phạm ma túy và tội phạm kinh tế xuyên quốc gia [Media Center, 2016b], nhằm duy trì hòa bình, đảm bảo an toàn và an ninh hàng hải ở khu vực ADD.

(6) Với Malaysia: Hợp tác kinh tế là yếu tố chủ đạo trong chủ trương quan hệ của Ấn Độ với Malaysia. Hai bên nhất trí thúc đẩy quan hệ song phương toàn diện trong khuôn khổ “Đối tác chiến lược Tăng cường” (năm 2015), cam kết kích hoạt các cơ chế song phương hợp tác trên nhiều lĩnh vực trong thời gian tới. Ấn Độ tiếp tục coi Malaysia là đối tác quan trọng để thực hiện tham vọng trở thành nền kinh tế trị giá 5 nghìn tỷ USD vào năm 2024 cũng như một phần của AEP, tạo điều kiện cho Chính phủ N.Modi mở rộng quy mô quan hệ kinh tế hai nước [Mustafa Izzuddin, 2020a]. Đồng thời tiếp tục tăng cường hợp tác Quốc phòng, diễn tập quân sự chung giữa Malaysia và Ấn Độ để đánh giá khả năng hợp đồng tác chiến và tương tác của hải quân, lục quân và không quân hai nước. Cao ủy Ấn Độ tại Malaysia Mridul Kumar cho biết: Quan hệ song phương Ấn Độ - Malaysia sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ thông qua các cam kết tích cực trên nhiều lĩnh vực, như: Quốc phòng, kinh tế, chính trị, văn hóa và giao lưu nhân dân [Samantha Tan and Bernama, 2019];

(7) Với Philippines: Là đồng minh tự nhiên với Philippines, ủng hộ tích cực cho tiến trình dân chủ và nói tiếng Anh ở châu Á. Ấn Độ nhấn mạnh tăng cường hợp tác song phương trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị - an ninh, kinh tế, thương mại - đầu tư, hợp tác văn hóa - xã hội, nông nghiệp, du lịch, dược phẩm và y tế với Philippines. Trong chuyến thăm Philippines (02.2022), BTNG Ấn Độ S.Jaishankar khẳng định: Quan hệ đối tác nhiều mặt với Philippines sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nguyện vọng phát triển và các ưu tiên chung của hai nền dân chủ ở khu vực AĐD-TBD [The Hindu, 2022]. Ấn Độ quan tâm đến việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng với Philippines, nỗ lực mở rộng hợp tác kinh tế cũng như liên kết thương mại và đầu tư trong một số lĩnh vực như nông nghiệp, cơ sở hạ tầng, y tế và dược phẩm, du lịch, KHCN [Media Center, 2022]. Đẩy mạnh hợp tác với Philippines để thực hiện các sáng kiến trong các lĩnh vực mới nổi như: Nền kinh tế xanh, năng lượng tái tạo, không gian, an ninh mạng và y học cổ truyền. Chủ trương làm sâu sắc hơn nữa quan hệ hợp tác trong lĩnh vực QPAN, nhất là trong hợp tác hàng hải, chia sẻ thông tin tình báo, xây dựng năng lực và sản xuất quốc phòng, tăng cường hợp tác trong khuôn khổ Ủy ban liên chính phủ về hợp tác quốc phòng (JDCC) với Philippines [Vietnam+, 2022]. Đồng thời, tăng cường tham gia chống khủng bố, quốc phòng và an ninh hàng hải, bao gồm các khả năng quốc phòng cũng như đào tạo và nâng cao năng lực quân sự.

(8) Với Lào: Trên cơ sở chia sẻ mối quan hệ tôn giáo, văn hóa và giao lưu nhân dân lâu đời, đã giúp Ấn Độ định hướng tăng trưởng kinh tế và quan hệ song phương với Lào ngày càng được củng cố, phát triển. Tại cuộc điện đàm với người đồng cấp Lào Thongloun Sisoulith (06.2020), Thủ tướng N.Modi nhấn mạnh Ấn Độ cam kết tiếp tục hợp tác phát triển với Lào, một đối tác quan trọng trong khu vực lân cận mở rộng của Ấn Độ [Embassy of India, 2020]. Thông qua các Hiệp định/MoU song phương được ký kết giữa hai nước, Ấn Độ tiếp tục thúc đẩy hợp tác với Lào về: Văn hóa, thương mại, QPAN, KHCN, giáo dục đào tạo, phòng chống ma túy. Hỗ trợ Lào thực hiện các Dự án tác động Nhanh (QIPs), phát triển nguồn nhân lực, tài trợ học bổng toàn phần cho sinh viên Lào theo học các bậc đại học, sau đại học và Tiến sĩ trong các lĩnh vực CNTT, phát triển doanh nhân, Tiếng Anh... BTNG Sushma Swaraj khẳng định: Ấn Độ sẽ sát cánh hỗ trợ Lào các dự án xây

dựng cơ sở hạ tầng, đường xá, nông nghiệp, CNTT, phát triển nguồn nhân lực và bất kỳ các lĩnh vực nào khác bằng nguồn vốn vay ưu đãi, để giúp Lào tăng trưởng, phát triển [Media Center, 2018c].

(9) Với Campuchia: Ấn Độ chủ trương thúc đẩy hợp tác chặt chẽ với Campuchia nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ song phương cũng như hợp tác trong các tổ chức khu vực và quốc tế. Ấn Độ sẽ tăng số lượng Dự án Tác động Nhanh (QIP) từ 5 lên 10 hàng năm cho Campuchia. Tiếp tục cung cấp các hạn mức tín dụng bổ sung cho các dự án cơ sở hạ tầng ở Campuchia, bao gồm các lĩnh vực như y tế (thiết lập các bệnh viện chuyên khoa) và kết nối (đường bộ, đường sắt và kỹ thuật số) [Media Center, 2018d]. Tăng cường quan hệ quốc phòng với Campuchia thông qua trao đổi các chuyên thăm viếng cấp cao, trao đổi đoàn, các khóa học trong khuôn khổ ITEC; thăm viếng tàu Hải quân, Cảnh sát biển Ấn Độ. Chú trọng hợp tác trong lĩnh vực hàng hải, bao gồm phát triển biển bền vững và bảo vệ, giữ gìn môi trường biển và ven biển, hợp tác chống cướp biển, bảo đảm an ninh các tuyến đường biển nhằm duy trì hòa bình và đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải trong khu vực AĐD-TBD [News18, 2018]. Ngoài ra Ấn Độ tiếp tục thông qua các khoản vay ưu đãi, hỗ trợ Campuchia các dự án tác động Nhanh trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, quyền bình đẳng phụ nữ, nâng cao năng lực, vệ sinh, môi trường và công nghệ thông tin mỗi năm...

(10) Với Brunei: Brunei là một đối tác quan trọng của Ấn Độ trong khuôn khổ AEP và ở khu vực AĐD-TBD. Với mục tiêu “Tầm nhìn Brunei 2035” nhằm đạt được tăng trưởng kinh tế tiến bộ và bền vững, Brunei đã tăng cường nỗ lực theo đuổi nền kinh tế hậu dầu mỏ, nhằm giảm bớt sự phụ thuộc quá mức của đất nước đối với dầu khí và ít chịu sự biến động về giá dầu xuất khẩu toàn cầu. Trong khi Ấn Độ, quốc gia có nền kinh tế nghìn tỷ USD đang phát triển nhanh chóng, có thể đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế địa phương của Brunei ngoài dầu khí [Mustafa Izzuddin, 2020b]. Do đó, Ấn Độ sẽ tiếp tục thúc đẩy hợp tác với Brunei về thương mại và đầu tư trên các lĩnh vực: Nông nghiệp, chế biến thực phẩm, ICT, ITES, quản trị điện tử, KHCN, giáo dục, ô tô, năng lượng, chăm sóc sức khỏe và dược phẩm, xây dựng, hàng dệt may, đồ trang sức, đồ da và du lịch. Nhất trí thúc đẩy sớm ký kết các MoU/Thỏa thuận nhằm

tạo hành lang pháp lý thúc đẩy thương mại song phương [IndiaTies, 2021]. Ấn Độ tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương với Brunei thông qua trao đổi các chuyên thăm ở các cấp; trao đổi kinh nghiệm, thông tin, đào tạo huấn luyện; tiến hành diễn tập chung, hội thảo và hợp tác giữa các ngành công nghiệp quốc phòng [The Economic times, 2018]...

4.3. Khuyến nghị giải pháp cho Việt Nam

Trong lịch sử và hiện tại, Ấn Độ rất coi trọng vị thế, vai trò của Việt Nam, điều đó đã được các đảng phái chính trị và nhân dân Ấn Độ tin tưởng, ủng hộ, thúc đẩy quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực ở cả cấp độ song phương và đa phương. Quan hệ hai nước trước khi AEP ra đời đã có những bước phát triển quan trọng, được đánh giá là một trong những mối quan hệ tốt đẹp nhất của Ấn Độ đối với các nước thành viên ASEAN. Khi Thủ tướng N.Modi lên nắm quyền, ông đã kế thừa, phát huy, nâng cấp mối quan hệ này lên một mức mới, trở thành mối quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” và xác định Việt Nam là trụ cột quan trọng trong AEP. Trên cơ sở những kết quả và hạn chế của Việt Nam trong quan hệ với Ấn Độ, cũng như những dự báo xu hướng phát triển của AEP trong 10 năm tới. Trong “bối cảnh mới, tầm nhìn mới”, địa chính trị thay đổi liên tục ở khu vực ADD-TBD, Việt Nam cần thích ứng, linh hoạt, tận dụng tối đa khuôn khổ hợp tác của chính AEP để mở rộng quan hệ với Ấn Độ cả chiều rộng lẫn chiều sâu, để đối phó với những thách thức, khai thác các nguồn lực mà Ấn Độ có thể mạnh, phục vụ quá trình hội nhập quốc tế và phát triển đất nước, trong đó:

4.3.1. Trong quan hệ song phương Việt Nam - Ấn Độ

4.3.1.1. Về chính trị, ngoại giao

Ấn Độ là quốc gia rất phù hợp để Việt Nam triển khai chính sách đối ngoại toàn diện, trong đó có đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Việt Nam cần nhận thức về tầm quan trọng, cụ thể hóa lộ trình chiến lược quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” với Ấn Độ trên các trụ cột chính để đảm bảo duy trì môi trường hòa bình, ổn định và thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Tăng cường chuyên thăm, tiếp xúc cấp cao và các cấp, các ngành, địa phương để củng cố sự tin cậy chính trị, tạo động lực thực hiện tốt chương trình hành động triển khai quan hệ

“Đối tác chiến lược Toàn diện” đi vào chiều sâu, hiệu quả. Đại sứ Việt Nam tại Ấn Độ Tôn Sinh Thành cho rằng “Bối cảnh mới” cần nhìn nhận mối quan hệ Việt - Ấn một cách đầy đủ, gắn kết chặt chẽ lợi ích chiến lược với lợi ích kinh tế để đảm bảo lợi ích tổng thể, lâu dài giữa hai nước. Đồng thời, cần làm cho mối quan hệ hợp tác phát triển hơn nữa, không chỉ về chính trị, an ninh, quốc phòng mà còn cả về kinh tế và các lĩnh vực khác để khai thác sức mạnh toàn diện của nhau [Lại Hoa, 2016].

Các cơ quan bộ ngành Việt Nam cần nhận thức rõ, Ấn Độ là một cường quốc đang trỗi dậy với vai trò ngày càng quan trọng ở địa bàn rộng lớn trải rộng từ AĐĐ đến TBD [Khánh Lan, 2022]. Nâng cấp các cơ chế trao đổi song phương hiện có (các ủy ban, tiểu ban hỗn hợp, đối thoại, diễn đàn, trung tâm...) và thiết lập các cơ chế mới để không ngừng nâng cao hiệu quả hợp tác trên các lĩnh vực giữa hai nước. Tăng cường hợp tác, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về đổi mới ở Việt Nam và cải cách ở Ấn Độ; trao đổi thông tin giữa các nhà khoa học, các chuyên gia chiến lược hàng đầu của hai nước, nhất là thông qua Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á tại Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam tại Ấn Độ để quảng bá tuyên truyền, chia sẻ thông tin, đặc biệt là những thông tin cập nhật về tình hình mỗi nước, các cơ hội trao đổi hợp tác, đầu tư kinh doanh, du lịch, văn hóa, tâm linh... Từ đó thực sự coi Ấn Độ là đối tác quan trọng của Việt Nam và chủ động hơn trong khai thác tiềm năng hợp tác với Ấn Độ.

Để khắc phục sự thiếu thông tin, cách thức làm việc và sự hiểu biết lẫn nhau, hai bên cần tăng cường quảng bá, giới thiệu về đất nước mình bằng tất cả những kênh truyền thông có thể, bao gồm phát thanh và truyền hình, báo chí, các ấn phẩm xuất bản, dịch thuật những công trình tiêu biểu... Bên cạnh các kênh ngoại giao chính thức, hai nước cần thúc đẩy ngoại giao kênh 2, giao lưu học giả, nhân dân thông qua các cơ quan đối ngoại hai nước.

4.3.1.2. Về hợp tác kinh tế

Phát triển kinh tế là động lực chính, là yếu tố chi phối quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia. Hợp tác kinh tế là mục tiêu số một trong AEP của Ấn Độ và cũng là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam trong quan hệ với Ấn Độ. Trong tuyên bố chung hai bên đã nhấn mạnh “Tăng cường quan hệ kinh tế,

thương mại mạnh mẽ là mục tiêu chiến lược, thành tố cốt lõi trong quan hệ Đối tác chiến lược Toàn diện Việt - Ấn” [Báo Điện tử Chính phủ, 2018]. Do đó, cần phối hợp chặt chẽ với Ấn Độ để thực hiện tổng thể các biện pháp thúc đẩy quan hệ thương mại, cụ thể hoá các kế hoạch và hành động thúc đẩy và hình thành các chuỗi cung ứng, để sớm đạt mục tiêu trao đổi thương mại song phương trên 20 tỷ USD trong thời gian sớm nhất. Việt Nam cần thực hiện các giải pháp sau:

(1) Sử dụng và phát huy có hiệu quả các cơ chế hợp tác song phương đã được thiết lập như: Tiểu ban Hỗn hợp về thương mại, tăng cường hợp tác giữa các bang của Ấn Độ và các địa phương của Việt Nam. Thường xuyên trao đổi đoàn, tiếp xúc giữa các doanh nghiệp, thông qua việc định kỳ tổ chức các hội chợ thương mại, các diễn đàn, sự kiện như: Đối thoại giữa doanh nghiệp với chính phủ; Diễn đàn Doanh nghiệp Việt - Ấn, Ấn Độ - CLMV... Để chia sẻ thông tin, thiết lập cơ chế đối thoại mới, tìm kiếm các biện pháp cụ thể, chiến lược và tầm nhìn về hợp tác phát triển. Hạn chế áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại và hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa xuất khẩu của nhau. Doanh nghiệp hai nước cũng cần chủ động, coi trọng công tác nghiên cứu thị trường để triển khai các bước tạo điều kiện thuận lợi cho các khoản đầu tư dài hạn vào nền kinh tế của nhau, cũng như thúc đẩy liên doanh, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu mới. Đánh giá một cách có hệ thống tiềm năng phát triển của Ấn Độ, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành hoạt động xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ, trong đó tập trung định hướng xuất khẩu các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam.

(2) Thông qua mối liên hệ giữa Nhà nước và doanh nghiệp, giữa các bộ, ngành, tạo ra cơ chế chính sách phù hợp và môi trường đầu tư lành mạnh, để cạnh tranh công bằng, cùng có lợi. Đồng thời thực hiện miễn giảm thuế và nâng cao chất lượng lao động để khuyến khích thu hút đầu tư của các doanh nghiệp Ấn Độ vào Việt Nam. Tích cực, chủ động phối hợp với Ấn Độ thúc đẩy tiến trình đàm phán, triển khai các dự án đầu tư trọng điểm. Đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và tín dụng giữa hai nước, thông qua việc mở rộng các chi nhánh ngân hàng, văn phòng giao dịch tại mỗi nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, thương mại của các doanh nghiệp.

(3) Tạo điều kiện hơn nữa cho các nhà đầu tư Ấn Độ tham gia vào các dự án của Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực hợp tác về: Năng lượng tái tạo, công nghiệp chế tạo, công nghệ thông tin, xây dựng kết cấu hạ tầng... là các lĩnh vực Ấn Độ có thế mạnh và Việt Nam có nhu cầu. Đặc biệt, đón đầu làn sóng đầu tư mới của Ấn Độ vào Việt Nam với những dự án lớn, trong đó có dự án khai thác dầu khí, dự án công viên biệt dược, dự án sản xuất các dụng cụ y tế [Huy Lê, 2022]. Đề nghị Ấn Độ tạo thuận lợi hơn nữa về thủ tục giấy tờ, ưu đãi về thuế, từng bước xóa bỏ các rào cản thương mại để khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường Ấn Độ.

(4) Để thúc đẩy hợp tác giữa các doanh nghiệp hai nước, Việt Nam cần: Hỗ trợ các doanh nghiệp tìm hiểu và khai thác các ưu đãi về thuế nhằm tạo ra nhu cầu, động lực thúc đẩy hai bên đẩy mạnh hợp tác kinh tế phát triển; giúp đỡ các doanh nghiệp chủ động tìm hiểu thị trường Ấn Độ thông qua các hoạt động khảo sát, tham gia hội chợ, triển lãm và hội thảo; tăng cường vai trò hỗ trợ của các hiệp hội ngành hàng và sự hợp tác giữa các doanh nghiệp; khai thác tiềm năng từ các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài của Ấn Độ, để hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh đầu tư vào Ấn Độ...

(5) Tăng cường kết nối song phương và khu vực, kết nối cứng hạ tầng về đường không, đường bộ, hàng hải và kết nối số. Chú trọng đẩy mạnh kết nối hàng không và hàng hải, tận dụng tốt các tuyến đường bay thẳng đến Ấn Độ (được công bố 04.2022), để thúc đẩy thương mại và du lịch giữa hai nước. Tăng cường kết nối mềm giữa người dân và doanh nghiệp hai nước để quảng bá, tuyên truyền, chia sẻ thông tin cập nhật, trao đổi hợp tác đầu tư, du lịch, văn hóa...

(6) Tận dụng các điều kiện đầu tư thuận lợi tại Ấn Độ trong khuôn khổ các sáng kiến “Make in India” “Digital India” “100 Smart Cities”, và những thành tựu của Ấn Độ về kinh tế tri thức sẽ tạo ra nhiều cơ hội hợp tác, đầu tư, kinh doanh cho doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt là tận dụng “Digital India” của Ấn Độ để triển khai thực hiện tầm nhìn “xã hội số” của Việt Nam. Cũng như thúc đẩy hợp tác với Ấn Độ trên các lĩnh vực sản xuất, cơ khí chế tạo, xây dựng kết cấu hạ tầng, năng lượng tái tạo, công nghệ thông tin, phát triển nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới như công nghệ sinh học, nông nghiệp xanh, công nghệ nano, vật liệu mới...

(7) Phân loại các nội dung hợp tác thuộc phạm vi song phương Việt Nam - Ấn Độ; lồng ghép AEP với hợp tác MGC và Hợp tác khu vực BIMSTEC, nhằm tạo ra sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các chương trình hợp tác, tránh sự chồng chéo. Đón trước những nội dung yêu cầu và các bước triển khai AEP để có kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng đồng bộ, phù hợp với xu thế phát triển, tương thích với khu vực và quốc tế.

(8) Tiếp tục nhập khẩu các mặt hàng sắt thép, bông, thịt đông lạnh, linh kiện ô tô, thủy sản, máy móc thiết bị điện, thức ăn chăn nuôi và ngũ cốc... Đây là các mặt hàng xuất khẩu chính của Ấn Độ có mức tăng trưởng tích cực trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, đẩy mạnh các mặt hàng chủ lực xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ bao gồm: Máy móc, thiết bị điện, hóa chất, đồng và các sản phẩm bằng đồng, các sản phẩm từ sắt thép và các mặt hàng nông sản. Đề nghị Ấn Độ tạo điều kiện tối đa cho hàng hóa xuất nhập khẩu và thương mại song phương, nhất là về sản phẩm điện tử, dệt may, nông sản, trái cây của Việt Nam. Mong muốn các doanh nghiệp Ấn Độ đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam trong nhiều lĩnh vực như công nghệ chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ ô tô, công nghệ thông tin và truyền thông, năng lượng tái tạo [Minh Thành, Phạm Thắng, 2022]... Đồng thời tăng cường hợp tác và trao đổi kiến thức về tăng năng suất nông nghiệp, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và trao đổi thực tiễn về canh tác và kỹ thuật nông nghiệp với Ấn Độ. Ngoài ra, tiếp tục đề nghị Ấn Độ tăng cường hỗ trợ phát triển và xây dựng năng lực cho các địa phương ở Việt Nam, bao gồm các Dự án tác động nhanh (QIP), các chương trình ITEC và e-ITEC trong nhiều lĩnh vực khác nhau... Ấn Độ là nước chủ trì hai sáng kiến quốc tế quan trọng, Liên minh năng lượng mặt trời (ISA) và Liên minh Hạ tầng bền vững chống thiên tai (CDRI) được nhiều nước ủng hộ. Đây là các cơ chế mới mà Việt Nam có thể cân nhắc tham gia vì lợi ích chiến lược trong lĩnh vực phát triển bền vững [Khánh Lan, 2022].

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu của cả hai phía Việt Nam và Ấn Độ đều cho rằng, hợp tác kinh tế song phương chưa tương xứng với tiềm năng của mối quan hệ, không gian cho phát triển quan hệ Việt Nam - Ấn Độ như “Một cánh đồng màu mỡ, phì nhiêu rộng lớn”, hợp tác hai nước mới chỉ khai thác được khoảng “20 -

30% diện tích” cánh đồng phì nhiêu đó [Lê Văn Cương, 2017, tr.72], nên kim ngạch thương mại hai chiều mặc dù tăng nhanh nhưng đầu tư giữa hai nước còn hạn chế. Bên cạnh đó, đã và đang xuất hiện các rào cản mới về thương mại, nên cản trở việc thúc đẩy các mặt hàng có thế mạnh của mỗi bên. Do đó trong quá trình hợp tác với phía Ấn Độ, Việt Nam cần kiên trì, bền bỉ, kiểm định chặt chẽ hàng hóa nhập từ Ấn Độ để tránh rủi ro, thiệt hại về kinh tế... Đồng thời cần thận trọng trước các phản ứng tiêu cực từ phía Trung Quốc, nhất là việc Trung Quốc có thể sử dụng kinh tế để thỏa hiệp hoặc gây sức ép với Ấn Độ trong quan hệ với Việt Nam... Vì vậy hai nước cần tiếp tục thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại, mở cửa thị trường và hợp tác để định hình các chuỗi cung ứng mới.

4.3.1.3. Về Quốc phòng - An ninh

Ấn Độ là quốc gia có tiềm lực quốc phòng tương đối mạnh trong khu vực và đang phấn đấu trở thành cường quốc quân sự thế giới. Tăng cường và mở rộng hợp tác toàn diện về QPAN với Ấn Độ giúp Việt Nam đa dạng hóa nguồn cung cấp vũ khí và nâng cao năng lực ngành CNQP, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa vũ khí trang bị và tạo thế cân bằng quan hệ giữa Việt Nam với các nước lớn khác. Đồng thời, Ấn Độ muốn thông qua Việt Nam để thực hiện chiến lược vươn ra khu vực ADD-TBD vì những lợi ích lâu dài, do đó Việt Nam cần:

Tiếp tục thúc đẩy triển khai thực hiện có hiệu quả trụ cột hợp tác QPAN trong quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” với Ấn Độ, phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc phòng song phương, tăng cường đẩy mạnh các chuyến thăm, trao đổi, tiếp xúc giữa lãnh đạo BQP hai nước cũng như các quân, binh chủng để tạo niềm tin lẫn nhau. Đẩy mạnh thực hiện Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam và Hội đồng An ninh quốc gia Ấn Độ (11.2016), Đối thoại Quốc phòng cấp Thứ trưởng, Đối thoại an ninh biên song phương, Nhóm hợp tác Quốc phòng song phương, Tham vấn sỹ quan 3 quân chủng cũng như các cuộc hội thảo, trao đổi cấp chuyên gia quân sự, các cuộc gặp cấp cao giữa cảnh sát biên hai nước... nhằm tăng cường hợp tác trong các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, chia sẻ kinh nghiệm thực thi pháp luật, bảo đảm an ninh các tuyến đường biển.

Trong thúc đẩy hợp tác thương mại quốc phòng với Ấn Độ, cần căn cứ vào chiến lược tổng thể về tăng cường tiềm lực quốc phòng của Quân đội để nghiên cứu

kỹ các thế mạnh của ngành CNQP Ấn Độ, khả năng đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa quốc phòng của Việt Nam, để lựa chọn thúc đẩy hợp tác cho phù hợp và hiệu quả. Lưu ý, do ngành CNQP Ấn Độ đang trong giai đoạn phát triển, có sự đan xen công nghệ quân sự của nhiều nước, nhiều loại vũ khí trang bị đã lỗi thời, nên trong hợp tác thương mại quốc phòng với Ấn Độ, cần ưu tiên mua sắm vũ khí trang bị có công nghệ hiện đại, phù hợp với khả năng sử dụng, bảo quản của Việt Nam, coi trọng hợp tác và chuyển giao công nghệ để hướng tới xây dựng ngành CNQP trong nước. Đồng thời, tháo gỡ rào cản, đẩy nhanh các thủ tục về chủ trương đầu tư gói tín dụng 500 triệu USD Ấn Độ giành cho CNQP Việt Nam.

Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực, triển khai hợp tác giữa Lục quân, Không quân, Hải quân và Cảnh sát biển hai nước cũng như hợp tác trong lĩnh vực an ninh mạng, chia sẻ thông tin. Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm về đào tạo và huấn luyện cán bộ, sỹ quan tham gia Lực lượng gìn giữ hòa bình LHQ và hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh tại Việt Nam.

Thường xuyên trao đổi qua kênh hợp tác song phương và khuôn khổ hợp tác Interpol trong phòng chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, rửa tiền, tội phạm về ma túy; trao đổi kinh nghiệm xây dựng hành lang pháp lý; thúc đẩy hợp tác thực chất trong đào tạo, huấn luyện cán bộ chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học hình sự.

4.3.1.4. Về vấn đề Biển Đông

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam là quốc gia yêu sách chủ chốt, đồng thời cũng là quốc gia quan trọng trong AEP của Ấn Độ. Mối quan hệ truyền thống, sự tin tưởng, song trùng lợi ích và tầm nhìn chiến lược đối với Biển Đông đã góp phần làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa hai nước, đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự, hàng hải [Trần Quang Châu, 2019]. Hợp tác giữa Ấn Độ và Việt Nam trong vấn đề Biển Đông, không chỉ về kinh tế mà còn có ý nghĩa lớn về chiến lược, vừa phục vụ lợi ích của cả hai nước, vừa đem lại sự ổn định và phát triển cho khu vực và thế giới. Trong quá trình hợp tác, Việt Nam cần xem xét kỹ, đánh giá một cách đầy đủ các dự án của Ấn Độ liên quan đến Biển Đông. Nhất là các dự án hợp tác giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Công ty Dầu khí Quốc gia Ấn Độ (ONGC) trong thăm dò và

khai thác dầu khí trên đất liền, thềm lục địa và khai thác các lợi ích khác từ biển trên vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam (EEZ). Đề nghị các doanh nghiệp Ấn Độ tích cực nghiên cứu, sớm có đề xuất với những lô dầu khí phía Việt Nam đã giới thiệu. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ấn Độ tham gia và đa dạng hóa đối tác đầu tư nước ngoài, trong đó có việc thực hiện Biên bản ghi nhớ về hợp tác tìm kiếm thăm dò dầu khí ở các nước thứ 3. Ủng hộ các công ty dầu khí Ấn Độ tìm kiếm cơ hội hợp tác trong lĩnh vực dầu khí trung nguồn và hạ nguồn tại Việt Nam. Ngoài ra, là những nước có lợi thế tự nhiên về kinh tế biển, Việt Nam và Ấn Độ có thể tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng chiến lược biển của mỗi nước... Quá trình đó, cần khẳng định Việt Nam là chủ đầu tư, là nhà điều hành nhằm hạn chế sự phản đối, ngăn cản từ phía Trung Quốc.

Đặc biệt đẩy nhanh việc xây dựng các tuyến vận tải trực tiếp giữa các cảng biển Ấn Độ và Việt Nam. Trong bối cảnh các nước gia tăng sự hiện diện ở Biển Đông, tăng cường trao đổi với Ấn Độ, nỗ lực cùng đấu tranh để bảo vệ một trật tự thế giới dựa trên luật lệ, đặc biệt trong không gian biển. Đồng thời khuyến khích tàu hải quân/cảnh sát biển hai nước duy trì thăm viếng lẫn nhau... Ngoài ra, để nâng cao khả năng đối phó với Trung Quốc ở Biển Đông, Việt Nam cần tận dụng những cơ hội hợp tác với phía Ấn Độ, tham khảo những kinh nghiệm của Ấn Độ trong việc xử lý mối quan hệ cạnh tranh và hợp tác với Trung Quốc.

Tuy nhiên, cần thận trọng trong những lĩnh vực hợp tác nhạy cảm, có khả năng gây ra sự nghi kỵ từ phía Trung Quốc, không nên để Trung Quốc có cơ cho rằng, Việt Nam đang “Liên minh” với Ấn Độ để “Chống lại” Trung Quốc hoặc Việt Nam để Ấn Độ lôi kéo thành con bài trong cạnh tranh với Trung Quốc. Do đó, Việt Nam cần minh bạch hoá quan điểm, thực hiện chính sách 4 không⁵. Đồng thời khẳng định quan điểm nhất quán của Việt Nam về vấn đề Biển Đông cả trong khuôn khổ song phương cũng như đa phương, không chấp nhận mọi yêu sách liên quan không phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS).

⁵ Sách trắng Quốc phòng Việt Nam năm 2019 đã nêu rõ, chủ trương của Việt Nam là: Không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác và không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

4.3.1.5. Hợp tác văn hóa, giáo dục

(1) Về hợp tác văn hóa: Nền văn hóa Ấn Độ phát triển rực rỡ nhất của văn minh nhân loại, là lĩnh vực mà Ấn Độ có thể mạnh vượt trội trong khu vực và thế giới, trong khi đó Việt Nam chủ trương xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây cũng là một trong những trụ cột trong quan hệ hai nước, nên tăng cường duy trì giao lưu văn hóa hữu nghị giữa nhân dân hai nước, để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Hai bên cần tiếp tục thúc đẩy giao lưu văn hoá, nhấn mạnh sự gắn kết lâu đời về văn hoá, lịch sử giữa Ấn Độ và Việt Nam, cùng nhau bảo tồn di sản văn hoá chung và coi đây là trụ cột chính trong quan hệ đối tác phát triển giữa hai nước, góp phần nâng cao sự hiểu biết về Ấn Độ tại Việt Nam cũng như góp phần vào thúc đẩy quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” giữa hai bên. Phối hợp với Ấn Độ thường xuyên tổ chức lễ hội văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam và ngược lại để quảng bá đặc trưng văn hóa, nghệ thuật dân gian của Việt Nam. Tăng cường trao đổi và hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch, giao lưu nhân dân; mở rộng và làm sâu sắc hơn mối liên hệ về lịch sử văn hóa giữa hai nước thông qua hợp tác về khảo cổ, bảo tồn và bảo tàng nhằm phục hồi, tái kết nối các di sản văn hóa lịch sử và văn minh hai nước. Bên cạnh đó, kết nối con người thông qua Phật giáo có thể xem là điển hình cho sự gắn bó sâu sắc giữa Việt Nam và Ấn Độ.

Hai bên cần thiết lập một mạng lưới nghiên cứu về Ấn Độ và Việt Nam để cùng nhau thúc đẩy sự hợp tác, nâng cao hiểu biết hơn nữa về nhau, góp phần vào sự thành công các trụ cột trong Tuyên bố “Tầm nhìn chung vì Hoà bình, Thịnh vượng và Con người” (12.2020). Nghiên cứu đưa các nội dung về quan hệ và sự gắn kết lịch sử lâu đời giữa Việt Nam và Ấn Độ vào hệ thống sách giáo khoa phổ thông của hai nước... Tuy nhiên, quá trình thúc đẩy hợp tác, giao lưu văn hóa Ấn - Việt phải chọn lọc, có tác dụng phát triển xã hội lành mạnh, tránh nguy cơ tác động tiêu cực làm nảy sinh tâm lý sùng bái văn hóa Ấn Độ.

Mở rộng và nâng cao chất lượng hợp tác giáo dục đào tạo giữa hai nước, triển khai có hiệu quả các thỏa thuận, cam kết về hợp tác giáo dục đào tạo đã đạt được giữa hai nước. Khuyến khích trao đổi đoàn quản lý giáo dục, giữa các trường đại học, các trung tâm giáo dục, các nhà nghiên cứu, giáo viên để tăng cường trao

đổi kinh nghiệm quản lý và tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại mỗi nước. Đề nghị Ấn Độ ưu tiên cho Việt Nam học bổng các chương trình đào tạo về các lĩnh vực mà Ấn Độ có thế mạnh, nhất là các khóa học dài hạn, các khóa đào tạo thiết kế riêng cho Việt Nam trong các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu thông qua ITEC, nhằm tranh thủ những thành tựu to lớn mà Ấn Độ đã đạt được trong nhiều lĩnh vực, như công nghệ thông tin, hàng không vũ trụ, hạt nhân, y học, công nghệ sinh học...

4.3.1.6. Trong lĩnh vực khoa học công nghệ

Hiện nay Việt Nam và Ấn Độ cùng xác định KHCCN là một trong những hướng đi trong chiến lược phát triển của mình. Kế hoạch phát triển 5 năm và Chiến lược phát triển đến năm 2030 của Việt Nam, được thông qua tại Hội nghị Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII, nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của KHCCN. Trong khi chiến lược “Ấn Độ tự cường” (Atmanirbhar Bharat) nhằm biến Ấn Độ trở thành một “Cường quốc” có GDP 5 nghìn tỷ USD trong thời gian sớm nhất, Ấn Độ cũng dành ưu tiên cho phát triển KHCCN và sáng tạo. Nên đây là lĩnh vực trọng yếu để tạo ra giá trị bền vững mà hai bên cùng quan tâm. Việt Nam cần khai thác có hiệu quả sự tương đồng giữa sứ mệnh “Ấn Độ kỹ thuật số” của Ấn Độ và tầm nhìn “Xã hội kỹ thuật số” của Việt Nam để thiết lập các dự án hợp tác thực chất trên các lĩnh vực quan trọng như: Công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, công nghệ y sinh, năng lượng sạch... với Ấn Độ, để Ấn Độ giúp Việt Nam đào tạo đội ngũ chuyên gia trình độ cao về công nghệ phần mềm, qua đó tự chủ về khoa học và công nghệ, phục vụ chủ trương đi tắt đón đầu, theo kịp phát triển của thế giới.

4.3.2. Trong quan hệ đa phương, Việt Nam - Ấn Độ trong ASEAN

Thông qua các kênh, Việt Nam cần tiếp tục bày tỏ ủng hộ chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung, AEP nói riêng, trong đó: (1) Khẳng định việc Ấn Độ triển khai AEP sẽ góp phần làm sâu sắc hơn nữa quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” ASEAN - Ấn Độ, đáp ứng lợi ích thiết thực của cả hai bên cũng như thúc đẩy việc xây dựng một cấu trúc khu vực bền vững, bao trùm trên cơ sở luật pháp quốc tế, góp phần bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển; (2) Việt Nam sẽ phối hợp với ASEAN hợp tác chặt chẽ với Ấn Độ trên các lĩnh vực để cùng hướng tới mục tiêu chung vì tương lai tươi sáng trong khu vực ADD-TBD; (3) Nâng cao vai trò

của Việt Nam trong việc đẩy mạnh quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” ASEAN - Ấn Độ và tăng cường hợp tác với các nước ASEAN, tìm tiếng nói chung trong quan hệ với Ấn Độ; (4) Tích cực, chủ động phối hợp với Ấn Độ tại các diễn đàn có sự tham gia của hai nước và trong giải quyết các vấn đề khu vực, quốc tế cùng quan tâm, cũng như ủng hộ nhất quán việc Ấn Độ làm ủy viên thường trực HĐBA LHQ khi cơ quan này được cải tổ; (5) Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trong khuôn khổ hợp tác ASEAN - Ấn Độ thực hiện ở Việt Nam; (6) Thúc đẩy chương trình hợp tác MGC, BIMSTEC và hợp tác tiểu vùng khác do Ấn Độ giữ vai trò chủ đạo; ủng hộ và khuyến khích Ấn Độ đẩy mạnh hợp tác với ASEAN, tăng cường can dự và sự hiện diện ở Đông Nam Á, góp phần cùng với các nước lớn khác tái lập sự cân bằng chiến lược trong khu vực này; (7) Khẳng định quyết tâm và nỗ lực hợp tác với Ấn Độ trong duy trì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực AĐD-TBD và trên toàn thế giới; (8) Tăng cường phối hợp, ủng hộ lẫn nhau trong các khuôn khổ hợp tác QPAN đa phương, đặc biệt là ARF và ADMM+; (9) Khuyến khích Ấn Độ tiếp tục ủng hộ lập trường của Việt Nam về vấn đề Biển Đông, ủng hộ DOC và ủng hộ việc sớm hoàn tất COC phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS... Bên cạnh đó, thúc đẩy hợp tác song phương trong khuôn khổ hợp tác của Ấn Độ với ASEAN, tìm kiếm các lĩnh vực hợp tác mới nhằm tăng cường năng lực về kinh tế biển, an ninh và an toàn hàng hải, môi trường biển và sử dụng bền vững tài nguyên biển, kết nối hàng hải, nhằm bảo đảm an ninh và tăng trưởng cho cả khu vực.

Tiểu kết chương 4

Như vậy AEP đã tác động, ảnh hưởng sâu rộng và toàn diện đối với quan hệ song phương và đa phương của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD. Chính sách này không chỉ khiến mối quan hệ Ấn Độ - ASEAN trở nên mật thiết mà cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, chính trị của khu vực AĐD-TBD và cả thế giới, trong đó có Bắc Kinh. Tổng hợp của các nhân tố bên trong và bên ngoài, sự cạnh tranh ảnh hưởng và kiềm chế lẫn nhau, về cơ bản AEP đã mang lại những những nhân tố thuận lợi, tác động tích cực vào sự phát triển ở khu vực Đông Nam Á. Trên nền tảng vững chắc của các giá trị chung, lợi ích đạt được, trong

10 năm tới AEP của Ấn Độ sẽ tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, sâu rộng tới Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD và bao trùm toàn bộ khu vực ADD-TBD, có thể sẽ có nhiều điểm mới, “Đột phá” hơn so với giai đoạn vừa qua. Trong đó Ấn Độ tiếp tục xác định ASEAN là trọng tâm của AEP, đầu tư nhiều hơn các nguồn lực ngoại giao để can dự sâu vào các đối tác ở Đông Nam Á và hướng tới mục tiêu nâng kim ngạch thương mại Ấn Độ - ASEAN đạt 300 tỷ USD vào năm 2025. Điều này phù hợp với nhu cầu của Ấn Độ cũng như xu hướng quan hệ quốc tế trong khu vực. Tuy nhiên tùy vào từng trường hợp và lĩnh vực cụ thể cũng như xu hướng phát triển của mỗi nước mà AEP sẽ có cả những tác động tích cực và tiêu cực.

Việt Nam, Ấn Độ có thể chế chính trị khác nhau, Ấn Độ theo chế độ liên bang có sự tồn tại của đa đảng, Việt Nam có thể chế chính trị đơn nhất, đặt dưới sự lãnh đạo của một đảng, nên các cơ quan chức năng của hai nước có những cách vận hành khác nhau để phù hợp với điều kiện của mỗi nước trong quá trình xây dựng, hoạch định và thực thi chính sách. Quan hệ Việt - Ấn trong thời gian tới sẽ tiếp tục chịu sự tác động chính từ những yêu cầu đặt ra từ thực tiễn, cũng như mục tiêu phát triển đất nước của mỗi bên. Ấn Độ sẽ tiếp tục coi trọng vai trò, vị trí của Việt Nam, xác định Việt Nam là một trụ cột quan trọng trong AEP để thúc đẩy quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện”, nhằm tạo điều kiện thuận lợi thực hiện chính sách đối với ASEAN. Ngược lại, tăng cường quan hệ với Ấn Độ mang lại nhiều cơ hội lớn, góp phần vào sự ổn định và phát triển của Việt Nam. Chủ trương nhất quán của Việt Nam là tích cực chủ động tiếp nhận và ủng hộ AEP. Thời gian qua Việt Nam luôn duy trì quan điểm đúng đắn trong thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ, phát huy tốt các tác động tích cực, hạn chế và chuyển hoá tác động tiêu cực thành tích cực, là một trong những tác nhân chủ yếu để đưa quan hệ hai nước phát triển trên tầm cao mới, góp phần đáng kể thúc đẩy quan hệ “Đối tác chiến lược Toàn diện” phát triển thực chất và hiệu quả, phục vụ tốt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Chính sách Hướng Đông là kết quả của sự tương tác tổng hợp của các nhân tố bên trong và bên ngoài ở 4 cấp độ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và cá nhân), nhằm phát triển kinh tế, ổn định xã hội, mở rộng ảnh hưởng, phát huy vai trò nước lớn của Ấn Độ ở khu vực AĐD-TBD. Thành công rõ nét của LEP trong gần hai thập niên là việc Ấn Độ đã xây dựng được hình ảnh một nước lớn thân thiện, có trách nhiệm và không tạo ra sự đe dọa đối với khu vực; tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác, đối thoại quan trọng của ASEAN cũng như ở khu vực CA-TBD; hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế Đông Nam Á... qua đó Ấn Độ đã theo đuổi được chính sách “Cân bằng động” trong quan hệ với các nước lớn một cách hiệu quả hơn. Đối với khu vực Đông Nam Á, LEP phần nào giúp ASEAN củng cố vị thế trung tâm, cân bằng ảnh hưởng quan trọng của tổ chức này.

Đến khi LEP được điều chỉnh thành AEP, hợp tác giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Nam TBD được tăng cường và ngày càng tạo nên diện mạo mới cho khu vực CA-TBD. Đặc biệt, Ấn Độ đã xác định “Tầm nhìn AĐD-TBD Tự do, Rộng mở và Bao trùm” (năm 2018), trong đó nhấn mạnh sự kết hợp chính sách đối ngoại “Ấn Độ trên hết”, Chính sách “Láng giềng trước tiên”, AEP... để kết cấu chặt chẽ các chính sách này làm nền tảng, hợp thành sức mạnh tổng hợp hiện thực hóa tầm nhìn AĐD-TBD [Nguyễn Văn Thăng, 2021b, tr.65-66]. Đồng thời, chủ trương mở rộng AEP ra toàn bộ khu vực AĐD-TBD và hội tụ chính sách này với các chính sách khu vực của các đối tác quan trọng như: NSP của Hàn Quốc, Tầm nhìn FOIP của Nhật Bản, Chiến lược FOIP của Mỹ, triển vọng ASEAN về AĐD (AOIP)... Cũng như hợp tác tích cực với nhóm “Bộ Tứ”, để tương tác, tạo thành vành đai xây dựng AEP ngày càng ổn định, phát triển. Có thể nói đây là một điểm mới, với sự điều chỉnh này, AEP của Ấn Độ ngày càng hoàn thiện và đạt được nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực, đánh dấu sự thay đổi mang tầm chiến lược của Ấn Độ trên thế giới. Ấn Độ đã xây dựng và phát triển quan hệ đối tác chiến lược với nhiều nước trong khu vực CA-TBD, qua đó mở rộng ảnh hưởng, trở thành một nhân tố tác động quan trọng đến cán cân quyền lực ở AĐD-TBD, hướng tới mục tiêu trở thành cường quốc khu vực và thế giới.

Sau gần 10 năm triển khai thực hiện, AEP đã mang lại cả tác động tích cực và tiêu cực đối với Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, song tác động tích cực có phần nổi trội hơn. Đặc biệt, trong bối cảnh các nước lớn khác đẩy mạnh tranh giành ảnh hưởng ở khu vực và xu thế toàn cầu hoá ngày càng phát triển, chính sách đối ngoại của ASEAN và các nước thành viên đều có nhu cầu mở rộng hợp tác để tăng cường hội nhập và cân bằng các mối quan hệ chiến lược. AEP của Ấn Độ được ASEAN, các nước thành viên trong đó có Việt Nam đón nhận và ủng hộ tích cực. Mặc dù các kết quả đạt được trong thời gian qua còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng hai bên kỳ vọng, nhưng có ý nghĩa quan trọng, để Ấn Độ tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu của AEP trong những năm tới.

Từ khi Ấn Độ triển khai chính sách “hướng Đông”, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trên tất cả các lĩnh vực đã tiến những bước dài. Sự thay đổi và phát triển trong mối quan hệ giữa hai nước phản ánh sự thay đổi trong một thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. Ấn Độ luôn coi trọng vị trí, vai trò của Việt Nam, xác định Việt Nam là một trụ cột chính để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy thực hiện chiến lược đối với ASEAN. Ngược lại, tăng cường quan hệ với Ấn Độ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam, giúp Việt Nam phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế. Cùng với LEP/AEP, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ phát triển lần lượt trở thành “Đối tác Chiến lược”, rồi “Đối tác chiến lược Toàn diện” và đã đạt được những thành tựu to lớn ở cả cấp độ song phương và đa phương, góp phần duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực. Có thể nói, cái “Mới” trong quan hệ Việt - Ấn dưới thời Thủ tướng N.Modi chính là sự tăng tốc và cường độ hợp tác cả song phương và đa phương giữa hai nước. Các chính quyền trước Thủ tướng N.Modi đều duy trì mối quan hệ tốt đẹp với Việt Nam, khi Thủ tướng N.Modi lên nắm quyền, đến thăm Việt Nam đã đem đến một lực đẩy và bước đột phá mới phát triển rất nhanh, mạnh cả về quy mô và phạm vi hợp tác, đưa mối quan hệ truyền thống Ấn - Việt trở thành một trong bốn “Đối tác Chiến lược Toàn diện” của Việt Nam, bên cạnh Trung Quốc (2008), Nga (2012), Hàn Quốc (2022). Với những kết quả hợp tác hai nước đã đạt được hàng thập kỷ qua, có thể khẳng định quan hệ Việt - Ấn sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và đi vào chiều sâu chiến lược, đáp ứng kỳ vọng của Chính phủ và nhân dân hai nước trong thời kỳ mới.

Trong 10 năm tới tình hình thế giới và khu vực được dự báo là có nhiều thuận lợi nhưng cũng mang lại không ít khó khăn, thách thức cho Ấn Độ. Những diễn biến chính trị quốc tế mới trong khu vực AĐD-TBD như các tranh chấp lãnh thổ, Biển Đông, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc... Có nhiều khả năng để khẳng định rằng, Ấn Độ đủ điều kiện nhân tố thuận lợi để tiếp tục thúc đẩy, mở rộng AEP. Ấn Độ sẽ củng cố và tăng cường quan hệ với khu vực châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á, trong đó vẫn coi Việt Nam là ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung cũng như AEP nói riêng. Điều này phù hợp với phương châm đối ngoại “Làm bạn với tất cả các nước” của Việt Nam, là thời cơ tốt giúp Việt Nam cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, tận dụng tối đa các nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

Để tăng cường lợi ích và hạn chế tác động tiêu cực từ AEP, Việt Nam luôn phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu trong chính sách đối ngoại, cần có sự chuẩn bị chu đáo, nghiên cứu đánh giá chính xác nội hàm, quá trình triển khai, phạm vi, quy mô mức độ mở rộng, sự điều chỉnh của AEP của Ấn Độ, từ đó dự báo trước chiều hướng phát triển của chính sách này, để có giải pháp và sách lược kịp thời, phù hợp trong quan hệ hợp tác với Ấn Độ. Bên cạnh đó, Việt Nam cần hết sức cẩn trọng và tinh táo trong xử lý các vấn đề liên quan đến quan hệ Ấn - Trung, tránh “bị kẹt” giữa hai nước láng giềng lớn, cùng là “Đối tác chiến lược Toàn diện” với Việt Nam, hoặc tạo ra sự nghi kỵ, căng thẳng trong quan hệ song phương với mỗi bên, ảnh hưởng đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc của Việt Nam trong giai đoạn mới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Thăng (2019), “Về chính sách đối ngoại “Ấn Độ trên hết” của Thủ tướng N.modi”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng Hiện đại* (6), tr.30-34, ISSN 1895-3445.
2. Nguyễn Văn Thăng (2020), “Ấn Độ khẳng định quyền tự chủ chiến lược tại khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương thông qua các chính sách lớn”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng Hiện đại* (1), tr.20-23; (2), tr.9-13, ISSN 1895-3445.
3. Nguyễn Văn Thăng (2020), “Ấn Độ và Australia nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng Hiện đại* (9), tr.18-22, ISSN 1895-3445.
4. Nguyễn Văn Thăng (2020), “Đông Nam Á - Nền tảng vững chắc để Ấn Độ mở rộng phạm vi Chính sách Hành động Hướng Đông”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng Hiện đại* (11), tr.19-23, ISSN 1895-3445.
5. Nguyễn Văn Thăng (2020), “Xu hướng hội tụ chính sách giữa Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc tại khu vực Đông Nam Á”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng hiện đại* (12), tr.9-13, ISSN 1895-3445.
6. Nguyễn Văn Thăng (2020), “Emerging Security Alliance (India, Australia, Japan) in Asia-Pacific and its Impact”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “Triển vọng cấu trúc CA-TBD, đến năm 2025 và đối sách của Việt Nam*, Khoa Quốc tế học, ĐHKHXHNV, ĐHQG Hà Nội, NXB.Thế giới. tr.135-144.
7. Nguyễn Văn Thăng (2021), “ASEAN - Ấn Độ: Đối tác chiến lược bền vững và triển vọng”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng Hiện đại* (1), tr.7-11.
8. Nguyễn Văn Thăng (2021), “The convergence in regional policies of India - Japan, equalizing China’s influence in Southeast asia”, *International Scientific Conference Proceedings, “India - China strategic competition and its impacts on other countries”*. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á. NXB.Khoa học Xã hội, tr.262-272.
9. Nguyễn Văn Thăng (2021), “Nhận diện tầm nhìn chiến lược của Ấn Độ về khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương tự do và rộng mở”*, ĐHKHXHNV, ĐHQG Hà Nội. NXB.Thế giới, tr.58-74.
10. Nguyen Van Thang, Nguyen Van Duan (2021) “The Implementation of the Act East Policy of India during the Covid-19 pandemic”, *International conference proceedings “The security and development issues in the new situations”*, VietNam National University, HaNoi, University of social Sciences and Humanities faculty of International studies. Thế giới Publishers. Volume1, pp.343-358.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Nguyên An (2015), “Đẩy mạnh hợp tác quốc phòng với ASEAN: Nhân tố quan trọng trong chính sách “hướng Đông” của Ấn Độ”, *Tạp chí Công Sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, truy cập ngày 03.01.21.
2. Thái An (2021), “Hội thảo khoa học quốc tế “Kết nối văn hóa - văn minh Ấn Độ - ASEAN”, *Báo VietNamNet*, <https://vietnamnet.vn/>, truy cập ngày 24.03.22.
3. Phan Anh (2016), “Hợp tác ASEAN - Nga: Triển vọng rộng mở”, *Báo Tin tức-TTXVN*, <https://baotintuc.vn> truy cập ngày 18.06.2021.
4. Ngô Phương Anh (2017), “Chiến lược của một số cường quốc tại khu vực Đông Nam Á những năm đầu thế kỷ XXI và tác động đối với Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn>. Truy cập ngày 01.07.21.
5. Ngô Phương Anh (2020), “Hiện thực hóa sáng kiến Vành đai, Con đường: Trung Quốc cần vượt qua nhiều thách thức”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn>. Truy cập ngày 18.07.22.
6. Đinh Ánh (2022), “Indonesia hợp tác với Ấn Độ phát triển cảng Sabang”, *BIIII NEWS/TTXVN*, <https://bnews.vn>. Truy cập ngày 12.04.22.
7. Báo Điện tử Chính phủ (2018), “Tuyên bố chung quan hệ Việt Nam - Ấn Độ”, *Cổng Thông tin điện tử Chính phủ*, <https://baochinhphu.vn/>. Truy cập ngày 22.04.22.
8. Cẩm Bình (2018), “Ngoại trưởng Ấn Độ kêu gọi hợp tác sâu sắc hơn với ASEAN”, *Báo Điện tử Một thế giới*, motthegioi.vn/. Truy cập ngày 05.11.21.
9. Tất Bình (2021) “Ấn Độ đứng thứ 26/141 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam”, *Báo Công Thương* <https://congthuong.vn>. Truy cập ngày 08 04.22.
10. Phạm Thanh Bình, Vũ Nhật Quang (2020), “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” của Mỹ: Vai trò và cách thức triển khai”, *Tạp Chí Công sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>. Truy cập ngày 22.01.22.
11. Nguyễn Tuấn Bình (2017), *Quan hệ Ấn Độ - Myanmar 1962 - 2011*, Luận án Tiến sỹ chuyên ngành Lịch sử, trường ĐHKH, Đại học Huế.
12. Ngô Xuân Bình (2008), *CA- TBD trong chính sách của Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc*, NXB ĐH Quốc gia, Hà Nội.

13. Ngô Xuân Bình (2017), *Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N.Modi*, Đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á/Viện hàn lâm KHVN.
14. Ngô Xuân Bình, Lê Thị Hằng Nga (2011), “Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 12 (141), 2011, tr.3-11.
15. Vũ Cân (2014), “Hành động hướng Đông của Ấn Độ”, *Báo điện tử ĐCSVN*, <http://dangcongsan.vn>. Truy cập ngày 18.12.2021.
16. Đỗ Minh Cao (2015), “Biển Đông trong Hành động Hướng Đông của Ấn Độ”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* (2), tr.12-24.
17. Lê Chân (2013), “Cuộc đua giành quyền bá chủ eo biển Malacca”, *Báo Kiến thức*, <http://kienthuc.net.vn>. Truy cập ngày 16.07.22.
18. Bảo Châu (2021), “Ấn Độ chi cho quân sự thứ 3 thế giới sau Mỹ, Trung Quốc”, *Báo Lao Động*, <https://laodong.vn>. Truy cập ngày 31.03.22.
19. *Trần Quang Châu* (2019), “*Biển Đông trong AEP của Ấn Độ*”, *Quỹ Hỗ trợ nghiên cứu Biển Đông*, <https://fess.vn>. Truy cập ngày 24.07.22.
20. Đỗ Lê Chi (2020), “Vị thế chiến lược của Đông Nam Á và Việt Nam trong cấu trúc an ninh tại CA-TBD”, *Tạp chí điện tử Viettimes*, <https://viettimes.vn/>, truy cập 16.06.21.
21. Võ Văn Chi (2015), “Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ và tác động của chính sách này đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ”. *Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, HVCTQG Hồ Chí Minh*, <http://cis.org.vn>. Truy cập ngày 03.05.22.
22. Hữu Chiến (2021), “ASEAN - Ấn Độ cam kết tăng cường hợp tác”, *Báo Tin tức TTXVN*, <https://baotintuc.vn/>, truy cập ngày 01.03.21.
23. Cổng thông tin ASEAN Việt Nam (2022), “Thành tựu và thách thức trong quan hệ hợp tác ASEAN - Ấn Độ”, *Ban chỉ đạo thông tin tuyên truyền ASEAN*, <http://asean.vietnam.vn/>, truy cập ngày 22.03.22.
24. Lê Văn Cương (2017), “Không gian phát triển của quan hệ Việt Nam - Ấn Độ”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: “Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược”*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội (03.2017).
25. Hùng Cường (2014), “Ấn Độ tiếp tục, là nước nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới”, *Báo điện tử VOV*, <http://vov.vn>. Truy cập ngày 31.07.2021.
26. Bùi Hải Đăng, Trần Tuấn Khang (2021), “Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước”, *Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc tế*, NXB.Khoa học xã hội. tr.113-121.

27. Nguyễn Hồng Điệp (2018), “Việt Nam thể hiện vai trò tích cực điều phối quan hệ ASEAN-Ấn Độ”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, www.mpi.gov.vn. Truy cập ngày 05.03.22.
28. Danh Đức (2018), “Thúc đẩy toàn diện quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Ấn Độ”, *Báo Tuổi trẻ online*, <https://tuoitre.vn>, truy cập ngày 25.12.21.
29. Phan Thị Thu Dung (2017), “Chính sách kinh tế Modinomics của Ấn Độ và sự tác động tới cục diện châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Cộng Sản*, (896), tr.99-104.
30. Việt Dũng (2021), “Các nhà sản xuất ASEAN - Ấn Độ: 3 cơ hội xuất khẩu lớn”, *Báo Công Thương*, <https://congthuong.vn>, truy cập ngày 01.03.21.
31. Việt Dũng (2022), “Ấn Độ trên đà trở thành nền kinh tế lớn thứ hai châu Á”, *Báo Công Thương*, <https://congthuong.vn/>. Truy cập ngày 30.03.22.
32. Nguyễn Văn Dương (2018), *Quá trình củng cố và bảo vệ độc lập dân tộc của Cộng hòa Ấn Độ từ năm 1991 đến năm 2015*, Luận án Tiến sỹ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
33. Nguyễn Văn Dương (2021), “Ấn Độ sau 30 năm thực hiện công cuộc cải cách toàn diện đất nước”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn>, Truy cập ngày 31.10.21.
34. Bình Giang (2021), “Thoả thuận bán tên lửa Brahmos cho Philippines đưa Ấn Độ dẫn sâu hơn vào Biển Đông”, *Báo điện tử Tiền phong*, <https://tienphong.vn/>, truy cập ngày 07.03.21.
35. Hà Thanh Giang (2005), “Cướp biển Malacca đối với vấn đề an ninh ASEAN”, *Báo Nhân dân điện tử*, <https://nhandan.vn/>. Truy cập ngày 15.07.22.
36. Phạm Hoàng Hà (2016), “Việt Nam - Ấn Độ: Ký kết Hiệp định về sử dụng Năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình”, *Trung tâm Công nghệ thông tin - Bộ Khoa học và Công nghệ*, <https://www.most.gov.vn/vn/pages/Trangchu.aspx>. Truy cập ngày 08.04.22.
37. Nguyễn Ngọc Hà và Nguyễn Thị Mai (2016), “Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ trong quan hệ hợp tác với ASEAN”, *Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện CTQG HCM*, cis.org.vn. Truy cập ngày 05.08.2021.
38. Thanh Hà (2016), “Ấn Độ vượt Trung Quốc để trở thành siêu cường kinh tế Á châu?”, *Tạp chí kinh tế, rfi*, <https://www.rfi.fr/vi>. Truy cập ngày 31.10.21.
39. Nguyễn Thu Hà (2019), “Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc: 5 năm nhìn lại”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>. Truy cập 13.06.21.

40. Lưu Việt Hà (2015), “Về quan hệ Trung Quốc - ASEAN từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị* (8), tr.105-108.
41. Việt Hà (2018), “Quan hệ Ấn Độ - ASEAN: 25 năm một chặng đường”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn>. Truy cập ngày 06.04.22.
42. Vũ Hiền (2011), “Ấn Độ: Cường quốc mới đối trọng Trung Quốc ở Châu Á”, *Nghiên cứu Biển Đông* <http://nghiencuubiendong.vn>. Truy cập ngày 27.10.21.
43. Trần Xuân Hiệp (2016), “Sự trỗi dậy của Ấn Độ : Xu hướng và tác động”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, Số 2 (39), Tr.1-11.
44. Trần Xuân Hiệp, Trần Như Bắc (2016), “Ấn Độ trong chính sách tái cân bằng của Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* (6), Tr.1-8.
45. Lại Hoa (2016), “Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh mới, tầm nhìn mới”, *Báo Điện tử VOV*, <https://vov.vn>. Truy cập ngày 17.04.22.
46. Hoàng Thị Minh Hoa (2012), “Chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Đông Nam Á giai đoạn 1991 - 2010 và tác động của nó”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 1(189), tr.49-59.
47. Hoàng Thị Minh Hoa, Lê Thị Quý Đức (2015), “Sự chuyển biến trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ thập niên cuối thế kỷ XX - Thành tựu và nguyên nhân”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* (8), tr.13-23.
48. Phương Hoa (2014), “ASEAN và Ấn Độ ngày càng gần hơn”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn>. Truy cập ngày 05.08.2021.
49. Lê Hoàng (2022), “Ấn Độ và Việt Nam đẩy mạnh hợp tác đầu tư thương mại”, *Tạp chí Kinh tế Sài Gòn Online*, <https://thesaigontimes.vn/>. Truy cập ngày 08.04.22.
50. Học Viện Quan hệ Quốc tế (2007), *Lý luận quan hệ quốc tế*, Sách tham khảo nội bộ, Quyển 1, Hà Nội 2007, tr.5-17.
51. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2011), *Từ điển Bách khoa Toàn thư*, NXB Từ điển Bách khoa, Viện hàn lâm KHXHVN.
52. Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp (2013), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, NXB.Đại học quốc gia TP.HCM, 2013, tr. 53.
53. Nguyễn Thị Hồng (2017), “Về sự phát triển quan hệ đối tác Nhật Bản - Ấn Độ”, *Trung tâm Thông tin và Dự báo KTXH Quốc gia - Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, <http://ncif.gov.vn/Pages/Default.aspx>. Truy cập ngày 12.01.21.
54. Mạnh Hùng (2021) “ASEAN ở vị trí trung tâm trong triển khai chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://dangcongsan.vn/>, truy cập ngày 25.12.21.

55. Thi Hương (2017), “Chính sách láng giềng của Thủ tướng Modi: Động lực mới cho sự phát triển của khu vực Nam Á”, *Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXHVN*, <http://viisas.vass.gov.vn/>. Truy cập ngày 30.07.2021.
56. Nguyễn Nhật Huy - Sơ Nguyên (2018), “Ấn Độ - TBD: kỷ nguyên mới cạnh tranh địa chiến lược”, *Zing New*, <https://news.zing.vn>, truy cập ngày 28.12.21.
57. Bùi Đức Khánh (2018), “Nhận diện chính sách “AĐ-TBD tự do và rộng mở” của chính quyền Mỹ”, *Tap chí Cộng Sản*, www.tapchicongsan.org.vn, truy cập ngày 31.03.22.
58. Trà Khánh (2021), “Bảng xếp hạng sức mạnh quân sự Global Firepower 2021: Việt Nam xếp thứ 24”, *VTC News*, <https://vtc.vn/>, Truy cập ngày 30.03.22.
59. Trần Khánh (2014), *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung ở Đông Nam Á-Ba thập niên đầu sau Chiến tranh Lạnh*, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, NXB.Thế Giới.
60. Vũ Khoan (1993), “An ninh, Phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại”, *Tap chí Nghiên cứu quốc tế*, (2), tr.3.
61. Bích Lan (2022), “Tiền sĩ Lê Thị Hằng Nga: Hợp tác Nghị viện tích cực sẽ góp phần thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Ấn Độ phát triển thực chất và hiệu quả”, *Tap chí nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, <http://vjias.vn/>, truy cập ngày 24.04.22.
62. Khánh Lan (2022), “Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ còn rất nhiều dư địa phát triển trong những năm tới”, *Báo Điện tử ĐCSVN*, <https://dangcongsan.vn/>. Truy cập ngày 17.04.22.
63. Thu Lan (2022), “Nỗ lực đưa quan hệ Việt Nam - Ấn Độ lên tầm cao mới”, *Báo điện tử Đảng CSVN*, truy cập ngày 07.04.22.
64. Nguyễn Văn Lan (2017), “Từ chính sách đối ngoại hướng Đông của Ấn Độ, nhìn lại quan hệ hợp tác Việt Nam - Ấn Độ 45 năm qua”, *Tap chí Lý luận Chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn>. Truy cập ngày 31.10.2021.
65. Nguyễn Văn Lịch (2007), “Sự nổi lên của Ấn Độ: Nhìn từ góc độ kinh tế đối ngoại 2007”, *Tap chí nghiên cứu quốc tế online*, số 4 (71), <http://www.isr.vn>. Accessed 3, August 2021.
66. Ngô Thị Bích Loan (2018), “Vai trò địa chính trị khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Khoa học, trường Đại học Cần Thơ*, Tập 54, Số 3C, tr.209-215.

67. Quang Lộc (2019), “Án Độ công bố học bổng đào tạo 1.000 tiến sĩ công nghệ cho ASEAN”, *Báo Công Thương*, <https://congthuong.vn/>, Truy cập ngày 07.03.21.
68. Thái Văn Long (2020), “Đặc điểm mới của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc và đối sách của Việt Nam”, *Tạp Chí Công Sản*, <https://tapchicongsan.org.vn>, truy cập ngày 09.06.2021.
69. Trần Hoàng Long (2018), “Thực trạng và triển vọng hợp tác Quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ”, *Tạp Chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* (5), tr.23-30.
70. Trần Hoàng Long (08.06. 2020), “Cách tiếp cận của Ấn Độ về sức mạnh tổng hợp quốc gia thời kỳ hiện đại”, *Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXHVN*, <http://viisas.vass.gov.vn/>. Truy cập 08.07.2021.
71. Trần Thị Lý (2002): *Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Cộng hòa Ấn Độ từ 1991 đến 2000*, NXB. Khoa học Xã hội Hà Nội.
72. Khánh Linh (2022), “Triển vọng từ 50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam và Ấn Độ”, *Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*, <https://hcmussh.edu.vn>. Truy cập ngày 08.04.22.
73. Huy Lê (2022), “Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ phát triển vượt bậc trong 50 năm qua”, *TTXVN/ Vietnam+*, <https://www.vietnamplus.vn/>. Truy cập ngày 17.04.22.
74. Lê Thế Mẫn, Nguyễn Anh (2017), “Thế giới 25 năm sau Chiến tranh Lạnh: Một số nét nổi bật”, *Tạp Chí Công Sản*, <https://tapchicongsan.org.vn>. Truy cập ngày 28.06.21.
75. Hoàng khắc Nam (2017), *Lý thuyết quan hệ quốc tế*, NXB. Thế giới.
76. Lê Thị Hằng Nga (2022), “Năm mươi năm quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: Nhìn lại và hướng tới tương lai”, *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>. Truy cập ngày 08.04.22.
77. Ngân Hàng phát triển Châu Á (2021), *Hành trình tiến đến thịnh vượng của châu Á: Chính sách, thị trường và công nghệ trong 50 năm qua*. NXB, Chính trị Quốc gia sự thật, Hà nội.
78. Ngô Phương Nghi, Nguyễn Thanh Tùng, Đào Ngọc Tuấn (2015), *Đại cương về chính trị học quốc tế*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
79. Nguyễn Tăng Nghi (2014), “Chính sách “Hướng Đông” của Ấn Độ: Nguyên nhân, quá trình triển khai và những ảnh hưởng đối với Trung Quốc”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* (10), tr.6-16.

80. Thủy Nguyên (2016), “Hành động hướng Đông: Trong chủ trương tiếp cận ASEAN của Ấn Độ”, *Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam*, <http://viisas.vass.gov.vn>. Posted on April 19, 2016.
81. Phạm Nguyễn (2017), “Khai trương Trung tâm Văn hóa Ấn Độ tại Hà Nội”, *Tạp chí Thời Đại Viet Nam Times*, <https://thoidai.com.vn/>, truy cập ngày 09.04.22.
82. Trang Nguyễn (2015), “ASEAN tiếp tục tăng trưởng bất chấp kinh tế toàn cầu biến động”, *Báo nhân dân điện tử*, www.nhandan.com.vn. Truy cập ngày 25.10.21.
83. An Nhiên (2014), “Narendra Modi - Người nâng tầm đất nước Ấn Độ”, *Báo Công An Nhân dân*, <https://cand.com.vn/>. Truy cập ngày 13.07.22.
84. Nguyễn Oanh (2017), “Ấn Độ và Australia ký kết 6 thỏa thuận hợp tác”, *Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á*, <http://viisas.vass.gov.vn>. Truy cập ngày 11.03.22.
85. Nguyễn Thị Oanh (2020), “Vị thế của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, *Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXHVN*, <https://www.vass.gov.vn>. Truy cập ngày 05.04.22.
86. Nguyễn Thị Oanh (2022), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung quốc dưới thời Thủ tướng N.Modi (2014 - 2019)*, Luận án Tiến sỹ, Đại học KHXH và NV, Đại học quốc gia Hà Nội.
87. Hồng Phúc (2020), “Đối phó với Trung Quốc, Ấn Độ cương quyết hướng về phía Đông”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn/>. Truy cập ngày 20.03.22.
88. Hồng Phúc (2021), “Ấn Độ-Australia: Quan hệ tụt dốc với Trung Quốc và sự hội tụ lợi ích chiến lược”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn/>, truy cập ngày 13.03.21.
89. Hồng Phúc (2022), “Ấn Độ hết 'nhùng nhằng' trong vấn đề Myanmar?”, *Báo Thế giới & Việt Nam*, <https://baoquocte.vn/>. Truy cập ngày 12.04.22.
90. Nguyễn Xuân Phúc (2022), “Đưa quan hệ Đối tác chiến lược ASEAN - Ấn Độ lên tầm cao mới”, *Cổng thông tin ASEAN Việt Nam*, <http://asean.vietnam.vn/>. Truy cập ngày 20.07.22.
91. Hà Phương (2022), “Đối tác chiến lược ASEAN-Ấn Độ: Phát triển trên nền tảng vững chắc”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn/>. Truy cập ngày 20.07.22.

92. Hoàng Thanh Phương (2020), “Ấn Độ khẳng định ASEAN là cốt lõi của chính sách Hành động hướng Đông”, *TTXVN/Vietnam+*, <https://www.vietnamplus.vn/>, truy cập ngày 05.01.21.
93. Thu Phương (2022), “Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Ấn Độ”, *Thông tấn xã Việt Nam*, <https://baotintuc.vn/>. Truy cập ngày 23.02.22.
94. Paul R. Viotti, Mark V. Kauppi (2003), *Lý luận quan hệ quốc tế*, Sách tham khảo, NXB Lao động, Hà Nội.
95. Pranay Verma (2021), “Năm năm quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Ấn Độ - Việt Nam”, *Tọa đàm khoa học tại Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á*, ngày 02.11.2021.
96. Lê Minh Quang (2011), “Chiến lược của một số nước lớn đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquptd.vn>. Truy cập ngày 19.10.2021.
97. Duy Quang (2017), “Việt Nam là trụ cột trong chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, baoquocte.vn. Truy cập ngày 30.07.2021.
98. Dương Văn Quảng, Dương Huân Vũ (2002), *Từ điển Thuật ngữ Ngoại giao*, NXB.Thế Giới, Hà Nội.
99. Nguyễn Thị Quế (2017), “Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: Quá khứ, hiện tại và tương lai”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Việt Nam - Ấn Độ: 45 Năm Quan hệ Ngoại giao và 10 năm Đối tác Chiến lược*”, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.94-108.
100. Nguyễn Thị Quế, Đặng Đình Tiến (2017), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
101. Đỗ Quyên (2014), “Đối thoại Shangri-La: Nhật tuyên bố hết mình ủng hộ Đông Nam Á”, *Báo Người Lao động*, <https://nld.com.vn>. Truy cập 17.06.21.
102. RS. Rajaram Panda (2017), “Ấn Độ và Việt Nam: Liên kết, hỗ trợ lẫn nhau vì những lợi ích chung”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược”*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội (03.2017).
103. Huỳnh Tâm Sáng (2016), “Biên Đông trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ năm 2009 đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, (6), tr.9-17.
104. Phạm Minh Sơn (2007), *Chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới*, NXB.Lý luận Chính trị Hà Nội.

105. Nguyễn Trường Sơn (2015), *Hướng về phía Đông, một chiến lược lớn của Ấn Độ*. NXB.Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
106. Nguyễn Trần Xuân Sơn (2021), “Sáng kiến AĐD-TBD của Ấn Độ: Từ chính sách đến hành động”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>. Truy cập ngày 18.07.22.
107. Nguyễn Trần Xuân Sơn (2021), “Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ sau năm 1991 đến nay”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>. Truy cập ngày 07.07.2022.
108. Võ Minh Tập (2015), *Quan hệ Ấn Độ - Việt Nam từ 1991 - 2015, thực trạng và triển vọng*, Hội thảo Khoa học Quốc tế, Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ: Tiếp cận từ góc độ văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
109. Phạm Quốc Thái (2013), *Trung Quốc và Ấn Độ trở dậy: Tác động và đối sách các nước Đông Á*, Viện Kinh tế và chính trị thế giới, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, NXB KHXH Hà Nội.
110. Trần Việt Thái (2020), “Quan hệ của ASEAN với các nước lớn và vai trò trong khu vực”, *Ban Đối Ngoại TW*, bdntw.org.vn. Truy cập ngày 27.06.21.
111. Nguyễn Văn Thăng (2020a), “Xu hướng hội tụ chính sách giữa Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc tại khu vực Đông Nam Á”, *Tạp chí KTQP Hiện đại*, (12), tr.9-13.
112. Nguyễn Văn Thăng (2020b), “Xu hướng hội tụ chính sách giữa Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc tại khu vực Đông Nam Á”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng hiện đại* (12), tr.9-13.
113. Nguyễn Văn Thăng (2020c), “Emerging Security Alliance (India, Australia, Japan) in Asia-Pacific and its Impact”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “Triển vọng cấu trúc CA-TBD, đến năm 2025 và đối sách của Việt Nam, ĐHKHXHNV, ĐHQG Hà Nội*, NXB. Thế giới. tr.135-144.
114. Nguyễn Văn Thăng (2020d), “Đông Nam Á - Nền tảng vững chắc để Ấn Độ mở rộng phạm vi Chính sách Hành động Hướng Đông”, *Tạp chí KTQP Hiện đại* (11), tr.19-23.
115. Nguyễn Văn Thăng (2021a), “ASEAN - Ấn Độ: Đối tác chiến lược bền vững và triển vọng”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng Hiện đại*, (1), tr.5-11.
116. Nguyễn Văn Thăng (2021b), “Nhận diện tầm nhìn chiến lược của Ấn Độ về khu vực Ấn Độ -Thái Bình Dương hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ -Thái Bình Dương tự do và rộng mở”*, NXB Thế giới. Tr.58-74.

117. Đức Thắng (2011), “Chiến lược của một số nước ở Châu Á - Thái Bình Dương và vấn đề an ninh khu vực”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquptd.vn>. Truy cập ngày 19.10.21.
118. Hồ Ngọc Diễm Thanh, Phạm Quang Minh (2019), “Vai trò của Ấn Độ trong cấu trúc an ninh mới của Mỹ ở khu vực ADD-TBD”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: *Quan hệ quốc tế trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở* do Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội tổ chức ngày 26.01.19. Tr.13-28.
119. Chí thành (2021), “Đông Nam Á trong chiến lược của Ấn Độ”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, Truy cập ngày 02.11.21.
120. Minh Thành, Phạm Thắng (2022), “Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính hội kiến Chủ tịch Hạ nghị viện Cộng hoà Ấn Độ Om Birla”, *Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam*, <https://quochoi.vn/vanphongquochoi>. Truy cập ngày 22.04.22.
121. Nguyễn Thị Minh Thảo (2015), “Ấn Độ: từ chính sách Hướng Đông sang chính sách Hành động ở phía Đông”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (12), tr.108 - 113.
122. Phùng Thị Thảo (2018), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Đông Nam Á giai đoạn 1947 đến 1964 và phản ứng của các nước Đông Nam Á*, Luận án Tiến sỹ Lịch sử, trường ĐHKHXH và NV, ĐHQG Hà Nội.
123. Thông tấn xã Việt Nam (2007), “Ấn Độ những xu hướng mới trong chính sách đối ngoại”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt* (5), tr.63.
124. Thông tấn xã Việt Nam (2012), “Các vấn đề quốc tế”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (5), tr.62.
125. Thông tấn xã Việt Nam (2015), “Quan hệ giữa Ấn Độ - ASEAN sẽ được nâng lên tầm cao mới”, *Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, HVCT Quốc gia Hồ Chí Minh*. Truy cập ngày 19.02.22.
126. Thông tấn xã Việt Nam (2018a), “Ấn Độ, Campuchia ký 4 thỏa thuận hợp tác”, *BIII NEWS*, <https://bnews.vn/>, Truy cập ngày 19.02.22.
127. Thông tấn xã Việt Nam (2018b), “Tuyên bố Delhi về Hội nghị thượng đỉnh Kỷ niệm 25 năm quan hệ đối thoại ASEAN - Ấn Độ”, *Vietnam+/TTXVN*, <https://www.vietnamplus.vn>. Truy cập ngày 18.07.22.
128. Thông tấn xã Việt Nam (2018c), “Ấn Độ, Indonesia thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện mới”, *TTXVN/Vietnam+*, <https://www.vietnamplus.vn/>. Truy cập ngày 12.04.22.

129. Thông tấn xã Việt Nam (2019), “Ấn Độ đánh giá cao quan hệ với Nhật Bản trong khu vực”, *VietnamPlus/TTXVN*, <https://cdnstatic.vietnamplus.vn>. Truy cập ngày 10.01.22.
130. Thông tấn xã Việt Nam (2020), “ASEAN-Ấn Độ tái cam kết định hướng quan hệ trong thế kỷ 21”, *Báo điện tử VietnamPlus*, <https://www.vietnamplus.vn/>. Truy cập ngày 15.07.21.
131. Thông tấn xã Việt Nam (2021), “Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN - Ấn Độ: Hỗ trợ nhau ứng phó với dịch COVID-19, giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch, thúc đẩy phục hồi”, *Thông tấn xã Việt Nam*, <https://ncov.vnnet.vn>. Truy cập ngày 15.02.22.
132. Công Thuận (2014), “Lợi thế sức mạnh mềm của Ấn Độ”, *Báo Tin tức, TTXVN*, <https://bao.tintuc.vn>, truy cập ngày 22.12.21.
133. Thủy Tiên (2022), “ASEAN-Ấn Độ: Hợp tác cùng gia tăng vị thế”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn>, Truy cập ngày 21.07.22.
134. Trần Nam Tiến (2016), *Ấn Độ với Đông Nam Á trong bối cảnh Quốc tế mới*. NXB. Văn hóa Văn Nghệ, TP.HCM.
135. Trần Nam Tiến (2020), “Sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại dưới thời Narendra Modi”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* (8), tr.26-34
136. Chu Đức Tính, Bạch Tuấn (2015), “Phân tích Chiến lược An ninh biên của Ấn Độ trong thời kỳ mới”, *Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, <http://cis.org.vn>, truy cập ngày 04.12.21.
137. Nguyễn Đức Toàn (2016), “Bước đầu tìm hiểu chính sách đối ngoại của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, Số 10 (47), tr.8-15.
138. Nguyễn Trang (2017), “Cuộc họp lần thứ 17 của Ủy ban Hợp tác chung ASEAN - Ấn Độ”, *Báo Nhân dân điện tử*, <https://nhandan.vn>, truy cập ngày 26.12.21.
139. Nguyễn Xuân Trung (2017), “Quan hệ thương mại Việt Nam - Ấn Độ: một số đặc điểm và những rào cản”, Phát biểu tại Seminar: “*Việt Nam - Ấn Độ: Triển vọng cho sự Thịnh vượng và Hợp tác*” kỷ niệm 70 năm ngày độc lập Ấn Độ, Hà Nội (21.09.17).
140. Nguyễn Xuân Trung (2021), “Vai trò của Ấn Độ đối với sự định hình cấu trúc khu vực AĐD - TBD”, *Tạp chí Cộng Sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>. Truy cập ngày 25.07.22.
141. Lưu Truyền (2013), “Đối thoại Quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ lần thứ 8”, *Cổng TTĐT-BQP Việt Nam*, <http://bqp.vn>. Đăng:13:09 ngày 08.11. 2013.

142. Đặng Cẩm Tú (2018), *Xu hướng phát triển và chính sách của Ấn Độ đối với châu Á - Thái Bình Dương đến năm 2030*, NXB.Chính trị quốc gia sự thật, tr.103.
143. Minh Tuấn (2021), “Tăng cường hợp tác quốc phòng Việt Nam - Hàn Quốc và Việt Nam - Ấn Độ”, *Báo Tin tức - TTXVN*, <https://baotintuc.vn>. Truy cập ngày 10.04.2022.
144. Mỹ Tuệ (2020), “Việt Nam, Ấn Độ ký thỏa thuận hợp tác quốc phòng”, *Tạp chí Đầu tư Tài chính - VietnamFinance*, <https://vietnamfinance.vn/>. Truy cập ngày 06.03.22.
145. Phan Tùng (2020), “Ấn Độ lý giải quyết định không tham gia RCEP, đề cao “tự cường””, *Báo điện tử VOV*, <https://vov.vn/>. Truy cập ngày 01.04.22.
146. Nguyễn Vũ Tùng và Đặng Cẩm Tú (2016) “Chính sách Hành động Hướng Đông của Ấn Độ: Nhân tố tác động và triển vọng 5 năm tới”, *Tạp chí Cộng sản* (887), tr.106-111.
147. Nguyễn Vân (2016), “Kinh tế Ấn Độ sau 25 năm tự do hóa”, *Báo Thế giới & Việt Nam*, baoquocte.vn. Truy cập ngày 30.07.2021.
148. Phong Vân (2017), “India and Singapore have formed a maritime military alliance”, *Tạp chí điện tử VIETTIMES*, <https://viettimes.vn>. Truy cập ngày 12.04.22.
149. Bành Hải Văn (2011), “Vì sao Ấn Độ tăng cường hiện diện tại Biển Đông?”, *Nghiên cứu Biển Đông*, <http://nghiencuubiendong.vn>. Thứ ba, 20.09.2011 17:26.
150. Viện Chiến lược Ngân hàng (2015), “Diễn biến chính của kinh tế thế giới giai đoạn 2011 - 2015 và những tác động đối với thị trường tài chính tiền tệ”, *Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam*, <https://www.sbv.gov.vn>. Truy cập ngày 30.07.21.
151. *Vietnam+* (2022), “Ấn Độ-Philippines cam kết thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương”, *Công thông tin ASEAN-Việt Nam*, <http://asean.vietnam.vn/>, Accessed 16 April, 2022.
152. Võ Xuân Vinh (2010), “Một số nội dung cơ bản trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ”, *VUSTA*, <http://www.vusta.vn>. Đăng ngày 28.09.2010.
153. Võ Xuân Vinh (2011), *ASEAN trong “Chính sách hướng Đông” của Ấn Độ*, Luận án tiến sĩ sử học, Học viện KHXH, Viện KHXH Việt Nam.
154. Võ Xuân Vinh (2013), *ASEAN trong chính sách Hướng Đông của Ấn Độ*, NXB. Khoa học Xã hội.

155. Trương Minh Huy Vũ (2015), “Lý thuyết quan hệ quốc tế (International relations theories)”, *Nghiên cứu Quốc tế*, <https://nghienccuquocte.org>. Truy cập ngày 10.07.22.
156. Tấn Vũ (2018), “Hợp tác ASEAN - Ấn Độ hướng tới tương lai châu Á - Thái Bình Dương”, *Báo điện tử Đảng CSVN*, <https://dangcongsan.vn/>, truy cập ngày 08.03.22.
157. Thạch Vũ (19.12.2013), “Những chuyển động lớn ở châu Á - Thái Bình Dương”, *Báo Điện tử Nhân dân*, <http://nhandan.com.vn>. Truy cập ngày 19.12.13.
158. Lâm Dân Vượng (2020), “Chính sách ngoại giao của Ấn Độ kể từ khi Thủ tướng N.Modi lên nắm quyền”, *Sở Ngoại vụ tỉnh Tiền Giang*, <http://songoaivu.tiengiang.gov.vn>. Truy cập ngày 09.11.21.
159. Wu Zhaoli (2018), “Sự phát triển, mục tiêu và lộ trình thực hiện chiến lược CA-TBD của Ấn Độ”, *Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện CTQG Hồ Chí Minh*. Truy cập ngày 02.11.21.
160. Tôn Nữ Hải Yến, Cao Thị Nga (2017), “Quan hệ thương mại giữa Ấn Độ và Singapore từ năm 2005-2015” *Trường Đại học Vinh, Tạp chí khoa học*, Tập 46, (4B), tr.77-86.

Tiếng Anh

161. A.Sundaram (2013), “Look East Policy”, *International Journal of Advancements in Research & Technology*, Volume 2, Issue 5.
162. Abhijit Singh (2020) “India-South Korea strategic relations: Shared imperatives, common goals”, *Observer Research Foundation (ORF)*, <https://www.orfonline.org/>, accessed 16 January 2022.
163. Ajaneesh Kumar (2020), “India-Brunei Bilateral Brief”, *High Commissioner of India, Kingdom of Brunei*, <https://www.hcindiabrunei.gov.in>. Accessed 5, September 2021.
164. Akash Sahu (2020), “India-Indonesia: Expanding Cooperation to Include Defence Industry”, *Institute of Peace and Conflict Studies (IPCS)*, <http://www.ipcs.org/index.php>. Accessed 21, July 2022.
165. Alistair Scrutton (2010), “Manmohan Singh says China wants foothold in South Asia”, *Reuters*, <https://in.reuters.com>. Accessed 3, August 2021.
166. ASEAN (2018), “Delhi Declaration of ASEAN-India Commemorative Summit”, *Nhandanonline*, <https://en.nhandan.vn/>, accessed 5 March 2022.

167. ASEAN (2019), “Statement of the Chairman of the 16th ASEAN-India Summit”, *Association of Southeast ASEAN Nations*, <https://asean.org>. Accessed 15, July 2021.
168. ASEAN (2020), “Chairman’s Statemment on the 17 th ASEAN-India Summit”, *Association of Southeast Asian Nations*, <https://www.asean2020.vn>, accessed 4 March 2022.
169. ASEAN (2021), “Chairman’s Statement of the 18th ASEAN-India Summit”, *Association of Southeast Asian Nations*, <https://asean.org/>, accessed 8 March 2022.
170. Asean india (2018), “India - ASEAN Relations”, <https://mea.gov.in/aseanindia/index.htm>, *Ministry of Foreign Affairs, Government of India*, accessed 3 January 2022.
171. ASEAN Secretariat (2021), “ASEAN-India Joint Statement on Cooperation on the ASEAN Outlook on the Indo-Pacific for Peace, Stability, and Prosperity in the Region”, *Association of Southeast Asian Nations*, <https://asean.org/>, accessed 13 March 2022.
172. ASEAN Today (2021) “India's response to Myanmar coup highlights cross-border interests”, <https://www.aseantoday.com>. Accessed 12 April, 2022
173. Ashkey J. Tellis (2016), “India as a Leading Power”, *Carnegie Endowment for International Peace*, <https://carnegieendowment.org>. Accessed 5 April, 2022.
174. Ashok Sajjanhar (2017), “India-Thailand relations: A 70-year partnership”, *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/>, accessed 3 March 2022.
175. Avantika Singh (2022), “India - Indonesia Bilateral Brief”, <https://www.indianembassyjakarta.gov.in>, *Embassy of India, Jakarta, Indonesia*, accessed 3 March 2022.
176. Avantika Singh (2022), “Overview of Bilateral India - indonesia”, *Embassy of India, Jakarta, Indonesia*, <https://www.indianembassyjakarta.gov.in>, accessed 22 February 2022.
177. Baladas Ghoshal (2013), “China’s Perception of ‘Look East Policy’ and Its Implications”, *IDS Monograph Series*, Published by: Institute for Defence Studies and Analyses, P. First Published: October 2013.
178. Bawa Singh and Mohamad Arif Mir (2014) “Geostrategic Significance of South Asia: Contextualizing the Interests of External Powers”, *The IUP Journal of International Relations*, Volume VIII, (3), pp.7-16.

179. Bernama (2022), “Over 150 Indian companies invest US\$3 billion in Malaysia”, *New Straits Times*, <https://www.nst.com.my/>, accessed 3 March 2022.
180. Bhavna Vij Aurora (2015), “PM Narendra Modi keen on projecting India as a ‘soft power’, uses Buddha connect in foreign policy”, *The Economic Times*, <https://economictimes.indiatimes.com/>, accessed 07 January 2022.
181. Bilveer Singh (2011), *Southeast Asia - India Defence Relations in the Changing Regional Security Landscape, Institute for Defence Studies and Analyses (IDSA), New Delhi. Published: May 2011.*
182. Bilveer Singh (2020), “The Rise of Singapore-India Defense Relations In The Postcold War Era: Strategic And Security Implications”, *Journal of International Studies (JIS)*, Volume.4, pp.35-53.
183. Bradley Dunseith (2018), “Access India and ASEAN through Singapore”, *India Briefing news*, <https://www.india-briefing.com>, accessed 1 March 2022.
184. C. R. Mohan (2014), “Five point someone, The foundations of Modi’s vigorous regional diplomacy”, *The Indian Express*, <https://indianexpress.com>. Updated: May 26, 2014 9:22:39 am.
185. CatchNews (2020) “PM Modi's Act East Policy has shifted India's geostrategic posture in Indo-Pacific: EFSAS”, *CatchNews*, <http://www.catchnews.com>. Accessed September 18, 2021.
186. Céline Pajon (2018), “*The Japan-India Economic Partnership a Politically Driven Process*”, French Institute of International Relations (IFRI), *Asie.Visions*, (100), September 2018.
187. Cheongwadae (2020), “Results of the Korea-India Summit on the sidelines of the G20 Summit in Japan”, *Office of the President of Korea*, <https://english1.president.go.kr/>, accessed 16 January 2022.
188. Cmde SL Deshmukh (2021) “India's Act East Policy: Goals, Performances and the Way Forward”, *Defense Research and Research (DraS)*, <https://dras.in/>, accessed 16 March 2022.
189. Committee Malaysia, Windhoek (2017), “Joint Statement on the 60th Anniversary of India-Malaysia Diplomatic Relations (from March 30 to April 4, 2017)”, *Ministry of Foreign Affairs, Malaysia*, <https://www.kln.gov>, accessed 27 February 2022.
190. Condoleezza Rice (2006), “The U.S.-India Civilian Nuclear Cooperation Agreement”, *U.S. Department of State*, <https://2001-2009.state.gov>, accessed 23 October 2021.

191. Consulate General of Australia Chennai, India (2018), "Australia - India Relations", <https://chennai.consulate.gov.au/cnai/home.html>, accessed 11 March 2022.
192. Danielle Rajendram (2014), *India's new Asia-Pacific strategy: Modi acts East*, Lowy Institute for International Policy, Australia. Publisher 18 Dec 2014. pp.1-24.
193. Datuk Seri Najib Razak (2015), "Prime Minister Datuk Seri Najib Razak's speech at the opening ceremony of the 26th Asean Summit 2015 at Kuala Lumpur Convention Centre", *Asia-Europe Institute University of Malaya*, <https://aei.um.edu.my/index>, accessed on 26 June 2021.
194. David J. Berteau, Guy Ben-Ari (2012), *Asian Defense Spending, 2000 - 2011*, Center for Strategic and International Studies (CSIS), <https://www.csis.org>. Report 15 October 2012.
195. David Scott (2013), "India's Role in the South China Sea: Geopolitics and Geo-economics in Play", *India Review*, Volume 12, (No 2).
196. David Sinate, Vanlalruata Fanai and Debapriya Chakrabarti (2014), *Enhancing India's Bilateral Ties with Cambodia, Lao PDR, Myanmar, Vietnam: A Brief Analysis*, EXIM Bank's, Export-Import Bank of India. Working paper (No 34), pp.01-81.
197. Department of Foreign Affairs and Trade (2020), "Joint Statement on a Comprehensive Strategic Partnership between Republic of India and Australia", *Australia's Ministry of Foreign Affairs and Trade*, <https://www.dfat.gov.au/>, accessed 11 March 2022.
198. Dhruva Jaishankar (2018), "The Rise of India: Soft Power and the World's Greatest Democracy", *Brookings Institution*, <https://www.brookings.edu/>, accessed on 18 December 2021.
199. Dhruva Jaishankar (2019), "The Australia - India strategic partnership: Accelerating security cooperation in the Indonesia - Pacific", *Lowy Institute*, <https://www.lowyinstitute.org>. Accessed 18 July 2022.
200. Dhruva Jaishankar (2020), "Australia-India Strategic Partnership: Promoting Security Cooperation in the Indo-Pacific", *Lowy Institute*, <https://www.lowyinstitute.org/>, accessed 13 March 2022.
201. Ding Gang (2016), "China-India competition can upgrade globalization", *Global Times*, <http://www.globaltimes.cn>, Accessed 30 September 2021.

202. Don McLain Gill (2000), "The 'Russia Factor' in India's Act East Policy in Southeast Asia", *online magazine International Policy Digest*, <https://intpolicydigest.org>, accessed 08 October 2021.
203. Drishti (2019) "The Big Picture: India's Act East Policy", Lok Sabha & Rajya Sabha Discussions, <https://www.drishtias.com>. Accessed on 12 September 2021.
204. Embassy of India (2020), "Phone call between Prime Minister Shri Narendra Modi and H.E. Dr. Thongloun Sisoulith, Prime Minister of Lao People's Democratic Republic", *Web Embassy of India*, <https://indianembassyinpanama.com>. Accessed 16 April 2022.
205. Embassy of India Hanoi (2021), "India - Vietnam relations", *Embassy of India, Hanoi, Vietnam*, <https://www.indembassyhanoi.gov.in>, accessed 1 March 2022.
206. FP Staff (2019), "India seeks to deepen ties with South Korea: Trade, security are reasons for both countries to get closer", *firstpost*, <https://www.firstpost.com>, Accessed 1 December 2021.
207. Gaurav Dutta (2016), "Japan and India's Act East Policy: Prospects and Challenges for Maritime Cooperation", *East Asia Research Programme*, <http://earp.in/en>, accessed 09 January 2022.
208. Gitanjali Sinha Roy (2020), "Defence ties between India and Indonesia: A New Thrust for Security Partnership", *Centre for Land Warfare Studies (CLAWS)*, <https://www.claws.in>. Accessed 21, July 2022.
209. Gonda Yumitra (2014), "Reactualization of IndonesiaIndia Bilateral Relations", *Jurnal Hubungan Internasional*, 3(1):p.51-57.
210. Gurjit Singh (2018), "Revisiting past, facing future", *The indianexpress*, <https://indianexpress.com/>. Accessed 14 April 2022.
211. Gurmeet Kanwal (2012), *India's Military Modernization: Plans and Strategic Underpinnings*, www.nbr.org. Accessed 27 July 2021.
212. Hans j. Morgenthau (1978), *Politics of Nations: Struggle for Power and Peace*, Supplement and 5th Edition, (New York: Alfred A.Knopf, 1978), pp.4-15.
213. Hermann, Charles F. (1990), "Changing Course: When Governments Choose to Redirect Foreign Policy", *International Studies Quarterly*. Volume 34, (1), pp.3-21.

214. High Commission of India Singapore (2020a), “India - Singapore Bilateral Trade & Investment”, <https://www.hcisingapore.gov.in/index>. Accessed 30 August 2021.
215. High Commissioner of India in Singapore (2020b), “India-Singapore Relations”, <https://www.hcisingapore.gov.in>, Accessed 12 April 2022.
216. High Commission of India, Wellington, New Zealand (2021), “India-New Zealand bilateral brief”, <https://www.hciwellington.gov.in>. Accessed 12 March 2022.
217. Hillary Clinton (2011), “Remarks on India and the United States: A Vision for the 21st Century”, *U.S. State Department*, <https://2009-2017.state.gov>. Accessed on 18 September 2021.
218. Hoang Thi Ha and Termsak Chalermpanupap (2018), “ASEAN - India Commemorative Summit: Matching “Act East” with Actions?”, *Institute of Southeast Asian Studies (ISEAS)*, (8), pp.1-8.
219. Indian Mission to ASEAN (2018), “Brief on ASEAN-India relations”, *Web Indian Mission to ASEAN*, <https://www.indmissionasean.gov.in/index>, accessed 8 March 2022.
220. Indian Press Information Bureau, Prime Minister’s Office (2015), “PM to Heads of Indian Missions”, *press release, February 7, 2015*, <http://pib.nic.in>. Accessed 24 July 2021.
221. IndiaTies (2021), “India, Brunei hold a meeting on bilateral relations”, <https://www.indiaties.in>, Accessed 16 April 2022.
222. Insightsias (2019), “India - Singapore”, <https://www.insightsonindia.com>. Accessed 11 April 2022.
223. J. David Singer (1961), “The Level-of-Analysis Problem in International Relations”, *World Politics*, Volume14, (1).
224. Jagannath P. Panda (2016), “From look East to act East: India as a Security Actor and Security Provider”, *East Asia Institute (EAI)*, Publish the EAI, 2016.
225. Jagannath P.Panda (2019), “New Delhi’s ‘Act East’ and the India-ASEAN Engagement: What They Mean for IndiaKorea Relations in the Indo-Pacific”, *Korea Institute of International Economic Policy- KIEP*, Working pp.19-05.
226. Japanese foreign ministry (2021), “Japan - India Relations (Basic Data)”, *Web Japanese foreign ministry*, <https://www.mofa.go.jp/index.html>, accessed 9 March 2022.

227. Jayanta Kalita (2021), "Prolonged unrest in Myanmar could leave India's 'Act East' policy in limbo", *Moneycontrol*, <https://www.moneycontrol.com/promos/pro.php>. Accessed 01 April, 2022.
228. Jitendra Singh (2014), "Minister's Speech (East) during the Symposium "India-ASEAN Connectivity: Challenges and Opportunities for the Northeast Region" in Shillong (September 29, 2014)", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>, accessed 03 January 2022.
229. Joeffe B. Santarita (2011), *India-Philippine relations represent the context of India's 'Look East' policy*, PhD thesis of National University of Singapore (NUS).
230. Kanwal Sibal (2003), "India foreign policy: challenges and Prospects", *Media Center, Ministry of External Affairs, Government of India*. <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed 2 August 2021.
231. Karunjit Singh (2022), "India, Australia sign FTA, trade likely to double in 5 yrs, generate 1 mn jobs", *The Indian Express*, <https://indianexpress.com/>. Accessed 22 July 2022.
232. Kathleen Pokrud (2021), "Fostering India - Thailand relations post Covid-19", *Elite Plus Magazine*, <http://www.eliteplusmagazine.com/home>. Accessed 15 April, 2022.
233. Korea Herald (2018) "Full text of the joint statement of the leaders of Korea and India", *The Korea Herald*, <http://www.koreaherald.com/index.php>. Accessed 16 January 2022.
234. Kunki Chowdhury (2021) "India's Act East Policy and Its Impact on Northeast Countries" *Northeast Now*, <https://nenow.in>. Accessed on 29 December 2021.
235. KV Kesavan (2020), "India's 'Act East' policy and regional cooperation", *Observer Research Foundation (ORF), India*, <https://www-orfonline-org>, Page 4-5. Accessed 16 March 2022.
236. Leon Hadar (2011), "America's Long-Delayed Pacific Century", *The National Interest*, <https://nationalinterest.org/>. Accessed 23, August 2022.
237. Luluk Fadilah and Anggy Wira Pambudi (2020), "dampak implementasi kebijakan Look east dan act east india terhadap hubungan India dan ASEAN", *Jurnal Polinter Prodi Ilmu Politik FISIP UTA'45 Jakarta*, Volume 6, (1), pp.46-59.

238. Major Malay Mishra (2015), “India and New Zealand: Reeling Strategic Relationship Across 13000 Kilometers”, *United Service Institution of India*, <https://usiofindia.org>. Accessed 19 July 2022.
239. Malancho Chakrabarty (2019), “India and CLMV countries: Investment, development cooperation and sustainable development”, *ORF Regular Report* No. 195, June 2019, Observer Research Foundation.
240. Manash Pratim Bhuyan (2019) “India will not join RCEP trade deal, my conscience won’t allow it, says PM Thủ tướng N.Modi”, *The Print*, <https://theprint.in/>. Accessed 17 July 2022.
241. Manmohan Singh (2005a), “PM’s Keynote address at special leaders dialogue of ASEAN Business Advisory Council”, *Prime Minister’s Office, government of Indian*, <https://archivepmo.nic.in/drmanmohansingh>. December 12, 2005 Kuala Lumpur.
242. Manmohan Singh (2005b), “Statement by Prime Minister Dr. Manmohan Singh on the eve of his departure for Malaysia”, *Media Center, Ministry of External Affairs India*, www.mea.gov.in. 11, September 2005.
243. Manmohan Singh (2008), “PM releases North Eastern Region Vision 2020 Document”, *Contents managed by Prime Minister’s Office*, <https://archivepmo.nic.in/drmanmohansingh>. Accessed 3 August 2021.
244. Manmohan Singh (2009), “Prime Minister’s Statement at the 7th India-ASEAN Summit”, *Media Center, Ministry of External Affairs India*, www.mea.gov.in. September 24, 2009.
245. Manmohan Singh (2012), “Statement by PM to the media during the visit of Prime Minister of Thailand”, *Ministry of Foreign Affairs, Government of India*. Accessed 31 August 2021.
246. Media Center (2016), “India - New Zealand Joint Statement during visit of Prime Minister of New Zealand to India”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 19 July 2022.
247. Media Center (2014), “Press Statement by Prime Minister during the visit of President Xi Jinping of China to India (September 18, 2014)”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 10 March 2022.
248. Media Center (2015a), “Joint Statement on Vision of India and Japan to 2025: A Special and Global Strategic Partnership Working Together for Peace and Prosperity of the Indo-Pacific Region and the World (12

- December 2015)", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 12 January 2022.
249. Media Center (2015b), "India - Republic of Korea Joint Statement for Special Strategic Partnership (May 18, 2015)", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 10 March 2022.
250. Media Center (2015c), "India-Korea Joint Statement on Special Strategic Partnership (May 18, 2015)", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed 13 January 2022.
251. Media Center (2015d), "Joint Statement on India and Japan Vision 2025: Special Strategic and Global Partnership Working Together for Peace and Prosperity of the Indo-Pacific Region and the World", *Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://www.mea.gov.in>. Accessed 20 March 2022.
252. Media Center (2016a), "Speech of the Vice-Chancellor of the University of Brunei 3 February, 2016", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 27 February 2022.
253. Media Center (2016b), "India-Thailand Joint Statement during the visit of the Prime Minister of Thailand to India", *Ministry of External Affairs, Government of India*, <http://www.pmindia.gov.in>. Accessed 15 April 2022.
254. Media Center (2016c), "Speech of the Vice-Chancellor of the University of Brunei 3 February, 2016", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 27 February 2022.
255. Media Center (2017), "Joint Statement of India-Australia during the State Visit of the Prime Minister of Australia to India", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed 18 December 2021.
256. Media Center (2018a), "List of Memorandum of Understanding/ Documentation signed between India and Korea during the State visit of the Korean President to India", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 10 March 2022.
257. Media Center (2018b), "India-Indonesia Joint Statement during Prime Minister's visit to Indonesia 30 May, 2018", *Ministry of External Affairs, Government of India*, <http://www.pmindia.gov.in>. Accessed 14 April, 2022.
258. Media Center (2018c), "Visit of India's Minister of Foreign Affairs to Vientiane", *Ministry of External Affairs, Government of India*, <http://www.pmindia.gov.in>. Accessed 16 April 2022.

259. Media Center (2018d), “India - Cambodia Joint Statement during the State visit of the Prime Minister of the Kingdom of Cambodia to India January 27, 2018”, *Ministry of External Affairs, Government of India*, <http://www.pmindia.gov.in>. Accessed 16 April 2022.
260. Media Center (2020a), “Telephone conversation between Prime Minister Shri Narendra Modi and His Excellency SUGA Yoshihide, Prime Minister of Japan”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>. Accessed 12 January 2022.
261. Media Center (2020b), “Joint Statement between India and Myanmar on the occasion of the State visit of the Prime Minister of India to Myanmar (5-7 September, 2017)”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 26 February 2022.
262. Media Center (2020c), “Joint Statement of India - Myanmar during the State visit of the President of Myanmar to India (February 26 - 29, 2020)”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 26 February 2022.
263. Media Center (2020d), “Telephone conversation between Prime Minister Shri Narendra Modi and His Excellency Dr Thongloun Sisoulith, Prime Minister of the Lao PDR”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 20 February 2022.
264. Media Center (2020e), “Joint Statement on the Comprehensive Strategic Partnership between the Republic of India and Australia”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>, accessed 13 January, 2022.
265. Media Center (2021a), “Speech by the Minister of Foreign Affairs at the opening version of the ASEAN Business Summit India” *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 12 March 2022.
266. Media Center (2021b), “Foreign Minister Shri Harsh Vardhan Shringla's visit to Myanmar (December 22-23, 2021)”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>, Accessed 01 April, 2022.
267. Media Center (2022), “Visit of the Minister of Foreign Affairs to the Philippines February 15, 2022”, *Ministry of External Affairs, Government of India*, <http://www.pmindia.gov.in>. Accessed 16 April 2022.

268. Ministry News (2019), “Korea-India Summit on the sidelines of the G20 Summit in Japan”, Ministry of Foreign Affairs Republic of Korea, <https://www.mofa.go.kr/eng/index.do>. Accessed 1 December 2021.
269. Ministry of External Affairs (1996), *Annual Report 1995-1996*, MEA Library Ministry of External Affairs, Government of India, <https://mealib.nic.in>, Last updated on 09.12.2013.
270. Ministry of External Affairs (2007), *Annual Report 2006-2007*, MEA Library Ministry of External Affairs, Government of India, <https://mealib.nic.in/?2524?000>, Last updated on 09.12.2013.
271. Ministry of Foreign Affairs (2013a), “Prime Minister's media statement after delegation level talks in Indonesia”, *Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed 29 August 2021.
272. Ministry of Foreign Affairs (2013b), “India-Malaysia Relations”, *Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed 28 August 2021.
273. Ministry of Foreign Affairs (2016), “The following are Brunei Darussalam's trade statistics on imports and exports with India”, *Ministry of Foreign Affairs, Brunei Darussalam*, <http://www.mfa.gov.bn>. Accessed 5 September 2021.
274. Ministry of Foreign Affairs, India (2016), “India-Thailand Joint Statement during the visit of the Prime Minister of Thailand to India” *Thai-India Business Information Service Center*, <https://www.thaiindia.net>, accessed 24 February 2022.
275. Modelski, George (1962), *A Theory of Foreign Policy*, part 1, Praeger, New York.
276. Monika Chansoria (2012), “India’s Self-Reliant Missile Journey”, *India Strategic*, <https://www.indiastrategic.in>. Published: January 2012.
277. Munim Kumar Barai (2015), “South Asia in the 21st Century Global Order: Problems, Promises and Positioning”, *FOCUS Journal of International Business* 2 (1). p.1-21.
278. Mustafa Izzuddin (2020a), “How are India-Malaysia relations?”, *Institute of South Asian Studies (ISAS)*, <http://www.nus.edu.sg/>. Accessed 15 April 2022.
279. Mustafa Izzuddin (2020b), “Long Read: Overcoming Negligence in India-Brunei Relations”, London School of Economics and Political Science, <https://www.lse.ac.uk>. Accessed 16 April 2022.

280. Nabam Tunia (2020), “Act East to Act Indo-Pacific: India’s Expanding Neighbourhood”, Magazine of Indian National Maritime Fund, Episode 16, (1), p.131-133.
281. Narasimha Rao, P.V. (1994), *India and the Asia-Pacific: Forging a New Relationship*, Inst of Southeast Asian Studies, Singapore (August 1, 1995).
282. Narendra Modi (2014a), “Remarks by the Prime Minister at 12th India-ASEAN Summit, Nay Pyi Taw, Myanmar”, *Media Center/ Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed on 20 September 2021.
283. Narendra Modi (2014b), “Prime Minister’s remarks at the 9th East Asia Summit, Nay Pyi Taw, Myanmar”, *Media Center/ Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://mea.gov.in/images/logo.png>. Accessed on 21 September 2021.
284. Narendra Modi (2014c), “Remarks by the Prime Minister at 12th India-ASEAN Summit, Nay Pyi Taw, Myanmar”, *Ministry of External Affairs Government of India*, accessed 07 December 2021.
285. Narendra Modi (2014d) “Address of the Prime Minister at the 9th East Asia Summit, Nay Pyi Taw, Myanmar”, *Ministry of External Affairs Government of India*, accessed 07 December 2021.
286. New Zealand Government (2020), “India - New Zealand 2025: Investing in the Relationship”, *Indian New*, <https://www.indiannews.co.nz/>. Accessed 19 July 2022.
287. News and Media (2020), “Myanmar - India Joint Statement issued on the occasion of the State Visit of His Excellency U Win Myint, President of the Republic of the Union of Myanmar to the Republic of India (27 February 2020)”, *Myanmar National Portal*, <https://myanmar.gov.mm>. Accessed 12 April 2022.
288. News18 (2018), “India, Cambodia have launched four treaties to strengthen defense and fight terrorism”, <https://www.news18.com>. Accessed 16 April 2022.
289. Ngaibiakching Tonsing, Amba Pande (2020), “India's Act East Policy and ASEAN: Building a Regional Order Through Partnership in the Indo-Pacific”, *International Studies, Jawaharlal Nehru University, India*. Practice 57(1), pp.67-78.

290. Niranjan Chandrashekar Oak (2017), “*Indian Diaspora in Southeast Asia and its Soft Power Dynamics*”, East Asia research programme, <http://earp.in/en>. Accessed 25 July 2021.
291. Niranjan Marjani (2021), “India's marriage of convenience with Myanmar”, *IDN-InDepthNews*. Accessed 12 April 2022.
292. North Eastern Council (2008), *North Eastern Region vision 2020 the vision statement*, North Eastern Council, Government of India. Released May 13, 2008.
293. Obama (2010), “Remarks by the President to the Joint Session of the Indian Parliament in New Delhi, India”, *The whitehouse, President Barack Obama*; <https://obamawhitehouse.archives.gov>. Accessed on 18 September 2021.
294. P.V.Rao (1999), “SAARC: Punishing the Wrong House”, *India Occan Digest*, Volume 1, (2), p.45.
295. Pankaj Jha (2021), “Developing India-ASEAN maritime cooperation”, *Vivekananda International Foundation*, <https://www.vifindia.org/>, accessed 3 January 2022.
296. Peiris (2014), “South Asia Regional Brief”, *The World Bank IBRD-IDA*, <https://www.worldbank.org>.
297. Peter Martin (2015) “Yoga Diplomacy: Narendra Modi’s Soft Power Strategy”, *Foreign Affairs, Council on Foreign Relations (CFR)*, <http://www.foreignaffairs.com>. Accessed 3 January 2022.
298. Peter Ong Boon Kwee (2020) “Singapore companies increasingly collaborating with Indian counterparts”, *The Economic Times*, <https://economictimes.indiatimes.com>, accessed 3 March 2022.
299. Piyush Goyal (2022), “India, Australia should look at \$100 bn bilateral trade by 2030: Goyal”, *Business Standard*, <https://www.business-standard.com>. Accessed 22 July 2022. Posted 24 March 2014.
300. Prabir De (2018), “Reshaping Indo-Pacific Cooperation”, *The Economic Times*, <https://economictimes.indiatimes.com/>. Accessed 18 July 2022.
301. Prabir De (2020), *Act East to Act Indo-Pacific: India’s Expanding Neighbourhood*, KW Publishers Pvt Ltd (October 14, 2020).
302. Prakash Nanda (2003), *Rediscovering Asia: Evolution of India's Look-east Policy*, Lancer Publishers & Distributors, p.663.
303. Pratnashree Basu and Soumya Bhowmick (2021), “Re-imagining the Northeast for India's 'Act East’”, *Observer Research Foundation (ORF)*, <https://www.orfonline.org/>, accessed on 28 December 2021.

304. Press Release (2013) “National Security Strategy of Japan (NSS)”, *Ministry of Foreign Affairs of Japan*, <https://www.mofa.go.jp/index.html>. Accessed 20 June 2023.
305. Press Secretary's Office (2016), “Statements by President Obama and Prime Minister Modi of India after the bilateral meeting”, *The white house President Obama*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/>, accessed 18 December 2021.
306. Rahul Mishra (2014), “From Look East to Act East: Transitions in India’s Eastward Engagement”, *The Asan Institute for Policy Studies*, <https://theasanforum.org>, April - June 2021 Volume 9, (2).
307. Rahul Mishra (2018), “Singapore is important to India”, *The Sunday Guardian*, <https://www.sundayguardianlive.com>. Accessed 10 April, 2022.
308. Rahul Roy-Chaudhury (2018), “Modi spells out free, open, inclusive Indo-Pacific policy”, *India Global Business*, <https://indiaincgroup.com>, accessed 20 March 2019.
309. Raja Mohan (2014), “It is not easy to act towards the East”, *The Indian Express*, <http://indianexpress.com>, accessed 17 October 2021.
310. Rajat Pandit (2013), “Govt may cut dow on defence budget: PM”, *The times of India*, <https://timesofindia.indiatimes.com>. Accessed 30 July 2021.
311. Rajesh Rajagopalan (2016), “India's Nuclear Doctrine Debate”, *Carnegie Endowment for International Peace*, <https://carnegieendowment.org>. Accessed 28 July 2021.
312. Rajeswari (2020), “India - Vietnam relations: Strong and getting stronger”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com>. Accessed 7 April, 2022.
313. Rajorshi Roy and Sampa Kundu (2014), “Shubhendra Mishra asked: How is the Look East Policy of India different from that of Russia, and how Chinese response to both can be explained?”, *Manohar Parrikar Institute for Defence Studies and Analyses (MP-IDSA)*, <https://idsa.in/> Posted on 7 October 2014.
314. Rakesh Kumar (2020), “India & South Asia: Geopolitics, Regional Trade and Economic Growth Spills”, *Taylor & Francis Journal*, vol. 29 (1), pp.69-88, January.
315. Reena Marwah (2017), “Acting East further oped”, *Eurasia Review Journal* <http://www.eurasiareview.com>, counter date 14.10.17. Accessed 18 July 2021.
316. Robert W.Tucker (1952), “Professor Morgenthau's Theory of Political Realism”, *American Political Science Review* , XLVI (March 1952), p.214.

317. Royal Thai Embassy (2014), “Thailand-India Relations”, *Royal Thai Embassy in India*, <http://newdelhi.thaiembassy.org>. Accessed 4 September 2021.
318. S. Jaishankar (2021), “Opening remarks by the Foreign Minister at the ASEAN-India Foreign Ministers Meeting”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 25 December 2021.
319. Samantha Tan and Bernama (2019), “India-Malaysia bilateral relationship is growing stronger”, *Malaysiakini*, <https://about.malaysiakini.com>. Accessed 15 April 2022.
320. Sara Itagaki (2016), “Understanding India's Evolving Role in Asia through an ASEAN Prism”, *NBR The national Bureau of Asian Research*, <https://www.nbr.org>, accessed 07 December 2021.
321. SD Pradhan (2022), “India's foreign minister's visit to the Philippines: Boosting strategic ties”, *The Times of India*, <https://toi.in/>, accessed 25 February 2022.
322. Shaheli Das (2016), “Modi’s Visit to Vietnam: What’s on the Agenda?”, *The Diplomat Magazine*, <http://thediplomat.com>, accessed 10 April, 2022.
323. Sharad Raghavan (2015), “India is now a \$2-trillion economy”, *The Hindu*, <https://www.thehindu.com/>, accessed 25 October 2021.
324. Shinzo Abe (2012), “Asia Democratic Security Diamond”, *Project Syndicate*, <https://www.project-syndicate.org>, accessed 18 December 2021.
325. Shri Atal Bihari Vajpayee (1999) “Address To The Nation On Test Firing Agni -II”, *Prime Minister’s Office india, Prime Minister’s Office india*, <https://archivepmo.nic.in/abv/index.php>. April 11, 1999.
326. Shri I.K. Gulraj (1996), “Statement Minister of External Affairs of India”, *ASEAN Post-Ministerial Conference, Jakarta , July 20-21, 1996*, <http://www.aseansec.org/4308.htm>.
327. Shri Narendra Modi (2014a), “Speech by Prime Minister Shri Narendra Modi at the launch of global initiative 'Make in India’”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>, accessed 18 December 2021.
328. Shri Narendra Modi (2014b), “Prime Minister's statement before leaving for Myanmar, Australia and Fiji”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 25 December 2021.
329. Shri Narendra Modi (2014c), “Address of the Prime Minister at the 12th India-ASEAN Summit, Nay Pyi Taw, Myanmar”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 27 December 2021.

330. Shri Narendra Modi (2014d), “English version of the Prime Minister's Statement at the General Debate of the 69th Session of the UNGA”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 07 January 2022.
331. Shri Narendra Modi (2014g), “Speech of the Prime Minister at a joint press conference with the Prime Minister of Australia” *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 15 January 2022.
332. Shri Narendra Modi (2014h), “Prime Minister's main speech at Shangri LA dialogue (June 1, 2018)” *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 24 January 2022.
333. Shri Narendra Modi (2015a), “PM to Heads of Indian Missions”, *Press Information Bureau Government of India Prime Minister's Office*, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx>. Accessed 12 September 2021.
334. Shri Narendra Modi (2015b), “10 things Modi said at Pravasi Bharatiya Divas”, *India Today*, <https://www.indiatoday.in/>, accessed 22 December 2021.
335. Shri Narendra Modi (2015c) “Prime Minister's Opening Statement at the 13th ASEAN-India Summit in Kuala Lumpur (21 November 2015)”, *Ministry of External Affairs Government of India*, accessed 12 December 2021.
336. Shri Narendra Modi (2015d), “Address of the Prime Minister at the India-Singapore Economic Conference (24 November 2015)”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 27 February 2022.
337. Shri Narendra Modi (2015e), “Opening statement by Prime Minister at 13th ASEAN-India Summit in Kuala Lumpur (November 21, 2015)”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 08 March 2022.
338. Shri Narendra Modi (2016a), “Prime Minister Narendra Modi's Speech to the US Congress: Read Full Text”, *The Indian Express*, https://indianexpress.com, accessed 23 October 2021.
339. Shri Narendra Modi (2016b), “Press Statement by Prime Minister during his visit to Vietnam (September 03, 2016)”, *Ministry of External Affairs, Government of India*, <http://www.pmindia.gov.in>. Accessed 11 April 2022.
340. Shri Narendra Modi (2018a), “Prime Minister's Keynote Address at Shangri La Dialogue (June 1, 2018)”, *Ministry of Foreign Affairs, Government of India*, accessed 9 January 2022.

341. Shri Narendra Modi (2018b), “Press Statement of the Prime Minister during his visit to Indonesia”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 22 February 2022.
342. Shri Narendra Modi (2019a), “Address by Prime Minister at the inaugural ceremony of the 16th India - ASEAN Summit”, *Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://www.mea.gov.in/images/logo.png>. 03, November 2019.
343. Shri Narendra Modi (2019b), “Address by Prime Minister at the inaugural ceremony of the 16th India-ASEAN Summit”, *Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://www.mea.gov.in/images/logo.png>, accessed 07 December 2021.
344. Shri Narendra Modi (2019c), “Prime Minister's Keynote Address at Shangri La Dialogue (June 1, 2018)”, *Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://www.mea.gov.in>, accessed 16 March 2022.
345. Shri Pranab Mukherjee (2006), “Indian Foreign Policy: A Road Map for the Decade Ahead”, *Media Center, Ministry of External Affairs India*, <http://www.mea.gov.in>. November 15, 2006.
346. Shri Pranab Mukherjee (2007), “India's Growing Engagement with East Asia”, *Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed 30 June 2021.
347. Shri Yashwant Sinha (2003), “Speech by External Affairs Minister Shri Yashwant Sinha at Harvard University”, *Ministry of Foreign Affairs, Government of India*, <https://www.mea.gov.in/index.htm>. Accessed 19 July 2021.
348. Shri Yashwant Sinha (2003a), “Speech by External Affairs Minister Shri Yashwant Sinha at the Institute of Defence and Strategic Studies, Singapore”, *Ministry of Foreign Affairs, Government of India*, <https://www.mea.gov.in/index.htm>. August 26, 2003.
349. Shri Yashwant Sinha (2003b), “Speech by External Affairs Minister Shi Yashwant Sinha at Harvard University”, *Media Center, Ministry of External Affairs India*, www.mea.gov.in. September 29, 2003.
350. Singapore Prime Minister's Office (2018), “Joint statement by Singapore Prime Minister Lee Hsien Loong and Indian Prime Minister Narendra Modi on the occasion of Prime Minister Modi's official visit to Singapore 01 June 2018”, *Singapore Government*, <https://www.pmo.gov.sg/>, accessed 27 February 2022.

351. Sriram Lakshman (2021), "A strong India would act as 'counterbalance' to China, says declassified U.S. document", *The Hindu*, <https://www.thehindu.com/>. Accessed on 18 September 2021.
352. Srivastava (2021), "Venu Srivastava asks: What was the spillover effect of the military coup in Myanmar on India's Act East Policy?", *Manohar Parrikar Institute for Defence Studies and Analyses (MP-IDSA)*, <https://www.idsa.in/>. Accessed 01 April 2022.
353. Subrahmanyam Jaishankar (2021a), "Speech of the Minister of Foreign Affairs at the opening session of the ASEAN Business Summit India (07 October 2021)", Ministry of Foreign Affairs, Government of India, accessed 11 December 2021.
354. Subrahmanyam Jaishankar (2021b), "Act East Policy and India-Japan Cooperation in Northeast India, with a particular focus on Assam", *Ministry of External Affairs Government of India*, accessed 13 December 2021.
355. Suseela Devi, Chandran (2014), "Malaysia and India's Look East Policy (LEP): Hand in Hand towards Greater Cooperation", *Journal of Administrative Science, Universiti Teknologi MARA (UiTM), Malaysia* Volume 11, (1), pp.1-16.
356. Sushma Swaraj (2015a), "Full Text of Sushma Swaraj's UN General Assembly Speech", *NDTV*, <https://www.ndtv.com/>, Updated: 02, October 2015.
357. Sushma Swaraj (2015b), "External Affairs Minister's address at the Youth Pravasi Bharatiya Divas", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/>, accessed 22 December 2021.
358. Sushma Swaraj (2017), "Foreign Minister's Keynote Address at the Delhi Dialogue IX (Mapping the India-ASEAN Relationship for the Next 25 Years)", *Ministry of External Affairs, Government of India*, <https://www.mea.gov.in>, accessed 19 March 2022.
359. Sushma Swaraj (2018), "Address of the Foreign Minister at the 5th Roundtable of the ASEAN India Network of Research Organizations (January 6, 2018)", *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>. Accessed 05 April 2022.
360. Suwalal Jangu (2019), "Act East Policy from Perspectives of Soft Power Engagements and Connectivity between Northeast India and ASEAN", *Proceedings of the international conference "Border and Connectivity: North-East India and South-East Asia"*, NXB Pentagon Press LLP, New Delhi, pp.139-155.

361. Suzannah Jessep (2021), "Reframing the India-NZ Relationship", *Asia Media Centre*. Accessed 19 July 2022.
362. Temjenmeren Ao (2018), "Looking beyond 70 years of India-Thailand relations", *India's World Affairs Council*, <https://www.icwa.in>. Accessed 15 April 2022.
363. The Economic Times (2014), "Sushma Swaraj tells Indian envoys to Act East and not just Look East", <https://economictimes.indiatimes.com/>. Last Updated: Aug 26, 2014, 03:27 PM IST.
364. The Economic times (2018), "India, Brunei agree to promote defense ties; ink 3 agreement", <https://economictimes.indiatimes.com>. Accessed 16 April, 2022.
365. The Hindu (2022), "India, Philippines reaffirm strong commitment to multifaceted partnership", <https://www.thehindu.com/>. Accessed 16 April 2022.
366. The times of India (2017), "PM Narendra Modi talks of foreign policy goals with Indian envoys", *The Times of India*, <http://timesofindia.indiatimes.com>. Accessed 29 April 2021.
367. The time of India (2018), "Asean leaders want India to play more assertive role in Indo-Pacific", *The time of India*, <https://m.timesofindia.com/>, accessed 5 March 2022.
368. The White House (2015), "U.S - India Joint Statement □□□□□ □□□□□□ - □□□□ □□□□□" - Shared Effort; Progress for All", *Press Secretary's Office*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/>, accessed 28 November 2021.
369. The White House published (2020), "United States Strategic Approach to the People's Republic of China" The whitehouse, <https://www.whitehouse.gov>. accessed 9 June 2021.
370. Tien-sze Fang (2014) "India's Act East Policy and Implications for China-India Relations" National Tsing Hua Univeristy, Taiwan. <http://web.isanet.org>, accessed 21 September 2021.
371. *United Nations (1982)*, "United Nations Convention on the Law of the Sea", *United Nations Treaty Collection*, <https://treaties.un.org>, accessed 3, November 2022. pp.1-61.
372. US Department of Defense (1995), *The United States Security Strategy for the East Asia-Pacific Region*, Nautilus Institute, <https://nautilus.org/>. pp.1297-1313.
373. Vaibhav Dewan (2021), "India's Act East Policy: Strategic Arguments and Maritime Strategy", <https://thesecuritydistillery.org/>. Accessed 11 June 2022.

374. Vaishnavi Mulay (2017) “India’s Act East Policy: What About China?”, *South Asia LSE Center, London School of Economics and Political Science*, <https://blogs.lse.ac.uk/southasia/>, accessed 18 December 2021.
375. Vijay Kumar Singh (2018), “Remarks by Gen (Dr.) Dr VK Singh (Retd.), Minister of State at the Special Plenary: Roundtable with Chief Ministers of North East India-ASEAN at Delhi Dialogue X”, *Ministry of External Affairs Government of India*, <https://mea.gov.in/index.htm>, Accessed 02 April 2022.
376. White House (2014), “U.S.-India Joint Statement”, *The White House President Barack Obama*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/>, post date: 30 September 2014.
377. Woodrow Wilson (1918), “January 8, 1918: Wilson's “Fourteen Points””, *Miller Center*, <https://millercenter.org>. December 4, 1917: Fifth Annual Message.
378. Yashoda Kapur (2021), “India-ASEAN Trade and Investment Prospects”, *Dezan Shira & Associates*, <http://www.india-briefing.com/>, February 23, 2021.
379. Zhao Hong (2006), India's changing relations with ASEAN in CHINA'S perspective, *East Asian Institute (EAI)/National University of Singapore*, <https://research.nus.edu.sg/eai>. Accessed 29 July 2021.

3. Trang Web hỗ trợ

- 1 Web ASEAN: <https://asean.org>.
- 2 Web của Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện CTQG Hồ Chí Minh: <http://www.cis.org.vn>.
- 3 Web của Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á: <https://www.vass.gov.vn/Pages/Index.aspx>.
- 4 Web Government of India: <http://india.gov.in>.
- 5 Web Ministry of External Affairs Government of India: <https://mea.gov.in>.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Hai giai đoạn của chính sách “Look East Policy”

Evolution of ‘The Look East Policy’

Narasimha Rao gave his Look East orientation to India’s external policy

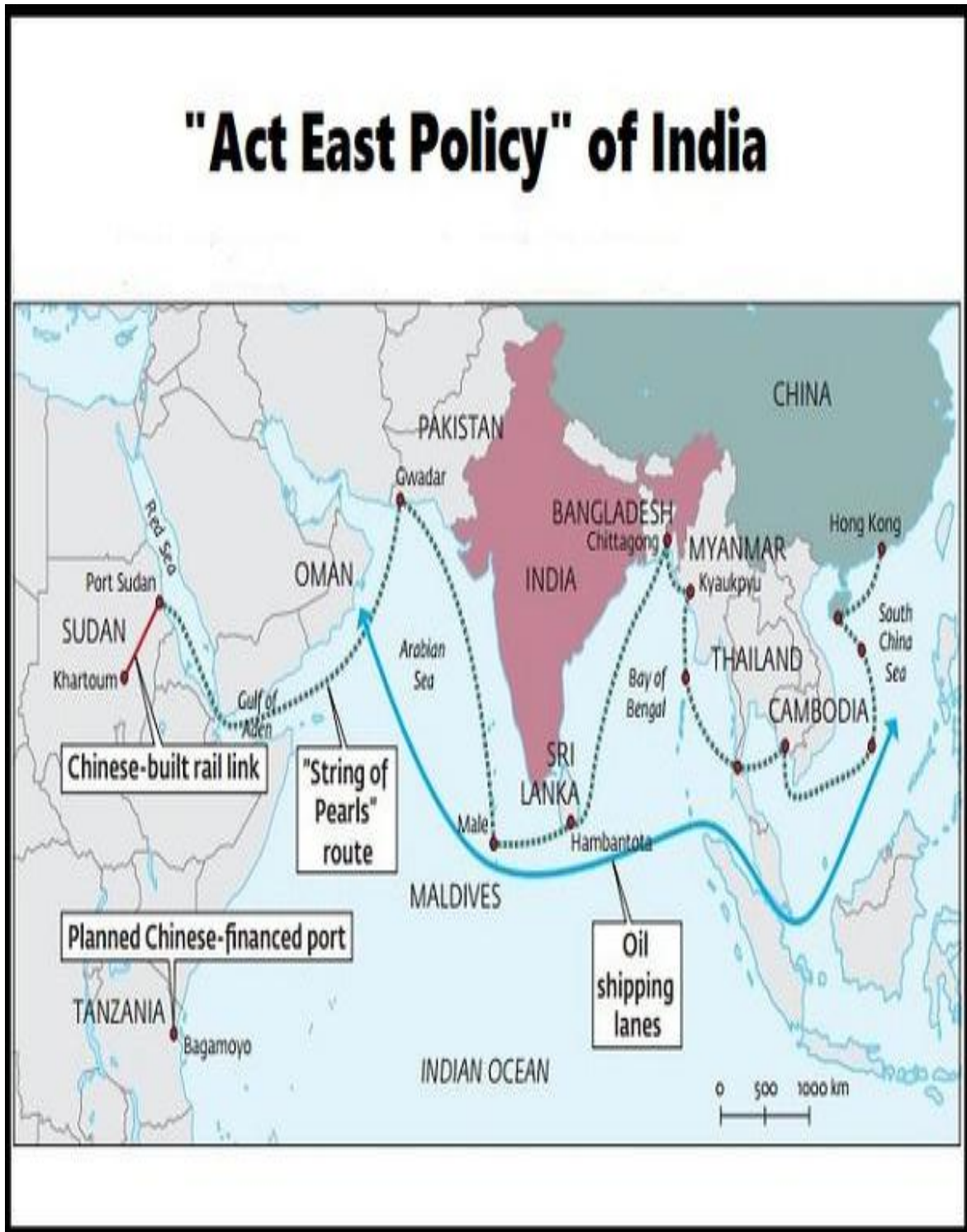
Divided in to two phases:

- Phase 1 (1993-2002)
- Phase 2 (2003-now)

Nguồn: <https://www.google.com/imgres?imgurl=https>

PHỤ LỤC 2

Bản đồ chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ



Nguồn: <https://img.jagranjosh.com/imported/images/E/GK/Act-east-policy.webp>

PHỤ LỤC 3

Bản đồ đề xuất đường cao tốc ba bên Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan được xác định trong chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ



Nguồn: <https://mea.gov.in/images/fo4.jpg>

PHỤ LỤC 4

Phát biểu của Thủ tướng N.Modi tại Hội nghị Cấp cao Đông Á lần thứ 9, Nay Pyi Taw, Myanmar (ngày 13.11.2014)

Thưa ngài Tổng thống Thein Sein,

Ngay từ đầu, hãy cho tôi xin chúc mừng và cảm ơn ngài và người dân Myanmar vì sự sắp xếp tuyệt vời cũng như lòng hiếu khách nồng hậu mà đất nước xinh đẹp này được nhiều người biết đến. Là một nước láng giềng, Ấn Độ rất tự hào và vui mừng trước sự thành công của Myanmar trong vai trò chủ nhà của sự kiện này.

Kể từ khi nhậm chức cách đây sáu tháng, Chính phủ của tôi đã giành ưu tiên và nhanh chóng chuyển “Chính sách hướng Đông” thành “Chính sách Hành động hướng Đông”. Hội nghị Cấp cao Đông Á là một trụ cột quan trọng của chính sách này.

Không có diễn đàn nào khác quy tụ một khối lượng tập thể lớn như vậy về dân số, thanh niên, kinh tế và sức mạnh quân sự toàn cầu. Cũng không có diễn đàn nào khác có ý nghĩa quan trọng đối với hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở CA-TBD và trên thế giới.

Trong tám Hội nghị cấp cao vừa qua, chúng tôi đã đạt được tiến bộ trong một số lĩnh vực và triển khai nghiêm túc những vấn đề quan trọng. Chúng tôi đã bắt đầu thiết lập một văn hóa và thói quen đối thoại và hợp tác.

Tương tự như vậy, chúng ta cũng nên bắt đầu các sáng kiến lớn về quan hệ đối tác năng lượng, như trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, với mục tiêu mang lại năng lượng sạch giá cả phải chăng trong tầm tay của tất cả mọi người.

Thưa các nước, Ebola một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác quốc tế trong việc chống lại đại dịch. Ấn Độ đã đóng góp 12 triệu USD trong các nỗ lực chống lại Ebola. Chúng tôi cũng có 251 nhân viên cảnh sát, trong đó có 104 nhân viên nữ, là một phần của Phái bộ Liên Hợp quốc tại Liberia. Tất cả họ vẫn làm nhiệm vụ ở Liberia.

Những sáng kiến mà Hội nghị cấp cao Đông Á đưa ra trong việc chuẩn bị và ứng phó với thiên tai thực sự đáng khen ngợi.

Thưa các bạn, khu vực của chúng ta có một số câu hỏi phức tạp và chưa được giải đáp trong lĩnh vực an ninh. Cần có một cuộc đối thoại nghiêm túc và bền vững để tăng cường môi trường hiểu biết và lòng tin giữa tất cả các bên liên quan trong khu vực.

Trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau và toàn cầu hóa, không có lựa chọn nào khác ngoài việc tuân theo luật pháp và chuẩn mực quốc tế. Điều này cũng áp dụng cho an ninh hàng hải.

Vì lý do này, việc tuân thủ luật pháp và chuẩn mực quốc tế cũng rất quan trọng đối với hòa bình và ổn định ở Biển Đông. Điều này cũng bao gồm Công ước Luật Biển năm 1982, là cơ sở để giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình. Chúng tôi cũng hy vọng rằng những nỗ lực nhằm sớm ký kết Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông bằng một quá trình đồng thuận sẽ sớm thành công.

Chúng ta cũng phải đảm bảo rằng không gian mạng vẫn là nguồn kết nối và thịnh vượng, chứ không phải là những rập hát mới cho xung đột. Có môi liên hệ chặt chẽ với buôn bán ma túy, buôn lậu vũ khí và rửa tiền.

Chúng tôi ủng hộ Tuyên bố của Hội nghị cấp cao Đông Á về Nhà nước Hồi giáo. Đồng thời, đối phó toàn diện với chủ nghĩa khủng bố đòi hỏi phải có quan hệ đối tác quốc tế thực sự chống lại mọi chủ nghĩa khủng bố. Những người tin vào nhân loại phải đến với nhau. Chúng ta cũng nên bác bỏ bất kỳ mối liên hệ nào giữa tôn giáo và chủ nghĩa khủng bố.

Thưa các nước, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực cân bằng, trong đó chú trọng bình đẳng đến hàng hóa và dịch vụ, có thể trở thành bàn đạp cho sự hội nhập và thịnh vượng trong khu vực.

Thưa các bạn, chúng tôi gửi những lời chúc tốt đẹp nhất cho mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Thành công của ASEAN là nguồn cảm hứng cho sự hội nhập sâu rộng hơn ở khu vực CA-TBD. Ấn Độ rất tin tưởng vào vai trò trung tâm của châu Á và vai trò lãnh đạo trong việc theo đuổi mục tiêu đó.

Nguồn: Ministry of Foreign Affairs, Government of India,

<https://www.mea.gov.in/index.htm>

PHỤ LỤC 5

Thương mại song phương Ấn Độ - Việt Nam (1991 - 2014)

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
1991	29,5	24,0	5,5	18,5
1992	28,4	9,0	19,4	-10,4
1993	27,0	8,1	18,9	-10,8
1994	42,3	28,2	14,1	14,1
1995	71,9	61,5	10,4	51,1
1996	97,6	88,5	9,1	79,4
1997	97,6	84,4	13,2	71,2
1998	121,3	108,7	12,6	91,6
1999	154,9	137,9	17,0	120,9
2000	225,6	178,4	47,0	131,2
2001	273,4	228,0	45,4	182,6
2002	376,7	324,7	52,0	272,7
2003	489,4	457,1	32,3	424,8
2004	672,1	593,5	78,6	514,9
2005	693,8	596,0	97,8	498,2
2006	1018,1	880,3	137,8	742,5
2007	1536,7	1357,0	179,7	1177,3
2008	2473,3	2094,3	389,0	1705,4
2009	1955,7	1536,1	419,6	1116,5
2010	2753,6	1762,0	991,6	770,4
2011	3900,0	2346,0	1554,0	792,5
2012	3937,0	2159,0	1778,0	381,0
2013	5235,0	2353,0	2882,0	-529,0
2014	5600,0	3130,0	2450,0	680,0

Nguồn: Tổng cục thống kê và Tổng cục Hải quan Việt Nam

PHỤ LỤC 6

Tuyên bố chung quan hệ “Đối tác Chiến lược Toàn diện” Việt Nam - Ấn Độ

(Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2016)

Nhận lời mời của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc, Thủ tướng nước Cộng hòa Ấn Độ Narendra Modi đã thăm chính thức Việt Nam từ ngày 2 - 3 tháng 9 năm 2016. Ngày 3 tháng 9, Narendra Modi đã dự Lễ đón chính thức tại Phủ Chủ tịch. Sau lễ đón, Thủ tướng Narendra Modi và Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có cuộc hội đàm và chứng kiến lễ ký kết văn kiện giữa hai nước. Narendra Modi đã chào xã giao Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân. Trước đó, Narendra Modi đã đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ, đặt vòng hoa và vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm khu tưởng niệm Nhà sàn Bác Hồ và đến thăm chùa Quán Sứ tại Hà Nội.

Lãnh đạo Việt Nam và Ấn Độ bày tỏ hài lòng trước sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện của quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời và “Đối tác Chiến lược” giữa hai nước trong thời gian qua. Hai bên hoan nghênh việc hai nước sẽ kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (07.01.1972 - 07.01.2017) và 10 năm thiết lập quan hệ “Đối tác Chiến lược” (06.07.2007 - 06.07.2017) trong năm 2017, khẳng định đây là mốc quan trọng mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ song phương.

Hai bên nhất trí cho rằng, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ được xây dựng trên nền tảng vững chắc, dựa trên các mối liên kết chặt chẽ về văn hóa, lịch sử, sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau cũng như sự ủng hộ lẫn nhau trong các vấn đề khu vực và quốc tế. Phía Việt Nam tái khẳng định sự ủng hộ nhất quán đối với Ấn Độ trong việc triển khai chính sách “Hành động hướng Đông” và đóng vai trò lớn hơn ở khu vực và trên thế giới. Thủ tướng Narendra Modi khẳng định Việt Nam là một trụ cột quan trọng trong chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ.

Trên cơ sở quan hệ tốt đẹp hiện nay, đáp ứng nguyện vọng của Lãnh đạo và nhân dân hai nước, cũng như mong muốn đóng góp vào việc củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng ở khu vực, Việt Nam và Ấn Độ nhất trí nâng cấp quan hệ “Đối tác Chiến lược hiện nay” lên thành “Đối tác Chiến lược Toàn diện”. Hai

Thủ tướng nhất trí giao Bộ Ngoại giao hai nước làm đầu mối, phối hợp với các Bộ, ngành của hai bên xây dựng Kế hoạch hành động nhằm triển khai “Đôi tác Chiến lược Toàn diện” trên tất cả các lĩnh vực hợp tác.

1. Quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh:

Hai bên đã chia sẻ quan điểm chung về quan hệ song phương và các vấn đề quốc tế, trong đó có tình hình an ninh khu vực châu Á. Hai bên bày tỏ vui mừng về thành công của các chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee và Bộ trưởng Ngoại giao Sushma Swaraj trong năm 2014, Chủ tịch Quốc hội, Cố vấn An ninh Quốc gia Ấn Độ trong năm 2015; các chuyến thăm Ấn Độ của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng tháng 11.2013, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng tháng 10.2014 và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Nguyễn Thiện Nhân tháng 3/2015. Thủ tướng Narendra Modi chúc mừng Lãnh đạo và nhân dân Việt Nam về thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12, Bầu cử Quốc hội khóa 14 và Hội đồng Nhân dân nhiệm kỳ 2016 - 2021 và một lần nữa chúc mừng các nhà Lãnh đạo mới của Việt Nam.

Hai bên nhất trí tăng cường hơn nữa trao đổi đoàn cấp cao và các cấp, thúc đẩy quan hệ kênh Đảng, Quốc hội hai nước, thiết lập quan hệ giữa các địa phương của hai bên, phát huy hiệu quả của các cơ chế đối thoại đã được thiết lập và thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

Hai Thủ tướng bày tỏ hài lòng về những kết quả tích cực đạt được trong hợp tác quốc phòng, bao gồm trao đổi các đoàn cấp cao, đối thoại cấp cao thường niên, hợp tác giữa các quân, binh chủng, các chuyến thăm của tàu Hải quân/Cảnh sát biển, đào tạo nâng cao năng lực, mua sắm thiết bị, chuyển giao công nghệ, và hợp tác tại các diễn đàn khu vực như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+).

Hai bên nhất trí triển khai hiệu quả Tuyên bố tầm nhìn chung về Hợp tác Quốc phòng (ký tháng 5.2015). Thủ tướng Ấn Độ tái khẳng định quan tâm của Ấn Độ trong việc đẩy mạnh hợp tác công nghiệp quốc phòng với Việt Nam và sẽ hỗ trợ về tín dụng để triển khai thực hiện các dự án hợp tác trong lĩnh vực này. Hai bên bày tỏ hài lòng về việc ký kết Hợp đồng cung cấp tàu tuần tra cao tốc giữa Công ty

Larsen&Toubro và Bộ đội Biên phòng Việt Nam trong khuôn khổ gói tín dụng 100 triệu USD của Chính phủ Ấn Độ dành cho Việt Nam. Thủ tướng Narendra Modi công bố trao gói hỗ trợ 5 USD để xây dựng Công viên Phần mềm Quân đội tại Đại học Thông tin liên lạc Nha Trang.

Hai Thủ tướng hoan nghênh việc ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực An ninh mạng giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Điện tử và Công nghệ thông tin Ấn Độ và việc chuyển giao thiết bị để lắp đặt và vận hành Phòng thí nghiệm phục hồi dữ liệu điện tử chống tội phạm công nghệ cao Indira Gandhi do Chính phủ Ấn Độ tài trợ. Hai bên nhất trí sớm ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa Văn phòng Hội đồng An ninh Quốc gia Ấn Độ và Bộ Công An Việt Nam; nhấn mạnh sự cần thiết của việc thiết lập cơ chế Đối thoại An ninh cấp Thứ trưởng và tăng cường hợp tác trong các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, an ninh mạng, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia quản lý và ứng phó thiên tai cũng như hợp tác đào tạo và nâng cao năng lực.

2. Hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư:

Hai nhà Lãnh đạo nhấn mạnh tăng cường hợp tác kinh tế là một mục tiêu chiến lược. Trên tinh thần đó, hai Thủ tướng đề nghị các Bộ, ngành liên quan thực hiện các biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm đưa kim ngạch thương mại hai chiều đạt mục tiêu 15 tỷ USD Mỹ vào năm 2020, bao gồm các biện pháp: Phát huy hiệu quả các cơ chế đã được thiết lập như Tiểu ban Hỗn hợp về Thương mại, tăng cường hợp tác giữa các bang của Ấn Độ và các địa phương của Việt Nam, tăng cường trao đổi đoàn và hợp tác giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, định kỳ tổ chức các hội chợ thương mại, các diễn đàn, sự kiện như Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Ấn Độ, Diễn đàn Doanh nghiệp Ấn Độ - CLMV.

Hai bên hoan nghênh việc triển khai hiệu quả Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITGA) và việc phê chuẩn các Hiệp định ASEAN - Ấn Độ về Dịch vụ và Đầu tư. Hai bên kêu gọi hợp tác chặt chẽ nhằm sớm hoàn tất đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Hai Thủ tướng đề nghị các cơ quan, doanh nghiệp của hai bên khai thác cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực ưu tiên như: Điện, khí, năng lượng tái tạo, hạ tầng, du

lich, dệt may, giấy, y tế và dược phẩm, công nghệ thông tin và truyền thông, điện tử, nông nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp, hóa chất, máy công cụ và các ngành công nghiệp phụ trợ.

Hai bên khuyến khích tăng cường đầu tư hai chiều giữa Việt Nam và Ấn Độ. Thủ tướng Narendra Modi hoan nghênh các doanh nghiệp Việt Nam tích cực tìm kiếm cơ hội tham gia vào sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ” để hưởng các ưu đãi từ sáng kiến này. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc hoan nghênh các công ty Ấn Độ tăng cường đầu tư vào Việt Nam trong các lĩnh vực ưu tiên và khẳng định tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho các nhà đầu tư Ấn Độ trên cơ sở pháp luật hiện hành của Việt Nam. Thủ tướng Ấn Độ đề nghị Chính phủ Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi để dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú II có công suất 1320 MW tại Sóc Trăng của tập đoàn TATA sớm đạt được thỏa thuận về hợp đồng.

3. Năng lượng:

Việt Nam hoan nghênh Công ty Dầu khí Quốc gia Ấn Độ (OVL) đầu tư lâu dài và hợp tác với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) trong thăm dò khai thác dầu khí tại Việt Nam. Hai Thủ tướng nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực dầu khí và đề nghị hai bên tích cực triển khai các thoả thuận đã ký năm 2014 giữa PVN và OVL về hợp tác tại các lô dầu khí mới tại Việt Nam. Việt Nam đồng thời hoan nghênh các công ty dầu khí Ấn Độ khai thác cơ hội tham gia vào hoạt động dầu khí trung nguồn và hạ nguồn tại Việt Nam.

Hai Thủ tướng đánh giá cao tầm quan trọng của năng lượng tái tạo và bày tỏ tin tưởng cả Việt Nam và Ấn Độ đều được hưởng lợi trong việc tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo để sản xuất điện năng. Phía Việt Nam hoan nghênh Thủ tướng Narendra Modi đề ra kế hoạch sản xuất 175 GW điện từ năng lượng tái tạo vào năm 2022, trong đó có 100 GW điện mặt trời và 60 GW điện gió. Trên tinh thần đó, hai nhà Lãnh đạo đề nghị hai bên thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực này.

4. Kết nối:

Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết nối giữa Việt Nam và Ấn Độ và đề nghị các hãng hàng không của hai bên sớm mở đường bay thẳng giữa các thành phố lớn của hai nước; thúc đẩy thiết lập tuyến vận tải chuyên tuyến giữa các

cảng biển của Việt Nam và Ấn Độ. Hai bên nhất trí về sự cần thiết của việc tăng cường kết nối hạ tầng cứng giữa Ấn Độ và ASEAN. Phía Ấn Độ đề nghị Việt Nam khai thác các sáng kiến của Ấn Độ dành cho các nước CLMV và các gói tín dụng ASEAN - Ấn Độ trong lĩnh vực kết nối số và kết nối hạ tầng cứng.

Hai bên nhất trí tăng cường kết nối trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa hai nước. Phía Việt Nam hoan nghênh Ngân hàng Ấn Độ (BOI) khai trương chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh tháng 07.2016 và ghi nhận đề nghị của Ấn Độ về việc sớm cho phép Ngân hàng Ấn Độ được thực hiện hoạt động thanh toán ngoại hối quốc tế nhằm hỗ trợ tốt hơn cho cộng đồng doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam.

5. Khoa học - kỹ thuật:

Hai Thủ tướng bày tỏ hài lòng về hợp tác sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình trên cơ sở Hiệp định ký năm 1986; hoan nghênh hai bên thúc đẩy đàm phán, sớm tiến tới ký kết Hiệp định khung Liên Chính phủ về Hợp tác sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình và Thỏa thuận hợp tác giữa Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam (VINATOM) và Trung tâm Toàn cầu về Đối tác Năng lượng Hạt nhân Ấn Độ. Các thỏa thuận này sẽ tạo nền tảng vững chắc cho việc thúc đẩy hợp tác hơn nữa giữa hai nước trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân dân sự.

Hai Thủ tướng bày tỏ hài lòng về việc ký kết Thỏa thuận khung Liên Chính phủ về Khai thác và sử dụng không gian vũ trụ vì mục đích hòa bình và đề nghị hai bên thúc đẩy đàm phán, tiến tới ký kết Thỏa thuận triển khai giữa Cơ quan Nghiên cứu Vũ trụ Ấn Độ (ISRO) và Bộ Tài nguyên Môi trường Việt Nam về việc Thiết lập Trạm dò tìm và tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu trong khuôn khổ hợp tác không gian ASEAN - Ấn Độ. Phía Việt Nam hoan nghênh và cho rằng việc này sẽ đóng góp tích cực vào việc nâng cao năng lực của Việt Nam và các nước ASEAN trong lĩnh vực viễn thám để ứng dụng cho các lĩnh vực thương mại và nghiên cứu khoa học.

6. Đào tạo:

Hai Thủ tướng hoan nghênh việc hợp tác thành lập các viện đào tạo nâng cao năng lực tại Việt Nam về công nghệ thông tin, đào tạo tiếng Anh, phát triển

doanh nghiệp, máy tính hiệu năng cao và các lĩnh vực khác; bày tỏ hài lòng hai bên đã đạt được thỏa thuận triển khai các dự án phát triển quan hệ đối tác như dự án thành lập Trung tâm đào tạo tiếng Anh và tin học tại Đại học Thông tin liên lạc Nha Trang và Trung tâm Phát triển Phần mềm và Đào tạo chất lượng cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Việt Nam hoan nghênh Ấn Độ đề xuất trao 15 suất học bổng cho cán bộ ngoại giao của Việt Nam học tập tại Học viện Ngoại thương Ấn Độ, New Delhi và 25 suất học bổng cho sinh viên Khoa Đông phương học, Đại học Quốc gia Việt Nam học tập tại Học viện Quản lý Ấn Độ, Bangalore.

Ấn Độ khẳng định tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực cho Việt Nam thông qua Chương trình Hợp tác Kỹ thuật (ITEC) và cung cấp các suất học bổng cho học sinh, sinh viên và công chức của Việt Nam. Việt Nam hoan nghênh các gói hỗ trợ Ấn Độ dành cho Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác sông Hằng - sông Mê Công, đặc biệt là các dự án thuộc Quỹ dự án tác động nhanh.

7. Y tế, văn hóa, du lịch và giao lưu nhân dân:

Hai bên hoan nghênh việc ký kết Bản ghi nhớ về Hợp tác Y tế. Hai bên cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển hệ thống y học cổ truyền.

Hai bên nhất trí tăng cường trao đổi và hợp tác trong lĩnh vực du lịch, văn hoá, giao lưu nhân dân, nhất là giao lưu thanh niên giữa Việt Nam và Ấn Độ. Thủ tướng Narendra Modi bày tỏ cảm ơn Việt Nam đã hỗ trợ thúc đẩy việc thành lập Trung tâm Văn hóa Ấn Độ tại Hà Nội, tiến tới sớm khai trương Trung tâm này. Hai Thủ tướng đề nghị sớm triển khai thực hiện Biên bản ghi nhớ về việc bảo tồn và tôn tạo các nhóm Tháp tại Di sản Văn hóa thế giới Khu Di tích Mỹ Sơn, tỉnh Quảng Nam do Viện Khảo cổ Ấn Độ tiến hành.

Phía Việt Nam đánh giá cao sự ủng hộ và hỗ trợ của Ấn Độ đối với các hoạt động tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Ấn Độ. Phía Ấn Độ cảm ơn Việt Nam đã ủng hộ di tích khảo cổ trường Đại học Nalanda Ấn Độ trở thành Di sản Thế giới của UNESCO.

Ấn Độ công bố trao tặng Giáo hội Phật giáo Việt Nam các suất học bổng đặc biệt hàng năm để học thạc sĩ/tiến sĩ về Phật học và học tiếng Phạn tại Ấn Độ.

8. Hợp tác khu vực và quốc tế:

Hai Thủ tướng đánh giá cao sự hợp tác và phối hợp giữa hai nước tại các diễn đàn khu vực và quốc tế; nhất trí tăng cường hợp tác nhất là tại Liên Hợp quốc, Phong trào Không liên kết, Tổ chức Thương mại Thế giới, ASEAN và các diễn đàn liên quan của ASEAN bao gồm: ARF, ADMM+, EAS, ASEM cũng như các cơ chế hợp tác tiểu vùng khác. Ấn Độ hoan nghênh việc thành lập Cộng đồng ASEAN, ủng hộ mạnh mẽ vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình. Ấn Độ hoan nghênh và đánh giá cao những đóng góp quan trọng của Việt Nam đối với sự phát triển quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Ấn Độ trong vai trò điều phối viên quan hệ ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2015 - 2018.

Hai bên nhấn mạnh sự cần thiết của việc cải tổ Liên hợp quốc và mở rộng thành viên Hội đồng Bảo an cả thành viên thường trực và không thường trực, trong đó cần tăng cường tính đại diện của các nước đang phát triển. Thủ tướng Narendra Modi cảm ơn Việt Nam nhất quán ủng hộ Ấn Độ trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc khi cơ quan này được cải tổ và mở rộng.

Hai Thủ tướng tái khẳng định sự ủng hộ lẫn nhau làm thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, theo đó Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2021, Ấn Độ nhiệm kỳ 2021 - 2022. Hai bên bày tỏ hài lòng về việc ký Chương trình hợp tác trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Phía Ấn Độ cam kết hỗ trợ tăng cường năng lực cho Việt Nam tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Hai bên tái khẳng định mong muốn và quyết tâm hợp tác nhằm duy trì hoà bình, ổn định, phát triển và thịnh vượng tại châu Á và trên thế giới. Ghi nhận Phán quyết ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Tòa Trọng tài được thành lập theo phụ lục VII của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), hai bên nhấn mạnh sự ủng hộ đối với hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải và hàng không, và thương mại không bị cản trở, trên cơ sở các nguyên tắc của Luật pháp quốc tế, đặc biệt là các nguyên tắc được phản ánh trong UNCLOS. Hai bên cũng kêu gọi các quốc gia giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực và thực hiện kiểm chế, không có các hoạt động

gây phức tạp hoặc leo thang tranh chấp ảnh hưởng đến hòa bình và ổn định, tôn trọng các tiến trình ngoại giao và pháp lý, thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và sớm đạt được Bộ Quy tắc ứng xử (COC). Hai bên cũng ghi nhận rằng, các tuyến hàng hải lưu thông qua Biển Đông là hết sức quan trọng đối với hòa bình, ổn định, thịnh vượng và phát triển. Việt Nam và Ấn Độ, với tư cách là các quốc gia thành viên của UNCLOS, hối thúc các bên thể hiện tôn trọng cao nhất đối với UNCLOS, văn kiện thiết lập trật tự pháp lý quốc tế tại các vùng biển và đại dương.

Sau hội đàm, Thủ tướng Narendra Modi và Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã chứng kiến lễ ký kết các Thỏa thuận sau: (1) Hiệp định khung giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ấn Độ về hợp tác khai thác và sử dụng vũ trụ cho mục đích hòa bình; (2) Nghị định thư sửa đổi Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; (3) Chương trình hợp tác trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình; (4) Nghị định thư giữa Bộ Ngoại giao Việt Nam và Bộ Ngoại giao Ấn Độ về việc kỷ niệm “Năm Hữu nghị” 2017; (5) Bản ghi nhớ về Hợp tác Y tế; (6) Bản ghi nhớ về Hợp tác Công nghệ thông tin; (7) Bản ghi nhớ về Hợp tác giữa Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Hội đồng Ấn Độ về các Vấn đề Quốc tế; (8) Bản ghi nhớ về hợp tác An ninh mạng; (9) Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa và đánh giá chất lượng; (10) Thỏa thuận về việc xây dựng hạ tầng thông tin cho việc đào tạo Công nghệ thông tin chất lượng cao; (11) Thỏa thuận kỹ thuật về trao đổi thông tin hàng hải phi quân sự; (12) Hợp đồng về cung cấp tàu tuần tra cao tốc.

Các cuộc hội đàm và tiếp xúc giữa Thủ tướng Narendra Modi và Lãnh đạo Việt Nam diễn ra trong không khí ấm áp, chân tình và hữu nghị. Thủ tướng Narendra Modi cảm ơn Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc về sự đón tiếp nồng hậu dành cho Thủ tướng và đoàn Ấn Độ và mời Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc sớm thăm Ấn Độ. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nhận lời mời. Thời gian cụ thể sẽ được thu xếp qua đường ngoại giao./.

Nguồn: Công thông tin điện tử, Bộ Quốc phòng Việt Nam

<http://mod.gov.vn/wps/portal>